HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG TUẤN TÚ

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9 38 01 06

HÀ NỘI – 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG TUẤN TÚ

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9 38 01 06

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS, TS Trương Hồ Hải

2. TS Chu Thị Thuý Hằng

Trương Hồ Hải

Chu Thị Thúy Hằng

PGS. TS. Tào Thị Quyên

HÀ NỘI – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Hoàng Tuấn Tú

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Những công trình nghiên cứu về lý luận hoàn thiện pháp luật	8
1.2. Những công trình nghiên cứu về khủng bố và phòng, chống khủng bố	12
1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố	16
1.4. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu	23
1.5. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu	25
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM	29
2.1. Các khái niệm liên quan	29
2.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung pháp luật về phòng, chống khủng bố	37
2.3. Khái niệm và các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố	51
2.4. Các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam	58
2.5. Pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia trên thế giới về phòng, chống khủng bố và giá trị tham khảo cho Việt Nam	65
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM	88

3.1. Quá trình hình thành, phát triển pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trước năm 2013 88

3.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 2013 đến nay 95

Chương 4: DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHỦNG BỐ VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 159

4.1. Dự báo tình hình khủng bố 159

4.2. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam 165

4.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam 177

KẾT LUẬN 198

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ 200

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 201

PHỤ LỤC 215

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CHXHCN	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài Luận án

Trong bối cảnh tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp và khó lường hiện nay, bên cạnh các vấn đề an ninh truyền thống thì các quốc gia còn phải quan tâm, chú trọng giải quyết những vấn đề an ninh phi truyền thống, trong đó có khủng bố. Khủng bố giờ đây không chỉ ảnh hưởng tới an ninh, an toàn xã hội của một quốc gia mà còn là hiểm hoạ của khu vực và toàn cầu. Kể từ sau sự kiện khủng bố ngày 11/9/2001 tại Mỹ và hàng loạt các vụ khủng bố nguy hiểm khác xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới, các quốc gia đã nhìn nhận lại về chủ nghĩa khủng bố và thấy rằng phòng, chống khủng bố không còn là công việc nội bộ của từng quốc gia mà đó còn là nhiệm vụ chung của cả cộng đồng quốc tế.

Trong thời gian gần đây, nhiều vụ khủng bố vẫn diễn ra thường xuyên trên thế giới; điển hình như các vụ việc: đánh bom ở Iran vào ngày 03/01/2024 khiến hơn 100 người thiệt mạng; xả súng tại Nga vào tối ngày 22/3/2024 làm ít nhất 40 người thiệt mạng và 100 người bị thương; tấn công khủng bố tại Oman vào ngày 15/7/2024 làm ít nhất 09 người thiệt mạng và nhiều người bị thương… Bên cạnh những hình thức tấn công khủng bố điển hình như gây ra các vụ nổ, đánh bom liều chết, xả súng tại các khu vực công cộng, đông dân cư thì các tổ chức, phần tử khủng bố còn triệt để lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ để tiến hành các hoạt động khủng bố. Thực tế cho thấy các phần tử khủng bố đã thay đổi hình thức tiến hành khủng bố một cách tinh vi, khó lường hơn trước. Chúng sử dụng trí tuệ nhân tạo, thiết bị bay không người lái, mạng truyền thông, mạng xã hội, các giao thức liên lạc bí mật… để tiến hành tập hợp lực lượng, liên lạc, đào tạo huấn luyện, kêu gọi tài trợ khủng bố và tiến hành khủng bố. Đứng trước những khó khăn, thách thức đó, các quốc gia trên thế giới cần đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố thông qua nhiều cơ chế khác nhau.

Riêng ở Việt Nam, các tổ chức khủng bố do các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài lập ra như "Việt Tân", "Triều Đại Việt", "Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời", "Nhóm Hỗ trợ người Thượng" và "Người Thượng vì công lý" liên tiếp thực hiện các vụ khủng bố gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Nhiều vụ việc do các tổ chức khủng bố này gây ra trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian qua, điển hình là vụ việc khủng bố diễn ra vào tháng 6/2023 khi tổ chức khủng bố "Nhóm hỗ trợ người Thượng – MSGI" đã tiến hành vụ khủng bố tại 02 xã Ea Tiêu và Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản [211].

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình khủng bố quốc tế cũng như trong nước, Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam luôn quan

tâm tới nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và coi đây là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Đảng đã khẳng định nhiệm vụ nêu trên tại văn kiện Đại hội XIII như sau: "Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [77]. Bên cạnh đó, Đảng cũng lưu ý rằng: "Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ… đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững" [77]. Trong đó, một trong những thách thức về an ninh phi truyền thống luôn thường trực và có ảnh hưởng trực tiếp đến các vấn đề về an ninh - trật tự của đất nước đó chính là khủng bố. Chính vì vậy, công tác phòng, chống khủng bố cần được quan tâm, triển khai đồng bộ, hiệu quả trên nhiều phương diện khác nhau.

Hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống khủng bố sẽ là biện pháp hữu hiệu tạo nền tảng cơ sở cho hoạt động phòng, chống khủng bố ở Việt Nam được triển khai đồng bộ, thuận lợi, hiệu lực và hiệu quả. Hiện nay, trên bình diện quốc tế, Việt Nam đã tích cực ký kết, tham gia các điều ước quốc tế đa phương về phòng, chống khủng bố và nhiều hiệp định, thoả thuận hợp tác quốc tế song phương về phòng, chống tội phạm khủng bố. Tính đến năm 2024, Việt Nam đã tham gia 14 điều ước quốc tế đa phương trên phạm vi toàn cầu và khu vực về lĩnh vực phòng, chống khủng bố; 45 hiệp định song phương liên quan đến các vấn đề dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp về hình sự và chuyển giao người bị kết án phạt tù. Với tư cách là một thành viên tích cực trong cộng đồng quốc tế, Việt Nam luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các cam kết, nghĩa vụ quốc tế. Đặc biệt, Việt Nam đã chủ động nội luật hoá các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố phù hợp với quy định pháp luật quốc tế. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phòng, chống khủng bố đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và đặc biệt là sự ra đời của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, một đạo luật riêng biệt điều chỉnh hoạt động phòng, chống khủng bố tại Việt Nam hiện nay.

Có thể thấy rằng, trong thời gian vừa qua, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam cơ bản đã được xây dựng và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, ảnh hưởng tới hiệu quả công tác phòng, chống khủng bố như: sự thiếu thống nhất giữa quy định của pháp luật trong

nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, chưa nội luật hoá được hết các quy định của pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã cam kết; hệ thống pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố chưa thực sự đồng bộ, đặc biệt là giữa những quy định của Luật Phòng chống khủng bố năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Các quy định về phòng, chống khủng bố mạng, lợi dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông, mạng internet nhằm thực hiện hành vi khủng bố, rửa tiền nhằm mục đích tài trợ khủng bố còn nhiều hạn chế; nhiều quy định pháp luật đã lỗi thời, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; bất cập trong công tác phòng, chống khủng bố; chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong phòng, chống khủng bố chưa được quy định rõ ràng, còn có sự chồng chéo; chế tài xử lý hình sự về phòng, chống khủng bố còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe; cơ chế phối hợp trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn khủng bố giữa các cơ quan hữu quan chưa thực sự hiệu quả. Những lỗ hổng trong các quy định pháp luật này là một trong những nguyên nhân khiến cho khủng bố vẫn diễn ra trên thực tế.

Mặt khác, thực trạng hiện nay chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu đề cập đến khía cạnh an ninh, quốc phòng hoặc tập trung vào các quy định chung của pháp luật hình sự; chưa có công trình nào đi sâu, nghiên cứu toàn diện về vấn đề này, một số vấn đề lý luận chưa được làm sáng tỏ cũng như chưa phân tích được những hạn chế cụ thể và đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực này.

Chính vì những lý do nêu trên, việc nghiên cứu đề tài: ***"Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam"*** không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn mang tính thực tiễn cấp bách.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án nhằm xây dựng luận chứng khoa học làm cơ sở góp phần hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, qua đó triển khai hiệu quả công tác phòng, chống khủng bố trong thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về pháp luật và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố. Theo đó, luận án tập trung phân tích, làm rõ các vấn đề sau: khái niệm, nội dung, vai trò, các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật và các điều kiện bảo đảm trong hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

- Nghiên cứu quy định luật pháp quốc tế và pháp luật của một số quốc gia về phòng, chống khủng bố, rút ra những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá quá trình hình thành, phát triển và thực trạng pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 2024. Trong đó, luận án tập trung đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về phòng, chống khủng bố trên cơ sở các tiêu chí cụ thể. Từ đó, chỉ ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân làm căn cứ đề xuất giải pháp bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố trong thời gian tới.

- Nghiên cứu dự báo tình hình khủng bố cũng như các yếu tố tác động đến việc hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố trong thời gian tới.

- Xác lập quan điểm, đề xuất giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là pháp luật và những vấn đề lý luận, thực tiễn hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án

- *Về nội dung:* Luận án phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Trong đó, luận án tập trung phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 1946, đặc biệt là giai đoạn từ năm 2013 khi Luật Phòng, chống khủng bố ra đời đến năm 2025.

- *Về không gian:* Luận án chủ yếu phân tích, đánh giá các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng, chống khủng bố; các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã tham gia; pháp luật về phòng, chống khủng bố của một số nước mang tính điển hình như: Liên bang Nga, Trung Quốc, Vương quốc Anh và Singapore.

- *Về thời gian:* Luận án tìm hiểu về quá trình hình thành, phát triển của pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2025; trong đó, tập trung phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đấu tranh phòng, chống khủng bố từ ngày 01/10/2013 (từ khi Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 có hiệu lực) đến năm 2025 và đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố cho những năm tiếp theo.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nội dung đề tài. Hệ thống quan điểm của Học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng cũng như các quan điểm về xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận nói trên, luận án sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp:* Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp này để giải quyết những nội dung sau:

+ Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, từ đó chỉ rõ những kết quả đã nghiên cứu được, những khoảng trống luận án cần tiếp tục phải nghiên cứu và làm rõ;

+ Phân tích, tổng hợp các quan điểm, các lý thuyết, các quy định pháp luật để xây dựng cơ sở lý luận hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam;

+ Phân tích, tổng hợp thực tiễn luật pháp quốc tế và pháp luật của một số quốc gia tiêu biểu về phòng, chống khủng bố và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

+ Phân tích các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam để chỉ rõ những hạn chế về nội dung và hình thức của các văn bản đó;

+ Phân tích, tổng hợp các số liệu, báo cáo, các công trình nghiên cứu, các quy định pháp luật Việt Nam về phòng, chống khủng bố, để từ đó chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó trong quá trình bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật về công tác phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

- *Phương pháp luật học so sánh:* Phương pháp này được nghiên cứu sinh sử dụng để so sánh thực tiễn luật quốc tế và quy định của một số quốc gia trên thế giới về phòng, chống khủng bố, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn sử dụng phương pháp này để so sánh mức độ hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam qua các thời kỳ, từ đó thấy được sự hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trong suốt quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

- *Phương pháp logic-lịch sử*: nghiên cứu sinh sử dụng để phân tích, đánh giá thực trạng hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam theo tiến trình lịch sử xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2025; đồng

thời, phương pháp này được nghiên cứu sinh sử dụng để chỉ rõ những yêu cầu hiện nay đối với hoàn thiện cơ sở pháp lý trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố ở Việt Nam và đưa ra các quan điểm và giải pháp hoàn thiện khung pháp lý đảm bảo hiệu quả phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

- *Phương pháp hệ thống*: Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp này nhằm phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay trong mối tương quan với tổng thể hệ thống pháp luật Việt Nam, để từ đó chỉ rõ tính thống nhất, toàn diện và hợp hiến, hợp pháp của các quy định này.

- *Phương pháp nghiên cứu dự báo:* Nghiên cứu sinh căn cứ trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn; thông tin về khủng bố do các cơ quan nghiên cứu về phòng, chống khủng bố ở trong và ngoài nước công bố; thông tin về thực tiễn thực thi pháp luật các nước trao đổi và kết quả hội thảo, hội nghị quốc tế về chống khủng bố; kết hợp với suy luận lô-gíc để đưa ra các dự báo về xu hướng và các phương thức hoạt động của các đối tượng khủng bố trong thời gian tới, chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trong công tác phòng, chống khủng bố ở Việt Nam để từ đó kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố, tạo cơ sở pháp lý để hoạt động phòng, chống khủng bố diễn ra thuận lợi, đạt hiệu quả trên thực tế.

5. Những đóng góp mới về khoa học của Luận án

Luận án là công trình chuyên khảo toàn diện, có hệ thống về hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Những đóng góp mới về khoa học của luận án thể hiện cụ thể như sau:

Thứ nhất, luận án xây dựng khung lý luận cơ bản về hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

Thứ hai, luận án phân tích thực tiễn luật pháp quốc tế và quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về phòng, chống khủng bố và gợi mở kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ ba, luận án đi sâu nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam trong thời gian qua; chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại.

Thứ tư, luận án đề ra quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần bổ sung thêm những vấn đề liên quan đến lý luận hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố, như: khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò của hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện và các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ đem lại những ý nghĩa thiết thực, cụ thể như sau:

- Góp phần tổng kết thực tiễn, đánh giá toàn diện và sâu sắc về thực trạng pháp luật và quá trình xây dựng, hoàn thiện khung pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, đưa ra những dự báo về tình hình khủng bố trong nước và quốc tế, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố.

- Là cơ sở khoa học để Đảng và Nhà nước nghiên cứu tham khảo trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách nhằm hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay.

- Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu nghiên cứu trong lĩnh vực an ninh trật tự nói chung và pháp luật về phòng, chống khủng bố nói riêng; bổ sung vào hệ thống tài liệu tham khảo trong giảng dạy, nghiên cứu về lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác của Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục và 04 chương chính, cụ thể là:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam

Chương 3: Thực trạng pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam

Chương 4: Dự báo tình hình khủng bố và quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Hiện nay, các công trình nghiên cứu về khủng bố và pháp luật phòng, chống khủng bố, cả trong nước và quốc tế, nhìn chung khá đa dạng và phong phú. Để đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh tiếp cận từ ba nhóm vấn đề cụ thể: (1) Các công trình nghiên cứu về lý luận hoàn thiện pháp luật; (2) Các công trình nghiên cứu về khủng bố và phòng, chống khủng bố; (3) Các công trình nghiên cứu về pháp luật và việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Đối với hai nhóm vấn đề (2) và (3), nghiên cứu sinh tiến hành tổng hợp và hệ thống hoá các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong nước và quốc tế theo các lát cắt về lý luận, thực trạng và giải pháp. Trên cơ sở đó, luận án xác định những khoảng trống trong nghiên cứu và làm rõ các vấn đề cần tiếp tục được luận giải, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

1.1.1. Những công trình nghiên cứu trong nước về lý luận hoàn thiện pháp luật

Việc hoàn thiện pháp luật là một chủ đề khoa học nhận được sự quan tâm rộng rãi của giới nghiên cứu, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong công trình chuyên khảo *"Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay" (2018)* [170], các tác giả Đào Trí Úc và Trương Thị Hồng Hà đã phân tích toàn diện những vấn đề lý luận về hệ thống pháp luật và hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quan điểm của tập thể tác giả, cần tiếp cận hệ thống pháp luật như một chỉnh thể vận động và phát triển. Cấu trúc của hệ thống pháp luật, theo đó, bao gồm: (1) Hệ thống văn bản pháp luật và các nguồn pháp luật khác; (2) Thực tiễn pháp luật, gồm hoạt động thực hiện pháp luật, thiết chế bảo đảm và tổ chức thực hiện pháp luật, nguồn lực để thực thi pháp luật; (3) Ý thức và văn hóa pháp luật [170, tr.30]. Đồng thời, các tác giả cũng đưa ra các tiêu chí đánh giá hệ thống pháp luật và hoạt động xây dựng pháp luật như: tính toàn diện, tính đồng bộ, tính minh bạch – công khai, tính ổn định tương đối, tính phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu kỹ thuật lập pháp.

Một công trình khác có giá trị tham khảo trong lĩnh vực này là sách chuyên khảo *"Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Nhà*

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa" (2019) [79] của tác giả Nguyễn Minh Đoan và Nguyễn Minh Đức. Các tác giả tập trung làm rõ những vấn đề lý luận then chốt liên quan đến xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong đó, các tác giả nhấn mạnh vai trò của việc đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật, các yêu cầu đặt ra đối với hoạt động lập pháp, cũng như đánh giá chất lượng của quá trình lập pháp và hệ thống pháp luật hiện hành. Đồng thời, công trình cũng đề cập tới trách nhiệm của nhà lập pháp, vai trò của giới khoa học trong hoạt động lập pháp, và vai trò phản biện xã hội trong quá trình xây dựng pháp luật – những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống pháp luật ở Việt Nam.

Trong bối cảnh đất nước đang triển khai quyết liệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tác giả Võ Khánh Vinh đã chủ biên cuốn sách chuyên khảo *"Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Những vấn đề lý luận và thực tiễn" (2022)* nhằm nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lý luận về Chiến lược phát triển pháp luật trong thời gian tới và bàn luận về xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công. Phần thứ nhất của cuốc sách tập trung luận giải những vấn đề chung mang tính lý luận như tên gọi, mục tiêu, tư duy và đề ra các yêu cầu cần thống nhất về nhận thức đối với việc xây dựng Chiến lược phát triển pháp luật. Tại phần thứ hai, tập thể tác giả đã nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong các lĩnh vực luật công như: hoàn thiện Hiến pháp, pháp luật về dân chủ ở cơ sở, cải cách tư pháp và hệ thống tư pháp. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đã đề cập tới việc xây dựng, hoàn thiện và phát triển pháp luật trong lĩnh vực luật tư tại phần thứ ba của cuốn sách. Các nghiên cứu của tập thể tác giả về xây dựng Chiến lược phát triển pháp luật đến năm 2030 tầm nhìn năm 2045 là nguồn tham khảo giá trị để luận án có thể tiếp thu, tham khảo cho việc xây dựng giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay.

Trong lĩnh vực an ninh, công trình nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ mang tên *"Phương hướng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay" (2016)* của tác giả Trần Vi Dân là một đóng góp quan trọng. Công trình này tập trung phân tích sâu các vấn đề lý luận liên quan đến hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, đồng thời đánh giá thực trạng xây dựng, phát triển và tổ chức thi hành hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực này. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất định hướng và các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia trong giai đoạn mới.

Cụ thể, nghiên cứu đã khảo sát, đánh giá toàn diện về đội ngũ cán bộ tham gia công tác xây dựng văn bản pháp luật cũng như quá trình hình thành và phát triển hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia từ năm 1945 đến năm 2016. Từ những phân tích này, tác giả kiến nghị một số giải pháp trọng tâm như: xây dựng chiến lược hoàn thiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật; đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động xây dựng pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài về lý luận hoàn thiện pháp luật

Hoàn thiện pháp luật đáp ứng những yêu cầu, thách thức mới đặt ra trong bối cảnh sự thay đổi, phát triển của nền kinh tế - xã hội quốc tế cũng như trong lòng mỗi quốc gia là vấn đề mà các nhà khoa học trên thế giới rất quan tâm. Nhiều công trình nghiên cứu mới đã được công bố trong thời gian gần đây thể hiện những quan điểm pháp lý tiên tiến, những phương thức tiếp cận mới đối với quá trình cải cách pháp luật tại các quốc gia trên thế giới.

Cuốn sách *"Reforming Legal Systems: Global Perspectives" (Cải cách hệ thống pháp luật: Quan điểm toàn cầu) (2021)* được xây dựng bởi tập thể tác giả là những chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật như Asif H. Qureshi, Li Zhuangxu, Cecilia J. Flores Elizondo... Công trình nghiên cứu cải cách pháp luật trên nhiều khu vực pháp lý khác nhau, tập trung vào cấp độ quốc gia, quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu các khuôn khổ lý thuyết, tình huống cụ thể và phân tích, so sánh để xác định những thách thức và cơ hội trong việc cải cách hệ thống pháp luật. Theo đó, công trình đi sâu nghiên cứu các cơ chế cải cách luật pháp trong nước và quốc tế, các thể chế cải cách toàn cầu và đánh giá các ủy ban cải cách luật trong các hệ thống pháp luật. Ngoài ra, một số nội dung tập đề cập tới vai trò của Ủy ban luật pháp quốc tế, cải cách luật pháp do các tổ chức đa phương như IMF và WIPO thúc đẩy và nền kinh tế chính trị đang phát triển của luật pháp quốc tế. Các tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành nhằm đảm bảo cải cách pháp luật hiệu quả, toàn diện, giải quyết được các thách thức về kinh tế, xã hội và chính trị tốt hơn.

Cuốn sách *"Global Perspectives on Reforming the Criminal Justice System" (Quan điểm toàn cầu về cải cách hệ thống tư pháp hình sự) (2021)*, của tác giả Michael Pittaro, trình bày tổng quan toàn cầu về những nỗ lực cải cách hệ thống tư pháp hình sự ở nhiều quốc gia khác nhau. Cuốn sách dựa trên sự đóng góp của các chuyên gia về tội phạm học, luật pháp và chính sách công, cung cấp các phân tích chuyên sâu về những thách thức và cải cách liên quan đến tư pháp hình sự trên toàn thế giới. Nội dung cuốn sách so sánh

phương thức cải cách tư pháp hình sự ở các quốc gia trên thế giới; cụ thể như các nỗ lực xóa bỏ tù nhân ở Châu Âu đến các cải cách cảnh sát tiến bộ hơn ở các quốc gia như Canada. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra tầm ảnh hưởng của các tổ chức quốc tế đến các cải cách tư pháp hình sự quốc gia và cung cấp những hướng dẫn để điều chỉnh các hoạt động cải cách phù hợp với các tiêu chuẩn nhân quyền.

Công trình *"Legal Reform and Change: Research on Legal Reform Processes and Their Impact on Society" (Cải cách và thay đổi pháp luật: Nghiên cứu về các quá trình cải cách pháp luật và tác động của chúng đối với xã hội) (2023)* do nhóm tác giả Pomaza-Ponomarenko, Leonenko và các cộng sự thực hiện, được công bố trên Journal of Law and Sustainable Development, là một nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực cải cách pháp luật. Công trình hướng tới mục tiêu phân tích các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn của cải cách pháp luật, bao gồm: (1) Định nghĩa, phạm vi và cơ sở lý luận của cải cách pháp luật; (2) Vai trò của các yếu tố chính trị (thể chế chính trị, tư tưởng, sự ổn định), yếu tố xã hội (ý thức cộng đồng, tổ chức xã hội dân sự, giá trị văn hóa) trong việc định hình sáng kiến cải cách pháp luật và (3) Mối tương quan giữa cải cách pháp luật và các yếu tố kinh tế (phát triển kinh tế, quyền sở hữu, bất bình đẳng kinh tế). Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để cải cách pháp luật thành công, như tăng cường sự tham gia của công chúng, xây dựng các thể chế linh hoạt hơn, và đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước. Công trình đóng góp một góc nhìn toàn diện về cách cải cách pháp luật có thể hỗ trợ phát triển xã hội và kinh tế, đồng thời giải quyết các vấn đề toàn cầu như công bằng xã hội và bền vững môi trường.

Cuốn sách *"Law Reforms Around the World: Perspectives from National and International Law" (Cải cách luật pháp trên toàn thế giới: Quan điểm từ luật pháp quốc gia và quốc tế) (2024)* của tác giả Asif H. Qureshi được Nhà xuất bản Routledge ấn hành, khám phá nhiều khía cạnh khác nhau của cải cách luật pháp thông qua các góc nhìn lý thuyết, quốc gia và quốc tế. Cuốn sách đề cập đến sự phức tạp của cải cách luật pháp trong luật dân sự, luật chung và khuôn khổ quốc tế. Trong đó, tác giả bàn luận và đi sâu nghiên cứu về các khía cạnh thực nghiệm cũng như lý thuyết của cải cách luật pháp, nhấn mạnh vào cách tiếp cận toàn diện đối với cả hệ thống trong nước và quốc tế. Đối với hệ thống pháp luật dân sự, những nghiên cứu điển hình từ các khu vực như Mỹ Latinh, Trung Quốc và Nga cung cấp thông tin chi tiết về đặc thù của quá trình cải cách ở mỗi quốc gia này. Mặt khác, khi đề cập tới hệ thống pháp luật chung thì các tác giả tập trung làm sáng tỏ quá trình biên soạn luật và cải cách thể chế của quốc gia ở Châu Phi, Ấn Độ và Vương

quốc Anh. Ngoài ra, Cuốn sách cũng đánh giá về vai trò của các cơ quan như Ủy ban Luật quốc tế trong giải quyết các vấn đề cải cách pháp luật quốc tế.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ KHỦNG BỐ VÀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ

1.2.1. Những công trình nghiên cứu ở trong nước về khủng bố và phòng, chống khủng bố

Thứ nhất, về mặt lý luận, nhiều học giả đã có những phân tích, nghiên cứu về khủng bố trên nhiều khía cạnh khác nhau, làm rõ khái niệm, bản chất và nguyên nhân của hiện tượng này.

Khái niệm khủng bố là vấn đề mà nhiều học giả ở Việt Nam quan tâm nghiên cứu. Tác giả Lê Văn Bính đã khảo cứu về khái niệm khủng bố thông qua quan điểm của các nhà khoa học, các nền chính trị trên thế giới trong bài viết *"Khái niệm khủng bố dưới góc nhìn của các nhà nghiên cứu" (2011).* Từ đó, tác giả đã rút ra khái niệm khủng bố là *"phương pháp mà nhờ nó các nhóm, các tổ chức hoặc các đảng phái đạt được mục đích của mình thông qua việc sử dụng bạo lực có hệ thống"* [4]. Trong khi đó, bài viết *"Các quan niệm về "Khủng bố" hiện nay trên thế giới" (2011)* của tác giả Vũ Ngọc Dương đã phân tích khái niệm về khủng bố theo quy định lập pháp của một số quốc gia và theo các điều ước quốc tế. Trên cơ sở thực hiện việc đối sánh giữa các khái niệm khác nhau về khủng bố, tác giả cho rằng hiện nay cộng đồng quốc tế vẫn chưa thống nhất được quan niệm về vấn đề khủng bố nên việc xây dựng một Công ước chung với định nghĩa rõ ràng và toàn diện về khủng bố sẽ góp phần đấu tranh có hiệu quả chống lại tội phạm này [81].

Một số công trình nghiên cứu khác tiếp cận về những khía cạnh lý luận trong công tác đấu tranh; phòng, chống các loại khủng bố cụ thể như: phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ; phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực hàng không dân dụng; phòng, chống tài trợ khủng bố… Điển hình như đề tài khoa học cấp Bộ *"Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ" (2021)* của Nguyễn Hồng Phong đã đề cập về những vấn đề lý luận về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ [102]. Theo tác giả, phòng, chống khủng bố về hoá học, sinh học, phóng xạ là các hoạt động ngoại giao, kinh tế, quân sự, an ninh, thực thi pháp luật, tình báo, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác nhằm mục đích phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý, ứng phó, khắc phục hậu quả của hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hoá học, sinh học, phóng xạ, giảm thiểu rủi ro hoặc tác nhân nguy hiểm và tiến tới loại bỏ khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ. Nhà nước

quản lý hoạt động phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ trên cơ sở pháp luật nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Cùng nghiên cứu về vấn đề phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ, tác giả Nguyễn Trường Thọ lại tiếp cận trên lĩnh vực hàng không dân dụng tại đề tài khoa học cấp Bộ *"Phương án phòng chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng" (2022)* [155]. Nội dung đề tài đi sâu làm rõ những vấn đề lý luận về phương án phòng chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng. Tác giả cho rằng khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ là những hành vi vi phạm pháp luật đặc biệt nghiêm trọng do các tổ chức, phần tử khủng bố sử dụng các tác nhân hóa học, sinh học hoặc phóng xạ tạo ra sự giải phóng khó kiểm soát của chúng trong môi trường, xâm hại tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân nhằm gây ra tình trạng hoảng loạn trong cộng đồng dân cư hoặc ép buộc chính quyền nhân dân, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, gây khó khăn trong quan hệ quốc tế.

Trong khi đó, tác giả Hoàng Vĩnh Hội đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản về phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực hàng không dân dụng tại luận án Tiến sĩ luật học của mình về "*Phòng, chống khủng bố trên lĩnh vực hàng không dân dụng Việt Nam trong tình hình hiện nay" (2016)* [88]. Theo nghiên cứu của tác giả, công tác phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực hàng không dân dụng được hiểu là tổng hợp các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động khủng bố dưới mọi hình thức, làm giảm hậu quả, thiệt hại do tội phạm khủng bố gây ra và trừng trị, trấn áp tội phạm khủng bố nhằm vào hoạt động hàng không dân dụng.

Thứ hai, nhiều công trình cũng đã có những phân tích, đánh giá tình hình khủng bố và thực tiễn phòng, chống khủng bố ở trong nước. Luận án tiến sĩ *"Phòng, chống khủng bố trong hoạt động du lịch ở Việt Nam" (2017)* của Nguyễn Duy Hoan tập trung nghiên cứu hoạt động lợi dụng du lịch nhằm tấn công khủng bố của các đối tượng. Luận án đã sử dụng số liệu thực tiễn để phân tích tình hình phòng, chống khủng bố đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam; đánh giá thực trạng tổ chức, phân công, phối hợp lực lượng trong quá trình phòng, chống khủng bố trong hoạt động du lịch [85]. Tiếp cận dưới góc độ phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ, tác giả Nguyễn Hồng Phong (2021) đã có những phân tích rất cụ thể về tình hình khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ và thực trạng công tác quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ. Theo đánh giá của tác giả, ở Việt Nam mặc dù chưa xảy ra khủng bố quốc tế cũng như

khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ nhưng trên thực tế đã xảy ra nhiều vụ việc mang "màu sắc" của khủng bố hoặc mất, thất lạc nguồn hoá học, sinh học, phóng xạ có thể sử dụng vào hoạt động khủng bố [102].

Thứ ba, một số giải pháp thiết thực, có ý nghĩa đã được các nhà khoa học đề xuất. Cụ thể, đề tài khoa học cấp Bộ *"Phương án phòng chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng" (2022)* do Nguyễn Trường Thọ làm chủ nhiệm đã đề xuất giải pháp thực hiện phương án phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học và phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng [155]. Tác giả cho rằng cần nâng cao chất lượng thu thập, xử lý thông tin, tài liệu làm cơ sở xây dựng, tổ chức thực hiện phương án phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Khẩn trương xây dựng, ban hành phương án phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ riêng tại từng công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng. Trong khi đó, tác giả Nguyễn Hồng Phong (2021) đã đề xuất xây dựng hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ ở Việt Nam. Theo đó, cần làm tốt công tác tham mưu trong xây dựng, bổ sung các chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ; chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ cho cán bộ và người dân; tăng cường phối hợp giữa lực lượng Công an và các cơ quan hữu quan khác; củng cố đội ngũ cán bộ chuyên trách, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật…[102]. Trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố hàng không dân dụng, luận án Tiến sĩ luật học của Hoàng Vĩnh Hội (2016) đã đưa ra hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực hàng không dân dụng. Đặc biệt, tác giả đã đề xuất một quy trình đấu tranh, xử lý các tình huống khủng bố mang tính chất điển hình trong lĩnh vực hàng không dân dụng như: bắt cóc con tin, đặt bom mìn, chiếm giữ tàu bay, cảng hàng không bất hợp pháp [88].

1.2.2. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài về khủng bố và phòng, chống khủng bố

Trong lĩnh vực nghiên cứu về lý luận khủng bố và phòng, chống khủng bố, các công trình khoa học ở nước ngoài tương đối đa dạng và phong phú. Khi bàn về khái niệm khủng bố, các tác giả Alex P.Schmidt và Albert I.Jongman (2005) đã dẫn 109 định nghĩa khác nhau về khủng bố, chỉ ra những thành tố chính hình thành nên khái niệm khủng bố như tính

bạo lực; mục tiêu hướng tới liên quan đến chính trị; gây ra trạng thái kinh hoàng, hoảng sợ về tâm lý; có tổ chức và hệ thống. Trên cơ sở đó, các tác giả đã rút ra khái niệm về khủng bố, nhấn mạnh 03 đặc trưng chính của khủng bố đó là có hành vi bạo lực; mang mục đích chính trị và gây phương hại đến quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người dân [175]. Cùng với hướng nghiên cứu đó, học giả Mariona Llobet Anglí đã có bài viết *"What does "terrorism" mean?" (Chủ nghĩa khủng bố là gì?) (2013)* phân tích những yếu tố cơ bản hình thành nên khái niệm "khủng bố". Theo tác giả, nội hàm của khái niệm "khủng bố" bao gồm các yếu tố: (1) Nhằm gây rối trật tự công cộng, gây ra tình trạng hoảng loạn trong nhân dân và vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật; (2) Là hành động bạo lực xâm phạm đến tài sản, lợi ích cá nhân như sức khoẻ, tính mạng và quyền tự do của con người; (3) Khủng bố sử dụng vũ khí, đặc biệt là vũ khí huỷ diệt hàng loạt như chất nổ; (4) Khủng bố có thể tổ chức dưới dạng một tập thể hoặc cá nhân; (5) Mục tiêu hướng tới của khủng bố là chính trị [177].

Hiện nay, có nhiều nghiên cứu đánh giá đa chiều về tình hình khủng bố và thực tiễn hoạt động phòng, chống khủng bố trên thế giới và ở một số quốc gia. Kể từ năm 2007 đến nay, Viện nghiên cứu kinh tế và hoà bình (IEP) đều có những báo cáo hàng năm về *Chỉ số khủng bố toàn cầu (Global Terrorism Index).* Theo đó, báo cáo đưa ra những số liệu cụ thể về các vụ tấn công khủng bố trên thế giới; đánh giá thực trạng tình hình khủng bố và xu hướng của chủ nghĩa khủng bố trong từng giai đoạn nhất định. Ngoài ra, một số học giả nổi tiếng trên thế giới cũng đã có những nghiên cứu về tình hình khủng bố và phòng, chống khủng bố tại từng quốc gia. Trong cuốn sách *"Terrorism and Counterterrorism" (Khủng bố và phòng chống khủng bố) (2016),* tác giả Brigitte L. Nacos đã đề cập đến thực trạng khủng bố và phòng, chống khủng bố trên thế giới và ở Hoa Kỳ. Tác giả đã phân tích xu hướng thay đổi của chủ nghĩa khủng bố trong những thập niên gần đây, đặc biệt là sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố hiện đại. Tác giả cũng đã làm rõ chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ nhằm phòng, chống khủng bố dưới thời tổng thống Bush và tổng thống Obama [179]. Khác với Hoa Kỳ, vấn đề khủng bố mà Trung Quốc phải đối mặt đó là người Duy Ngô Nhĩ ở khu vực Tân Cương và sự ảnh hưởng của chủ nghĩa khủng bố tại các khu vực ở Trung Á, Nam Á và Trung Đông. Vấn đề này đã được tác giả Michael Clarke đề cập tại cuốn sách *"Terrorism and Counter-Terrorism in China: Domestic and Foreign Policy Dimensions" (Chủ nghĩa khủng bố và chống khủng bố ở Trung Quốc: Các khía cạnh của chính sách đối nội và đối ngoại)* ấn hành vào năm 2018 [201].

Nhiều nhà khoa học trên thế giới đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh hiệu quả đối với khủng bố. Brigitte L. Nacos (2016)

đã nhấn mạnh đến việc sử dụng những công cụ của sức mạnh "cứng" và sức mạnh "mềm" để phòng, chống khủng bố, sự cân bằng giữa an ninh, sự tự do và quyền con người; các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia và đặc biệt là vấn đề kiểm soát khủng bố trên truyền thông và không gian mạng [179]. Các nhà khoa học nghiên cứu về Trung Quốc đã đánh giá một cách hệ thống, toàn diện về những biện pháp đối phó với mối đe doạ khủng bố tại đất nước này như: sự cần thiết của việc phát triển của các biện pháp lập pháp để chống khủng bố; xây dựng các thiết chế, cơ quan nhằm chống khủng bố ở Trung Quốc và tăng cường hoạt động hợp tác chống khủng bố giữa Trung Quốc với các nước trên thế giới [201].

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁP LUẬT VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ

Trước bối cảnh tình hình khủng bố đang ngày càng gia tăng trên thế giới, tính chất các vụ khủng bố ngày càng trở nên nguy hiểm thì các quốc gia trên thế giới phải tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn, vô hiệu hoá khủng bố. Một trong những giải pháp được nhiều quốc gia quan tâm đó chính là hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố; qua đó, giúp bảo vệ an ninh quốc gia cũng như sự hoà bình, ổn định của khu vực và thế giới. Chính vì vậy, các học giả trên thế giới và ở Việt Nam rất quan tâm và đã có nhiều nghiên cứu về chủ đề này.

1.3.1. Những công trình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố

Thứ nhất, về lý luận hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố, có thể kể đến cuốn chuyên khảo *"Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố – Những vấn đề lý luận và thực tiễn" (2011)* của tác giả Nguyễn Ngọc Anh [1]. Công trình này đã hệ thống hóa và phân tích một số vấn đề lý luận liên quan đến hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Dựa trên việc đánh giá vai trò và đặc điểm của pháp luật trong lĩnh vực này, tác giả cho rằng yêu cầu hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố xuất phát từ ba nguyên nhân khách quan: (1) sự gia tăng nhanh chóng cả về quy mô lẫn mức độ nguy hiểm của các hoạt động khủng bố quốc tế, đe dọa nghiêm trọng an ninh toàn cầu và an ninh quốc gia; (2) yêu cầu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia; (3) đòi hỏi từ quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm khủng bố. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã khảo cứu kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia như Trung Quốc, Nga, Pháp, Singapore, Hoa Kỳ… để từ đó đưa ra kiến nghị phù hợp nhằm hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

Thứ hai, về đánh giá thực trạng pháp luật và đề xuất hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay, có thể phân chia các công trình nghiên cứu thành hai nhóm nội dung chính:

Một là, nhóm công trình nghiên cứu về pháp luật quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố và sự tham gia của Việt Nam.

Cuốn sách *"Pháp luật về chống khủng bố của một số nước trên thế giới" (2005)* của tác giả Phạm Văn Lợi [96] đã phân tích hệ thống pháp luật chống khủng bố của các quốc gia như Singapore, Malaysia, Trung Quốc… với trọng tâm là các hiệp định tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án, hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm xuyên quốc gia. Tác giả Phạm Văn Uông trong cuốn sách "Các điều ước quốc tế, ASEAN và pháp luật Việt Nam về phòng, chống khủng bố" (2013) [171] đã hệ thống hoá các công ước quốc tế có tính phổ quát và khu vực về phòng, chống khủng bố, đồng thời phân tích mối tương quan giữa pháp luật trong phạm vi quốc tế, khu vực và trong nước trong lĩnh vực này.

Hai là, nhóm công trình nghiên cứu về thực trạng pháp luật trong nước và sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế.

Trong cuốn *"Bình luận khoa học Công ước quốc tế về trừng trị việc khủng bố bằng bom năm 1997" (2014)*, tác giả Nguyễn Ngọc Anh [2] đã đưa ra những đánh giá đối chiếu giữa quy định pháp luật hiện hành ở Việt Nam và nội dung của Công ước, từ đó kiến nghị hướng hoàn thiện pháp luật quốc gia. Cũng với cách tiếp cận đánh giá sự tương thích, bài viết *"Hoàn thiện pháp luật về chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố theo những chuẩn mực quốc tế chung"* của tác giả Lê Thái Sơn (Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 2013) [145] đã phân tích các điều ước quốc tế liên quan, đối chiếu với quy định của pháp luật Việt Nam, từ đó làm rõ những điểm chưa đồng bộ giữa hai hệ thống pháp luật.

Luận án tiến sĩ luật học *"Các tội phạm về khủng bố trong luật Hình sự Việt Nam" (2015)* của tác giả Đỗ Khắc Hưởng [90] là một công trình nghiên cứu chuyên sâu, tập trung phân tích các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam về tội phạm khủng bố. Tác giả đồng thời so sánh với pháp luật hình sự của nhiều quốc gia như Nga, Belarus, Hoa Kỳ, Pháp, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ… để rút ra những bài học lập pháp phục vụ cho việc hoàn thiện pháp luật trong nước.

Luận án tiến sĩ luật học *"Hợp tác quốc tế trong giải quyết vụ án hình sự về tội khủng bố" (2020)* của tác giả Vũ Đình Chư [64] đã đưa ra cái nhìn toàn diện về hệ thống pháp luật và thực tiễn hợp tác quốc tế trong xử lý tội khủng bố. Tác giả nhận định rằng, dù Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước quốc tế, nhưng vẫn còn một số văn kiện quan trọng chưa

gia nhập; đồng thời, thiếu các văn bản dưới luật để cụ thể hóa dẫn đến khó khăn trong thực thi.

Ngoài ra, một số bài viết chuyên sâu cũng góp phần phân tích thực trạng pháp luật hình sự về tội phạm khủng bố. Tiêu biểu như bài viết *"Quyền tài phán trong các điều ước đa phương về chống khủng bố và vấn đề nội luật hoá trong pháp luật hình sự Việt Nam"* (2016) của tác giả Nguyễn Quyết Thắng [150] và bài viết *"Các tội phạm về khủng bố trong Bộ luật hình sự năm 2015"* (2016) của Nguyễn Quyết Thắng và Bùi Trương Ngọc Quỳnh [152]. Các bài viết này đã phân tích sự phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam qua các giai đoạn, đặc biệt là những điểm mới trong BLHS năm 2015 liên quan đến tội khủng bố, đồng thời nêu rõ những khó khăn, vướng mắc khi nội luật hoá các quy định pháp luật quốc tế.

Thứ ba, về giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, một số nghiên cứu tiêu biểu như:

Đề tài khoa học cấp Bộ *"Phương án phòng chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng" (2022)* do Nguyễn Trường Thọ làm chủ nhiệm đã đưa ra nhóm giải pháp nhằm đề xuất, kiến nghị Đảng, Nhà nước chỉ đạo các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố hàng không dân dụng nói chung và phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ trong lĩnh vực hàng không dân dụng nói riêng. Cụ thể, tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy duyệt hàng loạt; thống nhất; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng và tiêu chuẩn thực hiện cho phù hợp, bổ sung phương hướng xử lý các tình huống liên quan đến khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ tại sân bay, cảng hàng không quốc tế; nghiên cứu xây dựng các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc quản lý, sử dụng các vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu là chất cháy, chất nổ, chất độc, chất phóng xạ tại công trình; thống nhất về chủ thể chủ trì xử lý các vụ việc, tình huống khẩn nguy liên quan đến hoạt động khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ giữa lực lượng Công an với lực lượng Quân đội [155].

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế giải quyết vụ án hình sự về tội khủng bố, tác giả Vũ Đình Chư (2020) đề xuất một số phương hướng, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới về vấn đề này. Một trong những giải pháp quan trọng được tác giả kiến nghị đó chính là việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế trong giải quyết vụ án hình sự về tội khủng bố. Theo đó, để

hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong giải quyết vụ án hình sự về tội khủng bố cần: Xem xét rà soát tổng thể các điều ước đa phương, song phương đã tham gia và pháp luật Việt Nam về chống khủng bố; Xây dựng các luật chuyên biệt về hợp tác quốc tế trong giải quyết vụ án khủng bố; Ban hành các văn bản dưới luật quy định chi tiết các quy định mới được sửa đổi, bổ sung trong các văn bản pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và tương trợ tư pháp [64].

Bên cạnh đó, còn có một số bài viết đáng chú ý có liên quan đến hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam như: "*Kinh nghiệm pháp luật hình sự chống khủng bố của Cộng hoà Liên bang Đức và giá trị tham khảo đối với Việt Nam" (2017)* của tác giả Lê Thị Sơn đã khái quát hoạt động lập pháp hình sự chống khủng bố của Cộng hoà Liên bang Đức, từ đó đề xuất một số gợi mở cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật hình sự chống khủng bố. Theo tác giả, BLHS quy định về tội khủng bố nên tách các hành vi khủng bố tại điểm a, khoản 2, điều 113 thành 01 tội cụ thể "Tội thành lập, tham gia tổ chức khủng bố nhằm lật đổ chính quyền nhân dân" và tách các hành vi tại điểm a, khoản 2, Điều 299 BLHS năm 2015 thành "Tội thành lập, tham gia tổ chức khủng bố" [146]. Bài viết "*Những điểm tích cực, hạn chế của công ước ASEAN về chống khủng bố và kiến nghị hoàn thiện" (2018)* của các tác giả Trần Thị Diệu Hương, Trần Ngọc Thuý phân tích những điểm tích cực và hạn chế của Công ước ASEAN về chống khủng bố; đánh giá thực tiễn thực thi Công ước và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện Công ước. Trong đó, các tác giả cho rằng cần hoàn thiện các nội dung điều khoản để làm rõ mục tiêu công ước, đưa ra định nghĩa chính thức về khủng bố, hoàn thiện cơ quan, quy định thủ tục giải quyết tranh chấp, hoàn thiện quy định dẫn độ, tương trợ tư pháp [91]. Bài nghiên cứu "*Hoàn thiện quy định pháp lý về tội khủng bố trong Bộ luật Hình sự năm 2015" (2021)* của tác giả Bùi Đình Trọng đăng trên Tạp chí Khoa học Kiểm sát đã phân tích quy định pháp luật hình sự về tội khủng bố; chỉ ra những tồn tại, bất cập về kỹ thuật lập pháp, về thuật ngữ pháp lý, về cách thức mô tả hành vi nguy hiểm cho xã hội và so sánh với một số tội phạm khác; từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện nội dung quy định về tội khủng bố theo BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) *(sau đây thống nhất tên gọi là BLHS năm 2015)* [164]. Các công trình nghiên cứu này tập trung chủ yếu trong việc đánh giá hạn chế, bất cập quy định pháp luật hình sự về tội khủng bố; trên cơ sở kinh nghiệm pháp luật nước ngoài, các tác giả cũng đã kiến nghị, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống pháp luật liên quan đến phòng, chống khủng bố ở Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự về tội phạm khủng bố nói riêng.

1.3.2. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến pháp luật và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố

Trên bình diện nghiên cứu về pháp luật quốc tế về phòng, chống khủng bố, tác giả Ana Maria Salinas De Frias đã biên tập cuốn sách "*Counter-Terrorism: International Law and Practice" (Phòng chống khủng bố: Pháp luật quốc tế và thực tiễn)* và được nhà xuất bản Oxford University Press ấn hành vào năm 2012 [176]. Đây là nguồn tài liệu tham khảo toàn diện có giá trị cao, tập hợp những bài viết của các chuyên gia hàng đầu, đề cập hàng loạt các vấn đề pháp lý liên quan đến việc xây dựng và áp dụng các chính sách chống khủng bố ở phạm vi một quốc gia và quốc tế. Một số vấn đề bao gồm các cân nhắc lựa chọn giữa chính sách liên quan đến việc thực hiện các biện pháp an ninh, chẳng hạn như cân bằng giữa an ninh và tự do dân sự, mâu thuẫn giữa tư pháp hình sự, chống khủng bố, các biện pháp quân sự, và các khía cạnh pháp lý liên quan đến các chương trình chống cực đoan.

Tiếp cận vấn đề luật pháp về phòng, chống khủng bố ở cấp độ khu vực, tác giả Maria O'Neill (2012) đã nghiên cứu thực trạng những vấn đề đang phát triển nhanh chóng của pháp luật và chính sách của Liên minh châu Âu (EU) liên quan đến chống khủng bố, chỉ ra các vấn đề song song trên cả hai phương diện lý thuyết và thực tiễn tại cuốn sách chuyên khảo *"The Evolving EU Counter-Terrorism Legal Framework" (Khung pháp lý chống khủng bố đang hoàn thiện của Liên minh Châu Âu)* [199]. Cùng nghiên cứu về pháp luật chống khủng bố của EU, cuốn sách *"EU Counter Terrorism Law: Pre-Emption and the Rule of Law" (Pháp luật về chống khủng bố của EU: quyền ưu tiên và nguyên tắc pháp luật)* của tác giả Cian C. Murphy đã đề cập đến quan điểm chung của EU về chống khủng bố; các định nghĩa về khủng bố cùng với các tội phạm liên quan. Đặc biệt, tác giả cũng đã phân tích các quy định của hệ thống pháp luật EU về phòng, chống khủng bố như: Quyết định khung về chống khủng bố; Luật tài chính chống rửa tiền và chống khủng bố; Lệnh bắt giữ Châu Âu…[182].

Trong khi đó, các tác giả Hitosi Nasu và See Seng Tan (2016) đã có bài viết *"ASEAN and the Development of Counter-Terrorism Law and Policy in Southeast Asia" (ASEAN và sự phát triển của luật pháp và chính sách chống khủng bố ở Đông Nam Á)* nghiên cứu về sự phát triển của chính sách và pháp luật về phòng, chống khủng bố ở khu vực Đông Nam Á [192]. Theo đó, các quốc gia khu vực Đông Nam Á đang phải đối mặt với những thách thức và nguy cơ không hề nhỏ đến từ khủng bố, đây là vấn đề chung mà tất cả các quốc gia đều quan tâm. Vì vậy, sáng kiến chống khủng bố của ASEAN đã ra đời và kết quả là Công ước chống khủng bố ASEAN đã được các quốc gia ký kết nhằm tăng cường

tính liên kết khu vực trong hoạt động phòng, chống khủng bố. Mặt khác, các nước thành viên ASEAN cũng đã xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố cho riêng mình, đảm bảo an ninh quốc gia và hoà bình, ổn định của khu vực. Các tác giả khẳng định vai trò quan trọng của ASEAN trong việc định hình chính sách, pháp luật nhằm phòng ngừa, đấu tranh chống khủng bố trong khu vực cũng như đối với từng quốc gia thành viên.

Ở góc độ pháp luật quốc gia, học giả nổi tiếng thế giới nghiên cứu pháp luật về phòng, chống khủng bố là Clive Walker đã tiếp cận vấn đề pháp luật của Vương quốc Anh trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Cuốn sách *"Terrorism and the Law" (2011) (Khủng bố và Luật pháp)* của tác giả Clive Walker chứa đựng phân tích sâu rộng, bao gồm các bài phân tích nổi bật về luật chống khủng bố và thực tiễn pháp lý trong phạm vi bao quát toàn diện về pháp luật của Vương quốc Anh, châu Âu, quốc tế và tác động của chúng đối với nước Anh [184]. Phần đầu tiên của cuốn sách thảo luận về mối quan hệ giữa luật chống khủng bố và chính trị, trong khi phần thứ hai tập trung vào các quy định lớn về chống khủng bố của Vương quốc Anh. Phần cuối cùng tập trung phân tích những tác động của pháp luật châu Âu, pháp luật quốc tế và các quốc gia về chống khủng bố cũng như thực tiễn những vấn đề như hợp tác quốc tế trong việc dẫn độ tội phạm khủng bố, chống lại những hoạt động khủng bố và mối quan hệ giữa chống khủng bố và bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, tác giả còn có bài viết *"Cyber-Terrorism: Legal Principle and Law in the United Kingdom" (2006) (Khủng bố mạng: Nguyên tắc và luật pháp của Vương quốc Anh)* đề cập về những vấn đề liên quan đến pháp luật về phòng, chống khủng bố mạng ở Anh [183]. Thông qua bài viết này, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống khủng bố như: tăng cường khả năng bảo mật an ninh mạng, giáo dục kiến thức cho người dân, thành lập các quỹ đặc biệt hỗ trợ nạn nhân và gia đình nạn nhân của khủng bố, hoàn thiện pháp luật nhằm lấp những lỗ hổng về mặt lập pháp, sử dụng hoạt động tình báo hỗ trợ phát hiện, điều tra, truy tố đối tượng khủng bố.

Năm 2022, cuốn sách *"Precursor Crimes of Terrorism" (Tiền thân của tội phạm khủng bố)* của Clive Walker, Mariona Llobet Anglí và Manuel C. Meliá được xuất bản, đây là công trình nghiên cứu về tội phạm nguồn của khủng bố. Các tác giả cho rằng để hoạt động phòng, chống khủng bố được hiệu quả cần xem xét đến việc hình sự hoá các hành vi nguy hiểm liên quan, hoặc là tiền đề cho khủng bố như: hợp tác với tổ chức khủng bố, tài trợ khủng bố, tuyên truyền khủng bố, sử dụng vũ khí, bom, mìn, giết người, làm giả tài liệu… Nội dung cuốn sách cũng phân tích chính sách hình sự hoá các hành vi nguy

hiểm này tại các quốc gia như Vương quốc Anh, Tây Ban Nha, Đức, Úc; vấn đề hợp tác quốc tế về hình sự nhằm phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia trên thế giới thông qua các hoạt động như dẫn độ, tương trợ tư pháp về hình sự; các yếu tố liên quan đến hình phạt đối với tội khủng bố và các tội phạm tiền thân của khủng bố [185].

Tại Trung Quốc, học giả La Cương (2010) đã có những phân tích liên quan đến xu thế phát triển mới của tội phạm khủng bố quốc tế hiện nay và thực trạng hệ thống pháp luật của Trung Quốc. Theo đó, cơ chế lập pháp chống khủng bố của Trung Quốc cần dựa trên cơ sở Hiến pháp, coi luật hình sự và luật chống khủng bố là chủ đạo, phối hợp với các luật chuyên ngành khác. Hiến pháp Trung Quốc cần có những quy định mang tính nguyên tắc thể hiên quan điểm về phòng, chống tội phạm khủng bố; cần xây dựng một bộ luật riêng về phòng, chống khủng bố; tăng cường hoàn thiện pháp luật hình sự chống khủng bố…[70]. Trong khi đó, tác giả Xuan, Song – he (2016) có bài viết *"Criminal Justice Policy against Terrorism in China" (Chính sách tư pháp hình sự chống khủng bố ở Trung Quốc)* bàn về chính sách tư pháp hình sự chống khủng bố của Trung Quốc [206]. Bài viết nghiên cứu về hệ thống tư pháp hình sự của Trung Quốc, trong đó tập trung đánh giá 02 công cụ pháp lý quan trọng góp phần phòng, chống khủng bố đó chính là Luật chống khủng bố năm 2015 và các quy định về chống khủng bố tại BLHS, BLTTHS. Tác giả cho rằng mặc dù Luật chống khủng bố năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho hoạt động đấu tranh, ngăn chặn khủng bố và các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố giữa Trung Quốc và các quốc gia nhưng Luật chống khủng bố và các quy định pháp luật hình sự về chống khủng bố vẫn còn nhiều thiếu sót cần hoàn thiện.

Babichev và Khakimova (2021) đã nghiên cứu của về bản chất pháp lý của tội phạm khủng bố ở Nga với bài viết *"Legal Nature of Terrorist Crimes in Russian Legal System" (Bản chất pháp lý của tội phạm khủng bố trong hệ thống pháp luật Nga)* [178]. Các tác giả cho rằng cần định nghĩa "tội phạm khủng bố" là hành vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội nhằm đạt được mục tiêu khủng bố, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động và quyết định của các cơ quan chính phủ hoặc tổ chức quốc tế, sự chung sống hòa bình của các quốc gia và dân tộc, hoặc đi ngược lại lợi ích của một quốc gia (nhóm quốc gia). Mục tiêu chính của khủng bố không những hướng tới gây mất an toàn công cộng mà còn tác động đến các quyết định, hoạt động của các quốc gia, tổ chức quốc tế, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoà bình và an ninh thế giới. Bên cạnh đó, quy định của luật Hình sự Liên bang Nga đã giảm độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội khủng bố xuống do số lượng lớn thanh thiếu niên bị sử dụng trong thực hiện các hành vi khủng bố. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng trong phần

lớn các trường hợp việc thanh thiếu niên phạm tội như vậy do họ đã bị ép buộc bởi những phần tử khủng bố [178].

Ở một khía cạnh khác, cuốn sách "*Comparative Counter-Terrorism Law" (So sánh luật phòng, chống khủng bố)* do Kent Roach biên tập được nhà xuất bản Cambridge University Press ấn hành năm 2015 tiếp cận hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố dưới góc nhìn luật so sánh. Nội dung cuốn sách tập hợp những bài viết nghiên cứu về pháp luật quốc tế và pháp luật của 22 quốc gia tại 04 khu vực trên thế giới về phòng, chống khủng bố. Cuốn sách là nguồn tư liệu quý giúp nghiên cứu, đánh giá về đặc trưng của pháp luật về phòng, chống khủng bố của mỗi quốc gia trên thế giới. Từ đó có cái nhìn đối sánh và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam [195].

1.4. NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

Từ quá trình tổng hợp và khảo cứu các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có thể nhận định rằng, các tài liệu nghiên cứu liên quan đến chủ đề khủng bố và phòng, chống khủng bố tương đối phong phú, đa dạng về nội dung, cách tiếp cận cũng như hình thức thể hiện. Trên thế giới, đây là chủ đề thu hút được sự quan tâm lớn từ nhiều giới – từ giới học giả, chính trị gia, chuyên gia an ninh đến các tổ chức quốc tế. Nhiều công trình đã đi sâu phân tích khía cạnh pháp lý của vấn đề, từ khung pháp lý quốc tế, đến luật quốc gia của các nước có bối cảnh phức tạp như Mỹ, Anh, Pháp, Nga… với hệ thống lý luận phát triển, nội dung toàn diện và phương pháp nghiên cứu hiện đại.

Ngược lại, tại Việt Nam, trong khoảng một thập kỷ trở lại đây, các công trình nghiên cứu về phòng, chống khủng bố chủ yếu vẫn chỉ tập trung dưới hình thức bài viết khoa học, nghiên cứu đơn lẻ, chưa có nhiều công trình ở cấp độ luận án hay đề tài nghiên cứu trọng điểm cấp nhà nước mang tính hệ thống. Các nghiên cứu hiện có thường khai thác một hoặc một vài khía cạnh hẹp của vấn đề như phương pháp nghiệp vụ phòng ngừa, các quy định trong BLHS về tội khủng bố, hoặc sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các công ước quốc tế. Do đó, có thể khẳng định rằng vẫn còn thiếu vắng các công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về pháp luật phòng, chống khủng bố, đặc biệt là trong mối liên hệ với yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia.

Xét trên phương diện lý luận, một số công trình đã góp phần nhất định trong việc làm rõ khái niệm khủng bố, phân tích các nguyên nhân dẫn đến hành vi khủng bố cũng như các biểu hiện thường gặp. Một số nghiên cứu cũng bước đầu đề cập đến các biện pháp phòng, chống khủng bố dưới các góc độ khác nhau như an ninh – quốc phòng, nhân quyền, hợp tác quốc tế… Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới dừng lại ở phạm vi khái quát hoặc

áp dụng các khung lý thuyết truyền thống mà chưa tiếp cận từ yêu cầu cải cách pháp luật, đặc biệt là chưa tập trung làm rõ một cách hệ thống khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật về phòng, chống khủng bố như một lĩnh vực pháp luật độc lập hay chuyên biệt. Bên cạnh đó, khái niệm "hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố" vẫn chưa được nghiên cứu, lý giải đầy đủ, thiếu các công trình đưa ra tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ hoàn thiện, hoặc định hướng cho việc hoàn thiện trong điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam hiện nay.

Về thực trạng, mặc dù đã có một số bài viết đề cập đến pháp luật hiện hành về phòng, chống khủng bố, nhưng phần lớn chỉ tập trung vào các quy định trong BLHS và các điều luật liên quan đến xử lý tội phạm khủng bố, mà chưa mở rộng ra toàn bộ hệ thống pháp luật có liên quan như pháp luật hành chính, pháp luật tố tụng, pháp luật về hợp tác quốc tế, bảo vệ nhân quyền hay pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Hơn nữa, hệ thống tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật chưa được xác lập rõ ràng, dẫn đến việc các đánh giá vẫn mang tính cảm tính, thiếu sự chuẩn hóa. Đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống quá trình hình thành, phát triển, chuyển biến của pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, trong khi đây là cơ sở quan trọng để nhận diện khoảng trống pháp lý, phát hiện điểm nghẽn trong thực tiễn thi hành pháp luật.

Trong khi đó, từ năm 2013 – khi Luật Phòng, chống khủng bố được ban hành – đến nay đã hơn 10 năm, thực tiễn phòng, chống khủng bố tại Việt Nam và trên thế giới có nhiều thay đổi đáng kể. Những hình thức khủng bố mới xuất hiện như khủng bố mạng, khủng bố công nghệ cao, khủng bố hoá học, sinh học… đòi hỏi hệ thống pháp luật phải có những điều chỉnh linh hoạt, kịp thời. Tuy nhiên, việc tổng kết, đánh giá lại hiệu quả thực thi Luật Phòng, chống khủng bố 2013 vẫn còn hạn chế, chưa tạo được cơ sở khoa học để sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật phù hợp với tình hình mới.

Về mặt giải pháp, các kiến nghị trong các công trình nghiên cứu hiện hành chủ yếu tập trung vào nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan chức năng, tăng cường đầu tư cho công tác nghiệp vụ, hoàn thiện các cơ chế phát hiện – phòng ngừa – xử lý hành vi khủng bố. Dù một số nghiên cứu có đưa ra đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật, nhưng vẫn chủ yếu giới hạn trong lĩnh vực hình sự, tố tụng hình sự hoặc hợp tác quốc tế. Việc kiến nghị sửa đổi đồng bộ và có tính hệ thống cả về nội dung, hình thức, tổ chức thực thi pháp luật và cơ chế kiểm soát thực thi vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Trong bối cảnh hiện nay, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố trở thành một yêu cầu cấp thiết. Đảng và Nhà nước đang thúc đẩy việc xây dựng, hoàn

thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, trong đó nhấn mạnh yêu cầu xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Khái niệm an ninh quốc gia hiện nay cũng được mở rộng, không chỉ bao gồm các yếu tố truyền thống như an ninh chính trị, an ninh quân sự, mà còn bao hàm cả các thách thức phi truyền thống như an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh con người, an ninh môi trường – trong đó, khủng bố là một trong những mối đe dọa hiện hữu và phức tạp nhất. Việc xây dựng hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố hoàn thiện, đồng bộ không chỉ đáp ứng yêu cầu giữ gìn an ninh, trật tự trong nước mà còn góp phần khẳng định trách nhiệm của Việt Nam trong thực hiện các cam kết quốc tế.

Xuất phát từ thực tiễn đó, luận án được triển khai với mục tiêu lấp đầy khoảng trống nghiên cứu hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, luận án sẽ làm rõ khái niệm, bản chất, đặc điểm và vai trò của pháp luật về phòng, chống khủng bố; xác định nội hàm khái niệm "hoàn thiện pháp luật" trong lĩnh vực này; xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện; đồng thời nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm pháp lý quốc tế và pháp luật của một số quốc gia tiêu biểu.

Thứ hai, trên cơ sở khảo sát và phân tích lịch sử hình thành, phát triển pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, luận án sẽ đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt từ sau khi Luật Phòng, chống khủng bố 2013 có hiệu lực. Qua đó, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của các tồn tại trong hệ thống pháp luật.

Thứ ba, từ các phân tích lý luận, thực tiễn và dự báo tình hình trong tương lai, luận án đề xuất một hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm bổ sung, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, bao gồm cả giải pháp về chính sách, nội dung pháp luật, tổ chức thực thi và kiểm soát việc thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển trong tình hình mới.

1.5. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.5.1. Giả thuyết nghiên cứu

Từ kết quả tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, tác giả đặt ra giả thuyết nghiên cứu như sau:

Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã góp phần quan trọng trong việc phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, qua đó bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Tuy nhiên, hiện nay tình hình thế giới đang diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường cùng với đó là những tác động đa chiều của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm cho khủng bố trở nên khó dự báo và ngày càng nguy hiểm.

Điều này đặt ra những yêu cầu mới, cấp bách cho hoạt động phòng, chống khủng bố của đất nước, đặc biệt là vấn đề hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này nhằm đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng trong tình hình mới. Bên cạnh đó, thực trạng các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam còn nhiều bất cập, hạn chế, nhiều quy định của pháp luật chưa phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nên việc hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố là vô cùng cần thiết. Hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố được hoàn thiện sẽ giúp hoạt động phòng, chống khủng bố trở nên thuận lợi và hiệu quả hơn; qua đó, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định của khu vực, quốc tế.

1.5.2. Câu hỏi nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và giả thuyết nghiên cứu khoa học nêu trên, tác giả xác định hệ thống các câu hỏi nghiên cứu cụ thể như sau:

Câu hỏi 1: Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay có thể đáp ứng hiệu quả các thách thức về phòng, chống khủng bố đến mức độ nào? Những vấn đề pháp lý nào cần bổ sung hoặc điều chỉnh?

Câu hỏi 2: Việt Nam đã triển khai các cam kết quốc tế nào trong phòng, chống khủng bố? Việc nội luật hóa các cam kết đó đã thực hiện đến đâu và còn hạn chế gì?

Câu hỏi 3: Những mô hình pháp luật về phòng, chống khủng bố từ Nga, Trung Quốc, Anh, Singapore có phù hợp để Việt Nam học hỏi hay không? Pháp luật Việt Nam có thể tiếp thu những kinh nghiệm gì từ quy định pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia nói trên để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống khủng bố trên thực tiễn?

Câu hỏi 4: Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những quy định nào để ứng phó với khủng bố công nghệ cao? Những thách thức pháp lý nào cần được điều chỉnh để phù hợp với xu hướng khủng bố hiện đại (khủng bố mạng, vũ khí sinh học, sử dụng trí tuệ nhân tạo, thiết bị bay không người lái để khủng bố, sử dụng tiền ảo, tiền số tài trợ khủng bố…)?

Câu hỏi 5: Cần có giải pháp hữu hiệu nào để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam?

Tiểu kết Chương 1

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu ở trong nước và quốc tế có liên quan đến đề tài luận án, chương 1 đã hệ thống, phân tích và đánh giá một cách toàn diện những kết quả nghiên cứu đã đạt được, qua đó rút ra một số nhận định mang tính khái quát như sau:

1. Vấn đề phòng, chống khủng bố hiện nay đã và đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Các công trình nghiên cứu được triển khai trên nhiều bình diện, tiếp cận từ nhiều góc độ như an ninh – quốc phòng, chính trị, luật quốc tế, nhân quyền, pháp luật hình sự… Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu và toàn diện về hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, đặc biệt là dưới góc tiếp cận của ngành khoa học lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc nhằm phục vụ cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Từ việc tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án đã xác định được khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ, nhất là các nội dung liên quan đến cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đã xây dựng giả thuyết nghiên cứu và xác lập các câu hỏi nghiên cứu có tính định hướng cho toàn bộ nội dung luận án. Cụ thể, nghiên cứu sẽ tập trung làm rõ ba nhóm vấn đề chính sau đây:

Luận giải các vấn đề lý luận về hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, bao gồm: xác định và phân tích nội hàm các khái niệm cơ bản như "khủng bố", "phòng, chống khủng bố", "pháp luật về phòng, chống khủng bố", "hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố"; làm rõ đặc điểm, vai trò và nội dung của pháp luật trong lĩnh vực này; xác lập các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố; phân tích các yếu tố tác động đến quá trình hoàn thiện pháp luật; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và một số quốc gia tiêu biểu về xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố và rút ra các bài học có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay, thông qua việc khảo sát toàn diện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến phòng, chống khủng bố; đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực thi của các quy định pháp luật trong thực tiễn; đồng thời, xác định những điểm mạnh,

hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong khuôn khổ pháp luật hiện hành thông qua hệ thống các tiêu chí đánh giá đã được xây dựng ở phần lý luận.

Dự báo tình hình khủng bố trong bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay, từ đó xác lập những quan điểm khoa học, định hướng lập pháp và hệ thống giải pháp có tính khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Chương 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

2.1. CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

2.1.1. Khủng bố

Theo từ điển Black's Law Dictionary thì *"khủng bố là việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng bạo lực để đe dọa hoặc gây hoảng loạn nhằm mục đích chính trị"*, trong đó, cuốn từ điển còn giải thích thêm các thuật ngữ có liên quan đến khủng bố như: khủng bố sinh học, khủng bố mạng, khủng bố trong nước, khủng bố quốc tế, khủng bố môi trường, quốc gia tài trợ khủng bố, quốc gia khủng bố [181].

Theo Đại từ điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên xuất bản năm 1998 có định nghĩa "*khủng bố* là dùng bạo lực đàn áp gây nhiều tổn thương, làm cho khiếp sợ hòng khuất phục" [174].

Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam cũng đã đưa ra khái niệm về "khủng bố" như sau:

> "*Khủng bố* là hành động dùng bạo lực của cá nhân, tổ chức, nhà nước hoặc liên minh nhà nước để đe doạ, cưỡng bức đối phương khiến họ vì khiếp sợ mà phải chịu khuất phục. Các hình thức khủng bố thường là bắt cóc, ám sát, đánh bom, tàn sát man rợ... Khủng bố được giới cầm quyền một số nước đế quốc và các thế lực phản động quốc tế coi như một quốc sách hoặc một chiến lược để chống lại các quốc gia tiến bộ và phong trào đòi độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" [19].

Đến nay, khái niệm "khủng bố" đã và đang được các nhà khoa học, cộng đồng quốc tế và các quốc gia ngày một quan tâm, nghiên cứu và nỗ lực đưa ra một khái niệm chung về "khủng bố", xác định nguyên nhân xuất hiện và bản chất của "khủng bố" để từ đó tìm ra những giải pháp thích hợp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả hiện tượng này. Trên thế giới hiện nay có rất nhiều khái niệm khủng bố được đưa ra dưới các quan điểm tiếp cận khác nhau, tuy nhiên vẫn chưa có một khái niệm nào được hoàn chỉnh, thống nhất và đạt được sự đồng thuận của đa số các quốc gia. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất này là do thuật ngữ "khủng bố" mang tính chính trị cao, phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm chính trị của chủ thể đề cập đến nó.

Nhiều nhà khoa học trên thế giới hiện nay đang nỗ lực nghiên cứu để tìm ra một khái niệm hoàn chỉnh, thống nhất, bao quát được toàn bộ nội hàm của khủng bố. Đa phần các nhà nghiên cứu cho rằng khủng bố là hoạt động của cá nhân, tổ chức, nhà nước hay liên

minh nhà nước sử dụng, đe doạ sử dụng bạo lực hoặc các hình thức, thủ đoạn khác để đe doạ, uy hiếp, khuất phục, cưỡng bức cá nhân, cộng đồng, chính quyền nhà nước nhằm mục đích chính trị phi pháp, đi ngược lại với các lợi ích, giá trị tiến bộ của nhân loại [149]. Tuy nhiên, một số học giả lại cho rằng khủng bố là các hoạt động tấn công hoặc đe doạ tấn công bạo lực có động cơ chính trị của các chủ thể phi nhà nước [72, tr.51]. Tác giả cho rằng quan điểm này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh hiện nay khi chủ yếu các hành vi khủng bố đến từ các chủ thể phi nhà nước như cá nhân, các tổ chức khủng bố. Mặc dù có sự tranh cãi về việc liệu nhà nước có thể bị coi là chủ thể thực hiện khủng bố hay không song xét về khía cạnh luật pháp quốc tế, hành vi bạo lực của chính quyền nhà nước thường được xem xét dưới các khuôn khổ pháp lý khác như tội ác chiến tranh, tội ác chống lại loài người hoặc tội ác diệt chủng theo Công ước Geneva và Quy chế Rome của Toà án hình sự quốc tế (ICC – International Criminal Court). Theo tác giả Bruce Hoffman, khủng bố về cơ bản là bạo lực có chủ ý, chuẩn bị sử dụng bạo lực hoặc sử dụng bạo lực để đạt được mục đích của mình. Theo đó, có thể phân biệt khủng bố với các loại tội phạm khác bởi các dấu hiệu sau: (1) Tồn tại bạo lực hoặc đe doạ sử dụng bạo lực; (2) Vì mục tiêu và động cơ chính trị (bao gồm cả mục tiêu về tôn giáo, hệ tư tưởng…); (3) Chủ thể tiến hành do một tổ chức có mạng lưới thống nhất điều khiển, tiến hành; có thể là nhóm chủ thể phi quốc gia hoặc thực thể phi quốc gia [180].

Trên khía cạnh pháp luật quốc tế, hiện nay có khoảng 18 điều ước quốc tế phổ cập toàn cầu và một số điều ước quốc tế khu vực có liên quan đến phòng, chống khủng bố. Tuy nhiên, hầu hết các điều ước này đều không đưa ra bất kỳ một khái niệm cụ thể nào về khủng bố, duy chỉ có Công ước New York về trừng trị việc tài trợ khủng bố năm 1999 đã gián tiếp quy định thế nào là khủng bố. Theo đó, khủng bố được hiểu là các hành vi được quy định tại các điều ước về chống khủng bố hoặc các hành vi xâm hại đến thân thể, sức khoẻ, tính mạng của người dân, hướng tới mục đích đe doạ cộng đồng dân cư hoặc gây sức ép lên một chính phủ hoặc một tổ chức quốc tế phải thực hiện bất kì hành vi nào theo mong muốn của các đối tượng khủng bố [66].

Đối với các điều ước quốc tế khác chủ yếu tiếp cận dưới dạng liệt kê các hành vi khủng bố mà chưa nêu được tính chất, mục đích của khủng bố. Điển hình như các hành vi: khủng bố bằng bom, khủng bố hạt nhân, bắt cóc con tin, đánh dấu vật liệu nổ dẻo, chống lại an toàn hàng không…

Khủng bố không chỉ là mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế mà còn là vấn đề riêng của mỗi quốc gia. Rất nhiều quốc gia trên thế giới quy định về khủng bố và phòng, chống khủng bố ngay trong chính hệ thống pháp luật của quốc gia mình; có quốc

gia quy định về tội phạm khủng bố trong luật hình sự nhưng cũng có quốc gia dành một đạo luật riêng quy định về khủng bố và phòng, chống khủng bố (Liên bang Nga, Trung Quốc, Anh, Australia, Việt Nam…). Điển hình như ở Australia, Luật chống khủng bố quy định hành vi khủng bố được hiểu là những hành động hoặc lời đe dọa về việc sẽ thực hiện hành động, với mục đích gây áp lực, ép buộc cộng đồng hoặc bất kỳ Chính phủ nào nhằm phục vụ cho mục tiêu chính trị, tôn giáo hoặc lý tưởng nhất định. Các hành vi này có thể gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng như: tước đoạt tính mạng, gây thương tích nặng nề hoặc đe dọa đến an toàn của con người; phá hoại hoặc gây thiệt hại lớn về tài sản; làm gia tăng nguy cơ đối với sức khỏe hoặc sự an toàn của công chúng; hoặc làm gián đoạn, cản trở nghiêm trọng hoạt động của các hệ thống hạ tầng trọng yếu như viễn thông, điện lực hay các mạng lưới quan trọng khác. Theo đó, tội khủng bố bao gồm các hành vi vi phạm pháp luật như: trực tiếp thực hiện hành vi khủng bố; lên kế hoạch hoặc chuẩn bị để tiến hành khủng bố; tài trợ cho hoạt động khủng bố hoặc các đối tượng thực hiện khủng bố; tham gia huấn luyện hoặc nhận huấn luyện liên quan đến hoạt động khủng bố; tàng trữ công cụ, phương tiện phục vụ cho khủng bố hoặc thu thập, soạn thảo tài liệu nhằm mục đích hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hành vi khủng bố [213].

Như vậy, khái niệm "khủng bố" được pháp luật Australia xác định tương đối rõ ràng, căn cứ vào các dấu hiệu về hành vi, đó có thể là hành động hoặc đe doạ hành động; dấu hiệu mục đích (nhằm ép buộc hoặc gây sức ép với quần chúng nhân dân hoặc Chính phủ vì mục tiêu chính trị, tôn giáo) và dấu hiệu hậu quả của hành vi.

Ở Việt Nam, thuật ngữ "khủng bố" và "tội phạm khủng bố" được quy định rất cụ thể, rõ ràng tại Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và BLHS năm 2015. Theo Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã liệt kê các hành vi bị coi là khủng bố; theo đó, khủng bố được hiểu là các hành vi như: xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, tinh thần; làm hư hại, phá huỷ tài sản; chế tạo sản xuất, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ…; tuyên truyền, lôi kéo, xúi giục; thành lập, tham gia tổ chức, tuyển mộ đào tạo, huấn luyện đối tượng khủng bố nhằm gây ra tình trạng hoảng sợ trong cộng đồng dân cư; chống chính quyền nhân dân hoặc thậm chí ép buộc các tổ chức quốc tế và gây khó khăn cho nước CHXHCN Việt Nam trong các mối quan hệ đối ngoại của quốc gia.

Tại BLHS năm 2015, hành vi khủng bố được quy định trực tiếp tại 02 điều luật quan trọng: Điều 113 về Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và Điều 299 về Tội khủng bố. Cả hai điều luật này đều điều chỉnh các hành vi có tính chất khủng bố, tuy nhiên điểm khác biệt cốt lõi giữa chúng nằm ở mục đích thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể, Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113) hướng đến mục tiêu xâm phạm

hoặc làm suy yếu chính quyền nhân dân, thông qua các hành vi nguy hiểm như tấn công vào tính mạng của cán bộ, công chức, hoặc người dân, hoặc khủng bố cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế nhằm cản trở quan hệ đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Trong khi đó, Tội khủng bố theo quy định tại Điều 299 lại tập trung vào mục đích gây tâm lý lo sợ, hoảng loạn trong quần chúng nhân dân. Người phạm tội có thể sử dụng hành vi xâm phạm tính mạng người khác, hủy hoại tài sản của tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan nhằm tạo ra sự bất an, hoang mang trong xã hội, mà không nhất thiết phải trực tiếp nhắm vào bộ máy nhà nước.

Có thể thấy rằng hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về khủng bố, mỗi khái niệm được đưa ra đều có những khía cạnh tiếp cận riêng. Tuy nhiên, thông qua việc phân tích các khái niệm về khủng bố trong của pháp luật quốc tế, pháp luật một số quốc gia trên thế giới, từ điển thuật ngữ chuyên ngành và các quan điểm của một số học giả, theo tác giả nội hàm của khái niệm "khủng bố" bao gồm một số yếu tố sau:

Một là, về mặt chủ thể, hành vi khủng bố có thể được thực hiện bởi các cá nhân đơn lẻ, nhóm vũ trang, tổ chức phi chính phủ. Đối với cá nhân đó là những cá nhân hành động đơn độc, không trực tiếp liên kết với tổ chức khủng bố nhưng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng cực đoan; các tổ chức khủng bố có thể là các nhóm vũ trang hoặc tổ chức hoạt động độc lập khỏi chính phủ, tiến hành các cuộc tấn công để đạt mục tiêu chính trị, tôn giáo hoặc tư tưởng.

Hai là, về đối tượng tấn công của hành vi khủng bố hướng tới thường hướng tới đó là dân thường, chính phủ của các quốc gia. Các mục tiêu hướng tới của khủng bố thường là những nơi tập trung đông người như trường học, bệnh viện, trụ sở cơ quan nhà nước… hoặc những nơi có ý nghĩa về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Ba là, về mặt hành vi, khủng bố là những hành vi sử dụng hoặc đe doạ sử dụng bạo lực gây chết người, gây thương tích nghiêm trọng hoặc gây thiệt hại lớn về tài sản như đánh bom, mìn; sử dụng vũ khí hoá học, sinh học; tra tấn… hoặc các hình thức khác (tấn công mạng máy tính…) xâm phạm tới các quyền cơ bản của con người (quyền được sống, quyền tự do…) và lợi ích chính đáng của quốc gia – dân tộc.

Bốn là, về mục đích, đây là hoạt động nhằm mục đích gây ra tình trạng bất ổn trong xã hội, reo giắc nỗi sợ hãi trong dân chúng hoặc ép buộc chính phủ phải đáp ứng yêu cầu của chủ thể tiến hành khủng bố. Động cơ của chủ thể tiến hành khủng bố có thể liên quan tới các vấn đề như: chính trị, tôn giáo, sắc tộc, hệ tư tưởng...

Năm là, về hậu quả, hành vi khủng bố để lại những hậu quả nặng nề về người và tài sản; gây bất ổn về chính trị, thiệt hại về kinh tế, mất trật tự - an toàn xã hội của một quốc gia, khu vực hay toàn thế giới.

Sáu là, về thái độ, quan điểm đối với hành vi khủng bố thì các quốc gia, dân tộc và toàn thế giới đều cật lực lên án, có các biện pháp chủ động, cùng nhau hợp tác để phòng, chống khủng bố.

Từ những yếu tố phân tích nêu trên, theo tác giả, có thể đưa ra khái niệm chung về khủng bố như sau: *"Khủng bố là việc cá nhân, tổ chức sử dụng hoặc đe doạ sử dụng bạo lực và các hình thức khác xâm phạm tới các quyền cơ bản của con người, lợi ích chính đáng của quốc gia – dân tộc nhằm mục đích gây ra tình trạng bất ổn trong xã hội, reo giắc nỗi sợ hãi trong dân chúng hoặc ép buộc chính phủ phải đáp ứng yêu cầu của chúng".*

2.1.2. Phòng, chống khủng bố

Theo Đại từ điển tiếng Việt, "phòng" được hiểu là "tìm cách ngăn ngừa, đối phó với điều không hay có thể xảy ra, gây tai hại cho mình" và "chống" là việc "gây tác động, trở lực ngược lại với hoạt động của ai hoặc của cái gì" [174]. Như vậy, có thể hiểu "phòng, chống khủng bố" theo nghĩa khái quát nhất chính là việc tìm cách ngăn ngừa, đối phó, gây tác động ngược trở lại đối với khủng bố.

Trên thế giới hiện nay các nhà nghiên cứu đã đưa ra rất nhiều mô hình lý thuyết về phòng, chống khủng bố. Điểm chung giữa các lý thuyết về phòng, chống khủng bố khẳng định rằng chính sách chống khủng bố theo truyền thống là sự lựa chọn giữa đường lối cứng rắn và đường lối mềm mỏng. Theo đó, đường lối cứng rắn nhấn mạnh cách tiếp cận bằng việc sử dụng vũ lực để tiêu diệt những kẻ khủng bố, trong khi cách tiếp cận mềm mỏng tập trung vào ngoại giao, thỏa hiệp và cải cách xã hội. Hơn nữa, hầu hết các chuyên gia đều đồng ý rằng để tiến hành chống khủng bố có thể sử dụng nhiều loại chính sách như: ngoại giao, kiểm soát tài chính, lực lượng quân sự, tình báo, hành động bí mật, và các biện pháp pháp lý, hay thậm chí hòa giải đối với chủ nghĩa khủng bố [200].

Nhà nghiên cứu Perliger khẳng định rằng phương pháp chống khủng bố truyền thống thường sử dụng cơ bản ba mô hình lý thuyết do Crelinsten và Schmid đưa ra vào năm 1993, bao gồm: (1) Mô hình hòa giải trong đó xác định chủ nghĩa khủng bố là một vấn đề chính trị được phản ánh trong sự bất lực của một số nhóm xã hội tiếp cận quá trình chính trị. Chính trị, ngoại giao và giải quyết tận gốc nguyên nhân của khủng bố là cơ sở của cách tiếp cận này; (2) Mô hình chiến tranh là mô hình thứ hai, trong khủng bố được coi là một hành động chiến tranh và vũ lực cứng được sử dụng để loại bỏ những kẻ khủng bố; (3) Thứ ba là mô

hình tư pháp hình sự trong đó khủng bố được coi là hành vi tội phạm và do đó cần được giải quyết thông qua hệ thống tư pháp [204].

Trên cơ sở cách tiếp cận theo khía cạnh kinh tế, một số nhà nghiên cứu cho rằng các chính phủ có thể phản ứng với chủ nghĩa khủng bố theo hai cách: dùng "cây gậy" hoặc dùng "củ cà rốt". Theo đó, việc sử dụng "cây gậy" hàm ý cách tiếp cận bằng việc sử dụng lực lượng vũ trang như quân đội, cảnh sát để chống khủng bố. Mặt khác, sử dụng "củ cà rốt" tập trung vào việc khuyến khích những kẻ khủng bố chấm dứt các hoạt động bằng cách đưa ra những lựa chọn về lợi ích tốt hơn cho họ cũng như giảm thiểu lợi ích mà họ nhận được từ việc thực hiện một cuộc tấn công khủng bố. Theo đó, các quốc gia nên tập trung vào phương pháp sử dụng "củ cà rốt" thay vì sử dụng "cây gậy" để giảm thiểu động lực của những kẻ khủng bố [188].

Trong khi đó, Pedahzur và Ranstorp đưa ra một mô hình lý thuyết chống khủng bố theo đó nhà nước sẽ tập trung vào việc bắt giữ và trừng phạt những kẻ khủng bố, chủ yếu thông qua việc sử dụng cảnh sát, cơ quan tình báo và lực lượng chống khủng bố đặc biệt; tính hiệu quả sẽ được đảm bảo bằng các luật đặc biệt để chống lại khủng bố. Mục tiêu chính là đưa những kẻ khủng bố hoặc những kẻ bị tình nghi ra xét xử [203].

Tựu chung lại, có thể thấy rằng có rất nhiều mô hình lý thuyết khác nhau về cách tiếp cận chống khủng bố. Tuy nhiên, trên cơ sở đặc điểm chính trị - xã hội mà mỗi quốc gia sẽ lựa chọn cho mình một mô hình lý thuyết phù hợp trong đấu tranh phòng, chống khủng bố.

Ở Việt Nam, khi tiếp cận hoạt động "phòng, chống khủng bố" dưới góc độ an ninh có thể hiểu phòng, chống khủng bố theo nghĩa rộng là "hoạt động của toàn bộ xã hội nhằm hạn chế, xoá bỏ khả năng, điều kiện hoạt động khủng bố; chủ động phát hiện, ngăn chặn làm thất bại âm mưu, ý đồ hoạt động khủng bố" [149]. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 cũng đã quy định liệt kê các hoạt động phòng, chống khủng bố gồm: "phòng ngừa khủng bố, chống khủng bố, phòng ngừa tài trợ khủng bố và chống tài trợ khủng bố" [122].

Xét dưới góc độ chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách trong công tác phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, hoạt động này được xem là một bộ phận quan trọng trong hệ thống các biện pháp nghiệp vụ an ninh. Theo đó, phòng, chống khủng bố (hay còn gọi là đấu tranh chống khủng bố) được hiểu là tổng hợp các hoạt động nhằm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi âm mưu, hành vi khủng bố dưới nhiều hình thức khác nhau; đồng thời hạn chế tối đa hậu quả, thiệt hại do hành vi khủng bố gây ra và xử lý, trấn áp các đối tượng khủng bố theo quy định pháp luật [86].

Tại Việt Nam, phòng, chống khủng bố không chỉ là nhiệm vụ của lực lượng chức năng mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, bao gồm mọi cá nhân, tổ chức và cả hệ thống chính trị. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân giữ vai trò nòng cốt trong triển khai nhiệm vụ này. Công tác phòng, chống khủng bố được thực hiện thông qua nhiều biện pháp tổng hợp như: tuyên truyền, vận động quần chúng; các giải pháp về kinh tế, pháp luật, đối ngoại, khoa học - kỹ thuật; cùng với việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn, vũ trang và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Phương thức tổ chức hoạt động phòng, chống khủng bố có thể kết hợp giữa bí mật và công khai; bằng các lực lượng dân sự và các lực lượng chuyên trách. Như vậy, có thể thấy rằng bản chất của hoạt động phòng, chống khủng bố chính là việc tổ chức lực lượng, sử dụng các biện pháp, phương thức phù hợp và phương tiện cần thiết nhằm phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý âm mưu, phương thức, thủ đoạn và hoạt động của tội phạm khủng bố trong lãnh thổ của Việt Nam.

Mục tiêu của hoạt động phòng, chống khủng bố phải hướng tới việc giữ vững độc lập, chủ quyền đất nước; đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ; giữ môi trường hoà bình, ổn định về chính trị - xã hội và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoạt động phòng, chống khủng bố cần phải tuân thủ đúng pháp luật; trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Để đạt được mục tiêu chung về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nêu trên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cần thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể như: (1) Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của khủng bố và âm mưu, ý đồ của các đối tượng khủng bố; (2) Đảm bảo an toàn tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người dân và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại mà khủng bố có thể gây ra; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (3) Công tác phòng, chống khủng bố cần duy trì thường xuyên, liên tục; tuyệt đối tránh để bị động, bất ngờ trong mọi trường hợp; (4) Huy động được sức mạnh toàn hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; (5) Công tác phòng, chống khủng bố phải đảm bảo chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, tranh thủ được nguồn lực quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định của khu vực và thế giới; (6) Công tác phòng, chống khủng bố cần tiến hành phù hợp với hệ thống pháp luật trong nước cũng như pháp luật quốc tế.

Công tác phòng, chống khủng bố ở Việt Nam được triển khai với những nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng chính sách và pháp luật về phòng, chống khủng bố: Với vai trò là lực lượng lãnh đạo toàn diện đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng, xây dựng chủ

trương, đường lối và chính sách trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội nói chung, và phòng, chống khủng bố nói riêng. Trên cơ sở đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ cụ thể hóa những định hướng, chính sách này thành hệ thống văn bản pháp luật, làm cơ sở điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố.

- Thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố: Quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố là một bộ phận quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nói riêng. Thông qua việc ban hành và thực thi các quy định pháp luật, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền sẽ sử dụng quyền lực nhà nước để tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động có liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố, nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý và bảo vệ an ninh quốc gia.

- Xây dựng, triển khai các phương án, kế hoạch phòng, chống khủng bố: các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố sẽ tiến hành xây dựng, triển khai các kế hoạch, phương án cụ thể nhằm chủ động phòng ngừa các nguy cơ khủng bố; sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để ngăn chặn, vô hiệu hoá, đấu tranh và xử lý các hành vi khủng bố trên thực tế.

- Điều tra các vụ khủng bố diễn ra tại Việt Nam: các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đặc biệt là cơ quan Công an sẽ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhằm điều tra, xác minh làm rõ các vụ khủng bố; từ đó làm căn cứ để phục vụ công tác đấu tranh với các đối tượng khủng bố hoặc xét xử các đối tượng khủng bố kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật.

Các biện pháp trong phòng, chống khủng bố bao gồm: biện pháp vận động quần chúng; biện pháp pháp luật; biện pháp kinh tế; biện pháp ngoại giao; biện pháp nghiệp vụ; biện pháp vũ trang; biện pháp khoa học kỹ thuật. Trong đó, biện pháp pháp luật được coi là một trong những biện pháp quan trọng đã được cụ thể hoá bằng Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18/5/2011 của Chính phủ quy định về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Theo đó, các chủ thể có trách nhiệm trong công tác phòng, chống khủng bố cần vận dụng đầy đủ, linh hoạt và sáng tạo các quy định của pháp luật để thực hiện hiệu quả việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời mọi âm mưu, hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Việc áp dụng biện pháp pháp luật không chỉ nhằm xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động phòng, chống khủng bố, mà còn hướng tới mục đích răn đe, ngăn chặn, trấn áp và

xử lý nghiêm các hành vi khủng bố cũng như những hành vi tiếp tay, hỗ trợ cho tội phạm khủng bố.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm về phòng, chống khủng bố như sau: *"Phòng, chống khủng bố là hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội, với lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân làm nòng cốt, nhằm phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động khủng bố dưới mọi hình thức, làm giảm hậu quả, thiệt hại do khủng bố gây ra và trừng trị, trấn áp tội phạm khủng bố; qua đó góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền đất nước; đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ; giữ môi trường hoà bình, ổn định về chính trị - xã hội và bảo vệ quyền con người, quyền công dân"*.

2.2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ NỘI DUNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ

2.2.1. Khái niệm pháp luật về phòng, chống khủng bố

Pháp luật được hiểu một cách khái quát đó là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành được bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của nhà nước [165]. Ở Việt Nam, các nhà khoa học pháp lý chủ yếu tiếp cận pháp luật theo trường phái Mác-xít và cho rằng pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí nhà nước của giai cấp thống trị trên cơ sở ghi nhận các nhu cầu về lợi ích của xã hội, được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội với mục đích trật tự và ổn định xã hội vì sự nghiệp phát triển bền vững của xã hội [94, tr.288]. Như vậy, có thể thấy rằng khi bàn về khái niệm pháp luật sẽ chủ yếu đề cập tới các yếu tố cơ bản sau: (1) Là hệ thống quy tắc xử sự chung; (2) Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận/ban hành; (3) Nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội; (4) Được bảo đảm thực hiện bởi nhà nước.

Về nội dung, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố được hiểu là tổng hợp các quy định pháp luật quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động phòng, chống khủng bố. Các quy định có vai trò điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong quá trình phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý khủng bố. Nội dung pháp luật về phòng, chống khủng bố bao gồm các nguyên tắc, định hướng cơ bản trong công tác phòng, chống khủng bố; quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; trách nhiệm của các chủ thể có liên quan; các biện pháp ngăn chặn, xử lý hoạt động khủng bố và tài trợ khủng bố; đồng thời, quy định cả nội dung hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố.

Về mục đích, pháp luật về phòng, chống khủng bố là một bộ phận cấu thành trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhằm phục vụ cho mục tiêu ổn định và phát triển đất nước, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Pháp luật về phòng, chống khủng bố điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể như: cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách về phòng, chống khủng bố; tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động phòng, chống khủng bố; các tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi khủng bố; và các quốc gia, tổ chức quốc tế có hợp tác trong lĩnh vực này. Việc ban hành và thực thi hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố chính là cơ sở pháp lý quan trọng để Nhà nước và toàn xã hội chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý hiệu quả các hành vi khủng bố, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Về hình thức, pháp luật có thể tồn tại dưới dạng tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, hệ thống pháp luật của Việt Nam sử dụng hình thức văn bản quy phạm pháp luật là phổ biến nhất bởi đây là hình thức cho phép thể hiện chính xác, chặt chẽ, nhất quán quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, ý chí của Nhân dân và Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Tương tự như vậy, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam được thể hiện chủ yếu dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật, ở các cấp độ khác nhau từ Hiến pháp, đến các văn bản luật (bộ luật, luật) và văn bản dưới luật (Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư…). Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật này được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục mà Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hợp hiến, hợp pháp.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm pháp luật về phòng, chống khủng bố như sau: *"Pháp luật về phòng, chống khủng bố là hệ thống các nguyên tắc, các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động phòng, chống khủng bố góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ quyền con người, quyền công dân".*

2.2.2. Đặc điểm pháp luật về phòng, chống khủng bố

Như đã phân tích, pháp luật về phòng, chống khủng bố sẽ có những đặc trưng chung của hệ thống pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố còn mang những đặc điểm riêng, cụ thể như sau:

2.2.2.1. Pháp luật về phòng, chống khủng bố mang đặc thù của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Việc bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội luôn là nhiệm vụ có tính chất chiến lược, thường xuyên và lâu dài, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sự tham gia của toàn dân. Nhận thức rõ vai trò thiết yếu của nhiệm vụ này, Đảng và Nhà nước Việt Nam không ngừng chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Mục tiêu đặt ra đó chính là kịp thời phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh hiệu quả với các âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch cũng như các loại tội phạm. Trong tổng thể hệ thống pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố đóng vai trò quan trọng và gắn bó hữu cơ, không thể tách rời.

Quá trình đấu tranh, phòng chống các thế lực thù địch và các loại tội phạm phải luôn ở thế chủ động phòng ngừa, tích cực tấn công; tránh tuyệt đối để đất nước rơi vào tình trạng bị động, bất ngờ. Đây là phương châm chỉ đạo hành động của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Do đó, pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng đều thể hiện tính phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh cao. Tính chất này của pháp luật về phòng, chống khủng bố sẽ giúp phát hiện từ sớm, từ xa những dấu hiệu của khủng bố, từ đó loại bỏ những nguy cơ khủng bố đối với đất nước cũng như có những phương án đấu tranh, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Bên cạnh đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố luôn hướng tới mục tiêu chung của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ an ninh - trật tự đó chính là giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ quyền con người, quyền công dân; giữ môi trường hoà bình, ổn định trong nước, khu vực và quốc tế. Đây đều là những mục tiêu tiên quyết của sự nghiệp cách mạng mà cả hệ thống chính trị và Nhân dân ta hướng tới.

2.2.2.2. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật về phòng, chống khủng bố là các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động phòng, chống khủng bố

Pháp luật được hình thành nhằm điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong xã hội ở từng lĩnh vực khác nhau. Trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, pháp luật được Nhà nước xây dựng, ban hành và bảo đảm thực hiện trên thực tiễn để điều chỉnh các mối quan hệ được hình thành trong chính lĩnh vực này. Các mối quan hệ trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố được tạo dựng nên bởi các chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động phòng, chống khủng bố, trong đó phải kể đến như: các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân (công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch), các quốc gia, tổ chức quốc tế. Các mối quan hệ này thường rất đa dạng, phong phú, có thể tồn tại ở nhiều

lĩnh vực khác nhau có liên quan đến hoạt động phòng, chống khủng bố như: các quan hệ trong lĩnh vực hình sự, tố tụng hình sự liên quan đến tội phạm khủng bố; các quan hệ trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố; các quan hệ trong lĩnh vực an ninh hàng không, hàng hải; an ninh tôn giáo, tín ngưỡng; an ninh mạng; nhóm quan hệ trong lĩnh vực cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; nhóm quan hệ trong lĩnh vực quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; các chất hoá học, sinh học, phóng xạ; nhóm quan hệ phát sinh trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố; nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố; nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình phối hợp phòng, chống khủng bố giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân…

Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố hướng tới điều chỉnh những quan hệ xã hội có tính đặc thù về đối tượng đấu tranh và đối tượng được bảo vệ. Theo đó, đối tượng đấu tranh của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đó chính là các tổ chức, cá nhân hay thậm chí là nhà nước mang tính chất cực đoan thực hiện những hành vi khủng bố xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Đối tượng mà pháp luật về phòng, chống khủng bố hướng tới bảo vệ đó chính là những quan hệ xã hội có tính chất quan trọng, liên quan đến chế độ chính trị, Nhà nước CHXHCN Việt Nam; sự bất khả xâm phạm về độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; sự vững vàng về an ninh quốc gia và sự ổn định về trật tự, an toàn xã hội. Đây là đặc điểm đặc trưng để nhận biết và phân biệt giữa pháp luật về phòng, chống khủng bố với pháp luật trong các lĩnh vực khác thuộc hệ thống pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

2.2.2.3. Pháp luật về phòng, chống khủng bố chủ yếu tồn tại dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật, thuộc các lĩnh vực đa dạng khác nhau

Pháp luật có các hình thức cơ bản gồm: tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật. Những hình thức này đồng thời là các nguồn của pháp luật. Đối với pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam thì hình thức chủ yếu tồn tại dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật. Như đã phân tích, pháp luật về phòng, chống khủng bố điều chỉnh rất nhiều mối quan hệ đa dạng phát sinh trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố nên điều này dẫn đến việc hệ thống các quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng sẽ được quy định rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau, tuỳ thuộc vào tính chất mối quan hệ phát sinh. Điển hình có các luật, bộ luật như: Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022, Luật An ninh mạng năm 2018, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2014

sửa đổi 2019, Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, Luật cư trú năm 2020… và các văn bản hướng dẫn luật như: Nghị định số 122/2013/NĐ-CP quy định về "Tạm ngừng lưu thông, phong toả, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố" (Nghị định 122/2013/NĐ-CP); Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp (Nghị định số 07/2014/NĐ-CP); Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 9/4/2021 của Bộ Công an quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố… *(Xem thêm Phụ lục 2).* Hệ thống các văn bản này sẽ được đề cập, phân tích cụ thể hơn tại Chương tiếp theo. Các văn bản quy phạm pháp luật này đan xen, tương hỗ cho nhau để giúp hoạt động phòng, chống khủng bố được diễn ra một cách thuận lợi, hiệu quả. Tuy nhiên, đôi khi giữa chúng cũng sẽ tồn tại những mâu thuẫn, chồng chéo hay trùng dẫm; làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của hoạt động phòng, chống khủng bố.

2.2.2.4. Nhiều quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Khủng bố là loại tội phạm có tính chất quốc tế, do vậy các quốc gia trên thế giới không chỉ tự mình xây dựng một bộ khung pháp lý nhằm đảm bảo an ninh, an toàn cho đất nước tránh khỏi tình trạng khủng bố mà còn mong muốn hợp tác song phương, đa phương với các quốc gia trong cùng khu vực và trên toàn thế giới để tạo ra những liên minh, liên kết mạnh mẽ chống lại nguy cơ mất an ninh từ các hành vi khủng bố.

Để có thể tăng cường hiệu quả trong công tác phòng, chống khủng bố, đòi hỏi các quốc gia trên thế giới cần phải hợp tác chặt chẽ với nhau thông qua việc ký kết, gia nhập và thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế cũng như các điều ước quốc tế liên quan trong lĩnh vực này. Với vai trò là một thành viên tích cực của Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác, Việt Nam luôn thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm trong việc tham gia ký kết, gia nhập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống khủng bố.

Đặc biệt, trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, Việt Nam đã và đang tích cực nghiên cứu, xem xét tham gia các điều ước quốc tế khu vực và toàn cầu nhằm tăng cường khả năng phối hợp, hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống lại loại tội phạm này. Để đảm bảo việc thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế, Việt Nam đã tiến hành nội luật hóa và không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, qua đó bảo đảm sự phù hợp và tương thích giữa pháp luật Việt Nam và các quy định của pháp luật quốc tế về phòng, chống khủng bố.

Chính vì vậy, trong hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố của Việt Nam hiện nay, bên cạnh các quy phạm pháp luật mang tính đặc thù trong nước, còn tồn tại nhiều quy định có liên quan mật thiết đến pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc là thành viên. Đây chính là cơ sở quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp, hợp tác quốc tế, đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác phòng, chống khủng bố tại Việt Nam.

2.2.3. Vai trò pháp luật về phòng, chống khủng bố

Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận vai trò của pháp luật nói chung; theo đó mọi cơ quan Nhà nước phải được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; xã hội được quản lý trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật [41]. Như vây, có thể thấy rằng pháp luật chính là công cụ, phương tiện quan trọng, không thể thiếu để Nhà nước tổ chức, hoạt động và quản lý xã hội.

Riêng đối với pháp luật về phòng, chống khủng bố, đây là hệ thống pháp luật mang tính chất đặc thù của lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, nằm trong hệ thống pháp luật chung của Việt Nam. Vì vậy, pháp luật về phòng, chống khủng bố sẽ có vai trò quan trọng trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng, được thể hiện ở những khía cạnh cụ thể sau:

- Pháp luật về phòng, chống khủng bố là phương tiện để Nhà nước thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng.

Trong hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam, Đảng Cộng sản là hạt nhân lãnh đạo đất nước về mọi mặt và Nhà nước CHXHCN Việt Nam thực hiện chức năng quản lý đất nước. Nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị đó là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ. Một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng đó chính là đề ra đường lối, chủ trương định hướng sự phát triển của đất nước và Nhà nước sẽ thể chế hoá thành chính sách, pháp luật để thực hiện trong cuộc sống.

Trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố cũng vậy, pháp luật về phòng, chống khủng bố chính là công cụ quan trọng để Nhà nước thể chế hoá các quan điểm của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống khủng bố. Theo đó, qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, Đảng luôn vạch ra những định hướng chỉ đạo trong mỗi nhiệm kỳ đối với các lĩnh vực khác nhau, trong đó có vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh đó, Đảng cũng đề ra các Nghị quyết chuyên đề về an ninh quốc gia trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [5]. Để hiện thực hoá các quan điểm, chính sách của Đảng về

phòng, chống khủng bố, Nhà nước đã xây dựng, thông qua và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, phòng, chống khủng bố như Luật an ninh quốc gia năm 2004, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022…

- Pháp luật về phòng, chống khủng bố là cơ sở để xác lập, củng cố, duy trì và phát triển quyền lực nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố

Pháp luật luôn giữ vai trò là nền tảng quan trọng trong việc xác lập, củng cố và tăng cường quyền lực cho Nhà nước. Khi hệ thống pháp luật được hình thành và vận hành trong xã hội, mọi chủ thể, bao gồm cá nhân, tổ chức cũng như các cơ quan nhà nước đều có nghĩa vụ tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định pháp luật đã ban hành. Một quốc gia sở hữu hệ thống pháp luật toàn diện, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội sẽ góp phần hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước, hạn chế tối đa tình trạng chồng chéo, trùng lặp hay mâu thuẫn trong việc phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Đồng thời, việc quy định rõ ràng, cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan nhà nước sẽ là cơ sở quan trọng nhằm ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, thiếu trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ.

Đối với lĩnh vực phòng, chống khủng bố, việc xây dựng và ban hành các quy phạm pháp luật có vai trò điều chỉnh toàn bộ các mối quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động này, đặc biệt là việc quy định cụ thể quyền hạn và nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Những quy định này không chỉ xác định rõ trách nhiệm, phạm vi quyền hạn của từng chủ thể trong hoạt động phòng, chống khủng bố mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để khẳng định và bảo đảm quyền lực của Nhà nước trong lĩnh vực này. Đồng thời, pháp luật cũng yêu cầu các cá nhân, tổ chức và cơ quan có liên quan phải tuyệt đối tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành quyền lực của Nhà nước trong công tác phòng, chống khủng bố.

- Pháp luật về phòng, chống khủng bố là công cụ hữu hiệu giúp nhà nước quản lý xã hội trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Quản lý xã hội là một trong những chức năng quan trọng của nhà nước. Nhà nước có thể sử dụng rất nhiều công cụ khác nhau để quản lý, điều hành đất nước trong từng lĩnh vực cụ thể. Trong đó, pháp luật được kể đến như một công cụ sắc bén để nhà nước có thể quản lý xã hội một cách hiệu quả.

Hoạt động phòng, chống khủng bố là hoạt động đặc thù và phức tạp. Các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động phòng, chống khủng bố thường rất đa dạng, có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Ở đó, các mối quan hệ này sẽ chịu sự chi phối, điều tiết của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố và nhà nước sẽ dùng công cụ pháp luật để quản lý, định hướng sự vận động, phát triển của các mối quan hệ đó hướng tới mục tiêu chung đó là bảo vệ an ninh trật tự của đất nước.

Bên cạnh vai trò là công cụ khẳng định quyền lực của Nhà nước, pháp luật về phòng, chống khủng bố còn là căn cứ quan trọng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia vào các hoạt động phòng, chống khủng bố. Thông qua các quy định pháp luật, các chủ thể có thể xác định rõ phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, từ đó tạo những điều kiện tốt nhất cho việc tổ chức thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan, lực lượng có liên quan. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để các tổ chức, cá nhân nhận biết được những hành vi được phép thực hiện, nghĩa vụ bắt buộc phải làm và những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động phòng, chống khủng bố.

- Pháp luật về phòng, chống khủng bố đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và mở rộng hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố.

Đây là nền tảng pháp lý quan trọng giúp Việt Nam thực hiện nghiêm túc các điều ước quốc tế mà mình là thành viên, đồng thời góp phần tích cực vào việc xây dựng một môi trường hoà bình, an toàn và ổn định không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn trên phạm vi khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh phòng, chống khủng bố là nhiệm vụ chung mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia, thì việc hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia có quy định cụ thể về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng là hết sức cần thiết. Đối với Việt Nam, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã và đang tạo hành lang pháp lý quan trọng, thúc đẩy mạnh mẽ việc hợp tác quốc tế với các quốc gia khác, đặc biệt là trong các lĩnh vực như: đào tạo, huấn luyện chuyên môn; trao đổi, chia sẻ thông tin; tương trợ tư pháp; dẫn độ tội phạm khủng bố…

Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống khủng bố cũng là công cụ quan trọng để nội luật hoá các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Đến nay, Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Để thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các cam kết đó, Việt Nam không ngừng đẩy mạnh quá trình cải cách tư pháp, đồng thời

hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Qua đó, góp phần nâng cao vị thế, khẳng định vai trò và tầm ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Pháp luật về phòng, chống khủng bố góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân

Bảo vệ và thúc đẩy thực thi quyền con người, quyền công dân đang là xu thế, là nhiệm vụ của toàn nhân loại. Các giá trị chung về quyền con người như các quyền dân sự, chính trị; các quyền kinh tế, văn hoá, xã hội… luôn được các quốc gia ưu tiên đảm bảo. Thực tế đã chứng minh rằng hậu quả mà khủng bố để lại là vô cùng nặng nề và tàn khốc, chúng có thể làm hàng trăm, hàng nghìn người bị chết, làm ảnh hưởng trực tiếp đến công việc, khả năng lao động, học tập…của người dân và gây mất ổn định xã hội. Do vậy, các quốc gia trên thế giới cần chủ động xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố, đây sẽ là "tấm lá chắn vững chắc" để bảo vệ con người tránh khỏi những tác động tiêu cực từ khủng bố, ngăn ngừa nguy cơ khủng bố và loại bỏ những hành vi khủng bố xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của con người, của công dân.

2.2.4. Nội dung pháp luật về phòng, chống khủng bố

Pháp luật về phòng, chống khủng bố là một phần không thể thiếu trong hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia. Nội dung của pháp luật về phòng, chống khủng bố bao gồm một tập hợp đa dạng các nhóm quy phạm pháp luật, điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong quá trình phòng, chống khủng bố. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của luận án này, chỉ tập trung phân tích năm nhóm quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố, những nhóm quy phạm hiện nay vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế, cần được hoàn thiện. Cụ thể, các nhóm quy phạm này bao gồm:

Thứ nhất, nhóm các quy định chung về phòng, chống khủng bố.

Các quy định chung của pháp luật về phòng, chống khủng bố bao gồm các quy phạm pháp luật chứa đựng những nội dung cốt lõi, cơ bản nhất về phòng, chống khủng bố như: các nguyên tắc phòng, chống khủng bố; chính sách của Nhà nước đối với hoạt động phòng, chống khủng bố; trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong hoạt động phòng, chống khủng bố; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động phòng, chống khủng bố. Đây chính là khung pháp lý tiền đề làm cơ sở để xây dựng, phát triển và hoàn thiện các chế định cụ thể của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

Thứ hai, nhóm quy định pháp luật về phòng ngừa khủng bố.

Các quy định của pháp luật về phòng ngừa khủng bố hướng tới mục tiêu phát hiện từ sớm, từ xa các nguy cơ khủng bố, từ đó có biện pháp phòng, chống hiệu quả. Trong đó, các quy định về phòng ngừa khủng bố không những bao gồm phòng ngừa hành vi khủng bố mà còn phòng ngừa cả hành vi tài trợ khủng bố bởi đây chính là nguồn lực giúp cho hoạt động khủng bố được duy trì và phát triển. Nghiên cứu về các quy định pháp luật về phòng ngừa khủng bố cho thấy nhóm quy phạm pháp luật này chủ yếu liên quan đến quản lý nhà nước về an ninh – trật tự. Vì vậy, nhóm quy định pháp luật về phòng ngừa khủng bố sẽ bao gồm những quy định cụ thể sau:

Một là, các quy định pháp luật về quản lý cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Đây là nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người Việt Nam hoặc người nước ngoài. Các quy phạm này chủ yếu nhằm quản lý, kiểm soát hoạt động ra vào của các đối tượng tình nghi là khủng bố. Từ đó, chủ động phát hiện và ngăn chặn kịp thời các đối tượng khủng bố xâm nhập vào lãnh thổ đất nước. Hệ thống các quy phạm thuộc nhóm này sẽ quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý nhà nước và xử lý vi phạm thuộc lĩnh vực xuất, nhập cảnh và cư trú; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú tại Việt Nam…

Hai là, các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các chất hoá học, sinh học, phóng xạ. Vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các chất hoá học, sinh học, phóng xạ là những công cụ, phương tiện nguy hiểm mà đối tượng khủng bố thường xuyên sử dụng để thực hiện hành vi của mình. Chính vì vậy, cần có những biện pháp thích hợp để quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các chất hoá học, sinh học, phóng xạ vào đúng mục đích hợp pháp. Theo đó, việc Nhà nước ban hành các quy định pháp luật nhằm phòng ngừa từ sớm, phát hiện từ xa, ngăn chặn việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các chất hoá học, sinh học, phóng xạ trái pháp luật là vô cùng cần thiết. Nội dung của nhóm quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm soát việc sản xuất, sở hữu, chuyển giao, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các chất hoá học, sinh học, phóng xạ chủ yếu đề cập đến các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền trong việc quản lý, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các chất hoá học, sinh học, phóng xạ; chế tài xử phạt trong lĩnh vực này…

Ba là, các quy định phạm pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh hàng không, an ninh hàng hải, an ninh đường bộ. Khủng bố hàng không, hàng hải là những loại khủng bố tương đối phổ biến từ trước đến nay. Các đối tượng thường có các hành vi chiếm đoạt, sử dụng tàu bay, tàu thuỷ để khủng bố; bắt cóc con tin trên tàu bay, tàu thuỷ…Nhóm quy

phạm pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh hàng không, hàng hải sẽ điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực an ninh hàng không, hàng hải; từ đó, phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ khủng bố xảy ra. Nội dung nhóm quy phạm này chủ yếu đề cập đến quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giao thông đường bộ, hàng hải, hàng không dân dụng; bảo vệ an ninh, trật tự và các công trình trên bộ, hàng không, hàng hải; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, hàng hải, hàng không dân dụng.

Bốn là, các quy định pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin. Trong thời đại số ngày nay, khủng bố mạng đang là xu hướng mới của chủ nghĩa khủng bố và không gian mạng chính là môi trường hoạt động chủ yếu của loại khủng bố này. Do đó, việc kiểm soát và quản lý môi trường mạng, đồng thời đảm bảo an ninh mạng và an ninh thông tin, là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải đặc biệt quan tâm. Nhóm quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý và bảo vệ an ninh mạng, an ninh thông tin trong công tác phòng, chống khủng bố quy định rõ ràng quyền hạn và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức và cá nhân khi sử dụng mạng thông tin. Các quy định này cũng xác định trách nhiệm của các chủ thể trong việc bảo vệ an ninh mạng, đồng thời quy định các biện pháp kiểm soát an ninh mạng và xử lý các sự cố liên quan đến an ninh mạng, đặc biệt là hệ thống dữ liệu, thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Năm là, các quy định của pháp luật về quản lý giao dịch tài chính, tiền tệ. Tài trợ khủng bố là hoạt động nguy hiểm nhằm mục đích nuôi dưỡng các đối tượng khủng bố, cung cấp tài chính cho các hoạt động khủng bố. Các quy định của pháp luật về quản lý giao dịch tài chính, tiền tệ sẽ giúp Nhà nước kiểm soát, quản lý các vấn đề như rửa tiền nhằm mục đích tài trợ khủng bố; sử dụng linh hoạt các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm "đóng băng" tài sản của các đối tượng khủng bố, tài trợ khủng bố; xác định danh sách các đối tượng liên quan đến hoạt động khủng bố và tài trợ khủng bố…

Thứ ba, nhóm quy định pháp luật về chống khủng bố.

Nhóm quy phạm này bao gồm các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự nhằm trừng trị tội phạm khủng bố, tài trợ khủng bố và các loại tội phạm có liên quan; quy định về các biện pháp chống khủng bố và tài trợ khủng bố; quy định về chống khủng bố nhằm bảo vệ các mục tiêu có tính chất đặc thù.

Một là, các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự về tội khủng bố, tài trợ khủng bố và các loại tội phạm có liên quan đến khủng bố. Tập hợp các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hình sự, tố tụng hình sự về tội khủng bố và các tội phạm có liên quan đến khủng bố là nhóm quy phạm pháp luật quan trọng, không thể thiếu trong hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố. Nhóm quy phạm này sẽ trực tiếp điều chỉnh các mối quan hệ

phát sinh trong việc định danh tội phạm, xác định hình phạt đối với các loại tội phạm khủng bố, tài trợ khủng bố và các tội phạm khác có liên quan; trình tự, thủ tục, thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về khủng bố, tài trợ khủng bố.

Ngoài ra, pháp luật hình sự không chỉ quy định về tội khủng bố mà còn ghi nhận các loại tội phạm khác có liên quan đến hành vi khủng bố như: Tội tài trợ khủng bố; tội rửa tiền; các loại tội phạm liên quan đến an toàn hàng hải; các loại tội phạm liên quan đến an toàn hàng không; tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; các loại tội phạm liên quan đến sử dụng, mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; các loại tội phạm liên quan đến quản lý, sử dụng, mua bán trái phép các chất hoá học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân; các loại tội phạm liên quan đến an ninh mạng; các loại tội phạm liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú; các tội phạm liên quan đến tự do, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng… Nội dung các quy phạm pháp luật hình sự quy định về các loại tội phạm nêu trên đều giúp xác định một cách rõ ràng cấu thành tội phạm và mức chế tài xử lý hình sự đối với từng tội phạm.

Về tố tụng hình sự, các quy phạm pháp luật chủ yếu nhằm xác định trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm khủng bố; khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thi hành án hình sự đối với tội phạm khủng bố và các tội phạm khác có liên quan; nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tổ chức, cá nhân trong hoạt động tố tụng hình sự; hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự nhằm dẫn độ tội phạm khủng bố, tương trợ tư pháp hình sự về tội khủng bố, chuyển giao người bị kết án phạt tù về tội khủng bố…

Hai là, quy định về các biện pháp chống khủng bố và tài trợ khủng bố.

Trong trường hợp xảy ra khủng bố, cần phải có các quy định pháp luật về các biện pháp chống khủng bố để các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai hiệu quả các biện pháp này trong thực tiễn. Các quy định về biện pháp chống khủng bố và tài trợ khủng bố bao gồm các nội dung về các biện pháp nghiệp vụ chống khủng bố cụ thể; các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố và thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp này; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tài trợ khủng bố.

Ba là, quy định về chống khủng bố nhằm bảo vệ các mục tiêu có tính chất đặc thù.

Các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, các cơ sở thông tấn, báo chí, tổ chức quốc tế của Việt Nam tại nước ngoài, cũng như cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài, đều là những mục tiêu thường xuyên bị khủng bố nhắm đến. Pháp luật phòng, chống khủng bố đã quy định các biện pháp bảo vệ an toàn cho các mục tiêu đặc thù này,

bao gồm trách nhiệm của các chủ thể khi phát hiện nguy cơ khủng bố, cũng như quy trình xử lý khi xảy ra các tình huống khủng bố đối với các cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong những tình huống khẩn cấp liên quan đến an ninh quốc gia do khủng bố, pháp luật cũng quy định các biện pháp bảo vệ các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia, bảo vệ tính mạng, tài sản của công dân trong trường hợp khẩn cấp, cùng phương án xử lý khi tình huống này xảy ra.

Thứ tư, nhóm quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố đóng vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia của Việt Nam. Với tính chất xuyên quốc gia ngày càng tăng của các hành vi khủng bố, đe dọa an ninh quốc gia, ổn định xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước, Việt Nam đã chủ động tham gia và xây dựng các quy định pháp luật nhằm mở rộng, đi sâu vào các quan hệ hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố. Nhóm quy phạm pháp luật này quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân trong hợp tác quốc tế; các nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế, và trách nhiệm trong việc tương trợ tư pháp hình sự để giải quyết các vụ án khủng bố, cũng như tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến phòng, chống khủng bố.

Các quy định pháp lý về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố tập trung ở các lĩnh vực cụ thể như:

- Phối hợp trong điều tra và truy tố tội phạm khủng bố: tương trợ tư pháp về hình sự, bao gồm việc thu thập chứng cứ, điều tra, trao đổi thông tin tình báo về đối tượng khủng bố; dẫn độ tội phạm, tham gia vào các cơ chế dẫn độ quốc tế và có các điều khoản cụ thể về việc dẫn độ tội phạm khủng bố theo yêu cầu của quốc gia yêu cầu. Tuy nhiên, việc dẫn độ phải tuân thủ các nguyên tắc pháp lý và yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Hợp tác trong lĩnh vực tài chính và tài trợ cho khủng bố: cam kết không cho phép hoặc hỗ trợ tài trợ cho các tổ chức khủng bố; kiểm soát các dòng tiền quốc tế, tham gia các sáng kiến toàn cầu để kiểm soát các dòng tiền và các giao dịch tài chính quốc tế nhằm ngăn ngừa hành vi tài trợ cho khủng bố.

- Hợp tác về trao đổi thông tin, dữ liệu: hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin liên quan đến các mối đe dọa khủng bố, các nhóm khủng bố hoạt động xuyên quốc gia và các phần tử bị tình nghi có liên quan đến khủng bố.

- Hợp tác trong đào tạo, huấn luyện và hỗ trợ kỹ thuật: tham gia các chương trình huấn luyện và đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực như chống khủng bố, phòng chống tài trợ khủng bố, ứng phó với tình huống khẩn cấp liên quan đến khủng bố; cung cấp và nhận hỗ trợ kỹ thuật: tham gia vào các cơ chế hợp tác về cung cấp trang thiết bị, công nghệ và phương tiện để phục vụ công tác phòng, chống khủng bố.

Có thể thấy rằng, các quy định về hợp tác quốc tế sẽ giúp cho hoạt động này thông suốt; góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

Thứ năm, nhóm quy định pháp luật về tổ chức hoạt động phòng, chống khủng bố.

Nhóm quy định về tổ chức hoạt động phòng, chống khủng bố đóng vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật phòng, chống khủng bố, nhằm xây dựng một cơ chế hợp tác chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức. Nhóm quy phạm này quy định các vấn đề như: cơ cấu tổ chức của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố; quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố và ứng phó, giải quyết các vụ khủng bố

Việc tạo ra một cơ chế phối hợp hiệu quả sẽ giúp đảm bảo sự thống nhất trong hành động và trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng, từ đó nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi khủng bố. Hệ thống các cơ quan chức năng tham gia vào công tác phòng, chống khủng bố bao gồm:

- Cơ quan an ninh, cảnh sát, quân đội, tình báo: Chịu trách nhiệm phát hiện, điều tra, ngăn chặn hành vi khủng bố và bảo vệ an ninh quốc gia.

- Cơ quan tư pháp (Toà án, Viện Kiểm sát): Thực hiện việc xét xử các đối tượng liên quan đến khủng bố theo quy định của pháp luật, đồng thời hỗ trợ trong việc thu thập chứng cứ và xét xử các vụ án khủng bố.

- Các cơ quan quản lý nhà nước: Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Thông tin và truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam… tham gia trong các lĩnh vực quản lý chuyên ngành như kiểm soát các hành vi tài trợ khủng bố, xuất nhập cảnh qua đường biên giới, mua bán các loại vũ khí, các chất hoá học, sinh học, phóng xạ...

Các quy định về tổ chức hoạt động và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong công tác phòng, chống khủng bố hướng tới những mục tiêu như: (1) tăng cường hiệu quả hoạt động phòng ngừa khủng bố, phối hợp giữa các cơ quan giúp phát hiện, kịp thời ngăn ngừa các hành vi khủng bố trước khi chúng xảy ra, từ đó hạn chế thiệt hại về người và tài sản; (2) Tạo sự liên kết chặt chẽ trong điều tra và xử lý tội phạm. Các cơ quan có thể chia sẻ thông tin dữ liệu, kết quả điều tra; từ đó tránh sự trùng lặp, thiếu sót trong quá trình xử lý

vụ án khủng bố; (3) Bảo đảm tính hiệu quả và kịp thời. Theo đó, các cơ quan cần có khả năng đáp ứng nhanh chóng trước các tình huống khẩn cấp về khủng bố; sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan sẽ giúp giảm thiểu thời gian và tăng cường hiệu quả hành động.

2.3. KHÁI NIỆM VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ

2.3.1. Khái niệm hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam

Theo Đại từ điển tiếng Việt, *"hoàn thiện"* được hiểu là *"làm cho tốt đẹp đến mức trọn vẹn, hoàn hảo"* [174]. Tuy nhiên, mọi sự vật, hiện tượng đều mang tính chất tương đối, không có sự trọn vẹn và hoàn hảo tuyệt đối trên thực tế. Tính trọn vẹn và hoàn hảo là mục tiêu mà hoạt động hoàn thiện hướng tới.

Pháp luật là một thành tố thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội và nó biến đổi, phụ thuộc và do cơ sở hạ tầng ở chính xã hội đó quyết định. Do đó, pháp luật luôn có sự thay đổi, phát triển để phù hợp với các quan hệ sản xuất tồn tại trong xã hội. Xuất phát từ bản chất mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, có thể khẳng định rằng hoàn thiện pháp luật sẽ là hoạt động mang tính chất thường xuyên, liên tục để có thể đáp ứng được sự phát triển, biến đổi không ngừng của các quan hệ xã hội.

Như vậy, theo nghĩa chung nhất, hoàn thiện pháp luật là hoạt động của nhà nước, mang tính thường xuyên, liên tục nhằm làm cho pháp luật ngày càng trở nên tốt đẹp hơn, hướng tới sự trọn vẹn, hoàn hảo và phù hợp với sự phát triển của mỗi hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố là hoạt động nhằm giúp pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố trở nên hoàn chỉnh hơn. Để pháp luật về phòng, chống khủng bố ngày càng toàn diện, đồng bộ, thống nhất, phù hợp, khả thi, công khai, minh bạch và đảm bảo kỹ thuật pháp lý, qua đó phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn khủng bố và nguy cơ khủng bố, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của đất nước thì hoạt động hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được quan tâm, chú trọng.

Để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố, cần thực hiện đồng bộ các hoạt động sau: (1) Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố; (2) Đảm bảo các điều kiện cần thiết để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

(1) Việc hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố bao gồm các hoạt động như: sửa đổi các quy phạm pháp luật hiện hành, bãi bỏ những quy phạm đã lỗi thời, không còn phù hợp, và xây dựng, ban hành các quy phạm pháp luật mới phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội của đất nước. Quá trình này cần trải qua các giai đoạn như:

nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố, tổ chức dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá tác động của các quy định pháp luật, tổ chức thẩm định và thẩm tra các văn bản pháp lý trước khi ban hành, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo các văn bản pháp luật, và cuối cùng là hệ thống hoá, pháp điển hoá các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này.

(2) Đảm bảo các điều kiện cần thiết để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố là hoạt động xây dựng và chuẩn bị các điều kiện thuận lợi nhất, bao gồm nguồn lực về con người, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Việc này nhằm xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng đến một hệ thống pháp luật phòng, chống khủng bố toàn diện, đồng bộ, thống nhất, khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật pháp lý. Khi các điều kiện này được đảm bảo, quá trình hoàn thiện pháp luật sẽ trở nên thuận lợi hơn và đạt được hiệu quả cao.

Tóm lại, có thể đưa ra định nghĩa hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố như sau: *"Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố là hoạt động làm cho hệ thống pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố ngày càng toàn diện, đồng bộ, thống nhất, phù hợp, khả thi, công khai, minh bạch và đảm bảo kỹ thuật pháp lý nhằm phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn khủng bố và nguy cơ khủng bố, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân"*.

2.3.2. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam

Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố là căn cứ quan trọng để xem xét mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này. Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện của một hệ thống pháp luật. Theo Nghị quyết 27-NQ/TW về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, mục tiêu là: "Xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán" [3]. Tuy nhiên, đối với đặc thù của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay, luận án tập trung vào một số tiêu chí chính để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật, bao gồm: tính toàn diện, tính đồng bộ và thống nhất, tính phù hợp và khả thi, tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận, cùng với việc đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật pháp lý.

2.3.2.1. Tính toàn diện của pháp luật về phòng, chống khủng bố

Tính toàn diện là một trong những tiêu chí quan trọng cốt lõi để đánh giá một hệ thống pháp luật có hoàn chỉnh hay không. Chính vì vậy, để xem xét mức độ hoàn thiện của pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam cần làm rõ sự toàn diện của hệ thống pháp luật. Tính toàn diện của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Một là, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần bao quát toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực này tại Việt Nam, đồng thời có đầy đủ các quy định cần thiết để điều chỉnh mọi quan hệ phát sinh liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố. Các hoạt động và mối quan hệ trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố thường rất đa dạng, bao gồm những vấn đề như phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm khủng bố, ngăn chặn tài trợ cho khủng bố, và hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố. Đối với mỗi loại mối quan hệ này, hệ thống pháp luật cần có các quy định cụ thể để giải quyết hiệu quả những vấn đề phát sinh trong thực tế.

Hai là, tính toàn diện của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố còn thể hiện ở việc Nhà nước ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật để chi tiết hóa việc thi hành luật. Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật gồm hai loại văn bản chính: văn bản luật và văn bản dưới luật. Để đảm bảo việc triển khai pháp luật một cách hiệu quả và kịp thời, Nhà nước không chỉ dựa vào các văn bản luật mà còn cần ban hành các văn bản dưới luật chi tiết hóa việc thực thi các quy định của pháp luật. Các văn bản dưới luật này có thể bao gồm Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, và Thông tư của Bộ trưởng hoặc thủ trưởng các cơ quan ngang bộ.

Ba là, tính toàn diện của pháp luật về phòng, chống khủng bố được thể hiện ở việc hệ thống pháp luật không chỉ chú trọng đến việc xây dựng luật nội dung mà còn quan tâm đến luật hình thức, về trình tự, thủ tục… Pháp luật nội dung chứa đựng tổng thể những quy phạm pháp luật quy định, mô tả và điều chỉnh trực tiếp các quan hệ xã hội; chúng tạo ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các chủ thể. Trong khi đó, luật hình thức bao gồm tất cả các quy phạm pháp luật quy định về các phương thức thực thi các quyền được quy định bởi luật nội dung. Giữa luật nội dung và luật hình thức luôn có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau, chúng là hai mặt của một vấn đề. Nếu chỉ có luật nội dung mà không có luật hình thức thì các quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể chỉ tồn tại trên văn bản mà không thể đi vào thực tiễn cuộc sống. Ngược lại, nếu không có luật nội dung thì sẽ không có cơ sở hình thành, tồn tại luật hình thức. Ngoài ra, việc hệ thống quy

phạm pháp luật hình thức quy định cụ thể, rõ ràng về quy trình, thủ tục, thẩm quyền của các chủ thể sẽ tránh được các hiện tượng lạm dụng quyền lực, áp dụng tuỳ tiện và thiếu nhất quán các quy phạm pháp luật nội dung trên thực tế. Chính vì vậy, khi hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố cần phải quan tâm, chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện cả luật nội dung cũng như luật hình thức.

2.3.2.2. Tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật về phòng, chống khủng bố

Sự đồng bộ, thống nhất là yếu tố quan trọng giúp một hệ thống pháp luật hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố sẽ được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất là một hệ thống không tồn tại những quy định có nội dung chồng chéo, trùng dẫm và mâu thuẫn. Các bộ phận hợp thành hệ thống pháp luật luôn có mối liên hệ gắn bó, tương hỗ và thống nhất với nhau. Nếu một hệ thống pháp luật không đồng bộ, chứa đựng những mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy định thì hệ thống pháp luật ấy sẽ không thể điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách có hiệu quả [170]. Do vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất thì hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần phải loại bỏ những quy định chồng chéo, trùng dẫm hay thậm chí mâu thuẫn với nhau.

Thứ hai, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong chính các quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp các quan hệ phát sinh trong hoạt động phòng, chống khủng bố. Như đã phân tích, các quy phạm pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố rất đa dạng, phong phú và chúng được quy định tại nhiều văn bản khác nhau. Mặc dù các quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố không được tập hợp tại một văn bản pháp lý duy nhất song giữa chúng vẫn cần thể hiện được sự thống nhất, đồng bộ. Giữa những quy định cần có sự thống nhất, liên kết chặt chẽ, cùng nhau phối hợp, tác động lên các mối quan hệ phát sinh trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố theo một cách thức, chiều hướng nhất định để đạt được mục tiêu chung.

Thứ ba, tính đồng bộ, thống nhất còn được thể hiện ở việc hệ thống quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố phù hợp với hệ thống quy phạm pháp luật có liên quan, đảm bảo giá trị pháp lý giữa các văn bản phải đúng thứ bậc: Hiến pháp, Luật, Nghị định…Theo đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố không những đồng bộ, thống nhất trong nội tại của hệ thống mà còn phù hợp, nhất quán với tổng thể hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam. Trong đó, Hiến pháp luôn được coi là đạo luật gốc, có giá trị pháp lý tối cao, sau đó là Luật do Quốc hội ban hành và các văn bản dưới luật của các chủ

thể có thẩm quyền. Hệ thống các quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố khi được xây dựng, ban hành không được trái với các quy định của Hiến pháp, phải đảm bảo tính hợp hiến và phải bám sát những nội dung tư tưởng mà Hiến pháp đề ra, đặc biệt là về lĩnh vực an ninh – quốc phòng. Bên cạnh đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng cần phải đồng bộ với các quy định pháp luật khác có liên quan, điều này sẽ góp phần xây dựng hệ thống pháp luật nước CHXHCN Việt Nam hiệu lực, hiệu quả.

2.3.2.3. Tính phù hợp, khả thi của pháp luật về phòng, chống khủng bố

Pháp luật về phòng, chống khủng bố phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước trong mỗi thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định. Có thể thấy rằng, một hệ thống pháp luật được sinh ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mong muốn, định hướng của nhà nước. Chức năng điều chỉnh của pháp luật chỉ phát huy hiệu quả khi và chỉ khi hệ thống pháp luật đó phù hợp với những điều kiện cụ thể của thực tế đời sống xã hội. Theo đó, khi xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng cần phải phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, không được cao hơn hay thấp hơn mà phải tương thích với trình độ phát triển đó. Sự tương thích giữa pháp luật về phòng, chống khủng bố với trình độ phát triển xã hội có thể xem xét trên nhiều mặt khác nhau như: kinh tế, chính trị, văn hoá, an ninh – quốc phòng, đối ngoại…, cụ thể như sau:

Về mặt kinh tế, pháp luật về phòng, chống khủng bố phải được xây dựng trên cơ sở những điều kiện kinh tế vốn có của đất nước; từ nguồn lực của nhà nước (cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, ngân sách, trình độ năng lực của cán bộ, công chức…) cho đến nguồn lực bên ngoài xã hội.

Về mặt chính trị, pháp luật về phòng, chống khủng bố cần thể chế hoá đúng đắn đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng; đây chính là kim chỉ nam định hướng quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này.

Về mặt văn hoá, pháp luật về phòng, chống khủng bố phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc, đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi khách quan và thể hiện được ý chí, nguyện vọng của đông đảo tầng lớp nhân dân. Khi xem xét về nguyên nhân của khủng bố, vấn đề dân tộc, tôn giáo là một trong những yếu tố phổ biến dẫn đến khủng bố. Do vậy, quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần quan tâm đến yếu tố này và đảm bảo rằng các quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố phải phù hợp với những đặc trưng văn hoá của dân tộc.

Ở một khía cạnh khác, sự phù hợp giữa pháp luật về phòng, chống khủng bố với văn hoá còn có thể tiếp cận dưới giác độ văn hoá pháp lý. Văn hoá pháp lý (hay còn gọi là văn hoá pháp luật) được hiểu là thái độ ứng xử, hệ thống các giá trị và quan điểm của xã hội đối với pháp luật, hệ thống pháp luật và các hợp phần đa dạng khác của hệ thống pháp luật [189]. Như vậy, khi xem xét về tính phù hợp của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng cần lưu ý đến yếu tố văn hoá pháp lý của xã hội đối với pháp luật.

Về an ninh – quốc phòng, pháp luật về phòng, chống khủng bố phải đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh của quốc gia, đó chính là giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; không để bị động, bất ngờ trong mọi hoàn cảnh. Mọi quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được xây dựng và hoàn thiện để hướng tới mục tiêu nói trên.

Về đối ngoại, pháp luật về phòng, chống khủng bố cần đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là những điều ước mà Việt Nam đã tham gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày nay, Việt Nam đang tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, bao gồm cả công tác phòng, chống khủng bố. Để đảm bảo cho hoạt động hợp tác được thuận lợi, hiệu quả, Việt Nam cần tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế đã tham gia và một trong những yêu cầu bắt buộc đặt ra đó chính là nội luật hoá các điều ước quốc tế. Do vậy, khi xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần phải đảm bảo sự phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế về mà Việt Nam là thành viên.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần có tính khả thi để triển khai thực hiện trên thực tiễn được dễ dàng, thuận tiện và đạt hiệu lực, hiệu quả cao. Theo đó, các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố phải có khả năng thực hiện được trong điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội hiện tại, phải được triển khai kịp thời, đáp ứng được yêu cầu bối cảnh xã hội đặt ra. Mục đích đề ra của hệ thống pháp luật có thể đạt được trên thực tế; số lượng và chất lượng của các kết quả thực tế đạt được với những chi phí phù hợp với kiện kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước. Có thể thấy rằng, giữa tính phù hợp và khả thi có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau, tính phù hợp là tiền đề, nguyên nhân để dẫn đến tính khả thi và ngược lại, tính khả thi chính là kết quả của sự phù hợp của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đối với trình độ phát triển xã hội.

2.3.2.4. Tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận

Tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận được coi là tiêu chuẩn chung của pháp luật. Công khai là hoạt động để mọi chủ thể trong xã hội đều biết, minh bạch là việc diễn giải các quy định trở nên rõ ràng và dễ tiếp cận là mọi người dân đều có thể hiểu và áp dụng

pháp luật một cách dễ dàng. Tính minh bạch của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật không chỉ đơn giản là sự rõ ràng của các quy định, mà còn là sự rõ ràng về ý đồ điều chỉnh pháp luật và những tác động mà văn bản pháp luật có thể mang lại cho xã hội [71]. Công khai hoá, minh bạch hoá và dễ tiếp cận hệ thống pháp luật chính là một yếu tố then chốt để xây dựng quy tắc pháp quyền và xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Do đó, cũng như mọi hệ thống pháp luật khác, pháp luật về phòng, chống khủng bố phải thể hiện được tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận và nó được thể hiện trong cả quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện pháp luật. Công khai, minh bạch, dễ tiếp cận các quy định về phòng, chống khủng bố sẽ giúp các chủ thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện hiệu quả các quyền, nghĩa vụ của mình. Theo đó, quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được lấy ý kiến công khai trước khi được ban hành. Nội dung các văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố phải quy định rõ ràng quyền, nghĩa vụ của các chủ thể và quy trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo đúng quy định, các quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố phải được người dân và các chủ thể liên quan dễ dàng tiếp cận, triển khai thực hiện trên thực tiễn đời sống.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng trong một số trường hợp ngoại lệ, các văn bản về phòng, chống khủng bố có liên quan đến bí mật nhà nước, vì yêu cầu đảm bảo an ninh quốc gia nên tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận sẽ bị hạn chế. Trong trường hợp này, một số quy định sẽ hạn chế quyền tiếp cận thông tin của một số chủ thể; có thể hiểu rằng đây là trường hợp quyền của các cá nhân sẽ bị hạn chế để bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2.3.2.5. Đảm bảo về kỹ thuật lập pháp

Kỹ thuật lập pháp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hình thành nên một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, ổn định. Theo nghĩa rộng, có thể hiểu kỹ thuật lập pháp là tổng thể những phương pháp, cách thức, biện pháp được áp dụng trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, kỹ thuật lập pháp cũng có thể hiểu theo nghĩa hẹp đó chính là cách thức diễn đạt nội dung pháp luật thông qua các quy định, điều khoản của pháp luật. Quá trình thực hiện kỹ thuật lập pháp bao gồm hệ thống các phương pháp mang tính công nghệ, từ khâu phát hiện nhu cầu của đời sống xã hội cần sự điều chỉnh pháp luật, điều tra khảo cứu, đánh giá tác động, xác định mục tiêu, nguyên tắc pháp luật, xây dựng các quy phạm, các chế định đến việc lựa chọn hình thức thể hiện phù hợp. Khi soạn thảo văn bản pháp lý, các chủ thể có thẩm quyền nghiên cứu sử dụng

ngôn ngữ pháp lý chuẩn xác, khoa học và có sự kiểm tra, đánh giá, kiểm nghiệm văn bản trên thực tiễn...

Yếu tố kỹ thuật lập pháp sẽ giúp đánh giá chất lượng và tính "chuyên nghiệp" của một hệ thống pháp luật. Để đảm bảo về kỹ thuật lập pháp, quá trình xây dựng và ban hành hệ thống quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố phải được thực hiện theo những nguyên tắc, quy trình tối ưu; theo đúng hình thức, thẩm quyền. Bên cạnh đó, các quy định về phòng, chống khủng bố phải được soạn thảo, xây dựng trên nền tảng kỹ thuật pháp lý cao, có kết cấu chặt chẽ, logic; có văn phong, ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, trong sáng, đơn nghĩa, ngắn gọn và dễ hiểu. Nội dung các quy phạm pháp luật cần cụ thể, rõ ràng, tránh chung chung dẫn đến tình trạng "luật khung", "luật ống"; các thuật ngữ chuyên môn về phòng, chống khủng bố cần được định nghĩa rõ ràng, đầy đủ trong các văn bản quy phạm pháp luật.

2.4. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam chịu sự tác động, ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm: yếu tố chính trị; yếu tố kinh tế - xã hội; yếu tố pháp lý; yếu tố quốc tế; yếu tố khoa học, công nghệ; yếu tố lịch sử và văn hoá.

2.4.1. Yếu tố chính trị

Yếu tố chính trị giữ vai trò then chốt trong quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo chủ chốt, đề ra các đường lối, chủ trương và chính sách lớn về mọi mặt đời sống xã hội, bao gồm cả các vấn đề an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Việc xây dựng, đánh giá và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam được thực hiện trên cơ sở những định hướng chiến lược của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ Tổ quốc luôn là mục tiêu tối cao của Đảng và Nhà nước trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện. Các văn bản này đều khẳng định mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cũng như bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu này, một trong các giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh, và nâng cao

chất lượng thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Riêng trong lĩnh vực an ninh quốc gia, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 5/9/2019 về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia. Điều đó cho thấy tầm quan trọng và sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước trong vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia. Nghị quyết nhấn mạnh bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài và toàn diện; đây không chỉ là nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang mà còn là của toàn xã hội, với sự tham gia của toàn hệ thống chính trị và mọi công dân. Chiến lược này hướng tới kết hợp giữa xây dựng nền an ninh quốc gia vững mạnh với việc phát triển các yếu tố kinh tế, xã hội và văn hóa, nhằm tạo ra một môi trường ổn định và phát triển bền vững; củng cố sức mạnh quốc phòng - an ninh, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng một môi trường an ninh ổn định, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Mục tiêu của chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia đó là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; đảm bảo an ninh quốc gia trong bối cảnh hòa bình, hợp tác quốc tế, đồng thời phòng chống mọi nguy cơ xâm phạm chủ quyền lãnh thổ; tăng cường sức mạnh tổng hợp để đối phó hiệu quả với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt là các thách thức như khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, biến đổi khí hậu, dịch bệnh.

Trong bối cảnh sự phát triển của khoa học công nghệ và mạng thông tin hiện nay, Đảng và Nhà nước cũng rất quan tâm tới những mối nguy hiểm tiềm ẩn từ môi trường không gian mạng. Chính vì vậy, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia. Mục tiêu hướng tới đó chính là đảm bảo an ninh, bảo vệ lợi ích quốc gia trên không gian mạng, giữ vững sự ổn định chính trị, an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền quốc gia trong môi trường mạng; Xây dựng một môi trường không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo vệ thông tin của Đảng, Nhà nước, các tổ chức và công dân, ngăn chặn các nguy cơ từ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm mạng, và các âm mưu phá hoại từ bên ngoài. Hai Nghị quyết nêu trên là cơ sở hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật về bảo vệ an ninh, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; qua đó góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng chống các loại tội phạm trên không gian mạng, trong đó có tội phạm khủng bố mạng.

Ngoài ra, Nghị quyết số 27-NQ/TW, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIII thông qua vào ngày 9/11/2022, cũng có những nội dung quan

trọng liên quan đến việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Mục tiêu của Nghị quyết là xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đồng thời phát triển đất nước một cách nhanh chóng và bền vững. Để đạt được những mục tiêu này, Nghị quyết đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, bao gồm: (1) Hoàn thiện thể chế: Đảm bảo hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, ổn định; đẩy mạnh cải cách hành chính và tư pháp, bảo đảm tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận; (2) Đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: Xây dựng cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; nâng cao năng lực quản lý nhà nước dựa trên nền tảng khoa học công nghệ; (3) Tăng cường pháp chế và kỷ luật, kỷ cương: Xây dựng cơ chế giám sát quyền lực, phòng chống tham nhũng và lãng phí; bảo đảm tính thượng tôn pháp luật trong mọi hoạt động của Nhà nước; (4) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức pháp luật: Phổ biến, giáo dục pháp luật rộng rãi trong xã hội; xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật; (5) Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, và nâng cao hiệu quả hợp tác trong các lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Có thể khẳng định rằng, việc hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố gắn với các quan điểm, định hướng chung của Đảng về các vấn đề an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện thể chế, pháp luật trong thời kỳ mới. Những chủ trương này là kim chỉ nam định hướng quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật về phòng, chống khủng bố, giúp cho công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội nói chung và công tác phòng, chống khủng bố nói riêng đạt chất lượng, hiệu quả.

2.4.2. Yếu tố kinh tế - xã hội

Yếu tố kinh tế - xã hội là nền tảng để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật không chỉ dựa trên lý thuyết, mà còn phải xuất phát từ thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và bối cảnh đặc thù của Việt Nam.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng chịu sự tác động, ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế - xã hội như sự bất bình đẳng kinh tế, thất nghiệp, hoặc đói nghèo có thể là những yếu tố thúc đẩy sự lan truyền của các tư tưởng cực đoan, đặc biệt là trong giới trẻ hoặc các nhóm dễ bị tổn thương. Vì vậy, pháp luật cần có các quy định hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực khó khăn, nơi dễ bị lợi dụng cho các hoạt động khủng bố. Các vấn đề về tôn giáo và dân tộc cũng cần được quan

tâm bởi Việt Nam có đa dạng tôn giáo và dân tộc, nên dễ xuất hiện các mâu thuẫn hoặc xung đột nếu không được quản lý tốt, tạo cơ hội cho các phần tử khủng bố lợi dụng.

Bên cạnh đó, môi trường an ninh trong nước là yếu tố có thể tác động trực tiếp tới hoạt động hoàn thiện pháp luật. Việt Nam có môi trường chính trị tương đối ổn định, nhưng không tránh khỏi nguy cơ tiềm tàng từ các tổ chức cực đoan, ly khai, hoặc khủng bố quốc tế có thể lợi dụng lãnh thổ để thực hiện các hoạt động chống phá. Các hoạt động của các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài, các trung tâm phá hoại tư tưởng có thể tiến hành các hoạt động kích động tư tưởng ly khai, phá hoại an ninh quốc gia; các nhóm tội phạm có tổ chức có thể liên quan đến hoạt động khủng bố, như buôn bán vũ khí hoặc tài trợ khủng bố. Thực trạng này đặt ra những yêu cầu cấp bách trong quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Chính vì vậy, những yếu tố xã hội và thực tiễn chính là căn cứ để đảm bảo pháp luật về phòng, chống khủng bố sau khi ban hành sẽ phù hợp với thực tiễn đời sống, đảm bảo tính phù hợp, khả thi của pháp luật.

2.4.3. Yếu tố pháp lý

Yếu tố pháp lý là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, nhất là trình độ pháp lý của các chủ thể liên quan. Trình độ pháp lý ở đây không chỉ đề cập đến năng lực chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống pháp lý, mà còn bao gồm các yếu tố như hệ thống giáo dục pháp lý, khả năng xây dựng và áp dụng pháp luật, và chất lượng công tác thực thi pháp luật. Các yếu tố này có tác động sâu rộng và trực tiếp đến việc phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố.

Một là, trình độ pháp lý của cơ quan lập pháp ảnh hưởng tới chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố. Theo đó, trình độ của các cơ quan lập pháp (chủ yếu là Quốc hội và các Ủy ban liên quan) có tác động quan trọng trong việc xây dựng các đạo luật phòng, chống khủng bố. Việc nghiên cứu, phân tích các tình huống thực tiễn, tham khảo các chuẩn mực quốc tế, và điều chỉnh hệ thống pháp lý phù hợp với xu hướng và thách thức mới là yếu tố quyết định trong việc xây dựng pháp luật hiệu quả. Bên cạnh đó, năng lực hoạch định chính sách và pháp luật của các cơ quan này phải có khả năng đánh giá đúng đắn các mối đe dọa khủng bố, đồng thời dự báo được xu hướng phát triển của tình hình an ninh trong nước và quốc tế trong tương lai. Trình độ pháp lý cao giúp các cơ quan lập pháp tạo ra các quy định pháp lý đáp ứng kịp thời với các nguy cơ khủng bố ngày càng phức tạp.

Hai là, năng lực pháp lý của các cơ quan thực thi pháp luật, bao gồm Công an, Quân đội và các lực lượng khác liên quan, đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố. Trình độ pháp lý của cán bộ, nhân viên trong các cơ quan này quyết định khả năng phát hiện, điều tra và xử lý hành vi khủng bố, từ việc áp dụng các biện pháp giám sát, điều tra, đến công tác truy tố và xét xử tội phạm khủng bố. Năng lực chuyên môn và kiến thức pháp lý vững vàng giúp các cơ quan này hành động hiệu quả, tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời từ những kinh nghiệm thực tiễn, có thể tham mưu và đề xuất những cải cách pháp lý phù hợp với yêu cầu thực tế.

Ba là, trình độ pháp lý của đội ngũ nghiên cứu và soạn thảo các văn bản pháp lý là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng, chống khủng bố. Khả năng nghiên cứu, tổng hợp và đánh giá tình hình thực tế của đội ngũ pháp lý đóng vai trò quyết định trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố. Trình độ chuyên môn cao của các nhà nghiên cứu và soạn thảo sẽ giúp xây dựng các quy định pháp lý vừa khả thi, vừa hiệu quả trong thực tế.

Bốn là, trình độ pháp lý của các tổ chức xã hội và công dân cũng là một yếu tố quan trọng. Nhận thức và ý thức pháp luật của công dân và các tổ chức xã hội về các quy định pháp lý liên quan đến phòng, chống khủng bố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hoạch định chính sách, pháp luật. Vì vậy, pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được hoàn thiện sao cho phù hợp với trình độ nhận thức, ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý của cộng đồng xã hội. Điều này sẽ giúp phát huy vai trò của xã hội trong việc phát hiện và ngăn chặn hành vi khủng bố.

2.4.4. Yếu tố quốc tế

Yếu tố quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Do khủng bố là vấn đề toàn cầu nên pháp luật quốc gia về phòng, chống khủng bố không thể tách rời bối cảnh quốc tế.

Các cam kết quốc tế của Việt Nam là một trong những yếu tố tác động tới quá trình xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam là thành viên của nhiều điều ước quốc tế liên quan đến chống khủng bố. Riêng trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam tham gia Kế hoạch hành động toàn diện của ASEAN về chống khủng bố và các thỏa thuận an ninh khu vực khác. Các điều ước này đòi hỏi Việt Nam phải nội luật hóa, chuyển hóa quy định quốc tế thành luật trong nước để phù hợp với các cam kết quốc tế.

Bên cạnh đó, các mối đe doạ mới trên phạm vi quốc tế cũng tạo ra những ảnh hưởng không hề nhỏ tới cách tiếp cận xây dựng hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố. Ngày nay, khủng bố không chỉ dừng lại ở hành động bạo lực trực tiếp mà còn bao gồm các hình thức phi truyền thống như: tấn công mạng; tuyên truyền, tuyển mộ, huấn luyện trực tuyến; tài trợ khủng bố qua tiền ảo, bitcoin... Các mối đe dọa này đòi hỏi pháp luật phải áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ hơn cũng như mở rộng phạm vi đối tượng điều chỉnh với các hoạt động kiểm soát không gian mạng, giám sát tài chính và hợp tác quốc tế trong xử lý các loại hình khủng bố mới.

Có thể thấy rằng, yếu tố quốc tế mang lại những khía cạnh tích cực cho quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Thông qua hợp tác quốc tế, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước; từ đó, giúp cho việc ngăn chặn khủng bố từ sớm, từ xa, tránh bị động, bất ngờ. Ngoài ra, việc hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố theo chuẩn mực quốc tế cũng sẽ giúp Việt Nam củng cố vị thế quốc tế, khẳng định vai trò là một quốc gia có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, yếu tố quốc tế cũng đặt ra những thách thức không hề nhỏ khi một số quy định quốc tế có thể chưa phù hợp với tình hình đặc thù của Việt Nam, gây khó khăn trong việc nội luật hóa. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoặc đào tạo nhân lực để tham gia hợp tác quốc tế đòi hỏi nguồn lực lớn, trong khi điều kiện kinh tế và công nghệ của đất nước còn hạn chế.

2.4.5. Yếu tố khoa học, công nghệ

Sự phát triển của khoa học, công nghệ ngày nay đang trở thành yếu tố tác động mạnh tới công tác phòng, chống khủng bố cũng như việc xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Khoa học - công nghệ phát triển không chỉ mang lại cơ hội mà còn đặt ra những rào cản không nhỏ cho các cơ quan xây dựng và thực thi pháp luật trong việc ngăn chặn, phát hiện, xử lý các hoạt động khủng bố.

Khoa học và công nghệ đem lại nhiều lợi ích trong hoạt động quản lý, giám sát an ninh. Hệ thống camera an ninh, công nghệ nhận diện khuôn mặt, phân tích dữ liệu lớn giúp các cơ quan chức năng theo dõi, nhận diện và phát hiện sớm các dấu hiệu khả nghi, phần mềm phân tích hành vi hoặc trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ dự đoán các nguy cơ khủng bố dựa trên hành vi bất thường. Các giải pháp công nghệ như quét mã độc, phát hiện giao dịch tài chính đáng ngờ, hoặc truy vết trên không gian mạng đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát và giám sát an ninh mạng. Công nghệ giúp các cơ quan theo dõi, ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền cực đoan, tuyển mộ thành viên, huấn luyện, đào tạo, tổ chức khủng bố qua mạng Internet, mạng xã hội.

Tuy nhiên, sự phát triển của khoa học và công nghệ cũng đem lại những thách thức lớn khi các tổ chức khủng bố sử dụng các công nghệ tiên tiến, như mã hóa thông tin, tiền mã hóa hoặc máy bay không người lái để thực hiện các hoạt động vi phạm pháp luật. Việc giám sát các công nghệ này đặt ra thách thức lớn cho các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước. Ngoài ra, các công cụ như mạng tối (dark web) hoặc công nghệ ẩn danh khiến việc phát hiện, theo dõi và truy vết các phần tử khủng bố trở nên khó khăn hơn.

Các yếu tố nêu trên buộc hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần có sự thay đổi để phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ. Các luật chuyên ngành như Luật An ninh mạng năm 2018 mặc dù đã đặt nền tảng quan trọng nhưng cần được bổ sung để theo kịp các công nghệ mới và các loại hình tấn công khủng bố phi truyền thống. Các quy định cần rõ ràng hơn về việc quản lý dữ liệu, xử lý thông tin trên không gian mạng, kiểm soát việc sử dụng các công nghệ như AI, tiền mã hóa, máy bay không người lái để tiến hành khủng bố…

2.4.6. Yếu tố lịch sử và văn hóa

Yếu tố lịch sử và văn hóa có ảnh hưởng sâu sắc đến việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay. Lịch sử dựng nước và giữ nước, cùng với bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Việt Nam đã định hình tư duy, chiến lược và các giá trị cốt lõi trong cách tiếp cận vấn đề an ninh quốc gia, trong đó có hoạt động phòng, chống khủng bố.

Việt Nam có bề dày lịch sử chống lại các cuộc xâm lược và bảo vệ độc lập dân tộc. Điều này tạo ra một truyền thống về bảo vệ an ninh Tổ quốc và lòng yêu nước, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng pháp luật về phòng, chống khủng bố. Các bài học lịch sử về sự đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân trong bảo vệ Tổ quốc sẽ ảnh hưởng đến các quy định pháp luật. Vì vậy, khi xây dựng hệ thống các quy định cần khuyến khích sự tham gia của nhân dân trong phát hiện, ngăn chặn, và tố giác các hoạt động khủng bố; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh với các tổ chức phản động, bạo loạn vũ trang nhằm lật đổ chính quyền nhân dân và các hoạt động phá hoại khác. Những kinh nghiệm này được kế thừa và áp dụng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Mặt khác, văn hóa Việt Nam coi trọng tinh thần cộng đồng và đoàn kết. Điều này thúc đẩy việc xây dựng pháp luật dựa trên sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân. Pháp luật về phòng, chống khủng bố cần khuyến khích người dân tích cực tham gia bảo vệ an

ninh quốc gia thông qua các quy định về trách nhiệm công dân trong việc phát hiện, thông báo và tham gia đấu tranh, ngăn chặn các mối đe dọa khủng bố. Văn hóa Việt Nam đề cao giá trị nhân văn và tinh thần khoan dung; điều này ảnh hưởng đến cách tiếp cận trong xử lý tội phạm khủng bố như tập trung vào giáo dục, cải tạo và tạo điều kiện cho các đối tượng phạm tội có cơ hội hoàn lương; hạn chế sử dụng biện pháp cực đoan hoặc bạo lực, thay vào đó ưu tiên giải pháp mang tính phòng ngừa.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc và tôn giáo; đặc điểm này có thể là yếu tố để các phần tử cực đoan kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tiến hành các khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Chính vì vậy, pháp luật cần có các quy định không những bảo vệ được quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, bình đẳng giữa các dân tộc mà còn phải phòng ngừa, đấu tranh và ngăn chặn hiệu quả hoạt động lợi dụng tín ngưỡng để tiến hành khủng bố.

Yếu tố lịch sử và văn hóa đóng vai trò quan trọng, thể hiện nét đặc trưng của pháp luật phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Việc hiểu rõ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa giúp xây dựng các quy định pháp luật phù hợp với các giá trị cốt lõi của truyền thống, mang đậm tính nhân văn, phù hợp với bản sắc dân tộc.

2.5. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.5.1. Pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia trên thế giới về phòng, chống khủng bố

2.5.1.1. Pháp luật quốc tế về phòng, chống khủng bố

Hiện nay, các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực phòng, chống khủng bố tương đối đa dạng, phong phú; điều này thể hiện nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này giữa các quốc gia trên thế giới là rất lớn. Có thể phân loại các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố thành 03 nhóm: Điều ước quốc tế phổ cập toàn cầu; điều ước quốc tế khu vực và điều ước quốc tế song phương về phòng, chống khủng bố.

- Các điều ước quốc tế phổ cập toàn cầu về phòng, chống khủng bố

Có thể thấy rằng, kể từ khi Liên hợp quốc được thành lập cho đến nay, các quốc gia thành viên trên thế giới luôn cùng nhau hợp tác và chung tay giải quyết các vấn đề quốc tế chung vì mục tiêu hoà bình, ổn định và phát triển. Khủng bố là vấn đề toàn cầu mà Liên hợp quốc và các quốc gia trên thế giới luôn quan tâm và mong muốn giải quyết. Theo đó, các quốc gia trên thế giới không ngừng nỗ lực giải quyết các mối đe doạ tới hoà bình và an ninh thế giới đến từ khủng bố thông qua việc xây dựng hệ thống pháp lý

quốc tế. Hệ thống pháp lý toàn cầu về hợp tác chống khủng bố đóng vai trò là cơ sở pháp lý trực tiếp và gián tiếp quy định các quyền và nghĩa vụ của các quốc gia trong cuộc chiến chống khủng bố.

Hệ thống pháp lý toàn cầu về phòng, chống khủng bố bao gồm tập hợp các điều ước quốc tế phổ cập toàn cầu về phòng, chống khủng bố; đó là các văn bản pháp lý quốc tế được ký kết giữa các quốc gia trên toàn thế giới, cùng hướng tới mục tiêu chung đó là phòng, chống khủng bố thông qua các biện pháp mà các quốc gia thành viên thoả thuận thống nhất thực hiện. Công ước quốc tế đầu tiên về chống khủng bố được các quốc gia thành viên của Hội Quốc liên (tổ chức tiền thân của Liên Hợp quốc) xây dựng đó là "Công ước về ngăn ngừa và trừng trị khủng bố" được thông qua ngày 16/11/1937. Mặc dù công ước này không phát sinh hiệu lực nhưng đã đánh dấu những nỗ lực đầu tiên của cộng đồng quốc tế trong việc xây dựng nền tảng pháp lý cho sự hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố. Đến nay, với trách nhiệm và quyết tâm lớn từ các quốc gia nhằm đẩy lùi chủ nghĩa khủng bố, hệ thống văn bản pháp lý quốc tế đã có 13 điều ước quốc tế mang tính phổ cập toàn cầu trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố phát sinh hiệu lực. *(Xem thêm Phụ lục 1)*.

- Các điều ước quốc tế khu vực về phòng, chống khủng bố

Các điều ước quốc tế mang tính khu vực trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố là những văn bản pháp lý do các quốc gia trong cùng một khu vực lãnh thổ ký kết, thoả thuận xây dựng nên. Một số tổ chức quốc tế khu vực trên thế giới rất quan tâm, chú trọng đến vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này như: Liên minh châu Âu (EU); Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); tổ chức các quốc gia châu Mỹ (OAS).

Tại khu vực châu Âu, Liên minh Châu Âu (EU) là một tổ chức quốc tế liên chính phủ phát triển mạnh mẽ và có ảnh hưởng lớn. Các quốc gia thành viên của EU không chỉ sở hữu hệ thống pháp luật riêng mà còn xây dựng các quy định pháp lý chung cho toàn cộng đồng. Trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, EU đã thông qua nhiều điều ước quốc tế khu vực, bao gồm: (1) Công ước Châu Âu về chống khủng bố năm 1977; (2) Nghị định thư sửa đổi và bổ sung Công ước Châu Âu về chống khủng bố năm 2003; (3) Công ước của Hội đồng Châu Âu về phòng, chống khủng bố năm 2005. Ngoài ra, EU còn ban hành một số quy định khác để hỗ trợ công tác phòng, chống khủng bố, chẳng hạn như: (1) Công ước Châu Âu về Dẫn độ năm 1957; (2) Công ước Châu Âu về Tương trợ tư pháp hình sự năm 1959 (ETS số 30); (3) Các Nghị định thư bổ sung cho Công ước Châu Âu về Tương trợ tư pháp hình sự vào các năm 1978 và 2001.

Khu vực châu Mỹ, tổ chức quốc tế OAS đã thông qua Công ước chống khủng bố của tổ chức các nước châu Mỹ năm 2002 nhằm tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia thành viên trong khu vực châu Mỹ.

Đông Nam Á cũng là khu vực mà các phần tử khủng bố hoạt động và thực hiện nhiều vụ khủng bố. Đứng trước những nguy cơ và thách thức không hề nhỏ từ chủ nghĩa khủng bố, ASEAN đã và đang đẩy mạnh các giải pháp chung nhằm phòng, chống khủng bố hiệu quả. Trong đó, các quốc gia thành viên ASEAN đã cùng nhau ký kết Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007, Hiệp định Tương trợ tư pháp hình sự ASEAN năm 2004 và các Công ước về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia khác.

Tất cả các văn bản pháp lý quốc tế nêu trên dù trực tiếp hay gián tiếp điều chỉnh các hoạt động phòng, chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu nhưng chúng đều hướng tới một mục tiêu chung đó chính là đẩy lùi khủng bố, giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế. Theo đó, các quốc gia phải có trách nhiệm hợp tác trong quá trình phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về khủng bố tại những nơi mà tội phạm được thực hiện, nơi người phạm tội hoặc nạn nhân mang quốc tịch, những nơi mà người phạm tội khủng bố lẩn trốn. Bên cạnh đó, các điều ước quốc tế cũng yêu cầu các quốc gia phải có nghĩa vụ nội luật hoá các quy định pháp luật trong nước sao cho phù hợp với các thoả thuận, cam kết quốc tế mà quốc gia là thành viên và áp dụng những biện pháp thích hợp, kịp thời nhằm đấu tranh phòng, chống khủng bố hiệu quả.

- Các điều ước quốc tế song phương về phòng, chống khủng bố

Mỗi quốc gia trên thế giới đều tích cực triển khai các hoạt động hợp tác song phương với các đối tác tin cậy của mình nhằm ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm quốc tế và trong đó có tội phạm khủng bố. Ở Việt Nam, Nhà nước đã thiết lập các quan hệ đối tác trong lĩnh vực phòng chống tội phạm xuyên quốc gia với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, điều đó được thể hiện rất rõ nét thông qua các hiệp định song phương về dẫn độ tội phạm, chuyển giao người bị kết án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự và các hoạt động hợp tác quốc tế khác trong đấu tranh phòng chống tội phạm mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia *(Xem thêm Phụ lục 3)*. Thông qua các điều ước quốc tế, các nước có thể hỗ trợ, tạo điều kiện lẫn nhau và hợp tác hiệu quả trong quá trình đấu tranh với tội phạm khủng bố, qua đó giảm thiểu nguy cơ, hậu quả của khủng bố gây ra, góp phần tạo môi trường hoà bình, ổn định trong nước, khu vực và quốc tế.

Mặc dù mỗi điều ước quốc tế đều có đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh riêng nhưng giữa các văn kiện pháp lý này luôn có tính kế thừa, thống nhất và tạo ra một

khung pháp lý quốc tế chung về phòng, chống khủng bố. Nội dung của các điều ước quốc tế này đều hướng tới những vấn đề sau:

Một là, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ lập, cập nhật danh sách các tổ chức, cá nhân khủng bố và tài trợ khủng bố. Theo đó, căn cứ vào tình hình thực tiễn và danh sách khủng bố quốc tế mà Liên hợp quốc đã khuyến nghị, các quốc gia tự mình xây dựng, lập ra danh sách các tổ chức, cá nhân khủng bố và tài trợ khủng bố. Các tổ chức khủng bố có mạng lưới toàn cầu đã bị Liên hợp quốc lên án và đưa vào danh sách có thể kể đến như Al-Qaeda, Taliban…Ngoài ra, các quốc gia có thể cùng nhau phối hợp, đề xuất lập, bổ sung vào danh sách những tổ chức và cá nhân có hoạt động khủng bố liên quan trực tiếp đến an ninh đất nước và sự hoà bình, ổn định của khu vực.

Hai là, về định nghĩa khủng bố. Hiện nay, các quốc gia vẫn chưa đạt được sự thống nhất về cách định nghĩa khủng bố. Chính vì vậy, các văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến phòng, chống khủng bố thường không cung cấp một định nghĩa rõ ràng về khủng bố, mà thay vào đó, chỉ liệt kê những hành vi được coi là tội phạm khủng bố. Một ví dụ điển hình là Điều 2 của Công ước quốc tế về trừng trị khủng bố bằng bom năm 1997, trong đó quy định khủng bố có thể bao gồm các hành vi như đặt bom, kích nổ trái quy định pháp luật cũng như cố ý giết người hoặc gây ra thương tích cho người khác; gây ra tình trạng hư hỏng công trình, trang thiết bị, hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông công cộng của Nhà nước [2].

Ba là, quy định các quốc gia có nghĩa vụ hình sự hoá các loại tội phạm liên quan đến khủng bố, bao gồm cả hành vi khủng bố và các hành vi liên quan. Mỗi quốc gia thành viên phải cam kết thực hiện các biện pháp cần thiết để xác định các loại tội phạm cụ thể quy định tại các điều ước quốc tế và trừng trị các loại tội phạm đó bằng các biện pháp thích đáng có tính đến mức độ nghiêm trọng của các loại tội phạm. Cũng cần lưu ý rằng, các điều ước quốc tế này không chỉ đề cập đến tội phạm khủng bố mà còn quy định những tội phạm có liên quan đến khủng bố như: tài trợ khủng bố; chống lại sự an toàn hàng không dân dụng; bắt cóc con tin; chống lại những người được hưởng sự bảo hộ quốc tế; xâm phạm an toàn hành trình hàng hải…

Bốn là, xác lập quyền tài phán của quốc gia đối với các loại tội phạm về khủng bố. Các quốc gia có nghĩa vụ xác lập quyền tài phán của mình đối với các hành vi khủng bố và các hành vi có liên quan đến khủng bố được ghi nhận tại các công ước. Theo đó, các quốc gia có thể căn cứ theo nguyên tắc lãnh thổ hoặc nguyên tắc quốc tịch để xác lập quyền tài phán của mình. Đối với nguyên tắc lãnh thổ, các quốc gia thành viên của công ước phải thiết lập quyền tài phán của mình đối với tội phạm được thực hiện trên lãnh thổ

của quốc gia đó, bao gồm cả tàu bay, tàu thuỷ mang cờ của nước mình. Mặt khác, theo nguyên tắc quốc tịch thì các quốc gia phải xác định thẩm quyền xét xử của mình đối với các tội phạm về khủng bố nếu như tội phạm đó do công dân nước mình thực hiện hoặc công dân nước mình là nạn nhân của tội phạm khủng bố.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố. Khủng bố là tội phạm quốc tế thường có tổ chức, hoạt động mang tính xuyên biên giới; vì vậy, các quốc gia cần phải hợp tác chặt chẽ để ngăn chặn và đối phó hiệu quả với vấn đề này. Các văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến phòng, chống khủng bố đều kêu gọi các quốc gia không ngừng củng cố hợp tác quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự, các quốc gia sẽ hỗ trợ lẫn nhau tối đa trong việc cung cấp thông tin, gửi giấy tờ, cũng như phối hợp điều tra và truy tố tội phạm khủng bố. Về vấn đề dẫn độ tội phạm, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ dẫn độ tội phạm khủng bố tới quốc gia có thẩm quyền xét xử. Trong trường hợp không thể thực hiện việc dẫn độ, quốc gia đó phải tiến hành truy tố và xét xử tội phạm theo quy định pháp luật nội địa. Điều này giúp đảm bảo rằng các đối tượng thực hiện hành vi khủng bố sẽ bị xử lý theo đúng pháp luật.

2.5.1.2. Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về phòng, chống khủng bố

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới rất quan tâm tới công tác phòng, chống khủng bố. Một số quốc gia điển hình, có nhiều kinh nghiệm trong phòng, chống khủng bố cũng như đã xây dựng được hệ thống hành lang pháp lý trong nước về phòng, chống khủng bố tương đối hoàn thiện như: Liên bang Nga, Trung Quốc, Vương quốc Anh và Singapore. Theo đó, Liên bang Nga là quốc gia thường xuyên phải đối mặt với các vụ khủng bố lớn và nguy cơ khủng bố luôn hiện hữu; Trung Quốc là quốc gia có thể chế chính trị tương đồng với Việt Nam và phải ứng phó với mầm mống của khủng bố chính trong lòng đất nước; Vương quốc Anh là quốc gia điển hình ở khu vực Châu Âu, có chiến lược và hệ thống pháp luật tương đối hoàn thiện về phòng, chống khủng bố; Singapore là quốc gia trong khu vực ASEAN, có cùng những mối quan tâm chung với Việt Nam trong các vấn đề về an ninh quốc gia cũng như an ninh khu vực, nhất là phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có phòng, chống tội phạm khủng bố. Trong phạm vi luận án, nghiên cứu sinh đi sâu phân tích, nghiên cứu về chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố của các quốc gia nêu trên, từ đó rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

**** Pháp luật về phòng, chống khủng bố của Liên bang Nga***

Ở Liên bang Nga, khủng bố được coi là một trong những mối đe doạ hàng đầu đối với an ninh quốc gia và Chính phủ Nga luôn coi trọng công tác phòng, chống khủng bố

của đất nước. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Liên bang Nga đã xây dựng một hệ thống hành lang pháp lý tương đối đầy đủ nhằm điều chỉnh, định hướng các hoạt động phòng, chống khủng bố đạt hiệu quả, trong đó phải kể đến các văn bản quan trọng trong lĩnh vực này như: (1) Luật Liên bang ngày 06/3/2006 số 35-FZ về đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố (Luật số 35-FZ); (2) Chính sách chống chủ nghĩa khủng bố tại LB Nga ngày 05/10/2009; (3) Luật Liên bang ngày 23/6/2016 Số 182-FZ về Những nguyên lý cơ bản của hệ thống phòng chống vi phạm pháp luật tại Liên bang Nga (Luật số 182-FZ); (4) BLHS của Liên bang Nga.

- Về khái niệm "khủng bố" theo pháp luật của Liên bang Nga:

Theo Luật số 35 - FZ ngày 06 tháng 3 năm 2006 về chống khủng bố của Liên bang Nga thì khủng bố được hiểu như sau: khủng bố là hệ tư tưởng bạo lực và hành vi gây ảnh hưởng đến việc thông qua quyết định của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương hoặc các tổ chức quốc tế liên quan đến việc đe dọa người dân và (hoặc) các hành động bạo lực bất hợp pháp khác. Hoạt động khủng bố bao gồm: sắp xếp, lập kế hoạch, chuẩn bị, tài trợ và tiến hành hành động khủng bố; kích động hành động khủng bố; thành lập, tham gia vào nhóm vũ trang bất hợp pháp, tổ chức tội phạm để thực hiện hành động khủng bố; tuyển mộ, trang bị vũ khí, huấn luyện và sử dụng những phần tử khủng bố; thông tin hoặc hỗ trợ để lập kế hoạch, chuẩn bị thực hiện một hành động khủng bố; tuyên truyền khủng bố, phổ biến tài liệu hoặc thông tin kêu gọi các hoạt động khủng bố. Trong đó, hành động khủng bố được hiểu là gây ra vụ nổ, đốt phá hoặc các hành động khác liên quan đến việc đe dọa dân chúng và gây nguy cơ thiệt hại về người và tài sản cũng như các hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác, với mục đích phi pháp, ảnh hưởng đến việc thông qua quyết định của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương hoặc các tổ chức quốc tế và các mục đích tương tự [215].

Theo pháp luật của Liên bang Nga, chống khủng bố là hoạt động của các cơ quan chính quyền nhà nước và lãnh thổ liên bang, các cơ quan tự quản địa phương cũng như các pháp nhân và thể nhân, bao gồm: (i) Cảnh báo, phòng ngừa chủ nghĩa khủng bố, bao gồm phát hiện và loại bỏ các nguyên nhân và điều kiện thúc đẩy tiến hành hành vi khủng bố (phòng ngừa chủ nghĩa khủng bố); (ii) Phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn, khám phá và điều tra hành vi khủng bố (đấu tranh với chủ nghĩa khủng bố); (iii) Hạn chế tối đa và (hoặc) loại bỏ hậu quả các biểu hiện của chủ nghĩa khủng bố *(khoản 4 Điều 3 Luật số 35-FZ).*

Mục tiêu của đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố tại Liên bang Nga là bảo vệ cá nhân, xã hội và nhà nước khỏi hành vi khủng bố cũng như các biểu hiện khác của chủ nghĩa khủng bố *(Điều 10 Chính sách chống chủ nghĩa khủng bố tại Liên bang Nga ngày*

05/10/2009). Để thực hiện được mục tiêu này, Điều 2 Luật số 35-FZ đã quy định các nguyên tắc cơ bản trong đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố, bao gồm: Bảo đảm và bảo vệ quyền và tự do cơ bản của con người và công dân; Tuân thủ pháp luật; Ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân bị rơi vào mối nguy hiểm khủng bố; Hành vi khủng bố phải bị trừng phạt; Sử dụng tổ hợp và có hệ thống các biện pháp chính trị, tuyên truyền thông tin, kinh tế xã hội, pháp luật, chuyên ngành nghiệp vụ và các biện pháp khác để đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố; có sự phối hợp giữa nhà nước với các tổ chức xã hội, tôn giáo, các tổ chức nước ngoài, các tổ chức khác và công dân trong đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố; Ưu tiên các biện pháp phòng ngừa chủ nghĩa khủng bố; Phối hợp các biện pháp công khai và bí mật trong đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố; Không cho phép nhân nhượng chính trị với những kẻ khủng bố; Hạn chế tối đa và loại bỏ hậu quả các biểu hiện của chủ nghĩa khủng bố; Sử dụng các biện pháp đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố phù hợp với mức độ nguy hiểm của từng hoạt động.

Về hoạt động phòng ngừa khủng bố, đây là hoạt động được Liên bang Nga xem trọng nhất trong đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố. Luật số 182-FZ là đạo luật cơ bản, thiết lập cơ chế pháp lý và cơ sở tổ chức của hệ thống phòng ngừa tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật, các quy tắc hoạt động, các nguyên tắc cơ bản, phương hướng, loại hình và các hình thức tác động phòng ngừa, thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể phòng ngừa tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật cũng như những cá nhân tham gia vào công tác đó. Theo đó, chủ thể của phòng ngừa chủ nghĩa khủng bố được xác định là các cơ quan có thẩm quyền chính quyền nhà nước (cơ quan hành pháp liên bang, cơ quan chính quyền nhà nước thuộc các chủ thể Liên bang Nga) và các cơ quan tự quản địa phương, các tổ chức, hiệp hội phi chính phủ cũng như các công dân hỗ trợ cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp chống khủng bố.

Điều 13 Chính sách chống chủ nghĩa khủng bố tại Liên bang Nga xác định 03 phương diện cơ bản của phòng ngừa chủ nghĩa khủng bố, bao gồm: (i) Xây dựng hệ thống đấu tranh chống hệ tư tưởng chủ nghĩa khủng bố; (ii) Thực hiện các biện pháp pháp lý, tổ chức, tác chiến, hành chính, quân sự và phương tiện kỹ thuật nhằm bảo đảm cho các cơ sở mà hành vi khủng bố hướng đến; (iii) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chế độ hành chính pháp lý.

Đối với hoạt động đấu tranh chống khủng bố, theo khoản 1 Điều 205 BLHS Liên ban Nga, trách nhiệm pháp lý đối với hành vi khủng bố là phạt tù từ 10 đến 20 năm. Đây được coi là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo pháp luật hình sự Liên bang Nga. Bên cạnh đó, BLHS Liên bang Nga cũng quy định một loạt các hành vi tội phạm có tính

chất hay khuynh hướng khủng bố khác. Bên cạnh đó, điều kiện để tổ chức đấu tranh với chủ nghĩa khủng bố có hiệu quả là việc sớm chuẩn bị lực lượng, phương tiện đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố trong quá trình diễn tập chỉ huy, chiến thuật - nghiệp vụ, tác chiến - chiến thuật. Hình thức chủ yếu trong ngăn chặn hành vi khủng bố chính là chiến dịch chống khủng bố. Chiến dịch chống khủng bố được thực hiện thông qua hàng loạt các biện pháp nghiệp vụ, tác chiến, quân sự và các biện pháp khác có sử dụng phương tiện kỹ thuật chiến đấu, vũ khí và các công cụ chuyên dụng để ngăn chặn hành vi khủng bố, vô hiệu hóa những kẻ khủng bố, bảo đảm an toàn cho các cá nhân, tổ chức và cơ quan cũng như để hạn chế tối đa hậu quả của hành vi khủng bố (*Điều 23 Chính sách chống chủ nghĩa khủng bố tại Liên bang Nga).*

Chế độ pháp quy của chiến dịch chống khủng bố (Điều 11 Luật số 35-FZ): Trong khu vực thực hiện chiến dịch chống khủng bố có thể áp dụng chế độ pháp quy trong thời gian tiến hành nhằm ngăn chặn và phát hiện hành vi khủng bố (các tội phạm khủng bố được quy định tại Điều 206, khoản 4 Điều 211; các tội phạm mang khuynh hướng khủng bố được quy định tại các Điều 277, 278, 279, 360 BLHS của Liên bang Nga), hạn chế tối đa hậu quả của nó và bảo vệ lợi ích, đời sống của cá nhân, xã hội và nhà nước.

Bên cạnh đó, các thiết chế về phòng, chống khủng bố tại Liên bang Nga cũng được quy định tương đối cụ thể, rõ ràng. Trong cơ cấu hệ thống đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố quốc gia, Ban Tham mưu tác chiến liên bang (FOS) đóng vai trò then chốt trong việc tổ chức đấu tranh với chủ nghĩa khủng bố, có nhiệm vụ điều phối và kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp liên bang và các ban tác chiến trong lĩnh vực này. Những nhiệm vụ cơ bản của FOS bao gồm: tổ chức lập kế hoạch áp dụng các lực lượng, phương tiện của các cơ quan hành pháp liên bang và các cơ quan địa phương trong đấu tranh với chủ nghĩa khủng bố; quản lý chiến dịch chống khủng bố dưới sự chỉ huy của Giám đốc Cơ quan an ninh liên bang (FSB).

Bên cạnh đó, các Ban Tham mưu tác chiến vùng biển tại các thành phố Kaspiysk, Murmansk, Petropavlovsk-Kamchatsky, Simferopol và Nam Sakhalinsk đã được thành lập theo Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga số 664 ngày 26/12/2015 về các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố, qua đó hoàn thành việc xây dựng hệ thống đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố tại vùng biển của Liên bang Nga.

Về việc hạn chế tối đa và loại bỏ hậu quả do chủ nghĩa khủng bố gây ra được quy định tại các Điều 17, Điều 24 Chính sách chống chủ nghĩa khủng bố tại Liên bang Nga, bao gồm: (i) Không cho phép (hạn chế tối đa) thiệt hại về người, ưu tiên tính mạng và sức

khỏe của con người hơn các tài nguyên vật chất, tài chính; (ii) Kịp thời tiến hành công tác cứu hộ tai nạn bay, hỗ trợ y tế đối với các cá nhân tham gia ngăn chặn hành vi khủng bố, cũng như các cá nhân bị thiệt hại, phục hồi tâm lý, xã hội; (iii) Hạn chế tối đa hậu quả của hành vi khủng bố và các tác động tâm lý - ý thức tiêu cực đối với xã hội và các nhóm xã hội; (iv) Phục hồi các cơ sở bị hành vi khủng bố làm hư hại hoặc phá hủy; (v) Bồi thường thiệt hại đối với các cá nhân và pháp nhân là nạn nhân của hành vi khủng bố theo pháp luật; (vi) cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế khẩn cấp; (vii) Hỗ trợ y tế và tâm lý cho hoạt động cứu hộ và biện pháp phòng cháy; (viii) Phục hồi xã hội cho những người bị ảnh hưởng bởi hành vi khủng bố và những cá nhân tham ngăn chặn hành vi khủng bố; (ix) Khôi phục chức năng và an ninh môi trường cho các cơ sở bị hành vi khủng bố tấn công; (x) Bồi thường thiệt hại vật chất, tinh thần của những cá nhân bị ảnh hưởng bởi hành vi khủng bố.

Đăc biệt, Chính phủ Liên bang Nga đã ban hành Nghị định số 110 ngày 15/02/2014 chuẩn y Quy định về phân bổ ngân sách từ quỹ dự trữ của Chính phủ Liên bang Nga để thực hiện chi trả bồi thường cho các cá nhân, pháp nhân bị thiệt hại do tấn công khủng bố gây ra, cụ thể: (i) Thanh toán trợ cấp một lần cho các thành viên gia đình đang sống phụ thuộc vào người đã bị thiệt mạng trong cuộc tấn công khủng bố, với số tiền là 01 triệu rúp cho mỗi người chết; (ii) Cho gia đình của những công dân thiệt mạng do tấn công khủng bố, bằng với chi phí dịch vụ mai táng; (iii) Những công dân bị tổn hại về sức khỏe (mức độ nghiêm trọng hoặc vừa phải là 400 nghìn rúp, mức độ nhẹ là 200 nghìn rúp mỗi người); (iv) Công dân là con tin trong cuộc tấn công khủng bố - 100 nghìn rúp mỗi người; (v) Hỗ trợ tài chính liên quan đến việc mất một phần tài sản: 50 nghìn rúp mỗi người, mất hoàn toàn là 100 nghìn rúp mỗi người.

Có thể thấy, việc hạn chế tối đa và loại bỏ hậu quả do chủ nghĩa khủng bố gây ra tại Liên bang Nga được thực hiện thông qua tổ chức và điều phối hoạt động của các cơ quan hành pháp liên bang, cơ quan hành pháp thuộc các bang và các cơ quan tự quản địa phương. Nội dung cụ thể của việc giải quyết hậu quả tình huống khẩn cấp có tính chất khủng bố tùy thuộc vào bản chất của hành vi khủng bố và quy mô của chiến dịch chống khủng bố.

Ngoài ra, hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố cũng được Liên bang Nga rất coi trọng. Liên bang Nga xác định, hợp tác quốc tế là điều kiện cần thiết nhằm đấu tranh có hiệu quả với chủ nghĩa khủng bố, được thực hiện dựa trên các quy định của luật quốc tế. Liên bang Nga đã triển khai hoạt động hợp tác quốc tế thông qua các tổ chức quốc tế như: Liên hợp quốc, Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu, Liên minh châu

Âu, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, Cộng đồng các quốc gia độc lập, Tổ chức Hiệp ước an ninh tập thể, Liên đoàn Ả Rập, các tổ chức quốc tế cấp toàn cầu, khu vực và liên khu vực khác cũng như các cơ quan đại diện của chúng. Chiến lược xác định các hướng công tác trọng tâm của Liên bang Nga trong khuôn khổ hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế như sau:

Một là, phát hiện và loại bỏ những lỗ hổng trong luật pháp quốc tế liên quan đến quy định hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố;

Hai là, thúc đẩy các sáng kiến quốc tế của Nga trong lĩnh vực chống chủ nghĩa khủng bố, bao gồm Sáng kiến toàn cầu về chống khủng bố hạt nhân và Chiến lược hợp tác giữa các quốc gia và doanh nghiệp trong đấu tranh chống khủng bố;

Ba là, đảm bảo hoạt động hiệu quả của các cơ chế đa phương (theo hình thức Cộng đồng các Quốc gia Độc lập, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, Tổ chức Hiệp ước An ninh Tập thể và các tổ chức quốc tế khác) và tương tác song phương với các đối tác trong liên minh chống khủng bố;

Bốn là, thực hiện các biện pháp thiết thực để ngăn chặn các kênh tài trợ của các tổ chức khủng bố, ngăn chặn việc lưu hành trái phép vũ khí, đạn dược và chất nổ, ngăn chặn việc di chuyển các đối tượng hoạt động khủng bố qua biên giới quốc gia, chống lại sự lan rộng, tuyên truyền khủng bố và hệ tư tưởng khủng bố, cung cấp hỗ trợ cho các nạn nhân của khủng bố.

**** Pháp luật về phòng, chống khủng bố của Trung Quốc***

Trong những năm gần đây, các cuộc tấn công khủng bố ngày càng trở nên thường xuyên và nghiêm trọng hơn ở Trung Quốc. Tính riêng từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 7 năm 2014, mười hai cuộc tấn công khủng bố có ảnh hưởng và quy mô lớn đã xảy ra ở Trung Quốc, bao gồm một số thành phố của Khu tự trị Tân Cương và một số thành phố lớn ở Trung Quốc như Bắc Kinh và Côn Minh. Trong các cuộc tấn công khủng bố nói trên, tổng cộng 181 người đã thiệt mạng và 397 người bị thương nặng, thiệt hại về tài sản vô cùng lớn.

Chính phủ Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực chống tội phạm khủng bố trên phạm vi cả nước và quốc tế. Theo đó, Trung Quốc đã tham gia 12 điều ước quốc tế về chống khủng bố trong khuôn khổ Liên hợp quốc; là thành viên sáng lập của tổ chức Hợp tác Thượng Hải và thực thi các tuyên bố của Hội đồng Bảo an về phòng, chống khủng bố, đặc biệt là các Nghị quyết 1373 và 1624, nhằm nỗ lực chống lại các tội phạm liên quan đến khủng bố tốt hơn. Đặc biệt, Trung Quốc cũng rất coi trọng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về

phòng, chống khủng bố cũng như tổ chức bộ máy các thiết chế hữu hiệu để nâng cao hiệu quả hoạt động này.

- Về Luật Chống khủng bố năm 2015:

Luật Chống khủng bố là một đạo luật tổng hợp, chuyên biệt điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố của Trung Quốc. Luật gồm 10 chương, 97 điều. Mục tiêu hướng tới của Luật là nhằm ngăn chặn và trừng trị các hoạt động khủng bố, tăng cường chống khủng bố và bảo vệ an ninh của nhà nước, của công chúng và tính mạng, tài sản của nhân dân [196]. Đạo luật sẽ đặt hoạt động chống khủng bố vào vị trí quan trọng chưa từng có ở Trung Quốc. Nhà nước đưa chống khủng bố vào chiến lược an ninh quốc gia, đưa ra chiến lược toàn diện để giải quyết cả các triệu chứng và nguyên nhân gốc rễ, tăng cường thiết lập năng lực chống khủng bố; và sử dụng các phương tiện chính trị, kinh tế, luật pháp, văn hóa, giáo dục, ngoại giao và quân sự để thực hiện các nỗ lực chống khủng bố [196]. Đặc biệt, Điều 6 của Luật nhấn mạnh công tác chống khủng bố được thực hiện theo quy định của pháp luật, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức. Các quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và phong tục dân tộc của công dân phải được tôn trọng trong quá trình chống khủng bố và mọi hành vi phân biệt đối xử về vùng miền, dân tộc hoặc tôn giáo đều bị nghiêm cấm. Công tác phòng, chống khủng bố đặt dưới sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, huy động sức mạnh của toàn dân. Chính quyền nhân dân ở các địa phương phải thành lập các cơ quan lãnh đạo về chống khủng bố; chịu trách nhiệm và đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ huy của các cơ quan lãnh đạo cấp trên về công tác phòng, chống khủng bố.

- Về các quy định tại Luật Hình sự liên quan đến tội phạm khủng bố:

Luật Hình sự năm 1979 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) của Trung Quốc quy định rất nhiều hành vi có liên quan đến khủng bố là một tội riêng biệt và sẽ bị trừng phạt cùng với các tội thông thường khác được thực hiện trong quá trình hoạt động khủng bố, chẳng hạn như giết người, kích nổ bom, mìn hoặc bắt cóc… Để chống lại các hoạt động khủng bố của tội phạm một cách hiệu quả hơn cũng như đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Nghị quyết 1373 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Luật Hình sự của Trung Quốc đã có nhiều lần sửa đổi, trong đó bản sửa đổi, bổ sung năm 2020 là lần sửa đổi thứ 11. Theo bản sửa đổi lần thứ 3 năm 2001, các hình phạt quy định tại Luật Hình sự nghiêm khắc hơn đối với các tội danh liên quan đến khủng bố. Điều 120 quy định: "Người nào tổ chức, lãnh đạo tổ chức khủng bố, thì bị phạt tù từ mười năm trở lên hoặc tù chung thân và tịch thu tài sản; người nào tích cực tham gia tổ chức khủng bố, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm cộng thêm một khoản tiền phạt; và những người tham gia khác thì bị phạt tù không quá

ba năm, giam giữ có giới hạn, giám sát hoặc tước quyền chính trị và có thể bị phạt tiền thêm". Khoản 2 của Điều 120 Luật Hình sự còn quy định: "Người nào phạm tội quy định tại khoản trên mà còn phạm tội giết người, đánh bom, bắt cóc hoặc bất kỳ tội nào khác thì bị phạt theo quy định về ghép hình phạt đối với nhiều tội". Ngoài ra, Luật Hình sự của Trung Quốc còn quy định về các tội danh từ Điều 120 (I) đến Điều 120 (VI) với những hành vi có liên quan đến khủng bố như: tài trợ khủng bố, hỗ trợ vũ khí, huấn luyện, tuyên truyền về khủng bố cũng bị xử lý hình sự một cách nghiêm khắc. Riêng đối với tội tài trợ khủng bố thì tổ chức cũng có thể là chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.

Các hình phạt đối với tội phạm liên quan đến khủng bố nghiêm trọng hơn so với tội phạm thông thường. Theo Luật Hình sự Trung Quốc, nếu bất kỳ tội phạm nào, kể cả bất kỳ ai liên quan đến tội phạm khủng bố, tự nguyện đầu thú hoặc thực hiện các công việc có công như vạch trần hành vi phạm tội của người khác (và thông tin của người phạm tội được xác minh thông qua điều tra) hoặc đưa ra manh mối quan trọng để giải quyết các vụ án khác, người phạm tội có thể được giảm nhẹ hoặc giảm nhẹ hình phạt (Điều 67 và 68 BLHS). Công tố viên cũng có thể xem xét quyết định không truy tố bị can dựa trên quyền hạn của cơ quan công tố trong những trường hợp đó.

Quyền của nghi phạm được gặp luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra bị hạn chế trong các vụ án khủng bố. Trong giai đoạn điều tra tội phạm liên quan đến hoạt động khủng bố, luật sư bào chữa phải được sự đồng ý của Cơ quan điều tra trước khi gặp nghi phạm [198].

- Về các quy định chống tài trợ khủng bố:

Với tư cách là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong việc chống tài trợ khủng bố. Ngoài các quy định về tội phạm tài trợ khủng bố trong Luật Hình sự, một số quy định về chống tài trợ khủng bố đã được ban hành để thiết lập dần hệ thống chống tài trợ khủng bố ở Trung Quốc, chẳng hạn như quy định về Chống rửa tiền của các tổ chức tài chính, báo cáo của Cơ quan quản lý các tổ chức tài chính về quy mô lớn và các giao dịch và thanh toán bằng đồng nhân dân tệ đáng ngờ, báo cáo của Cục quản lý các tổ chức tài chính về các giao dịch ngoại hối lớn và đáng ngờ, Luật chống rửa tiền, báo cáo của Cục quản lý các tổ chức tài chính liên quan đến các giao dịch đáng ngờ của hoạt động Tài trợ khủng bố. Năm 2014, các biện pháp quản lý việc đóng băng tài sản có liên quan đến hoạt động khủng bố đã được ban hành bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Bộ Công an và Bộ An ninh Quốc gia nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Luật chống tài trợ khủng bố ở Trung Quốc.

- Về các quy định quản lý xuất nhập cảnh:

Chính phủ Trung Quốc cũng rất quan tâm đến việc ngăn chặn các hoạt động nhập cảnh trái phép. Một loạt các quy định pháp luật về hình sự và hành chính đã được hoàn thiện để tạo nền tảng pháp lý cho việc phòng ngừa và chống nhập cư bất hợp pháp ở Trung Quốc, trong đó bao gồm Luật Quản lý Xuất nhập cảnh, Luật quốc tịch của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Luật Hình sự, Luật Quản lý về kiểm tra và phê duyệt thường trú của người nước ngoài tại Trung Quốc và Quy định về xuất nhập cảnh của người nước ngoài.

- Về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố:

Việc bắt giữ và thu thập chứng cứ bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc sẽ được thực hiện theo các hiệp định dẫn độ, tương trợ tư pháp, chống tội phạm xuyên quốc gia giữa Chính phủ Trung Quốc và các nước. Nếu không có các quy định cụ thể, việc bắt giữ và thu thập chứng cứ có thể được thực hiện qua đường ngoại giao theo nguyên tắc có đi có lại hoặc qua kênh của Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (Interpol). Thủ tục gửi yêu cầu dẫn độ được quy định tại Chương II và III của Luật dẫn độ Trung Quốc.

**** Pháp luật về phòng, chống khủng bố của Vương quốc Anh***

- Chiến lược về phòng, chống khủng bố của Vương quốc Anh:

Chiến lược chống khủng bố của Vương quốc Anh bao gồm một loạt các biện pháp nhằm ngăn chặn, bảo vệ, chuẩn bị và ứng phó với các mối đe dọa khủng bố. Các chính sách này được ban hành để đảm bảo an ninh quốc gia và bảo vệ công dân. Những chính sách và biện pháp này phản ánh sự cam kết của Vương quốc Anh trong việc đối phó với các mối đe dọa khủng bố và bảo vệ an ninh quốc gia.

Chiến lược Ngăn chặn có mục tiêu chính là ngăn chặn mọi người bị lôi kéo vào các hoạt động khủng bố. Chiến lược này bao gồm các biện pháp như giáo dục, hợp tác với các cộng đồng và các tổ chức xã hội, cũng như giám sát các hoạt động trực tuyến để phát hiện và ngăn chặn sự cực đoan hóa.

Chiến lược Bảo vệ tập trung vào việc tăng cường bảo vệ các mục tiêu có nguy cơ cao, như các cơ sở hạ tầng quan trọng, các sự kiện công cộng và các phương tiện giao thông công cộng. Điều này bao gồm các biện pháp như kiểm tra an ninh, tăng cường giám sát và áp dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến.

Chiến lược Chuẩn bị nhằm đảm bảo rằng các cơ quan chức năng và cộng đồng có sự chuẩn bị tốt nhất để ứng phó với các cuộc tấn công khủng bố nếu chúng xảy ra. Điều này bao gồm việc đào tạo các lực lượng khẩn cấp, xây dựng các kế hoạch phản ứng khẩn cấp và tiến hành các cuộc diễn tập thường xuyên.

Chiến lược Theo đuổi tập trung vào việc xác định, điều tra và truy tố các phần tử khủng bố. Sử dụng các biện pháp tình báo, điều tra tội phạm và hợp tác quốc tế để truy tìm và bắt giữ các đối tượng khủng bố.

Cơ quan chịu trách nhiệm về phòng, chống khủng bố ở Anh bao gồm: Cơ quan An ninh và Tình báo của Anh bao gồm MI5 (Cơ quan An ninh Nội địa): chịu trách nhiệm về an ninh quốc gia và chống khủng bố trong nước và MI6 (Cơ quan Tình báo đối ngoại) tập trung vào các mối đe dọa từ nước ngoài. Ngoài ra còn GCHQ (Cơ quan Truyền thông Chính phủ) cung cấp thông tin tình báo điện tử để hỗ trợ các hoạt động chống khủng bố.

Bên cạnh đó, Anh thường xuyên hợp tác với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế như Liên Hợp quốc, NATO và Europol trong các hoạt động chống khủng bố. Điều này bao gồm việc chia sẻ thông tin tình báo, phối hợp trong các hoạt động điều tra và truy bắt, cũng như tham gia vào các sáng kiến quốc tế nhằm ngăn chặn tài trợ khủng bố và sự lây lan của chủ nghĩa cực đoan.

- Luật Chống khủng bố năm 2000 (Sửa đổi, bổ sung năm 2006):

Luật Chống khủng bố năm 2000 của Vương quốc Anh định nghĩa: "Khủng bố là việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng bạo lực chống lại một người, hủy hoại nghiêm trọng về tài sản, gây nguy hiểm tới cuộc sống của một người, trừ người hành động nó; tạo ra sự nguy hiểm nghiêm trọng tới sức khỏe và sự an toàn của dân chúng hoặc một bộ phận dân chúng; sử dụng hoặc đe dọa để gây ảnh hưởng tới Chính phủ hoặc đe dọa dân chúng hoặc một bộ phận dân chúng với mục đích đưa ra, thúc đẩy một mục tiêu chính trị, tôn giáo hoặc tư tưởng" [214].

Theo quan niệm này thì việc sử dụng vũ khí hoặc chất nổ dù có hay không có mục đích chính trị hay xã hội cũng được coi là khủng bố. Đến năm 2006, luật Chống khủng bố năm 2000 của Anh bổ sung "những nỗ lực gây ảnh hưởng đến các tổ chức chính phủ quốc tế" vào định nghĩa khủng bố, mặc dù nội dung đã được đưa vào nhiều công ước quốc tế. Ngoài ra, định nghĩa "khủng bố" cũng đã được sửa đổi để bao gồm các hành động được thực hiện vì lý do "chủng tộc" cũng như "nguyên nhân chính trị, tôn giáo hoặc tư tưởng".

- Luật An ninh và Chống khủng bố năm 2015:

Mục 1 của Luật An ninh và Chống khủng bố năm 2015 quy định rằng khi cảnh sát có căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng một người đang cố rời khỏi Vương quốc Anh vì mục đích tham gia vào hoạt động liên quan đến khủng bố ở nước ngoài, thì có quyền yêu cầu cung cấp, tìm kiếm, kiểm tra, và việc thu giữ trài liệu thông hành của người đó (bao gồm hộ chiếu và vé). Cảnh sát không có quyền ra lệnh tạm giữ người xuất cảnh, những nếu

người đó không hợp tác khi đó có thể trở thành đối tượng bị giam giữ theo Phụ lục 7 luật Chống khủng bố năm 2000.

Bên cạnh quyền hạn ngăn chặn các chiến binh khủng bố nước ngoài rời khỏi Vương Quốc Anh, Luật An ninh và Chống khủng bố năm 2015 cũng tìm cách ngăn chặn các chiến binh nhập cảnh vào Anh bằng hệ thống lệnh cấm tạm thời (TEO) trong các mục 2 đến 15 và Phụ lục 2 đến 4. Theo mục 2(2), Ngoại trưởng có thể áp đặt TEO nếu năm điều kiện (A đến E) trong các tiểu mục (3) đến (7) đã được đáp ứng: Ngoại trưởng phải có căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng cá nhân đó đang hoặc đã tham gia vào hành vi liên quan đến khủng bố vào bên ngoài Vương quốc Anh, phải có lý do hợp lý để cho rằng cần phải áp dụng TEO để bảo vệ công chúng ở Vương quốc Anh khỏi nguy cơ khủng bố, phải xem xét một cách hợp lý rằng cá nhân đó ở bên ngoài Vương quốc Anh khi lệnh được áp dụng và cá nhân đó phải có quyền cư trú tại Vương quốc Anh. Ngoài ra , lệnh cấm tạm thời chỉ có thể được áp dụng sau khi tòa án đã cho phép trước. Nếu vụ việc khẩn cấp thì cần được viện dẫn và cho phép sau đó. Ngoài ra, các nghĩa vụ "Ngăn chặn" chung được quy định trong Chương 1 của Phần V, Luật An ninh và Chống khủng bố năm 2015. Mục 26 áp đặt cho các cơ quan có thẩm quyền cụ thể (trừ khi hành động với tư cách tư pháp hoặc bán tư pháp) nghĩa vụ "ngăn chặn" chung phải có sự quan tâm đúng mức đến nhu cầu ngăn chặn mọi người dân khỏi bị lôi kéo vào khủng bố. Theo Phụ lục 6, các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định hiện tại là chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà tù và quản chế, cơ quan giáo dục, cơ quan y tế và chăm sóc xã hội, cảnh sát.

- Các biện pháp phòng, chống khủng bố:

Hầu hết những kẻ bị tình nghi khủng bố đều bị truy tố và kết án tại Vương quốc Anh theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành. Tuy nhiên, Vương quốc Anh cũng quy định một số loại tội phạm liên quan đến khủng bố, điển hình như những tội liên quan đến tài trợ và hỗ trợ cho các nhóm hoặc hoạt động khủng bố. Luật Chống khủng bố năm 2000 cấm các hành vi chuẩn bị, tài trợ và tham gia vào hoạt động khủng bố, cho phép bắt giữ và truy tố những người bị nghi ngờ liên quan đến khủng bố, đặt ra các biện pháp kiểm soát tài chính để ngăn chặn việc tài trợ khủng bố. Mục 3 của Luật này quy định danh sách các tổ chức bị cấm do liên quan đến hoạt động khủng bố; mục 11 quy định về việc tham gia vào các tổ chức khủng bố bị cấm là hành vi phạm tội. Mục 15 quy định cấm cung cấp hoặc thu gom tiền bạc và tài sản cho mục đích khủng bố. Các mục từ 16-19 quy định về việc phong tỏa tài sản và các biện pháp kiểm soát tài chính khác.

Luật Chống khủng bố năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2006) quy định tội phạm kích động các hành vi khủng bố, bao gồm cả việc phát biểu và xuất bản tài liệu kích động

khủng bố (mục 1). Mục 5 của Luật này hình sự hóa hành vi chuẩn bị khủng bố, bao gồm việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động khủng bố. Mục 6 hình sự hóa việc cung cấp hoặc nhận huấn luyện khủng bổ, bao gồm qua Internet. Mục 8 quy định về tội phạm phát tán tài liệu khủng bố, bao gồm cả tài liệu trực tuyến.

Trong mọi trường hợp, luật Chống khủng bố năm 2000 cho phép viên cảnh sát bắt giữ người mà họ nghi ngờ là khủng bố. Luật Chống khủng bố năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2006) đã kéo dài thời gian tạm giam tối đa để điều tra nghi phạm khủng bố từ 14 lên 28 ngày. Ngoài ra, Luật này còn quy định một số hoạt động khác có thể bị trừng phạt như: bất kỳ ai cổ súy chủ nghĩa khủng bố, khuyến khích nó, bất kể bằng cách phổ biến các ấn phẩm khủng bố, truyền đạt các kỹ thuật khủng bố, hay sản xuất, sở hữu vật liệu phóng xạ đều có thể bị truy tố.

Mặt khác, theo quy định của Luật An ninh và chống khủng bố (ATCS), được ban hành năm 2001 thì "các quan chức được ủy quyền" (cảnh sát, nhân viên hải quan hoặc nhân viên nhập cư) có thể thu giữ tiền mặt nếu họ có có căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng nó có liên quan đến khủng bố. Tiền mặt bị tịch thu phải được trả lại trong vòng 48 giờ trừ khi tòa án cấp sơ thẩm ban hành lệnh cho phép tiếp tục tịch thu trong tối đa ba tháng. Theo ATCS, tài sản cũng có thể bị phong tỏa nếu một người, một công ty hoặc một quốc gia có khả năng gây rủi ro cho nền kinh tế Vương quốc Anh hoặc tính mạng hoặc tài sản của công dân hoặc cư dân Vương quốc Anh. Hơn nữa, luật này trao nhiều quyền hạn hơn trong việc quản lý an ninh hàng không và lưu trữ dữ liệu liên lạc.

Pháp luật về phòng, chống khủng bố của Anh đặt ra mục tiêu hình sự hóa các hành vi khủng bố bởi các luật như: Luật An ninh và chống khủng bố năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2015), luật Tòa án và tư pháp Hình sự năm 2015. Phần I của luật Tòa án và tư pháp Hình sự năm 2015 nhấn mạnh việc hình sự hóa các hành vi khủng bố tăng hình phạt tối đa cho các tội danh liên quan đến khủng bố.

Bên cạnh đó, để chống lại chủ nghĩa khủng bố, Vương quốc Anh còn quy định việc hình sự hoá tội phạm nguồn của tội khủng bố, đó là những hành vi chuẩn bị tạo điều kiện thuận lợi cho tội phạm khủng bố mà không thuộc phạm trù luật khủng bố như cướp hoặc giả mạo tài liệu, hay một hành vi phạm tội đã bị hình sự hóa trong lĩnh vực khủng bố để chuẩn bị cho hoạt động khủng bố như giết người, bắt cóc, kích động khủng bố...

Các quy định về tội phạm nguồn của khủng bố đã được quy định tại phần 57 và 58 của luật Chống khủng bố năm 2000 và phần 5 của luật Chống khủng bố năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2006). Những hành vi này thường không phải là hành vi khủng bố trực tiếp nhưng có thể liên quan đến việc lên kế hoạch, tài trợ, hoặc hỗ trợ cho các hoạt động

khủng bố. Chính sách hình sự hóa tội phạm nguồn này đã hoạt động hiệu quả và là một phần quan trọng của chiến lược chống khủng bố, giúp ngăn chặn các cuộc tấn công trước khi chúng xảy ra. Các cơ quan thực thi pháp luật và tình báo thường tập trung vào việc giám sát và điều tra các hoạt động này để phá vỡ các âm mưu khủng bố ở giai đoạn sớm nhất có thể [185].

- Hợp tác quốc tế trong phòng chống khủng bố:

Vương quốc Anh rất tích cực trong việc tham gia khuôn khổ chung về hợp tác quốc tế trong khu vực và trên thế giới về dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp về hình sự và chuyển giao người bị kết án phạt tù. Lệnh bắt giữ châu Âu (EAW) là quyết định tư pháp do quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu (EU) ban hành để bắt giữ và chuyển giao một nghi phạm hình sự hoặc cá nhân bị kết án sang một quốc gia thành viên khác. Được ban hành vào năm 2004, văn bản này tạo điều kiện thuận lợi cho việc dẫn độ các cá nhân qua biên giới EU một cách nhanh chóng, thay thế các thủ tục dẫn độ kéo dài.

Vương quốc Anh đã tham gia vào hệ thống EAW từ khi nó được thành lập vào năm 2004. EAW thay thế các quy trình dẫn độ truyền thống bằng một cơ chế hợp tác nhanh chóng và đơn giản giữa các quốc gia thành viên EU. Sau khi Anh rời EU vào năm 2020, quy trình này đã được sửa đổi để tiếp tục hỗ trợ việc bắt giữ và dẫn độ tội phạm giữa Anh và các quốc gia EU, mặc dù không còn nhanh chóng và đơn giản như trước đây. Thỏa thuận mới cũng bao gồm các điều khoản về hợp tác tư pháp và an ninh, đảm bảo rằng các cơ quan thực thi pháp luật của Anh và EU vẫn có thể hợp tác chặt chẽ trong việc đối phó với các mối đe dọa an ninh, bao gồm khủng bố.

**** Pháp luật về phòng, chống khủng bố của Singapore***

Khác với một số quốc gia trên thế giới, Singapore không có một đạo luật chuyên biệt về phòng, chống khủng bố mà công cụ pháp luật chính được sử dụng để phòng, chống khủng bố là Luật An ninh Nội địa năm 1960 (Interal Security Act - ISA). Bên cạnh đó, với việc cam kết tuân thủ, thực thi các Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống khủng bố như: Công ước về chống tài trợ khủng bố năm 1999, Nghị quyết 1373 năm 2001 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSCR), Công ước quốc tế về trừng trị hành vi đánh bom khủng bố, Singapore đã nội luật hoá các quy định quốc tế và ban hành ra các luật cụ thể nhằm phòng, chống khủng bố một cách hiệu quả. Theo đó, phải kể đến một số luật như: Luật Chống tài trợ khủng bố năm 2002 (Terrorism Suppression of Financing Act – TSOFA), Luật Chống ném bom khủng bố năm 2007 (Terrorism Suppression of Bombings Act – TSOBA), Luật Cấm vũ khí hoá học; Luật Về các tội liên quan đến vũ khí; Luật Kiểm soát vũ khí và chất nổ; Luật Về xuất khẩu, nhập khẩu…

- Về xử lý các vụ việc liên quan đến khủng bố:

Đặc biệt, Chính phủ Singapore thường ưu tiên sử dụng các biện pháp phòng ngừa đối với các mối đe dọa an ninh nội địa hơn là truy tố hình sự. Hệ thống luật pháp của Singapore không coi các hành động khủng bố trực tiếp là tội phạm nên các quy định pháp luật hình sự của Singapore chủ yếu xử lý đối với các hành vi liên quan đến khủng bố như bắt cóc, giết người, âm mưu khủng bố hay kích động bạo loạn, tuyên truyền ấn phẩm nhằm khuyến khích khủng bố hoặc chia rẽ dân tộc, tôn giáo… Đối tượng khủng bố thường không bị buộc tội theo thủ tục tố tụng hình sự mà thay vào đó họ sẽ bị giam giữ mà không cần xét xử theo ISA. Theo đó, một người chỉ có thể bị giam giữ không quá ba mươi ngày kể từ ngày bị bắt để thuận tiện cho việc điều tra. Trước khi thời hạn bắt giữ này hết hạn, Cục An ninh Nội địa (ISD) sẽ có ba lựa chọn trước thời hạn đó: (1) Giữ một người theo Lệnh Tạm giam không quá hai năm; (2) Đưa ra một Lệnh Hạn chế cho người đó không quá hai năm; (3) Thả người vô điều kiện.

- Về chống tài trợ khủng bố:

Singapore là một trung tâm tài chính quan trọng của toàn cầu và khu vực. Quỹ Tiền tệ Quốc tế xếp hạng Singapore là một trong 25 trung tâm tài chính lớn nhất trên thế giới. Với quy mô lớn của khu vực tài chính, khối lượng giao dịch cao và phạm vi tiếp cận quốc tế rộng rãi, tồn tại một thực tế rằng Singapore phải đối mặt với nguy cơ rửa tiền và tài trợ khủng bố rất lớn. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho Chính phủ Singapore đó chính là hoàn thiện hệ thống các quy định cũng như khuôn khổ giám sát và thực thi chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Ngoài ra, do tài trợ khủng bố là một hiện tượng xuyên biên giới nên Singapore đã thiết lập các kênh hợp tác chính thức với các cơ quan tài phán khác trên thế giới với mục đích giám sát và thực thi pháp luật và quản lý tốt hơn. Lĩnh vực tài chính được quy định bởi Cơ quan tiền tệ và Ngân hàng trung ương của Singapore. Vì vậy, mục 27B của Đạo luật Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore cho phép Cơ quan tiền tệ Singapore ban hành các hướng dẫn hoặc đưa ra các quy định liên quan đến bất kỳ tổ chức tài chính nào mà họ cho là cần thiết để phòng chống rửa tiền hoặc để ngăn chặn việc tài trợ cho khủng bố. Việc thực thi và điều tra thuộc thẩm quyền của Văn phòng Báo cáo Giao dịch đáng ngờ, một cơ quan thuộc Bộ phận Điều tra Tài chính của Cục Thương mại, Lực lượng Cảnh sát Singapore. Bộ phận Điều tra Tài chính chịu trách nhiệm thực thi chống rửa tiền và tài trợ khủng bố tại Singapore.

Bên cạnh đó, nhằm ngăn ngừa tài trợ khủng bố dưới hình thức, sử dụng các tổ chức từ thiện và các tổ chức phi lợi nhuận khác để gây quỹ, Chính phủ Singapore đã ban hành Luật Từ thiện nhằm đưa ra các biện pháp đảm bảo rằng số tiền huy động được không bị

sử dụng sai mục đích. Bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu về đăng ký, các tổ chức từ thiện còn phải nộp báo cáo hàng năm và báo cáo tài chính của họ, các báo cáo này phải được kiểm toán hoặc soát xét bởi các kiểm toán viên bên ngoài hoặc các nhà thẩm định độc lập. Ngoài ra, các cơ quan quản lý sòng bạc ở Singapore được trao quyền đưa ra các quy định nhằm phát hiện, ngăn chặn rửa tiền và tài trợ khủng bố theo quy định của Luật Kiểm soát sòng bạc.

TSOFA là đạo luật quan trọng điều chỉnh hoạt động chống tài trợ cho khủng bố. Theo đó, Phần 3 đến Phần 6 của Đạo luật bao hàm toàn diện phạm vi các hoạt động tội phạm được quy định tại Điều 2 của Công ước Quốc tế về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố. Ngoài ra, Luật cũng quy định nếu một cơ quan, công ty phạm tội "Giám đốc, người quản lý, thư ký hoặc viên chức hoặc đối tác tương tự khác của công ty, doanh nghiệp…" sẽ bị phạm tội đó trừ khi người đó có thể chứng minh rằng mình đã cố gắng hết sức để ngăn chặn hoặc đã thực hiện trách nhiệm giải trình một cách đầy đủ.

Về mức hình phạt dành cho tội tài trợ khủng bố, vào năm 2013, TSOFA đã được sửa đổi để tăng mức hình phạt tối đa đối với các tội tài trợ khủng bố: tiền phạt được tăng từ 100.000 đô la lên 500.000 đô la đối với cá nhân và 1.000.000 đô la đối với tổ chức. Thời hạn tù tối đa không thay đổi là mười năm. Các sửa đổi năm 2013 đối với TSOFA cũng bao gồm các điều khoản mới để phù hợp hơn nữa với các Khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF).

- Về các quy định xuất nhập cảnh:

Để xử lý những trường hợp đối tượng nghi vấn có dấu hiệu khủng bố, tài trợ khủng bố thì các cơ quan có thẩm quyền của Singapore có thể sử dụng ISA để giữ nghi phạm trên lãnh thổ của Singapore. Ngoài ra, có thể sử dụng các biện pháp như trục xuất hoặc dẫn độ nghi phạm bằng Luật Dẫn độ và Luật Nhập cư. Về vấn đề này, không có các quy định riêng nào được thiết lập để trục xuất những đối tượng bị tình nghi là khủng bố. Ngoài ra, các tòa án có thể trì hoãn nhập cảnh cũng như cấm hoặc hạn chế nhập cảnh vào Singapore "vì lợi ích của an ninh công cộng hoặc vì bất kỳ điều kiện kinh tế, công nghiệp, xã hội, giáo dục hoặc các điều kiện khác ở Singapore" [197].

- Các quy định về dân tộc, tôn giáo:

Như đã biết, vấn đề về dân tộc và tôn giáo luôn là một trong những nguyên nhân phát sinh khủng bố. Trong những năm qua, Singapore đã ban hành nhiều luật khác nhau để giảm thiểu xung đột chủng tộc và tôn giáo mà điển hình là Luật Duy trì Hòa hợp Tôn giáo. Tại Singapore, Chính phủ đã thành lập Vòng tròn kết nối giữa các chủng tộc và tôn giáo (IRCC) vào năm 2002, đây là tổ chức trực thuộc chính phủ với mục tiêu thúc đẩy sự

hòa hợp chủng tộc và tôn giáo và là "mạng lưới tin cậy", cầu nối quan trọng giữa các nhóm tôn giáo, dân tộc và cộng đồng ở cấp địa phương. IRCC cũng nhằm mục đích nâng cao hiểu biết của mọi người về các tín ngưỡng, niềm tin khác nhau thông qua các hoạt động theo chủ đề liên quan đến tín ngưỡng và sắc tộc, chẳng hạn như các di sản của các tín ngưỡng, hoạt động trao đổi thông tin giữa các tín ngưỡng, các lễ kỷ niệm tôn giáo và dân tộc khác nhau. Được đổi tên thành Vòng tròn niềm tin giữa các chủng tộc và tôn giáo vào năm 2007, IRCC tiếp tục đóng vai trò là lực lượng gìn giữ hòa bình giữa các tôn giáo và sắc tộc tại Singapore. Bên cạnh việc thúc đẩy sự tương tác và hiểu biết giữa các tôn giáo, tổ chức này cũng phản ứng nhanh chóng với những căng thẳng về chủng tộc và tôn giáo bằng cách giải quyết những lo ngại cơ bản, dập tắt những tin đồn và duy trì tình đoàn kết giữa các thành viên.

- Về vấn đề hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố:

Singapore có hiệp định dẫn độ có hiệu lực với Hoa Kỳ, Đức, Hồng Kông và thoả thuận với 40 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc Khối thịnh vượng chung theo Hiệp ước Luân Đôn về dẫn độ, hỗ trợ lẫn nhau trong phòng, chống tội phạm. Luật Tương trợ tư pháp về hình sự của Singapore (MACMA) cho phép các cơ quan chức năng của Singapore cung cấp các hình thức tương trợ tư pháp bắt buộc đối với một quốc gia yêu cầu không có hiệp ước tương trợ tư pháp với Singapore, với điều kiện quốc gia đó cam kết rằng họ sẽ đáp ứng những yêu cầu của Singapore về việc hỗ trợ tư pháp liên quan đến một hành vi phạm tội tương tự trong tương lai. Điều này cho phép Singapore và các quốc gia khác hỗ trợ lẫn nhau trong phòng, chống khủng bố ngay cả khi không có hiệp định dẫn độ.

- Về các thiết chế thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố:

Năm 1999, Ban Thư ký An ninh Quốc gia (NSS) được thành lập để củng cố và tăng cường các mối liên kết giữa các cơ quan hữu quan trong việc đấu tranh chống lại các nguy cơ của các vấn đề an ninh phi truyền thống và khủng bố xuyên quốc gia. Đến năm 2004, Singapore đưa ra chiến lược mới về an ninh quốc gia, trong đó cải tổ lại bộ máy NSS thành Ban Thư ký Điều phối An ninh Quốc gia (NSCS). NSCS là đơn vị trực thuộc Văn phòng Thủ tướng (PMO) của Chính phủ Singapore, có nhiệm vụ điều phối chung hoạt động của các cơ quan an ninh hiện có của Singapore như: Lực lượng Vũ trang Singapore (SAF), Lực lượng Cảnh sát Singapore (SPF), Cục An ninh Nội địa (ISD) và Phòng An ninh và Tình báo (SID). Các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc gia nói chung cũng như phòng, chống khủng bố nói riêng tại Singapore.

2.5.2. Những giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Thông qua việc phân tích, nghiên cứu về kinh nghiệm quốc tế về phòng, chống khủng bố, một số nội dung có giá trị tham khảo cho công tác hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay như sau:

Thứ nhất, cộng đồng quốc tế và các quốc gia trên thế giới đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố. Pháp luật không chỉ là công cụ quan trọng mà còn là biện pháp hữu hiệu trong cuộc chiến chống lại khủng bố, được triển khai đồng bộ với nhiều biện pháp khác. Do đó, Việt Nam cần chú trọng đầu tư vào việc phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố sao cho phù hợp với yêu cầu của tình hình quốc tế, khu vực và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong nước.

Thứ hai, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần chủ động nghiên cứu các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố mà Việt Nam chưa tham gia, nhằm tham mưu cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong việc gia nhập và ký kết các thỏa thuận này. Đồng thời, cần thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã là thành viên, bảo đảm sự tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp lý quốc tế. Việt Nam cũng cần tiến hành rà soát và chỉnh sửa các quy định pháp luật hiện hành, nhanh chóng bổ sung, điều chỉnh sao cho tương thích với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố.

Thứ ba, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố trong nước theo hướng: (1) xây dựng một chiến lược cụ thể của quốc gia về phòng, chống khủng bố; (2) hoàn thiện đạo luật chuyên biệt điều chỉnh hoạt động phòng, chống khủng bố; (3) củng cố, bổ sung các đạo luật chuyên ngành, theo những lĩnh vực cụ thể nhằm hỗ trợ cho hoạt động phòng, chống khủng bố như: hình sự, tố tụng hình sự; xuất nhập cảnh; quản lý vũ khí, vật liệu nổ; phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; quản lý chất phóng xạ và vũ khí hạt nhân; an ninh, an toàn mạng… Trong đó, chú trọng hoàn thiện các quy đinh pháp luật về những nội dung sau:

- Cần xây dựng một định nghĩa toàn diện về khủng bố, bao gồm cả các hành vi chuẩn bị và hỗ trợ khủng bố, phù hợp hơn với quan niệm của cộng đồng quốc tế. Điều này sẽ giúp quan điểm về phòng, chống khủng bố giữa Việt Nam và cộng đồng quốc tế tiệm cận, đồng nhất hơn; từ đó, thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố trở nên hiệu quả, đi vào thực chất.

- Chú trọng sửa đổi, bổ sung các quy định mang tính cốt lõi trong phòng, chống khủng bố như: tăng cường hình sự hoá các hành vi liên quan đến khủng bố, hỗ trợ và tài trợ khủng bố phòng; mở rộng phạm vi chủ thể tội phạm thực hiện hành vi khủng bố, không

chỉ bao gồm cá nhân mà còn có tổ chức; thiết lập quy trình phòng, chống rửa tiền ngày càng chặt chẽ; bổ sung các quy định về phòng, chống khủng bố mạng, khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ; quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố.

Thứ tư, chú trọng làm tốt công tác dân tộc, tôn giáo. Xây dựng những cơ chế, diễn đàn đặc thù nhằm điều chỉnh vấn đề dân tộc, tôn giáo một cách hiệu quả; phát huy được sự đoàn kết dân tộc, gắn kết, hoà hợp giữa các tôn giáo; tránh để xảy ra mâu thuẫn từ các vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đề cao cảnh giác đối với những thế lực thù địch, phản động trong việc việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động bạo loạn, khủng bố. Bên cạnh đó, quan tâm đến việc xây dựng các chương trình giáo dục và đào tạo nhằm ngăn chặn quá trình cực đoan hóa trong cộng đồng, đặc biệt là trong các trường học và tổ chức tôn giáo.

Thứ năm, tăng cường phối hợp, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố. Việt Nam cần mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế với các quốc gia trong khu vực và trên toàn cầu để đối phó với mối đe dọa khủng bố. Điều này bao gồm việc ký kết các hiệp định song phương về dẫn độ, chuyển giao các đối tượng bị kết án, và tăng cường tương trợ tư pháp hình sự. Đồng thời, Việt Nam cũng nên tham gia tích cực vào các diễn đàn hợp tác đa phương và song phương trong việc đấu tranh chống tội phạm quốc tế, đặc biệt là tội phạm xuyên quốc gia. Cùng với đó, việc thúc đẩy hợp tác trong đào tạo, huấn luyện, và cung cấp các trang thiết bị hỗ trợ phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia là vô cùng quan trọng để nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa và đối phó với khủng bố.

Thứ sáu, hoàn thiện quy định về tổ chức, cơ cấu bộ máy, chức năng của các thiết chế làm nhiệm vụ phòng, chống khủng bố. Cần có một cơ quan chung nhằm điều phối tổng thể công tác phòng, chống khủng bố của đất nước. Bên cạnh đó, thành lập các đơn vị phòng, chống khủng bố từ cơ sở (địa phương) đến trung ương, đảm bảo tính tập trung, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối các mặt hoạt động của công tác này. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố cần huy động được sức mạnh tổng hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội.

Tiểu kết Chương 2

Chương 2 đã làm rõ khung lý luận của đề tài, đây chính là cơ sở để phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và đề xuất những giải pháp phù hợp để sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay được hoàn thiện hơn.

1. Trong Chương này, tác giả đã luận giải, làm rõ các thuật ngữ quan trọng có liên quan đến vấn đề nghiên cứu như: "khủng bố", "phòng, chống khủng bố", "pháp luật về phòng, chống khủng bố" và "hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố". Bên cạnh đó, nội dung Chương 2 cũng tập trung phân tích, đánh giá về vai trò, nội dung của pháp luật về phòng, chống khủng bố. Theo đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố bao gồm 05 nhóm quy định: (1) Nhóm các quy định chung về phòng, chống khủng bố; (2) Nhóm quy phạm pháp luật về phòng ngừa khủng bố; (3) Nhóm quy phạm pháp luật về chống khủng bố; (4) Nhóm quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố; (5) Nhóm quy phạm pháp luật về tổ chức hoạt động, cơ chế phối hợp của các cơ quan trong phòng, chống khủng bố.

2. Nội dung Chương 2 cũng đã xác định được các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố như: tính toàn diện; tính đồng bộ, thống nhất; tính phù hợp, khả thi; tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận và đảm bảo về kỹ thuật lập pháp. Hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố muốn toàn diện và hoàn thiện hơn cần phải đáp ứng các tiêu chí nêu trên; đồng thời, trong quá trình hoàn thiện cũng sẽ chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: yếu tố chính trị, yếu tố pháp lý, yếu tố quốc tế và sự phát triển của khoa học – công nghệ trong bối cảnh hiện nay. Ngoài ra, Chương 2 cũng đã nghiên cứu, tìm hiểu về quy định quốc tế và kinh nghiệm một số quốc gia về phòng, chống khủng bố như: Nga, Trung Quốc, Vương quốc Anh và Singapore; từ đó rút ra bài học có giá trị để Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố.

Chương 3
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

3.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 2013

Sự hình thành và phát triển pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam gắn liền với tiến trình phát triển pháp luật nói chung kể từ khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ra đời năm 1945.

3.1.1. Giai đoạn 1946 – 1959

Giai đoạn 1946 – 1959 là giai đoạn nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà mới được thành lập, nhiệm vụ cách mạng chủ yếu thời kỳ này đó chính là xây dựng và bảo vệ chính quyền còn non trẻ lúc bấy giờ. Do vậy, hệ thống pháp luật nói chung chủ yếu được xây dựng nhằm tập trung vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng đó.

Ngày 09/11/1946, bản Hiến pháp đầu tiên của đất nước đã được thông qua và khẳng định tính chính danh, chủ quyền đất nước, độc lập dân tộc và nền dân chủ cộng hoà. Với vai trò là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản của quốc gia, Hiến pháp năm 1946 chứa đựng những định hướng căn bản của hệ thống pháp luật về vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc. Theo đó, Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định: "Mục tiêu giành độc lập hoàn toàn, bảo toàn lãnh thổ và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ chính là nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này và bảo vệ Tổ quốc chính là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân" [105]. Đây được coi là những nguyên tắc, quy phạm pháp luật quan trọng trong định hướng quá trình xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng.

Trong giai đoạn này, nguồn luật chủ yếu, trực tiếp điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự nói chung và tội phạm về khủng bố nói riêng là các văn bản pháp luật được ban hành trong chế độ thuộc địa trước năm 1945. Căn cứ theo Điều 1 Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quy định: "Cho đến khi ban hành những bộ pháp luật duy nhất cho toàn cõi nước Việt Nam, các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam bộ vẫn tạm thời giữ nguyên như cũ, nếu những luật lệ ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong sắc lệnh này" [62]. Bên cạnh đó, khi áp dụng nguồn là các văn bản pháp luật của chế độ cũ cần đáp ứng các điều kiện nêu tại Điều 12 sắc lệnh số 47/SL, cụ thể là "Những điều khoản trong luật lệ cũ được tạm giữ lại do sắc luật này, chỉ thi hành khi nào không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể Dân chủ Cộng hoà". Các văn bản pháp luật thuộc chế độ cũ được áp dụng trong giai

đoạn này bao gồm: (1) Bộ Luật hình An Nam ban bố tại Bắc bộ do Dụ ngày 25/8/1921 và Nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 02/12/1921 cùng những Dụ và Nghị định sửa đổi Bộ luật ấy; (2) Bộ Hoàng Việt hình luật ban bố tại Trung bộ ngày 01/7/1933 và Nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 01/7/1933 cùng những Dụ và Nghị định sửa đổi Bộ luật ấy; (3) Bộ Hình luật Pháp tu chính do sắc lệnh ngày 31/12/1912 cùng những sắc lệnh sửa đổi sắc lệnh ấy [62].

Bên cạnh đó, các sắc luật và các quy định mới do Nhà nước ban hành trong thời kỳ này cũng góp phần điều chỉnh kịp thời các mối quan hệ phát sinh trong đời sống, trong đó có lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/2/1946 ra đời đã quy định thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự và xác định những hành vi bị coi là tội phạm được xét xử bởi Toà án này. Điều 2 Sắc lệnh số 21/SL quy định như sau: "Toà án quân sự xử tất cả các người nào phạm một việc gì, sau hay trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945, có phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà". Ngoài ra, Toà án quân sự còn có thẩm quyền xét xử cả những tội phạm khác do sắc lệnh ấn định sau [63].

Đáng chú ý, tội phạm khủng bố lần đầu tiên được quy định trong một văn bản pháp lý chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Sắc lệnh số 133/SL ngày 20/01/1953. Cụ thể, Điều 4 và Điều 5 của Sắc lệnh này đã xác định các hành vi "khủng bố" và "khủng bố nhân dân", đồng thời quy định các hình phạt tương ứng tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi và hậu quả gây ra.

Có thể thấy rằng trong giai đoạn này, pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam mặc dù chưa thực sự hoàn chỉnh nhưng đã có những quy định về tội khủng bố và hình phạt đối với loại tội phạm này. Điều đó thể hiện việc Nhà nước ta đã quan tâm đến việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và trừng trị loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm này từ rất sớm.

3.1.2. Giai đoạn 1959 – 1980

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, đất nước ta bị chia cắt hai miền Nam – Bắc. Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam khi đó là thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Trong giai đoạn này, nhà nước ta đã ban hành Hiến pháp năm 1959 nhằm ghi nhận những mối quan hệ mới phát sinh trong xã hội, khẳng định thành quả cách mạng trong những năm đã qua cũng như định hướng phát triển đất nước trong những năm tiếp theo. Tại Hiến pháp năm 1959, vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đã được quy định rõ ràng hơn so với Hiến pháp năm 1946. Theo đó, Điều 7 Hiến pháp năm 1959 quy định "Nhà nước

nghiêm cấm và trừng trị mọi hành động phản quốc, chống lại chế độ dân chủ nhân dân, chống lại sự nghiệp thống nhất Tổ quốc" và Điều 8 ghi nhận vị trí, vai trò, nhiệm vụ của Lực lượng vũ trang của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, đây là lực lượng "của nhân dân, có nhiệm vụ bảo vệ thành quả của cách mạng, bảo vệ độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn và an ninh của Tổ quốc, bảo vệ tự do, hạnh phúc và sự nghiệp lao động hoà bình của nhân dân". Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 1959 cũng khẳng định bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý nhất của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc [106]. Như vậy, các quy định trong Hiến pháp năm 1959 đã đặt nền móng cho quá trình xây dựng và phát triển hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng trong giai đoạn này.

Nhằm cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp năm 1959, ngày 30/10/1967, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh về trừng trị các tội phản cách mạng. Trong đó, Điều 10 đã quy định về các hành vi khách quan của tội khủng bố dưới tội danh "Giết người, hành hung, gây thương tích, bắt giữ người, đe dọa giết người vì mục đích phản cách mạng".

Như vậy, pháp luật về phòng, chống khủng bố giai đoạn này đã có sự phát triển hơn so với giai đoạn trước đó, các quy định pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng đã cụ thể, rõ ràng hơn. Đặc biệt, các hành vi khách quan của khủng bố bước đầu được ghi nhận thông qua quy định về các tội phản cách mạng.

3.1.3. Giai đoạn 1980 – 1992

Sau ngày 30/4/1975, đất nước hoàn toàn thống nhất và bước vào thời kỳ hoà bình, phát triển, tập trung nguồn lực trong việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong hoàn cảnh đó, Việt Nam đã có điều kiện để tập trung nguồn lực xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, trong đó có pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Hiến pháp năm 1980 ra đời đã khẳng định rất rõ trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, kiên quyết đấu tranh phòng ngừa và trừng trị các loại tội phạm; mọi âm mưu và hoạt động chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp cách mạng đều phải bị nghiêm trị theo pháp luật. Đặc biệt, Hiến pháp năm 1980 đã dành một Chương riêng quy định về "Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa", điều này đã thể hiện vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ này [107]. Đồng thời, khẳng định vai trò của Lực lượng vũ trang nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn

xã hội. Mặc dù nội dung của các bản Hiến pháp chỉ đề cập đến những vấn đề về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung nhưng đây chính là nền tảng pháp lý quan trọng để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Đặc biệt, giai đoạn này đánh dấu một cột mốc lịch sử quan trọng với sự ra đời của BLHS đầu tiên của nước CHXHCN Việt Nam vào năm 1985, trong đó đã quy định cụ thể về tội khủng bố. Theo Điều 78 BLHS năm 1985, tội khủng bố được xác định là một trong những hành vi xâm phạm an ninh quốc gia. Cụ thể, Khoản 1 của điều này quy định rằng: "Một cá nhân bị coi là phạm tội khủng bố nếu thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng của nhân viên Nhà nước, nhân viên tổ chức xã hội hoặc công nhân với mục đích chống chính quyền nhân dân". Hình phạt áp dụng cho tội danh này có mức tối thiểu là 2 năm tù đối với trường hợp đe dọa xâm phạm tính mạng hoặc thực hiện các hành vi uy hiếp tinh thần, trong khi mức cao nhất có thể lên tới tù chung thân hoặc tử hình nếu vi phạm Khoản 1 Điều 78 BLHS năm 1985. Ngoài ra, hành vi khủng bố người nước ngoài nhằm mục đích gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước CHXHCN Việt Nam với các đối tác trên thế giới cũng sẽ bị xử phạt theo quy định tại của BLHS.

3.1.4. Giai đoạn 1992 – 2013

Kể từ Đại hội VI của Đảng diễn ra vào năm 1986, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Đến năm 1992, Quốc hội thông qua bản Hiến pháp mới, thay thế cho bản Hiến pháp năm 1980, đánh dấu một giai đoạn lịch sử mới của đất nước, giai đoạn mở cửa, đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hiến pháp năm 1992 một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia trong giai đoạn đổi mới. Cụ thể, Hiến pháp đã dành riêng Chương IV để quy định về vấn đề "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa", trong đó xác định việc bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh quốc gia là trách nhiệm của toàn dân, với lực lượng vũ trang nhân dân, bao gồm Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đóng vai trò nòng cốt. Đặc biệt, lực lượng Công an nhân dân được giao nhiệm vụ chính trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, duy trì trật tự an toàn xã hội và đấu tranh chống các loại tội phạm, trong đó có khủng bố.

Năm 2004, Luật An ninh quốc gia được ban hành, quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc, bao gồm các hoạt động phòng, chống khủng bố. Điều 22 của Luật An ninh quốc gia năm 2004 chỉ rõ các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, bao gồm: "(1) Cơ quan chỉ đạo và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh vệ thuộc Công an nhân dân; (2) Cơ quan chỉ đạo và các đơn vị bảo vệ an ninh quân

đội, tình báo thuộc Quân đội nhân dân; (3) Bộ đội biên phòng và cảnh sát biển, đảm nhận việc bảo vệ an ninh quốc gia tại khu vực biên giới đất liền và biên giới trên biển" [116].

Trong lĩnh vực luật hình sự, để tăng cường công tác phòng ngừa và trừng trị tội phạm khủng bố, BLHS năm 1999 đã tiếp tục kế thừa các quy định về tội khủng bố từ BLHS năm 1985 và ghi nhận tại Điều 84. Theo đó, người thực hiện hành vi khủng bố phải nhằm vào một trong hai mục đích: chống chính quyền nhân dân (Khoản 1 Điều 84) hoặc gây cản trở quan hệ quốc tế của nước CHXHCN Việt Nam (Khoản 4 Điều 84). Các hành vi khủng bố có thể bao gồm việc xâm phạm tính mạng, tự do thân thể, sức khoẻ, đe doạ tính mạng và uy hiếp tinh thần của cán bộ, công chức hoặc công dân, với đối tượng bị tấn công có thể là cán bộ, công chức, công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài. Mức hình phạt cao nhất đối với tội khủng bố là tù chung thân hoặc tử hình.

Tại kỳ họp thứ 5 của Quốc hội khoá XII, BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung và thông qua vào ngày 19/6/2009. Quy định về tội phạm khủng bố đã được cập nhật để phù hợp hơn với thực tiễn công tác phòng, chống tội phạm khủng bố cũng như quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong việc tham gia các điều ước quốc tế về chống khủng bố. So với các phiên bản trước đó (BLHS năm 1985 và 1999), BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) không chỉ quy định một tội khủng bố mà đã mở rộng thành ba tội danh liên quan đến khủng bố, bao gồm: (1) "Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" (Điều 84); (2) "Tội khủng bố" (Điều 203a); (3) "Tội tài trợ khủng bố" (Điều 230b). Thêm vào đó, BLHS các năm 1985, 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng có những quy định liên quan đến các loại tội phạm khác, nhằm góp phần vào công tác phòng, chống khủng bố, đặc biệt là những hành vi xâm phạm an ninh, an toàn hàng không, hàng hải; mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất phóng xạ; rửa tiền, làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức...

Về tố tụng hình sự, trong giai đoạn từ năm 1985 đến năm 2013, Nhà nước đã ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 1988 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 1990, 1992 và 2000) và BLTTHS năm 2003. Điều 110 của BLTTHS năm 2003 đã quy định rõ thẩm quyền điều tra các vụ án hình sự, trong đó, cơ quan điều tra Công an nhân dân có thẩm quyền điều tra tất cả các tội phạm, ngoại trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra Quân đội nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trong giai đoạn này đã được cải thiện rõ rệt so với trước đây. Ngoài các quy định trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự để xử lý các hành vi khủng bố, hệ thống pháp luật quốc gia còn quy định những

biện pháp phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các nguy cơ khủng bố từ sớm, từ xa. Những quy định này có thể được phân thành các nhóm sau:

Một là, các quy định liên quan đến quản lý và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, chất hóa học và phóng xạ. Đây là những công cụ chủ yếu mà các đối tượng khủng bố có thể lợi dụng để thực hiện các hành vi của mình. Chính vì vậy, nhà nước đã ban hành nhiều quy định để kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, cung cấp và sử dụng những công cụ này. Các văn bản pháp lý có thể kể đến như: Nghị định số 27/CP ngày 20/4/1995 về quản lý vật liệu nổ công nghiệp; Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 05/TT-BNV(C13) ngày 28/9/1996 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) hướng dẫn thi hành Nghị định 47/CP; Thông tư số 1691/TT-QP ngày 8/7/1997 của Bộ Quốc phòng về thực hiện Nghị định 47/CP; Thông tư số 09/1998/TTLT-TDTT-CA ngày 26/12/1998 của Bộ Công an về quản lý vũ khí thể thao; Nghị định số 34/2000/NĐ-CP ngày 18/8/2000 quy định về khu vực biên giới để cấm vận chuyển trái phép vũ khí và chất nổ; Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, và nhiều quy định khác.

Đặc biệt, trong lĩnh vực kiểm soát các chất phóng xạ, nhà nước đã ban hành Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996. Thông qua những quy định này, việc quản lý, sử dụng, mua bán vũ khí, vật liệu nổ và chất phóng xạ đã trở nên nghiêm ngặt và chặt chẽ hơn. Điều này góp phần giảm thiểu các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia và trật tự xã hội, đồng thời ngăn chặn các hành vi khủng bố có thể lợi dụng những công cụ nguy hiểm này.

Hai là, các quy định pháp luật nhằm kiểm soát và ngăn chặn các hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú của các đối tượng khủng bố. Vào năm 2000, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh về xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, trong đó nghiêm cấm hành vi lợi dụng các hoạt động này để vi phạm pháp luật. Đồng thời, pháp luật cũng cấm nhập cảnh đối với những người nước ngoài vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam hoặc vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 32/2005/NĐ-CP quy định về Quy chế cửa khẩu biên giới, nghiêm cấm sử dụng giấy tờ giả, tổ chức hoặc dẫn dắt người nhập cảnh trái phép, và các hành vi phá hoại an ninh quốc gia. Ngoài ra, pháp luật còn xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan kiểm soát hoạt động ra vào lãnh thổ, như Pháp lệnh Bộ đội biên phòng năm 1997 và Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam năm 2008, nhằm bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia.

Ba là, các quy định về quản lý tài chính và phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Đây là nhóm quy định quan trọng giúp phát hiện và ngăn chặn các hành vi tài trợ khủng

bố thông qua việc kiểm soát tài chính. Từ năm 1975 đến 2013, nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về tài chính và ngân hàng để ngăn chặn tài trợ khủng bố, như Luật Ngân hàng Nhà nước năm 1997 (sửa đổi năm 2003), và các Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối năm 2005. Những quy định này yêu cầu các tổ chức tín dụng phải thực hiện thanh tra và báo cáo khi phát hiện giao dịch đáng ngờ. Đồng thời, nhà nước đã ban hành các văn bản phòng chống rửa tiền, như Nghị định số 74/2005/NĐ-CP và Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, nhằm phát hiện và ngăn chặn hành vi rửa tiền nhằm mục đích tài trợ khủng bố. Khi phát hiện dấu hiệu tài trợ khủng bố, các tổ chức tài chính và phi tài chính phải báo cáo kịp thời trong khoảng thời gian cho phép.

Bốn là, các quy định về phòng, chống khủng bố trong các lĩnh vực hàng hải, hàng không và giao thông đường bộ. Quốc hội đã thông qua các bộ luật như Bộ Luật hàng hải, Luật hàng không dân dụng và Luật Giao thông đường bộ, và Chính phủ đã ban hành các Nghị định chi tiết về an ninh hàng hải, hàng không và đường bộ. Những quy định này điều chỉnh an ninh, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông và ngăn chặn các hành vi khủng bố liên quan. Tuy nhiên, các quy định này chưa có những điều chỉnh trực tiếp về phòng chống khủng bố trong các lĩnh vực này, nhưng đã góp phần hạn chế tội phạm khủng bố.

Năm là, các quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố. BLTTHS năm 2003 đã quy định các nguyên tắc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự, bao gồm tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm và chuyển giao người bị kết án. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 cũng đã quy định chi tiết về phạm vi, thủ tục và trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền trong việc thực hiện yêu cầu hợp tác quốc tế về hình sự. Các quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hợp tác quốc tế hiệu quả trong đấu tranh chống khủng bố.

Cũng trong giai đoạn này, pháp luật về phòng, chống khủng bố đánh dấu một bước phát triển, hoàn thiện mới đó chính là việc Việt Nam đã tham gia rất nhiều điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố. Theo đó, Việt Nam đã trở thành thành viên của 11 điều ước quốc tế toàn cầu về phòng, chống khủng bố và 01 điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố trong khu vực ASEAN *(Xem Phụ lục 1)*. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng để pháp luật về phòng, chống khủng bố trong nước được hoàn thiện hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 1992 - 2013 là giai đoạn hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố có bước phát triển rõ rệt, các quy định cụ thể điều chỉnh trực tiếp các mối quan hệ phát sinh trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố đã được hình thành, bao quát hầu khắp các vấn đề

liên quan. Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn còn thiếu một văn bản pháp lý chuyên biệt điều chỉnh một cách toàn diện hoạt động phòng, chống khủng bố của đất nước.

3.2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 2013 ĐẾN NAY

3.2.1. Pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 2013 đến nay

Năm 2013, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam hiện hành ra đời, đây là bản Hiến pháp ghi nhận những định hướng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập sâu rộng về mọi mặt của đời sống quan hệ quốc tế. Hiến pháp năm 2013 một lần nữa khẳng định sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân. Theo đó, "Nhà nước CHXHCN Việt Nam luôn chú trọng củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, trong đó nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; mục tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước; qua đó, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới" [121]. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Hiến pháp quy định lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân chính là nòng cốt để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm [121].

Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định quyền con người là một giá trị quan trọng, đồng thời quy định nguyên tắc giới hạn quyền trong những trường hợp cần thiết. Cụ thể, Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 nêu rõ các quyền về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của mọi người dân được Nhà nước tôn trọng, công nhận, bảo vệ và bảo đảm [121]. Tuy nhiên, các quyền này chỉ có thể bị hạn chế trong những trường hợp cần thiết, căn cứ vào các lý do vì mục đích công cộng như đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật. Trong bối cảnh phòng, chống khủng bố, nguyên tắc này được áp dụng nhằm bảo đảm cân bằng giữa bảo vệ quyền con người và lợi ích chung của xã hội, đặc biệt là an ninh quốc gia và trật tự công cộng. Những nội dung đã được Hiến định nêu trên đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng trong giai đoạn hiện nay. Cũng trong năm 2013, Luật Phòng, chống khủng bố ra đời, đánh dấu cột mốc pháp lý quan trọng quy định một cách tổng thể, hệ thống và toàn diện các mặt của hoạt động phòng, chống khủng bố, góp phần nâng cao hiệu quả công tác trong công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Nội dung của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 bao gồm 08 Chương, 51 Điều, quy định về những vấn đề trọng tâm, cốt lõi liên quan đến hoạt động

phòng, chống khủng bố ở Việt Nam cũng như nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này [122].

Để cụ thể hóa các quy định trong Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật, bao gồm: (1) Nghị định số 122/2013/NĐ-CP; (2) Nghị định số 07/2014/NĐ-CP; (3) Nghị định số 22/2014/NĐ-CP ngày 02/4/2014, quy định về thẩm quyền, điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố, cùng việc phân công người chỉ huy chống khủng bố (Nghị định số 22); (4) Nghị định số 101/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, quy định chi tiết về Trách nhiệm thực hiện và các biện pháp ngăn chặn việc sử dụng không gian mạng cho mục đích khủng bố (Nghị định số 101); và Nghị định số 93/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2013/NĐ-CP về Tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố, cùng việc xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố (Nghị định số 93). Thủ tướng Chính phủ cũng đã trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống khủng bố thông qua các Quyết định như: Quyết định số 1530/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống khủng bố; Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 5/11/2015 về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia; và Quyết định số 1564/QĐ-TTg ngày 9/8/2016 về kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia. Các Bộ, Ngành và địa phương cũng đã xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý nhằm triển khai các hoạt động phòng, chống khủng bố theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, phù hợp với từng lĩnh vực và địa phương. Trong đó, Bộ Công an, với vai trò là cơ quan tham mưu chính cho Chính phủ trong công tác phòng, chống khủng bố, đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Thông tư số 46/2015/TT-BCA ngày 22/9/2015 quy định về các cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố; và Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 09/4/2021 (thay thế Thông tư số 46/2015/TT-BCA) quy định về các cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố. Bộ Quốc phòng cũng đã ban hành Thông tư số 38/2015/TT-BQP ngày 07/5/2015 quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố; và Thông tư số 17/2019/TT-BQP ngày 26/02/2019 quy định quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn hoạt động sử dụng không gian mạng cho mục đích khủng bố.

Trong lĩnh vực hình sự, BLHS năm 2015 đã quy định chi tiết về tội phạm khủng bố, nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh và ngăn chặn các hành vi khủng bố trong bối cảnh

mới. Bộ luật này quy định 03 điều luật trực tiếp liên quan đến tội phạm khủng bố, bao gồm: "Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" (Điều 113); "Tội khủng bố" (Điều 299); và "Tội tài trợ khủng bố" (Điều 300). Đặc biệt, BLHS năm 2015 đã có một bước tiến so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) khi lần đầu tiên quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Với quy định này, ngoài cá nhân, pháp nhân thương mại cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu phạm tội tài trợ khủng bố. Bên cạnh đó, pháp luật hình sự cũng đã xây dựng hành lang pháp lý để xử lý các hành vi phạm tội có liên quan đến khủng bố, như: "Tội bắt cóc con tin" (Điều 301); "Tội cướp biển" (Điều 302); "Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia" (Điều 303); các tội liên quan đến vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân và chất cháy, chất độc (từ Điều 304 đến Điều 312); các tội vi phạm an ninh hàng hải, hàng không (Điều 272, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 282, Điều 283, Điều 284); các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông (từ Điều 285 đến Điều 294); các tội phạm liên quan đến tài chính, ngân hàng (Điều 207, Điều 208); "Tội rửa tiền" (Điều 324); các tội liên quan đến bí mật nhà nước (Điều 337, Điều 338); "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" (Điều 341); "Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân" (Điều 331); và "Tội phá hoại chính sách đoàn kết" (Điều 116).

Ngày 25/10/2019, Hội đồng Thẩm phán Toà án Nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP về Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299, Điều 300 của BLHS năm 2015. Theo đó, Nghị quyết đã giải thích một số thuật ngữ quy định tại Điều 299 và Điều 300, cụ thể hoá một số tình tiết định khung hình phạt và hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự về tội khủng bố trong một số trường hợp cụ thể.

Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, BLTTHS năm 2015 được ban hành (sửa đổi, bổ sung năm 2021), thay thế cho BLTTHS năm 2003. BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về các loại tội phạm, trong đó có tội phạm khủng bố. Tại Phần thứ tám của Bộ luật cũng đã quy định về hoạt động hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự là việc các cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phối hợp, hỗ trợ nhau để thực hiện hoạt động phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự [141]. Dựa trên các quy định hiện hành, hoạt động phòng, chống khủng bố có thể được triển khai thông qua các hình thức hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng

hình sự, bao gồm tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ tội phạm khủng bố và tiếp nhận, chuyển giao những người đang chấp hành án phạt tù liên quan đến tội khủng bố. Bên cạnh đó, Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 cùng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ quốc tế vẫn là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố.

Từ năm 2013 đến nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam đã có những bước phát triển đồng bộ, khi nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành trong các lĩnh vực khác nhau. Trong đó, các quy định pháp lý liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố cũng từng bước được hoàn thiện, cụ thể như sau:

- Các quy định pháp luật về quản lý cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh

Các quy định này nhằm ngăn chặn các đối tượng khủng bố ra vào và cư trú trong lãnh thổ Việt Nam để thực hiện hành vi khủng bố. Một số văn bản pháp lý liên quan bao gồm: Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2023; Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Nghị định 75/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi; Thông tư 79/2020/TT-BCA hướng dẫn thực hiện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành; Nghị định 31/2014/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết và biện pháp thi hành Luật Cư trú (đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định 62/2021/NĐ-CP).

Một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc quản lý hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cũng như hoạt động xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam, là phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều này phải đảm bảo tôn trọng độc lập, chủ quyền, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, đồng thời bảo đảm quyền bình đẳng trong quan hệ quốc tế. Mọi hành động lợi dụng việc xuất cảnh, nhập cảnh để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam, hay quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bị nghiêm cấm.

- Các quy định về quản lý, kiểm soát vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các chất hoá học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân

Nhằm kiểm soát hiệu quả các loại công cụ mà các đối tượng thường sử dụng để thực hiện hành vi khủng bố nguy hiểm, Nhà nước đã ban hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí,

vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019). Để cụ thể hoá và hướng dẫn thi hành luật này, trong năm 2018, Chính phủ đã ban hành hai văn bản quan trọng gồm: Nghị định số 71/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Nghị định số 79/2018/NĐ-CP quy định "Chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ".

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền như Bộ Công an, Bộ Công thương và Bộ Quốc phòng cũng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý trong lĩnh vực này. Cụ thể như: Thông tư số 16/2018/TT-BCA của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 17/2018/TT-BCA quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng và công cụ hỗ trợ; Thông tư số 21/2019/TT-BCA sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2018/TT-BCA; Thông tư số 13/2018/TT-BCT của Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 85/2018/TT-BQP của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

Ngoài ra, để chủ động phòng ngừa và ứng phó với các nguy cơ khủng bố bằng vũ khí hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân, ngày 22/01/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025. Tiếp đó, ngày 11/11/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nghị định này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập hành lang pháp lý cho công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và ngăn chặn các hoạt động phổ biến cũng như tài trợ cho việc phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, qua đó góp phần ngăn chặn các tổ chức khủng bố sử dụng những loại vũ khí nguy hiểm này để gây ra các hành vi đe doạ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

- Các quy định về đảm bảo an ninh hàng hải, hàng không, an ninh đường bộ

Khủng bố trong lĩnh vực hàng hải, hàng không, trên bộ là những loại khủng bố phổ biến hiện nay trên thế giới, các đối tượng thường thực hiện các hành vi khủng bố như: bắt cóc con tin trên tàu thuỷ, tàu bay; cướp tàu bay, tàu thuỷ; sử dụng tàu bay, tàu thuỷ, phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt trái phép nhằm phá huỷ các công trình công cộng, công trình trọng điểm liên quan đến an ninh quốc gia, gây ra tình trạng sợ hãi, rối loạn trong xã hội. Chính vì vậy, nhà nước cũng đã xây dựng hệ thống hành lang pháp lý nhằm kiểm soát, đảm bảo an ninh, an toàn cho các hoạt động trong lĩnh vực hàng hải,

hàng không, đường bộ, đường sắt; ngăn chặn các hành vi khủng bố có thể diễn ra trong lĩnh vực này.

Trong lĩnh vực hàng hải, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được xây dựng và ban hành khá đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động hàng hải. Trong đó, tiêu biểu là Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành như: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 142/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 143/2017/NĐ-CP quy định về bảo vệ công trình hàng hải; Nghị định số 77/2017/NĐ-CP về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các quy định về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, giao thông đường bộ, đường sắt và hàng không dân dụng. Ngoài ra, Bộ Giao thông vận tải cũng đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 170/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 quy định về công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải, nhằm thực hiện hiệu quả Luật Phòng, chống khủng bố và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh tàu và cảng biển theo Bộ luật ISPS.

Trong lĩnh vực hàng không, hệ thống pháp luật cũng đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) đã đặt ra nguyên tắc quan trọng là hoạt động hàng không dân dụng phải bảo đảm an toàn, an ninh hàng không và đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh quốc gia. Chính phủ cũng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành như: Nghị định số 147/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Nghị định số 92/2015/NĐ-CP quy định về bảo đảm an ninh hàng không; Nghị định số 93/2022/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 và Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/9/2019 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg nhằm xây dựng phương án tổng thể ứng phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng. Bên cạnh đó, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Giao thông vận tải cũng đã phối hợp ban hành Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BGTVT-BCA-BQP ngày 08/4/2016 về quy chế phối hợp, trao đổi thông tin trong công tác bảo đảm an ninh, an toàn hàng không dân dụng.

Đối với lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng nhằm bảo đảm an ninh, an toàn giao thông.

Đáng chú ý là Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Luật Đường sắt năm 2017 vẫn đang có hiệu lực thi hành. Các văn bản hướng dẫn quan trọng trong lĩnh vực này bao gồm: Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định về Xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hàng hải, giao thông đường bộ, đường sắt và hàng không dân dụng.

- Các quy định về quản lý, đảm bảo an ninh mạng, an ninh thông tin

Hiện nay, không gian mạng đã và đang trở thành môi trường được các tổ chức khủng bố lợi dụng để tiến hành các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo, kích động cũng như thực hiện các cuộc tấn công mạng nhằm vào các hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia. Trước thực trạng đó, Nhà nước ta đã xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực an ninh mạng nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoạt động khủng bố mạng.

Một số văn bản quy phạm pháp luật quan trọng đã được ban hành như: Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018; Nghị định số 101/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai và áp dụng các biện pháp ngăn chặn việc sử dụng không gian mạng phục vụ hoạt động khủng bố; Nghị định số 142/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng; Nghị định số 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An ninh mạng.

Đặc biệt, tại Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018 đã nêu rõ: "Khủng bố mạng là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố" [134], đồng thời xác định rõ hành vi sử dụng không gian mạng để tiến hành hoạt động khủng bố mạng là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố mạng cũng đã quy định cụ thể các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động lợi dụng không gian mạng để khủng bố, cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phát hiện, xử lý và phối hợp ngăn chặn hoạt động khủng bố mạng, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội [130]. Điều 20 Luật An ninh mạng năm 2018 đã quy định cụ thể như sau:

> "Chủ quản hệ thống thông tin thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý nhằm loại trừ nguy cơ khủng bố mạng. Khi phát hiện dấu hiệu, hành vi khủng bố mạng, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải kịp thời báo

cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng. Cơ quan tiếp nhận tin báo có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ tin báo về khủng bố mạng và kịp thời thông báo cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng" [134].

Bộ Công an được giao trách nhiệm là cơ quan chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan trong việc triển khai công tác phòng, chống khủng bố mạng. Trường hợp cần thiết có thể áp dụng các biện pháp nhằm vô hiệu hóa và xử lý khủng bố mạng. Đối với hệ thống thông tin quân sự, hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ sẽ lần lượt được giao cho Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan trong triển khai công tác phòng, chống khủng bố mạng.

- Các quy định về quản lý tài chính, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoại hối đã đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng, chống tài trợ khủng bố. Nhóm văn bản này bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 và Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 (thay thế Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012). Bên cạnh đó, còn có các văn bản hướng dẫn thi hành quan trọng như: Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01/11/2019; Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 03/12/2020; Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến phòng, chống tài trợ khủng bố trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán; Nghị định số 19/2023/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống rửa tiền; Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về mức giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.

Trong đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - cơ quan tham mưu giúp Chính phủ trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố - đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 15/11/2019 về tăng cường quản lý rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố trong lĩnh vực ngân hàng; Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014; Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 hướng dẫn thực hiện công tác phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố; Thông tư số 09/2023/TT-NHNN hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống rửa tiền.

Theo quy định pháp luật hiện hành, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm chủ động trong việc phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Đồng thời, lực lượng Hải quan và Bộ đội biên phòng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thông tin khai báo của cá nhân khi xuất nhập cảnh, mang theo ngoại tệ, tiền Việt Nam, kim khí quý, đá quý hoặc công cụ chuyển nhượng vượt mức quy định. Những cơ quan này có nghĩa vụ cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ Ngân hàng Nhà nước hoặc chủ động phối

hợp với cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố. Đặc biệt, trong trường hợp có căn cứ cho rằng giao dịch đang được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hành vi phạm tội, bao gồm tài trợ khủng bố, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam hiện nay đã từng bước hoàn thiện, phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng so với giai đoạn trước đây. Các quy định pháp luật hiện hành đã góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ khủng bố, xử lý các hành vi tài trợ khủng bố, đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh mới.

3.2.2. Những kết quả đạt được của pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay

3.2.2.1. Pháp luật về phòng, chống khủng bố ngày càng toàn diện hơn

Thứ nhất, thực trạng pháp luật Việt Nam về phòng, chống khủng bố hiện nay đang từng bước được hoàn thiện theo hướng toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn. Hệ thống các quy phạm pháp luật liên quan đến phòng, chống khủng bố đã cơ bản điều chỉnh đầy đủ các nội dung quan trọng, thiết yếu, đảm bảo bao quát các vấn đề cốt lõi trong lĩnh vực này. Cụ thể:

Một là, pháp luật về phòng, chống khủng bố đã thiết lập và quy định rõ nhóm các vấn đề chung mang tính nguyên tắc, định hướng đối với công tác phòng, chống khủng bố.

(i) Về nguyên tắc phòng, chống khủng bố, đây được coi là những định hướng pháp lý nền tảng, có tính chi phối và xuyên suốt trong việc xây dựng, vận hành và thực thi hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Các nguyên tắc này đóng vai trò là cơ sở cốt lõi, là "xương sống" để hình thành và phát triển các quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến phòng, chống khủng bố. Theo đó, hệ thống pháp luật hiện hành đã xác định 04 nguyên tắc cơ bản sau:

- Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện đối với công tác phòng, chống khủng bố; Nhà nước thống nhất quản lý việc xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố. Đồng thời, công tác này cần có sự tham gia đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân là nòng cốt.

- Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố phải tuân thủ các quy định của Hiến pháp và phù hợp với hệ thống pháp luật liên quan, nhằm mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm

lợi ích của Nhà nước, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đặc biệt là bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của nhân dân, tổ chức, cá nhân và hạn chế thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra.

- Chú trọng phương châm phòng ngừa chủ động là chính; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

Những nguyên tắc nêu trên đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng hoạt động xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, góp phần đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong công tác phòng, chống khủng bố trên thực tế.

(ii) Về chính sách phòng, chống khủng bố, Nhà nước đã có những chính sách đặc thù cho hoạt động này. Theo đó, mọi hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố đều bị lên án và trừng trị nghiêm minh; đồng thời Nhà nước sử dụng đồng bộ các biện pháp và đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ để hoạt động phòng, chống khủng bố đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tích cực, chủ động vào hoạt động phòng, chống khủng bố; có chính sách bảo vệ các chủ thể tham gia phòng, chống khủng bố; đền bù thiệt hại khi sử dụng tài sản để phục vụ phòng, chống khủng bố và khen thưởng đối với những người có thành tích trong hoạt động phòng, chống khủng bố. Đặc biệt, Nhà nước cũng có chính sách khoan hồng đối với những trường hợp chủ động từ bỏ ý định khủng bố, tài trợ khủng bố; tự thú, thành khẩn khai báo; có ý thức thực hiện việc ngăn chặn nguy cơ khủng bố có thể xảy ra và khắc phục hậu quả; tích cực hỗ trợ trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động khủng bố [122].

(iii) Về các hành vi bị nghiêm cấm, pháp luật về phòng, chống khủng bố đã quy định cụ thể các nhóm hành vi cụ thể như sau (Điều 6 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013):

Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tuyệt đối mọi hành vi khủng bố và tài trợ khủng bố, nội dung này được quy định rõ tại Điều 3 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Theo đó, các hành vi khủng bố và tài trợ khủng bố được nhận diện qua một số biểu hiện sau:

- Hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của cá nhân hoặc đe dọa thực hiện những hành vi này nhằm gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong xã hội.

- Thực hiện các hành vi tấn công hệ thống mạng, phương tiện điện tử, thiết bị số thuộc sở hữu của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân.

- Tham gia hướng dẫn, chỉ đạo hoặc trực tiếp chế tạo, sản xuất vũ khí, công cụ, phương tiện phục vụ cho hoạt động khủng bố.

- Thực hiện hành vi kích động, lôi kéo, hỗ trợ hoặc tạo điều kiện cho các đối tượng tiến hành hoạt động khủng bố.

- Tổ chức, xây dựng lực lượng, đào tạo, huấn luyện hoặc cung cấp nguồn lực cho các đối tượng thực hiện hành vi khủng bố.

Những hành vi nêu trên đều bị pháp luật nghiêm cấm và xử lý nghiêm minh nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Cấm các hành vi nhằm che giấu tội phạm khủng bố; chứa chấp, không tố giác hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố mặc dù biết hoặc có nghĩa vụ phải biết hành vi đó là hành vi khủng bố.

Nghiêm cấm hành vi làm lộ bí mật nhà nước trong phòng, chống khủng bố. Đây không những là hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố mà còn là hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Những thông tin bí mật liên quan đến phòng, chống khủng bố có ý nghĩa vô cùng quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia. Vì vậy, nếu những thông tin này bị lột, lọt sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các kế hoạch, chiến lược phòng, chống khủng bố, làm giảm hiệu quả, chất lượng hoạt động phòng, chống khủng bố cũng như dẫn đến nguy cơ gây mất an ninh quốc gia, không đảm bảo được trật tự, an toàn xã hội của đất nước.

Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi cố ý lan truyền thông tin giả mạo liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố hoặc cản trở, gây khó khăn cho hoạt động phòng, chống khủng bố. Việc phát tán những thông tin sai sự thật này không chỉ gây hoang mang, lo lắng trong dư luận xã hội mà còn tiềm ẩn nguy cơ làm mất ổn định trật tự, an toàn xã hội.

Nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi tung tin giả, đặc biệt là tin giả trên không gian mạng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều quy định pháp luật cụ thể. Theo đó, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Điều 8 Luật An ninh mạng năm 2018 và Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định rõ về những hành vi bị cấm khi sử dụng không gian mạng, trong đó bao gồm hành vi giả mạo tổ chức, cá nhân hoặc phát tán thông tin giả mạo, sai sự thật xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan. Ngoài ra, chế tài xử lý đối với hành vi đưa tin giả, tung tin sai sự thật trên không gian mạng cũng đã được pháp luật quy định cụ thể tại Điều 8 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và Điều 9 Luật An ninh mạng năm 2018. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người thực hiện hành vi có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử lý như: xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm các cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phòng, chống khủng bố để xâm phạm và làm tổn hại lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Hai là, pháp luật về phòng, chống khủng bố điều chỉnh các hoạt động liên quan đến công tác phòng ngừa khủng bố và tài trợ khủng bố. Hệ thống các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý cho việc chủ động phát hiện, ngăn chặn từ sớm, từ xa những nguy cơ đe dọa đến an ninh quốc gia xuất phát từ các hành vi khủng bố hoặc tài trợ khủng bố.

Một trong những nội dung quan trọng của nhóm quy phạm này là quy định về công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về phòng, chống khủng bố. Theo đó, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác, trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân đối với công tác phòng, chống khủng bố. Đây được xem là một trong những giải pháp quan trọng, góp phần tăng cường sự tham gia tích cực của người dân trong việc phát hiện, tố giác, ngăn chặn các hành vi có dấu hiệu khủng bố hoặc tài trợ khủng bố ngay từ giai đoạn đầu. Nội dung của hoạt động này bao gồm: diễn biến, tình hình khủng bố trong nước, quốc tế và những nguy cơ khủng bố có thể xảy ra; cách thức hoạt động của các tổ chức, cá nhân khủng bố; các biện pháp nhằm phòng, chống khủng bố; kinh nghiệm phòng, chống khủng bố và nghĩa vụ của từng cá nhân, tổ chức trong hoạt động phòng, chống khủng bố... Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố cũng đã được quy định cụ thể trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012. Theo quy định của pháp luật, việc phổ biến, giáo dục pháp luật phải gắn liền với quá trình tổ chức thi hành pháp luật, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của từng địa phương, đồng thời đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, áp dụng pháp luật trong đời sống hằng ngày của người dân.

Về nội dung, các quy định của Hiến pháp, pháp luật về quốc phòng, an ninh, trong đó có pháp luật về phòng, chống khủng bố, được xác định là một trong những trọng tâm quan trọng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Trên thực tế, các bộ, ngành có liên quan như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải đã phối hợp ban hành Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BCA-BQP-BGTVT ngày 20/6/2016 hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống khủng bố.

Ngoài ra, với vai trò là lực lượng nòng cốt trong phòng, chống khủng bố, Bộ Công an đã chủ động biên soạn, phát hành các tài liệu tham khảo về điều ước quốc tế, pháp luật

Việt Nam liên quan đến phòng, chống khủng bố; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho lực lượng Công an nhân dân; đồng thời, đưa nội dung Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 vào chương trình đào tạo, giảng dạy tại các trường Công an nhân dân.

Cùng với đó, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức trên 1.400 hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, bồi dưỡng, qua đó phổ biến Luật Phòng, chống khủng bố cho hơn 110.000 cán bộ, công chức, viên chức nhằm quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật. Hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của toàn xã hội đối với công tác phòng, chống khủng bố, qua đó góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội [68].

Bên cạnh đó, hoạt động quản lý hành chính nhà nước về an ninh, trật tự cũng đóng vai trò quan trọng trong phòng ngừa khủng bố và tài trợ khủng bố. Theo Điều 21 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm chủ động phát hiện kịp thời các nguy cơ khủng bố, đồng thời xây dựng và triển khai các phương án xử lý phù hợp. Các biện pháp quản lý hành chính về an ninh, trật tự được thực hiện chủ yếu thông qua: Quản lý thông tin, dữ liệu dân cư; kiểm soát, quản lý chặt chẽ các loại vũ khí, vật liệu nổ, chất cháy, chất hóa học, phóng xạ có thể bị lợi dụng cho hoạt động khủng bố; triển khai công tác cảnh vệ, bảo vệ mục tiêu trọng yếu, đặc biệt là các công trình liên quan đến an ninh quốc gia; kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khu vực, mục tiêu trọng điểm về an ninh, trật tự; quản lý hoạt động xuất, nhập cảnh qua biên giới nhằm ngăn ngừa các nguy cơ khủng bố từ bên ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

Các biện pháp quản lý hành chính về cư trú, nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh, nhằm rà soát và ngăn chặn các đối tượng khủng bố hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, đã được quy định rõ ràng trong các luật như: Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật Cư trú năm 2020; Luật Căn cước công dân năm 2014; Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019; và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Các quy định này yêu cầu nguyên tắc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, và cư trú phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, cá nhân [136].

Pháp luật nghiêm cấm việc lợi dụng nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh hoặc cư trú tại Việt Nam để chống lại Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc xâm phạm quyền lợi hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trong các trường hợp ảnh hưởng đến quốc phòng, an

ninh hoặc trật tự xã hội, cơ quan chức năng có thể tạm hoãn, từ chối hoặc cấm nhập cảnh, hoặc yêu cầu xuất cảnh theo quy định pháp luật.

Về quản lý hành chính đối với vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất cháy, chất hoá học, sinh học và chất phóng xạ, nhằm kiểm soát các công cụ và phương tiện mà đối tượng khủng bố có thể sử dụng, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp lý như: Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008; Luật Hóa chất năm 2007; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007. Mặc dù các luật này không trực tiếp điều chỉnh phòng, chống khủng bố, nhưng chúng quy định các biện pháp kiểm soát các công cụ nguy hiểm mà đối tượng khủng bố thường sử dụng. Pháp luật cũng nghiêm cấm hành vi lợi dụng, lạm dụng các công cụ nguy hiểm như vũ khí, vật liệu nổ, chất hoá học, sinh học và phóng xạ để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, hoặc đe dọa tính mạng, sức khỏe và tài sản của cá nhân, tổ chức.

Thông qua công tác quản lý này, lực lượng Công an nhân dân đã phát hiện hơn 2.820 vụ vi phạm, bắt giữ và xử lý 4.807 đối tượng liên quan, đồng thời thu giữ nhiều loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, từ đó hạn chế tối đa nguy cơ đối tượng khủng bố lợi dụng các công cụ này để thực hiện hành vi phạm tội [68].

Ngoài ra, việc bảo vệ an ninh, an toàn cho các công trình, khu vực quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và việc kiểm tra, giám sát các mục tiêu trọng điểm cũng được Nhà nước chú trọng. Các khu vực như các công trình trọng yếu về an ninh, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, cửa khẩu, biên giới, và các khu vực công cộng tập trung đông người đều có thể trở thành mục tiêu của các hoạt động khủng bố nhằm phá hoại, gây hoang mang và thiệt hại lớn về người và tài sản. Để bảo vệ hiệu quả các khu vực này, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp lý quan trọng, bao gồm: Luật Cảnh vệ năm 2017; Luật Biên giới quốc gia năm 2003; Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020; Luật Hải quan năm 2014; và Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền sẽ thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát và bảo vệ các công trình, mục tiêu quan trọng, từ đó góp phần đảm bảo an ninh, an toàn và phòng chống khủng bố hiệu quả.

- Kiểm soát các hoạt động giao thông, vận tải. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cần chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng hoạt động giao thông, vận tải để tiến hành khủng bố [122]. Các đối tượng khủng bố thường sử dụng các con đường giao thông, vận tải để di chuyển, liên lạc; vận chuyển công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phá hoại hay thậm chí thực

hiện khủng bố ngay trên các phương tiện như tàu bay, tàu thuỷ… Chính vì vậy, Nhà nước đã ban hành hệ thống các văn bản pháp lý nhằm quản lý, kiểm soát các hoạt động giao thông vận tải để đảm bảo an ninh, an toàn như: Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Luật Hàng không dân dụng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Luật Đường sắt năm 2017; Luật Giao thông đường thuỷ nội địa năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Về nguyên tắc, các hoạt động giao thông vận tải mặc dù có hình thức khác nhau (đường bộ, đường hàng không, đường thuỷ, đường sắt, đường biển) nhưng đều phải góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia.

- Kiểm soát giao dịch tiền và tài sản. Đây là biện pháp quan trọng nhằm phòng ngừa và đấu tranh với các hoạt động tài trợ khủng bố. Theo đó, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền sẽ thực hiện theo dõi, kiểm tra và giám sát các giao dịch tiền, tài sản có dấu hiệu liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố. Điều 11 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, bao gồm các nghĩa vụ như sau: "(1) Không được che giấu hoặc thực hiện các giao dịch liên quan đến khoản tiền có nguồn gốc bất hợp pháp; (2) Xây dựng các quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; (3) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố; (4) Hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra các hoạt động này". Ngoài ra, các tổ chức tín dụng cũng phải xây dựng quy trình, thủ tục, bao gồm nguyên tắc nhận diện khách hàng, nhằm ngăn ngừa việc lợi dụng tổ chức tín dụng cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hành vi tội phạm khác [133].

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xây dựng các chính sách và kế hoạch phòng, chống rửa tiền. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước là đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát và phòng, chống rửa tiền. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đã chính thức nội luật hoá các khuyến nghị của FATF, tạo ra một công cụ pháp lý giúp ngăn chặn hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố. Các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, phải thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền định kỳ 5 năm và báo cáo kết quả. Việc đánh giá này cũng bao gồm các hoạt động mới có thể gây rủi ro về rửa tiền. Các bộ, ngành cần phổ biến kết quả đánh giá và có biện pháp giảm thiểu các rủi ro đã xác định, đồng thời cập nhật rủi ro về rửa tiền và gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp và trình Chính phủ phê duyệt.

Theo Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 thì: "Đối với các giao dịch liên quan đến tổ chức hoặc cá nhân thực hiện hành vi tài trợ khủng bố, các giao dịch có thể bị trì hoãn, tài khoản hoặc tài sản của các tổ chức, cá nhân này có thể bị phong tỏa, niêm phong hoặc tạm giữ nếu có dấu hiệu liên quan đến khủng bố. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, tùy theo mức độ vi phạm. Nếu gây thiệt hại, các tổ chức, cá nhân này cũng phải bồi thường theo quy định của pháp luật" [143]. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 122/2013/NĐ-CP để tạo cơ sở pháp lý cụ thể và rõ ràng hơn trong việc xử lý tiền, tài sản có liên quan đến khủng bố.

- Kiểm soát quá trình xuất, nhập khẩu phương tiện, hàng hóa. Hoạt động kiểm soát các phương tiện, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại các khu vực cửa khẩu, biên giới sẽ giúp phát hiện, ngăn chặn kịp thời việc các đối tượng vận chuyển công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi khủng bố. Tại các cảng hàng không dân dụng, pháp luật quy định "Hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hoá, bưu gửi và các vật phẩm khác phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không trước khi lên tàu bay; trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì phải được lục soát an ninh hàng không. Việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay phải được thực hiện trong suốt chuyến bay" [124]. Đối với những khu vực cửa khẩu hải quan, theo quy định của Luật Hải quan năm 2014 thì "Hàng hóa, phương tiện vận tải phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan" [123]. Ngoài ra, tại các khu vực biên giới quốc gia, các phương tiện, hàng hoá có thể bị hạn chế hoặc tạm ngừng qua lại biên giới quốc gia, kể cả việc đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc lý do đặc biệt khác [115].

- Kiểm soát hoạt động thông tin, truyền thông và an ninh mạng. Các đối tượng khủng bố thường lợi dụng các kênh thông tin, truyền thông như báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, và internet để phát tán thông tin sai lệch, phản động nhằm chống lại chính quyền, gây hoang mang dư luận, hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Trước các mối nguy này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền cần có trách nhiệm phát hiện và ngăn chặn các hành vi lợi dụng lĩnh vực thông tin, truyền thông và không gian mạng để thực hiện các hoạt động khủng bố. Để ứng phó với tình trạng này, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp lý nhằm kiểm soát hoạt động thông tin, truyền thông và bảo đảm an ninh mạng, bao gồm các luật quan trọng như: Luật Xuất bản năm 2012; Luật Báo chí năm 2016; Nghị định 119/2020/NĐ-CP về Xử

phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí và xuất bản"; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018; Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật An ninh mạng. Theo đó, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng xuất bản, báo chí, và không gian mạng để tuyên truyền chống lại Nhà nước CHXHCN Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, truyền bá tư tưởng phản động, kích động bạo lực, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đặc biệt, các hoạt động khủng bố mạng là hành vi nghiêm cấm, được quy định rõ trong Luật An ninh mạng năm 2018.

Ba là, pháp luật về phòng, chống khủng bố quy định về chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố. Bao gồm các nội dung: quy định pháp luật hình sự, tố tụng hình sự trừng trị tội phạm khủng bố; quy định về các biện pháp chống khủng bố; chống khủng bố tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài.

- Pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự luôn là công cụ pháp lý quan trọng để trừng trị các loại tội phạm, trong đó có tội phạm khủng bố. Hiện nay, tội phạm về khủng bố đã được quy định cụ thể tại BLHS năm 2015 gồm: Điều 113 về Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân, Điều 299 về Tội khủng bố và Điều 300 về Tội tài trợ khủng bố. Nghiên cứu các loại tội phạm về khủng bố cho thấy, tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố đều được thực hiện bởi chủ thể là cá nhân và đây là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với mức hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình. Điểm khác biệt cơ bản giữa 02 loại tội phạm này thể hiện ở mục đích của chủ thể tiến hành tội phạm. Theo đó, mục đích của "Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" đó chính là nhằm chống lại sự tồn tại, vững mạnh của chính quyền do nhân dân lập ra hoặc gây cản trở, khó khăn cho quan hệ quốc tế giữa nước CHXHCN Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Trong khi đó, mục đích của "Tội khủng bố" quy định tại Điều 299 lại là gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng, khiến cho dân cư tại một khu vực nhất định rơi vào trạng thái hoang mang, lo lắng, sợ hãi. Về hình phạt, người chuẩn bị phạm tội khủng bố hoặc khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân đều bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Riêng đối với "Tội tài trợ khủng bố" quy định tại Điều 300 BLHS năm 2015 thì đây là loại tội phạm rất nghiêm trọng, chế tài xử phạt có thể lên mức cao nhất là 10 năm tù. Đặc biệt, chủ thể tiến hành "Tội tài trợ khủng bố" có thể là cá nhân hoặc pháp nhân thương mại. Hành vi khách quan của tội phạm này đó là huy động, hỗ trợ về mặt vật chất dưới các hình thức khác nhau (tiền, tài sản) cho tổ chức, cá nhân khủng bố. Người chuẩn bị phạm tội tài trợ khủng bố cũng sẽ chịu trách nhiệm hình sự với mức chế tài từ 01 năm đến 05 năm tù giam.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện tội phạm khủng bố có thể tiến hành tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố về tội khủng bố, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật. Theo đó, tố giác về tội phạm là việc cá nhân phát hiện và tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm với cơ quan có thẩm quyền; Tin báo về tội phạm là thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo với cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin về tội phạm trên phương tiện thông tin đại chúng; Kiến nghị khởi tố là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiến nghị bằng văn bản và gửi kèm theo chứng cứ, tài liệu liên quan cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm [141]. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu, nguy cơ xảy ra khủng bố phải thông báo một cách kịp thời, nhanh chóng cho lực lượng chống khủng bố hoặc cơ quan Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này không có quyền từ chối và phải có nghĩa vụ tiếp nhận đầy đủ tin báo, tố giác về khủng bố và phải báo ngay cho lực lượng chống khủng bố để xử lý, giải quyết. Ngoài ra, khi phát hiện khủng bố đang diễn ra hoặc có căn cứ xác đáng cho rằng khủng bố có thể xảy ra thì các, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp. Đây là những biện pháp mang tính cấp bách nhằm kịp thời ngăn chặn khủng bố và giảm thiểu tối đa hậu quả mà khủng bố có thể gây ra. Các biện pháp này được quy định chi tiết tại Khoản 2 Điều 30 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Đặc biệt, trong trường hợp có cơ sở cho rằng có nguy cơ khủng bố đối với cơ quan, tổ chức, hoặc công dân Việt Nam ở nước ngoài, người đứng đầu cơ quan đại diện của Việt Nam tại các quốc gia đó, căn cứ vào thẩm quyền và các quy định pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của nước sở tại, cần áp dụng các biện pháp thích hợp để ngăn chặn kịp thời hoạt động khủng bố, đồng thời phải báo cáo Bộ Ngoại giao và Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia trong những tình huống này [122].

Khi phát hiện dấu hiệu của tội phạm và có đủ căn cứ hợp pháp, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành các thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các đối tượng phạm tội khủng bố, tài trợ khủng bố theo quy định của BLTTHS năm 2015.

Bốn là, pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng quy định các vấn đề liên quan đến hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố. Vì khủng bố là một tội phạm xuyên quốc gia, hợp tác quốc tế là yếu tố không thể thiếu trong nỗ lực đối phó với tội phạm này. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện tại đã có những quy định đầy đủ về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm nói chung và khủng bố nói riêng.

Về nguyên tắc, hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế;

- Giữ vững chủ quyền của đất nước, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội;

- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đặc biệt là sự an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của người dân.

Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố có thể bao gồm: trao đổi thông tin về phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia thông qua các kênh hợp tác quốc tế trong an ninh, quân sự, tình báo; phối hợp tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo, và diễn tập phòng, chống khủng bố; tài trợ và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống khủng bố; xử lý tội phạm khủng bố và thực hiện các hoạt động hợp tác khác theo các thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia. Hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố cũng được ghi nhận tại Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Phần thứ Tám của BLTTHS năm 2015 về Hợp tác quốc tế, bao gồm các hoạt động như dẫn độ tội phạm khủng bố, hỗ trợ tư pháp hình sự, và chuyển giao người bị kết án phạt tù về tội khủng bố.

Năm là, pháp luật về phòng, chống khủng bố điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động phòng, chống khủng bố. Các quy định này bao gồm những nội dung về hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống khủng bố, cùng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền.

Về quản lý nhà nước trong phòng, chống khủng bố, pháp luật quy định rõ về các cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan này. Công tác phòng, chống khủng bố được tổ chức theo các cấp từ trung ương đến địa phương và các bộ, ngành, bao gồm: (1) Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia do Chính phủ thành lập; (2) Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh; (3) Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố của các bộ, ngành [122]. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ký quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia, và các thành viên trong Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Theo quy định hiện hành, Thủ tướng Chính phủ đồng thời là Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia, và Bộ trưởng Bộ Công an làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo. Bộ Công an có nhiệm vụ là cơ quan thường trực, tham mưu cho Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia. Mặc dù Khoản 1, Điều 12 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia có cơ quan tham mưu chuyên trách, hiện nay Bộ Công an giao Cục An ninh nội địa thực hiện nhiệm vụ của

Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia (theo Thông tư số 36/2020/TT-BCA ngày 15/4/2020 của Bộ Công an). Tính đến nay, Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia đã trải qua bốn lần kiện toàn vào các năm 2016, 2017, 2020, 2021; hai lần ban hành Chương trình công tác vào các năm 2017 và 2021; định kỳ hàng năm và mỗi 6 tháng, Ban chỉ đạo sẽ phát hành thông báo về tình hình và công tác phòng, chống khủng bố.

Kể từ khi được thành lập, Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia đã triển khai Chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho 13 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 02 Tập đoàn kinh tế. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo đã tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức và chỉ đạo công tác phòng, chống khủng bố trên toàn quốc, đồng thời triển khai phối hợp liên ngành trong công tác này. Ban Chỉ đạo cũng định kỳ 6 tháng và mỗi năm phát hành thông báo về tình hình và công tác phòng, chống khủng bố, đồng thời đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn các Bộ, Ngành, địa phương thực hiện công tác phòng, chống khủng bố theo đúng quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013.

Tại các bộ, ngành, người đứng đầu sẽ thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố của bộ, ngành dựa trên nhiệm vụ được giao và quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, đã có 26/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố [69]. Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp bộ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Ở cấp địa phương, Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh sẽ được thành lập bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, với cơ quan thường trực là Công an cấp tỉnh. Cụ thể, 63/63 tỉnh thành đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố, trong đó Công an cấp tỉnh là cơ quan thường trực, giao Phòng An ninh đối nội (PA02) kiêm nhiệm chức năng Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh. Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh có nhiệm vụ thực hiện các quy định tại Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và Nghị định số 81/2019/NĐ-CP. Đối với 22 địa phương có cảng hàng không và sân bay, các Ban Chỉ đạo này còn thực hiện thêm nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không, bao gồm xử lý các tình huống can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng [39].

Về lực lượng chống khủng bố, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã quy định về Lực lượng chống khủng bố chuyên trách tại Điều 14. Theo đó, lực lượng chuyên trách

trong phòng, chống khủng bố gồm các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và một số lực lượng khác khi được huy động.

Về tổ chức, hoạt động của lực lượng chống khủng bố chuyên trách, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng với vai trò nòng cốt trong phòng, chống khủng bố đã ban hành các quy định về tổ chức, bộ máy của các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố. Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 9/4/2021 quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố (thay thế Thông tư số 46/2015/TT-BCA ngày 22/9/2015 trước đây). Theo đó, Bộ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ chống khủng bố cho các cơ quan, đơn vị và Công an tham gia phòng, chống khủng bố thuộc đơn vị này. Trung tâm Huấn luyện quốc gia về phòng, chống khủng bố thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có nhiệm vụ tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng về công tác phòng, chống khủng bố; sẵn sàng ứng phó giải quyết các tình huống khủng bố, phá hoại, bạo loạn vũ trang, đối tượng hình sự đặc biệt nguy hiểm. Trong khi đó, Bộ Quốc phòng cũng đã ban hành Thông tư số 38/TT-BQP ngày 07/5/2015 quy định "Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được giao thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố". Như vậy, lực lượng chống khủng bố đã được sắp xếp, kiện toàn thống nhất từ Trung ương đến địa phương; được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; được đào tạo, huấn luyện và thường trực triển khai các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, các lực lượng có nhiệm vụ phòng, chống khủng bố thuộc Bộ Công an bao gồm: lực lượng cảnh sát cơ động, lực lượng an ninh và lực lượng Tình báo Công an nhân dân. Cảnh sát cơ động chủ yếu sử dụng các biện pháp vũ trang để đối phó với hành vi bạo loạn và khủng bố; đồng thời, chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp huấn luyện công tác phòng, chống khủng bố cho lực lượng chuyên trách và các lực lượng huy động tham gia công tác này, bao gồm cả việc chống khủng bố và giải cứu con tin [142]. Vào năm 2022, Trung tâm huấn luyện phòng, chống khủng bố thuộc lực lượng Cảnh sát cơ động được thành lập với nhiệm vụ đào tạo và huấn luyện các lực lượng phòng, chống khủng bố của Công an nhân dân cũng như các đơn vị địa phương. Bên cạnh đó, Bộ Công an giao Cục An ninh nội địa làm đầu mối trong công tác quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố. Cục An ninh nội địa có nhiệm vụ bảo đảm an ninh nội địa, chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với âm mưu xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch, cá nhân và tổ chức phản động, khủng bố, đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về phòng,

chống khủng bố và các vấn đề an ninh quốc gia liên quan đến tôn giáo, dân tộc thiểu số, an ninh nông thôn và các vấn đề xã hội khác.

Về phía Bộ Quốc phòng, các lực lượng được giao nhiệm vụ phòng, chống khủng bố bao gồm: Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và Tình báo Quân đội. Bộ đội Biên phòng là lực lượng chủ chốt trong việc quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới; thực hiện công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại, đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự ở khu vực biên giới và cửa khẩu theo quy định của pháp luật [139]. Như vậy, lực lượng Bộ đội Biên phòng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn các phần tử khủng bố xâm nhập qua biên giới và ngăn chặn việc vận chuyển vũ khí, phương tiện, tiền và tài sản phục vụ cho hoạt động khủng bố. Trong phạm vi biển, lực lượng Cảnh sát biển có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển của Việt Nam, đồng thời đảm bảo trật tự, an toàn và phòng, chống các tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển [135]. Do đó, lực lượng Cảnh sát biển cũng sẽ tham gia vào nhiệm vụ phòng, chống khủng bố để bảo vệ an ninh quốc gia trên biển.

Ngoài các lực lượng trên, một số cơ quan khác cũng có thể tham gia vào công tác phòng, chống khủng bố khi có yêu cầu, ví dụ như lực lượng Hải quan. Theo Điều 35 của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022: "Cơ quan hải quan và bộ đội biên phòng có trách nhiệm thu thập và lưu trữ thông tin khai báo, đồng thời cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có yêu cầu hoặc khi có nghi ngờ liên quan đến các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt" [143].

- Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống khủng bố. Pháp luật đặt ra yêu cầu mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống khủng bố, kể cả đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài có mặt trên lãnh thổ Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của các cơ quan, tổ chức này có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình. Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác có trách nhiệm vận động quần chúng nhân dân và các hội viên nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về phòng, chống khủng bố; trong quá trình tổ chức thực hiện cần thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình [122].

Thứ hai, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết việc thi hành các luật về phòng, chống khủng bố đã được ban hành tương đối đầy đủ. Các văn bản này không chỉ giúp cụ thể hóa các quy định của các đạo luật liên quan đến phòng, chống khủng

bố mà còn bảo đảm tính toàn diện của hệ thống pháp luật về lĩnh vực này. Cụ thể, các văn bản được ban hành có thể chia thành ba nhóm chính sau:

Một là, sau khi Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 được thông qua, Chính phủ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật nhằm hướng dẫn chi tiết việc thi hành các quy định của Luật. Các văn bản này bao gồm những nghị định và quyết định có tính pháp lý quan trọng như: Nghị định số 122/2013/NĐ-CP, Nghị định số 22/2014/NĐ-CP (ngày 02/4/2014) quy định về thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp trong công tác chống khủng bố và việc phân công người chỉ huy các hoạt động chống khủng bố; Nghị định số 07/2014/NĐ-CP, Nghị định số 101 và Nghị định số 93. Bên cạnh đó, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ cũng có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động phòng, chống khủng bố, điển hình như: Quyết định số 1530/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống khủng bố; Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 5/11/2015 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia; Quyết định số 1564/QĐ-TTg ngày 9/8/2016 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia. Ngoài ra, các thông tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi các quy định phòng, chống khủng bố, điển hình như: Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 9/4/2021 của Bộ Công an quy định về cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố; Thông tư số 38/TT-BQP ngày 07/5/2015 của Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ chống khủng bố.

Hai là, để giải quyết hiệu quả các vụ án hình sự liên quan đến tội phạm khủng bố, Tòa án Nhân dân tối cao đã chủ động xây dựng và ban hành Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019, hướng dẫn áp dụng các quy định tại Điều 299 và Điều 300 của BLHS. Nghị quyết này quy định rằng việc xử lý hình sự đối với tội khủng bố và tội tài trợ khủng bố phải tuân thủ các quy định của BLHS, BLTTHS , đồng thời phải tuân thủ các hướng dẫn của Nghị quyết và các văn bản pháp lý liên quan khác. Nghị quyết cũng giải thích rõ ràng một số thuật ngữ quan trọng được sử dụng trong việc áp dụng Điều 299 và Điều 300 của BLHS năm 2015. Đồng thời, Nghị quyết cũng đưa ra những tình huống cụ thể liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội khủng bố và tài trợ khủng bố.

Ba là, ngoài các văn bản pháp lý liên quan đến phòng, chống khủng bố, Chính phủ và các Bộ, Ngành cũng đã ban hành các quy định pháp lý khác để điều chỉnh các lĩnh vực có liên quan mật thiết đến công tác phòng, chống khủng bố. Những văn bản này điều

chỉnh các lĩnh vực như: (1) Các quy định pháp lý về quản lý cư trú, xuất nhập cảnh, quá cảnh; (2) Các quy định về quản lý tài chính, phòng chống rửa tiền; (3) Các quy định về an ninh hàng hải, hàng không; (4) Các quy định về kiểm soát, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, các chất hóa học, sinh học và phóng xạ; (5) Các quy định về quản lý, đảm bảo an ninh mạng và thông tin; (6) Các quy định về an ninh tôn giáo và tín ngưỡng. Những quy định này tạo ra một hệ thống pháp lý bao quát, không chỉ tập trung vào các hoạt động chống khủng bố mà còn liên quan đến nhiều lĩnh vực, từ an ninh quốc gia, tài chính đến an ninh hàng không, giúp bảo vệ toàn diện và hiệu quả trước các mối đe dọa khủng bố.

Thứ ba, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã được xây dựng theo hướng toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa luật nội dung và luật hình thức, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp phòng, chống khủng bố trong thực tế. Các quy định của luật hình thức về trình tự, thủ tục trong hệ thống pháp luật phòng, chống khủng bố giúp hướng dẫn cách thức thực hiện các biện pháp điều tra, truy tố, xét xử và hợp tác quốc tế để đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật. Những quy định này không chỉ quy định về các biện pháp phòng ngừa mà còn quy định về cách thức thực hiện, bảo đảm mọi hành động phòng, chống khủng bố diễn ra trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng.

Hệ thống pháp luật hình thức về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam được quy định trong nhiều văn bản pháp lý quan trọng, chẳng hạn như: Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013; BLTTHS năm 2015; Luật An ninh quốc gia năm 2004, Luật Công an nhân dân năm 2018 và các văn bản pháp lý liên quan đến hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố. Những quy định này giúp xác lập một cơ chế pháp lý vững chắc, giúp phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi khủng bố một cách hiệu quả, vừa bảo vệ an ninh quốc gia, vừa đảm bảo quyền lợi của công dân. Cụ thể, một số điểm tích cực của hệ thống pháp luật hình thức trong phòng, chống khủng bố được thể hiện cụ thể như sau:

Một là, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã xác định rõ thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử các vụ án khủng bố. Theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao và Tòa án Nhân dân tối cao là những cơ quan chịu trách nhiệm điều tra, truy tố và xét xử tội phạm khủng bố. Các cơ quan này phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, Quân đội, các cơ quan ngoại giao và các Bộ, Ngành liên quan để triển khai các hoạt động phòng, chống khủng bố.

Hai là, cơ chế điều tra và xử lý đối tượng nghi ngờ khủng bố được quy định rõ ràng, nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc ngăn chặn các mối đe dọa. Điều 13 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 cho phép áp dụng các biện pháp đặc biệt như giám sát tài chính

và kiểm soát thông tin liên lạc đối với các đối tượng tình nghi khủng bố. BLTTHS năm 2015 cũng quy định chi tiết về thủ tục bắt giữ, tạm giam, điều tra đối với các đối tượng có dấu hiệu khủng bố. Hệ thống bảo vệ nhân chứng và người cung cấp thông tin được củng cố để ngăn ngừa sự trả thù từ các tổ chức khủng bố.

Ba là, quy trình xét xử và thi hành án đối với tội phạm khủng bố được quy định chặt chẽ theo BLHS năm 2015 và BLTTHS. Các quy định này đảm bảo sự minh bạch và công bằng trong quá trình xét xử các vụ án khủng bố. Một số vụ án có thể được xét xử theo thủ tục đặc biệt nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, thậm chí có thể xét xử lưu động để tuyên truyền giáo dục.

Bốn là, cơ chế hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố đã dần được hoàn thiện. Việt Nam đã tích cực tham gia vào các diễn đàn và tổ chức quốc tế, ký kết nhiều hiệp định song phương và đa phương nhằm tăng cường hợp tác trong việc điều tra, truy bắt tội phạm khủng bố. Cơ chế dẫn độ tội phạm khủng bố, tương trợ tư pháp hình sự và hợp tác trao đổi thông tin tình báo giữa Việt Nam và các quốc gia đã giúp nâng cao hiệu quả trong công tác phòng, chống khủng bố.

3.2.2.2. Pháp luật về phòng, chống khủng bố ngày càng đồng bộ và có tính thống nhất cao

Hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay đã được hoàn thiện theo hướng ngày càng đồng bộ và có tính thống nhất cao, điều đó được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố bảo đảm tính hợp hiến và đã cụ thể hoá được tinh thần của Hiến pháp về bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm an ninh quốc gia.

Một là, Hiến pháp năm 2013 khẳng định rằng: "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân". Đây là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia, đồng thời cũng được quy định tại Điều 7 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Vì vậy, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia, bao gồm công tác phòng, chống khủng bố, không chỉ của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong nước mà còn của những người nước ngoài đang sống và làm việc tại Việt Nam. Nói cách khác, nhiệm vụ này thuộc về toàn bộ hệ thống chính trị và toàn dân. Nhà nước luôn quan tâm đến việc củng cố và phát triển nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Hai là, Hiến pháp cũng ghi nhận vai trò chủ chốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia và phòng chống các loại tội phạm, bao gồm khủng bố. Lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

là hai lực lượng vũ trang quan trọng, đáng tin cậy của Đảng và Nhà nước, được chú trọng xây dựng với mục tiêu cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại. Những lực lượng này xứng đáng là nòng cốt trong nhiệm vụ quốc phòng và giữ gìn an ninh trật tự đất nước, cũng như đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Điều này đã được Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 cụ thể hóa tại Điều 12 và Điều 14, trong đó Bộ Công an được giao nhiệm vụ là Cơ quan thường trực; rõ lực lượng phòng, chống khủng bố chuyên trách bao gồm các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được giao thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, cùng các lực lượng khác khi cần huy động tham gia. Sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa Công an nhân dân và Quân đội nhân dân trong công tác phòng, chống khủng bố là rất quan trọng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia, và góp phần bảo vệ hòa bình khu vực và thế giới.

Thứ hai, trong hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố, đã có một đạo luật chuyên biệt được ban hành. Cụ thể, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Các nội dung cơ bản và cốt lõi về phòng, chống khủng bố đã được quy định tập trung trong văn bản pháp lý mang tính chuyên biệt này. Việc hệ thống hóa các quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố trong một đạo luật duy nhất đã phần nào thể hiện tính thống nhất cao trong hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố hiện nay.

Thứ ba, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố được xây dựng đồng bộ và thống nhất với pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Như đã phân tích, phòng, chống khủng bố là một phần của các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, và pháp luật về phòng, chống khủng bố là một bộ phận trong hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia. Vì vậy, nhà nước hiện đang xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố sao cho phù hợp với hệ thống pháp luật chung về bảo vệ an ninh quốc gia. Tính đồng bộ và thống nhất của pháp luật về phòng, chống khủng bố với hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia được thể hiện qua các nội dung cơ bản sau:

Một là, về nguyên tắc, cả Luật An ninh quốc gia năm 2004 và Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đều quy định các nguyên tắc cơ bản trong bảo vệ an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố, bao gồm: "Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc; chủ động phòng ngừa và đấu tranh".

Hai là, về chính sách, Nhà nước kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia và khủng bố. Các quy định của pháp luật về phòng, chống

khủng bố và bảo vệ an ninh quốc gia đều quy định chính sách xử lý kịp thời và nghiêm khắc đối với các hành vi khủng bố và các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia. Đồng thời, Nhà nước cũng có các chính sách khoan hồng đối với các tổ chức, cá nhân từ bỏ hành vi phạm tội, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng trong việc phát hiện và đấu tranh với tội phạm khủng bố. Những cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia sẽ được khen thưởng; những ai bị tổn hại về danh dự, tài sản, sức khỏe hay tính mạng sẽ được đền bù và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Ba là, về trách nhiệm phòng, chống khủng bố, Điều 7 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định rất rõ rằng: "Phòng, chống khủng bố là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân". Nội dung này hoàn toàn phù hợp với Điều 8 của Luật An ninh quốc gia năm 2004, khi ghi nhận "Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức và công dân có trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật" [116]. Do đó, trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng là của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân, và của toàn bộ hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, cả hai luật đều quy định rõ trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc kêu gọi quần chúng nhân dân tăng cường đoàn kết toàn dân tộc và chấp hành nghiêm túc pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố, cũng như giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật này.

Bốn là, về cơ quan chuyên trách trong việc quản lý nhà nước về an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố, Luật An ninh quốc gia năm 2004 và Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đều có những quy định cụ thể, thể hiện sự đồng bộ giữa các văn bản pháp luật. Theo đó, Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm: "(1) Cơ quan chỉ đạo và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh vệ thuộc Công an nhân dân; (2) Cơ quan chỉ đạo và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo thuộc Quân đội nhân dân; (3) Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển là các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia tại khu vực biên giới đất liền và biên giới biển" [116]. Như vậy, các cơ quan và lực lượng chuyên trách trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố đã được quy định rõ ràng và thống nhất.

3.2.2.3. Pháp luật về phòng, chống khủng bố ngày càng phù hợp, khả thi

Thứ nhất, pháp luật về phòng, chống khủng bố phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Quan điểm của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và công tác phòng, chống khủng bố nói riêng đã được ghi nhận, củng cố và phát triển qua các thời kỳ và đã được thể chế hoá thành hệ thống các

quy định của pháp luật. Theo đó, công tác phòng, chống khủng bố là một phần quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia, được đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp của Đảng, cũng như sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Quan điểm này đã được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc, cũng như các Nghị quyết và Chỉ thị quan trọng như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17/12/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về Chiến lược an ninh quốc gia, Nghị quyết số 40-NQ/TW ngày 08/11/2004 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác công an, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và Chỉ thị 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh; trật tự trong tình hình mới. Các văn kiện này đều đề cập đến các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia, trong đó có khủng bố, và xác định mục tiêu không để xảy ra khủng bố trong nước, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác này, với trách nhiệm chính của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền trong xử lý vấn đề an ninh tại lĩnh vực và địa phương mình.

Để thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác phòng, chống khủng bố, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 25/2007/CT-TTg về công tác phòng, chống khủng bố trong tình hình mới, qua đó xác định công tác này đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị và Chính phủ. Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 cũng quy định nguyên tắc quan trọng là hoạt động phòng, chống khủng bố phải được đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, với sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự tham gia của toàn xã hội. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân là nòng cốt, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân trong công tác phòng, chống khủng bố. Dựa trên quan điểm chỉ đạo này, Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban Chỉ đạo, và các Bộ, Ngành, địa phương cũng thành lập các Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại đơn vị, địa phương của mình. Khi xảy ra khủng bố tại địa phương, cấp ủy và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm lãnh đạo và chỉ đạo các lực lượng chức năng giải quyết kịp thời và báo cáo lên cấp trên. Đối với các vụ khủng bố có yếu tố nước ngoài hoặc có tính chất phức tạp, cần phải báo cáo ngay cho Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an để chỉ đạo giải quyết.

Nghị quyết số 51-NQ/TW cũng đưa ra quan điểm "củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, dựa vào dân, yên dân là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia". Quan điểm này đã được thể chế hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố. Cụ thể, Chỉ thị số 25/2007/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu

"Phát huy phong trào Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng", đồng thời tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức cảnh giác của cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và Nhân dân. Tại Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, quan điểm này được ghi nhận khi xác định nguyên tắc phòng, chống khủng bố là trách nhiệm của toàn xã hội, và công tác phòng, chống khủng bố là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân.

Trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia cũng như công tác phòng, chống khủng bố, quan điểm của Đảng đó là phải tích cực phòng ngừa, chủ động tiến công; loại trừ các nguy cơ khủng bố, đồng thời phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân khủng bố. Quán triệt quan điểm này, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã được xây dựng nhằm phòng ngừa, phát hiện từ sớm, từ xa các nguy cơ khủng bố như: hệ thống pháp luật về quản lý xuất nhập cảnh, quá cảnh, cư trú để ngăn chặn đối tượng khủng bố ra vào lãnh thổ Việt Nam; hệ thống pháp luật về kiểm soát, quản lý hoạt động tài chính, ngân hàng nhằm ngăn chặn hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố; hệ thống pháp luật về quản lý, kiểm soát vũ khí, vật liệu nổ, các chất hoá học, sinh học, phóng xạ nhằm hạn chế khả năng cá nhân, tổ chức khủng bố tìm kiếm công cụ, phương tiện để tiến hành các hoạt động khủng bố, phá hoại; hệ thống pháp luật về an ninh mạng nhằm vô hiệu hoá các hoạt động lợi dụng không gian mạng để tiến hành khủng bố… Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng thể hiện được tính "chủ động tiến công" và "răn đe trừng trị" thông qua hệ thống pháp luật về an ninh quốc gia, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự…

Trong công tác phòng, chống khủng bố, hoạt động hợp tác quốc tế cũng được Đảng hết sức quan tâm, chú trọng. Đảng chỉ rõ "Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia – dân tộc, tích cực góp phần khẳng định và củng cố các nguyên tắc cơ bản và phổ quát của quan hệ quốc tế nêu trong Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế" [5]. Nhằm thể chế hoá quan điểm này của Đảng, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã có những quy định cụ thể về hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố thông qua Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, BLTTHS năm 2015, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, Luật Điều ước quốc tế năm 2016…Thực tế cho thấy, Việt Nam đã và đang tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương, song phương và khu vực trong hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố; kết quả nổi bật là hiện nay Việt Nam đã trở thành thành viên của hầu hết các Điều ước quốc tế toàn cầu và khu vực ASEAN về phòng, chống khủng bố.

Thứ hai, pháp luật về phòng, chống khủng bố được hoàn thiện ngày càng phù hợp với yêu cầu của thực tiễn về bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2023, pháp luật về phòng, chống khủng bố đã được hoàn thiện hơn so với giai đoạn trước, mang tới những tác động tích cực đối với hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội của đất nước, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Một là, pháp luật về phòng, chống khủng bố góp phần phòng ngừa khủng bố thông qua các quy định trong quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ. Hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố được xây dựng và hoàn thiện đã giúp cho hoạt động quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ được hiệu quả hơn; qua đó, hạn chế tối đa nguy cơ khủng bố có thể xảy ra. Theo số liệu thống kê từ năm 2013 đến năm 2018, lực lượng chức năng đã vận động được quần chúng nhân dân giao nộp tổng số 68.083 khẩu súng, 127.131 viên đạn, 20.610 kíp nổ, 5.731kg thuốc nổ, hơn 1.800 lựu đạn, gần 4000m dây cháy chậm cùng nhiều vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ khác. Cơ quan Công an đã phát hiện, tổ chức đấu tranh, ngăn chặn hơn 2.200 vụ buôn bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; xử lý 2.209 đối tượng, thu giữ hơn 11.000 khẩu súng, 11.329 viên đạn, hơn 195 tấn thuốc nổ, hàng trăm lựu đạn, gần 78.000 kíp nổ và 6.642 m dây cháy chậm [15]. Chỉ tính riêng trong 06 tháng đầu năm 2022, lực lượng Công an đã phát hiện, xử lý 68 vụ tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép; bắt giữ 128 đối tượng; thu giữ 158 khẩu súng, 28.287 viên đạn và 1.513 thuốc nổ [148]. Những kết quả đạt được đã phần nào hạn chế khả năng các đối tượng khủng bố có thể sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và các công cụ hỗ trợ khác để tiến hành hoạt động khủng bố, gây nguy hiểm đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của đất nước.

Hai là, pháp luật về phòng, chống khủng bố giúp hoạt động quản lý xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú ngày càng hiệu quả, góp phần ngăn chặn các cá nhân, tổ chức khủng bố xâm nhập vào Việt Nam. Theo đó, lực lượng Công an nhân dân đã phát hiện và xác định 03 đối tượng người nước ngoài gốc Việt Nam gia nhập các tổ chức khủng bố quốc tế IS, Al-Qaeda (01 người ở Anh và 01 người ở Mỹ gia nhập Al-Qaeda, 01 người ở Pháp sang I-rắc tham gia thánh chiến IS), trong đó có đối tượng từng về Việt Nam để thăm thân; tiến hành trao trả hơn 260 đối tượng người Duy Ngô Nhĩ cho Trung Quốc sau khi các đối tượng này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để sang nước thứ ba tham gia tổ chức khủng bố quốc tế; phát hiện và triệt phá đường dây làm giấy tờ giả đưa người Duy Ngô Nhĩ nhập cảnh trái phép Việt Nam đi nước thứ ba (trong đó có 26 đối tượng là người Việt Nam) [11]. Ngoài ra, cơ quan chức năng cũng đã rà soát, xác minh hơn 300 đối tượng

khủng bố đang bị các quốc gia khu vực Đông Nam Á truy nã; xử lý, xác minh gần 1000 tin liên quan đến khủng bố [69]. Tính riêng năm 2018, lực lượng Công an đã phát hiện 02 đối tượng quốc tịch Bangladesh nhập cảnh vào Việt Nam với âm mưu khủng bố mục tiêu của Hàn Quốc; trong đó, 01 đối tượng tự giới thiệu là thành viên của tổ chức khủng bố "Nhà nước Hồi giáo ở Iraq và Syria" (ISIS) đã sử dụng địa chỉ Internet Protocol (IP) ở Việt Nam để gửi tin nhắn tới Chính phủ Hoa Kỳ nhằm đe doạ khủng bố trường học tại Hoa Kỳ, 01 đối tượng khác theo đạo Hồi giáo ở trong nước đã nhận tiền tài trợ từ tổ chức "Phục hưng các di sản Hồi giáo" [148]. Đáng chú ý, từ năm 2019 đến năm 2020, lực lượng Công an nhân dân đã phát hiện, ngăn chặn, xử lý và đẩy đuổi 20 đối tượng nhập cảnh vào Việt Nam là các phần tử khủng bố, nghi khủng bố quốc tế; phát hiện và xử lý trên 10 đối tượng ở trong nước có mối liên hệ với các đối tượng nghi là khủng bố quốc tế [11].

Ba là, pháp luật về phòng, chống khủng bố giúp nâng cao khả năng kiểm soát các hoạt động tài chính, phòng, chống tài trợ khủng bố hiệu quả. Thực tế cho thấy, các tổ chức tài chính, ngân hàng và các doanh nghiệp phi tài chính đã thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tài trợ khủng bố theo yêu cầu của pháp luật, thường xuyên kiểm tra các giao dịch đáng ngờ có liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố. Kết quả đạt được khá khả quan khi đã kiểm soát và phát hiện hơn 6000 giao dịch tài chính nghi ngờ, trong đó có 26 giao dịch bị nghi ngờ là tài trợ khủng bố và đã được báo cáo tới cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng và lực lượng chống khủng bố của Bộ Công an để xử lý theo thẩm quyền [15]. Lực lượng chống khủng bố ở các cấp đã tiếp nhận và xử lý hàng trăm tin báo, tố giác về tội phạm tài trợ khủng bố. Các cơ quan An ninh điều tra đã khởi tố 02 vụ án, 02 bị can về tội "tài trợ khủng bố"; phong tỏa 02 tài khoản nhận tiền từ các đối tượng nghi khủng bố, trì hoãn các giao dịch và ngừng cấp phép mở tài khoản khi có nghi ngờ về việc tài trợ khủng bố [69].

Bốn là, pháp luật về phòng, chống khủng bố giúp kiểm soát hiệu quả hoạt động mua bán, vận chuyển và tàng trữ trái phép các chất hóa học, sinh học và phóng xạ. Trong thực tiễn, các lực lượng chức năng đã phát hiện và ngăn chặn thành công nhiều vụ việc liên quan đến việc mua bán, vận chuyển và tàng trữ trái phép các chất hóa học, sinh học và phóng xạ. Đây đều là những trường hợp có thể gây nguy cơ cao xảy ra khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ. Thực tế cho thấy hàng năm cơ quan chức năng đã thu giữ số lượng lớn cyanua, một loại chất độc mà các phần tử khủng bố rất dễ lợi dụng để tiến hành các hoạt động khủng bố, phá hoại. Riêng trong năm 2012, lực lượng chức năng đã thu giữa 200kg cyanua; năm 2013, thu giữ 620kg cyanua; năm 2014 thu giữ 180kg cyanua; năm 2015 thu giữ 450kg cyanua và năm 2019 thu giữ 75kg cyanua [15].

Năm là, thông qua pháp luật về phòng, chống khủng bố, các cơ quan chức năng đã ngăn chặn và xử lý hiệu quả các vụ việc liên quan đến hoạt động khủng bố trong lĩnh vực hàng hải, hàng không. Trong thời gian qua, một số vụ việc tiêu biểu liên quan đến an ninh hàng hải nói chung và khủng bố nói riêng đã được cơ quan chức năng xử lý giải quyết, cụ thể: (1) Vụ tàu Royal 16: vào ngày 11/11/2016, tàu chở hàng Royal 16 (thuộc Công ty cổ phần Hàng hải Hoàng Gia) khi đang di chuyển từ Quảng Ninh đi Indonesia thì bị tổ chức khủng bố Hồi giáo cực đoan Abu Sayyaf có vũ trang tấn công. Tổ chức khủng bố này đã cướp tài sản và bắt giữ 06 thuyền viên có chức vụ trên tàu; (2) Vụ tàu Giang Hải: ngày 19/02/2017 tàu Giang Hải (thuộc Công ty cổ phần Vận tải biển quốc tế, trụ sở tại Hải Phòng) đang trên đường di chuyển đến cảng Iiolio (Philippines) đã bị tổ chức khủng bố Abu Sayyaf khống chế. Chúng đã phá huỷ hoàn toàn hệ thống thông tin liên lạc, cướp tài sản và bắn chết 01 thuyền viên, bắt đi 06 thuyền viên khác. Lực lượng chức năng Việt Nam đã phối hợp với Philippines để giải cứu các thuyền viên [153].

Về phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực hàng không, từ năm 2010 đến 2021 lực lượng chức năng đã phát hiện, đẩy đuổi 08 đối tượng khủng bố, nghi khủng bố, Hồi giáo cực đoan nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không với mục đich du lịch, thương mại, lao động,… Điển hình như, năm 2012 phát hiện đối tượng Nguyễn Quốc Quân, ủy viên Trung ương "Việt Tân" xâm nhập về nước qua cảnh hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất âm mưu hoạt động khủng bố tại Việt Nam. Ngay trước thềm Tuần lễ cấp cao APEC25 diễn ra tại Đà Nẵng, cơ quan An ninh cũng phát hiện nhiều đối tượng là thành viên cấp cao trong tổ chức phản động "Việt tân", "Đảng nhân dân hành động",… tìm cách xâm nhập về nước, móc nối, liên lạc, chỉ đạo các đối tượng chống đối trong nước tiến hành gây nổ tại các thành phố lớn, phá hoại an ninh hội nghị, gây rối tình hình an ninh chính trị đất nước [18]. Ngoài ra, lực lượng Công an đã đưa vào diện "chưa cho nhập cảnh" 765 đối tượng khủng bố và đưa vào diện "cần chú ý khi nhập cảnh" 753 đối tượng do cơ quan an ninh, tình báo, cảnh sát các nước trao đổi; ngăn chặn kịp thời 75 đối tượng đối tượng khủng bố quốc tế và nghi khủng bố; 364 đối tượng chưa được phép xuất cảnh; buộc xuất cảnh 03 đoàn tín đồ Hồi giáo nước ngoài nhập cảnh Việt Nam có hoạt động nghi vấn liên quan khủng bố; xử lý 652 đối tượng sử dụng giả mạo hộ chiếu, giấy tờ của người khác để nhập cảnh Việt Nam (113 trường hợp sử dụng hộ chiếu giả, 539 trường hợp sử dụng hộ chiếu giấy tờ không hợp lệ, hộ chiếu của người khác); 63 trường hợp sử dụng dấu kiểm chứng xuất nhập cảnh Việt Nam giả trong hộ chiếu để hợp thức cho việc xuất cảnh Việt Nam [18].

Sáu là, pháp luật về phòng, chống khủng bố góp phần đấu tranh hiệu quả chống lại các loại tội phạm khủng bố. Thông qua các quy định trong pháp luật hình sự và tố tụng

hình sự, các cơ quan chức năng đã xử lý các đối tượng khủng bố thông qua các hoạt động tố tụng như khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2021, cơ quan An ninh điều tra thuộc Bộ Công an đã khởi tố và điều tra 16 vụ án, 46 bị can về tội khủng bố chống lại chính quyền nhân dân [67]. Từ ngày 01/10/2013 đến 31/12/2020, các Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử sơ thẩm 07 vụ án với 40 bị cáo liên quan đến các tội khủng bố. Trong đó, 05 vụ án với 38 bị cáo bị xét xử về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân, và 02 vụ với 02 bị cáo bị xét xử về tội khủng bố. Theo Báo cáo số 09/TANDTC-BC ngày 14/4/2021 của Tòa án Nhân dân tối cao về tổng kết việc thi hành Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, các Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo từ 03 năm đến 20 năm tù tùy theo mức độ phạm tội.

Bảy là, pháp luật về phòng, chống khủng bố đã góp phần ngăn chặn và đấu tranh hiệu quả đối với hoạt động khủng bố mạng. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, tội phạm khủng bố mạng, đặc biệt là khủng bố qua không gian mạng, đã trở thành một thách thức lớn đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Những tội phạm này lợi dụng môi trường mạng để thực hiện các cuộc tấn công mạng nguy hiểm như phát tán virus máy tính độc hại, gây gián đoạn hệ thống mạng máy tính và mạng viễn thông, hay lợi dụng Internet và mạng xã hội để tuyên truyền, tuyển mộ, huấn luyện và tài trợ cho hoạt động khủng bố. Môi trường mạng đã trở thành công cụ hữu hiệu cho các tổ chức khủng bố. Nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng, chống khủng bố mạng, Việt Nam, cùng với nhiều quốc gia khác, đã xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống khủng bố mạng. Cụ thể, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và Luật An ninh mạng năm 2018, cùng các văn bản hướng dẫn thi hành, đã đạt được những kết quả tích cực. Các hoạt động tuyên truyền, kích động khủng bố trên mạng, đặc biệt qua các nền tảng xã hội như Facebook, Tiktok, Instagram, đã được kiểm soát và hạn chế đáng kể. Điều 26 của Luật An ninh mạng năm 2018 quy định nghiêm cấm các trang mạng xã hội đăng tải các nội dung xâm phạm an ninh quốc gia và yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ đối với các trường hợp vi phạm. Đặc biệt, Luật An ninh mạng cũng quy định rằng các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng tại Việt Nam phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam và các doanh nghiệp nước ngoài phải thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Luật cũng giao trách nhiệm cho các lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng cùng các bên liên quan trong việc điều tra, thu thập chứng cứ và yêu cầu doanh nghiệp ngừng phát tán thông tin xấu, độc hại. Điều này đã giúp tăng cường hiệu quả trong việc kiểm soát, xác minh và xử lý thông tin có liên quan đến khủng bố trên không gian mạng.

Tám là, pháp luật về phòng, chống khủng bố hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố đạt nhiều kết quả tích cực.

Thông qua việc thực hiện các quy định của pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này đã được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tích cực. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố chủ yếu tập trung vào các hoạt động như: trao đổi thông tin, chia sẻ tình báo và kinh nghiệm trong công tác phòng, chống khủng bố; phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến khủng bố; đảm bảo an ninh, an toàn cho các đoàn đại biểu cấp cao và các sự kiện quốc tế quan trọng; đồng thời tăng cường hợp tác, hỗ trợ trong công tác đào tạo chuyên gia và chuyển giao trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác phòng, chống khủng bố. Cụ thể, trong thời gian qua, Việt Nam đã xây dựng và khai thác có hiệu quả 16 đường dây nóng chống khủng bố với các đối tác trọng điểm, hệ thống I-24/7 của Interpol, các đường truyền bảo mật với Cơ quan tình báo Israel, cơ quan an ninh Liên bang Nga, duy trì trao đổi thông tin với các đối tác có nhiều kinh nghiệm trong công tác phòng, chống khủng bố; thúc đẩy quan hệ với các nước trong khu vực ASEAN, trao đổi các bản tin hai chiều phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố. Chỉ tính riêng năm 2020, qua thông tin các đối tác quốc tế trao đổi, lực lượng An ninh nội địa đã báo cáo đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền phê duyệt đưa 393 đối tượng khủng bố/nghi ngờ khủng bố quốc tế vào diện chưa cho nhập cảnh. Các hồ sơ được duy trì, thường xuyên cập nhật, bổ sung thông tin, tài liệu phản ánh về âm mưu, phương thức, thủ đoạn, sự điều chỉnh hoạt động của các tổ chức, trên cơ sở đó, kịp thời đánh giá tác động của khủng bố quốc tế đối với an ninh quốc gia Việt Nam để có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh phù hợp [18]. Bên cạnh đó, Bộ Công an đã trao đổi 31 bản tin hai chiều phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố (trao đổi, xác minh các vụ việc liên quan Đại sứ quán Mỹ; đề nghị Mỹ cung cấp thông tin về các đối tượng nghi rửa tiền, tài trợ khủng bố); tổ chức 03 buổi làm việc với Cơ quan Phòng, chống ma tuý và tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC), Cơ quan Tình báo đối ngoại Nga (SVR) trao đổi tình hình khủng bố, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; cử 32 lượt cán bộ tham dự các hội nghị, hội thảo, tập huấn trong và ngoài nước để học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực phòng, chống khủng bố [68]. Thực hiện hợp tác giải quyết các vụ khủng bố quốc tế theo Điều 38 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, Bộ Công an đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ xử lý vụ 06 thuyền viên tàu Royal 16 bị nhóm khủng bố Abu Sayyaf bắt giữ (11/2016), vụ 07 thuyền viên tàu Giang Hải bị tổ chức khủng bố này bắt giữ (02/2017), vụ khủng bố bằng thiết bị nổ tự chế nhằm vào xe buýt chở đoàn du khách Việt Nam tại Cairo, Ai Cập vào tháng 12/2018; phối

hợp cơ quan an ninh, tình báo, cảnh sát các nước điều tra, xác minh nhiều đối tượng, vụ việc nghi liên quan đến khủng bố quốc tế.

Thứ ba, pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố có tính tương thích, phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Kể từ khi gia nhập Liên Hợp quốc vào năm 1977, Việt Nam đã không ngừng đẩy mạnh việc tham gia và ký kết các điều ước quốc tế đa phương có phạm vi điều chỉnh toàn cầu liên quan đến lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Đặc biệt, trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2023, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của ba điều ước quốc tế quan trọng về phòng, chống khủng bố, bao gồm: Công ước chống bắt cóc con tin; Công ước chống khủng bố bằng bom; và Công ước chống hành vi khủng bố liên quan đến vũ khí hạt nhân. Bên cạnh đó, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã chủ động đàm phán và ký kết nhiều hiệp định song phương với các quốc gia và vùng lãnh thổ về tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ tội phạm, chuyển giao người bị kết án và hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia *(xem thêm Phụ lục 3)*. Những nỗ lực này đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng, đồng thời góp phần tăng cường hiệu quả trong hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố của Việt Nam.

Nhằm thực hiện đầy đủ và hiệu quả các cam kết quốc tế đã tham gia, Việt Nam đã tiến hành nội luật hoá các quy định của các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố vào hệ thống pháp luật quốc gia. Đến nay, có thể khẳng định rằng hệ thống pháp luật Việt Nam đã cơ bản bảo đảm tính tương thích với các quy định của các điều ước quốc tế liên quan, đáp ứng các yêu cầu và chuẩn mực pháp lý quốc tế. Việt Nam đã nội luật hóa khá đầy đủ các cam kết quốc tế chính yếu về chống khủng bố thông qua:

- Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, trong đó trọng tâm điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể, mang tính cốt lõi, bao trùm toàn bộ hoạt động phòng, chống khủng bố của quốc gia như phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hoá và trừng trị các hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố và các cá nhân, tổ chức khủng bố.

- BLHS năm 2015 quy định các tội danh "Khủng bố nhằm chống chính quyền Nhân dân" (Điều 113), "Khủng bố" (Điều 299), "Tài trợ khủng bố" (Điều 300). Bên cạnh đó, các hành vi có tính chất nguy hiểm liên quan đến khủng bố như: bắt cóc con tin, uy hiếp an toàn hàng không dân dụng, chiếm giữ tàu bay, khủng bố bằng bom, tài trợ khủng bố, hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân nhằm mục đích khủng bố… đều đã được Việt Nam cụ thể hoá trong các quy định của BLHS.

- Luật An ninh mạng 2018 và Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 có nội dung liên quan tới ngăn ngừa, xử lý khủng bố mạng; phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi rửa tiền

nhằm mục đích tài trợ khủng bố; Xây dựng cơ chế truy vấn, phong tỏa, đóng băng tài sản của các tổ chức, cá nhân có liên quan khủng bố theo tiêu chuẩn quốc tế. Theo đó, Việt Nam cũng đã điều chỉnh các quy định về phòng chống rửa tiền nhằm đảm bảo thực hiện các khuyến nghị của FATF.

Đặc biệt, pháp luật Việt Nam cũng khẳng định thẩm quyền tài phán quốc gia đối với những hành vi phạm tội này. Ngoài ra, thông qua BLTTHS, Luật Tương trợ tư pháp và các quy định pháp luật quốc tế song phương hoặc đa phương đã ký kết, Việt Nam đã thiết lập được cơ chế pháp lý rõ ràng, thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong dẫn độ tội phạm khủng bố, tương trợ tư pháp hình sự và chuyển giao người bị kết án phạt tù trong các vụ án khủng bố có yếu tố nước ngoài.

3.2.2.4. Quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố từng bước chuẩn hoá về kỹ thuật lập pháp; đảm bảo tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận

Trong tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố, các chủ thể có thẩm quyền tại Việt Nam đã chú trọng xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở vận dụng những quy chuẩn kỹ thuật lập pháp hiện đại, bảo đảm tính chuẩn hóa trong hoạt động xây dựng pháp luật. Quá trình này được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tính chuẩn hoá về kỹ thuật lập pháp của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam được thể hiện rõ nét qua một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định, bảo đảm tính công khai, minh bạch và dễ tiếp cận. Theo đó, quá trình xây dựng văn bản được triển khai qua các bước quan trọng:

(1) Tiến hành rà soát, tổng hợp những hạn chế, bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành về phòng, chống khủng bố. Công tác rà soát không chỉ giúp nhận diện kết quả đạt được và những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi pháp luật mà còn góp phần đối chiếu, cập nhật các quy định pháp luật với đường lối, chủ trương mới của Đảng và Nhà nước có liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố. Đồng thời, hoạt động này còn bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật quốc gia với các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố mà Việt Nam là thành viên, qua đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc nội luật hóa phù hợp với cam kết quốc tế.

(2) Đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố nhằm xác định những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền đã thu thập ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

phân tích nguyên nhân của những hạn chế, bất cập và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thực thi trong thực tiễn.

(3) Tổ chức nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế và quy định của một số quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Quá trình này không chỉ giúp tiếp thu những quy chuẩn chung mang tính phổ biến toàn cầu mà còn lựa chọn, vận dụng các biện pháp, phương thức phù hợp để đề xuất các giải pháp nhằm củng cố, hoàn thiện các quy định pháp luật về công tác phòng, chống khủng bố ở Việt Nam.

(4) Trong quá trình soạn thảo, các cơ quan chủ trì đã tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học nhằm tham vấn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học và các nhà hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Đồng thời, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cũng được gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân trước khi tiến hành thẩm định và trình thông qua.

(5) Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố được Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định chặt chẽ. Sau đó, Chính phủ tổ chức lấy ý kiến các thành viên và hoàn thiện dự thảo trước khi trình Quốc hội xem xét, thông qua đối với các dự án luật.

Thứ hai, các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố được xây dựng trên nền tảng các quy chuẩn kỹ thuật lập pháp cao, bảo đảm tính logic, hệ thống và kết cấu chặt chẽ. Các văn bản được soạn thảo, ban hành theo đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày; được bố cục thành các phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm rõ ràng; mỗi phần, chương, mục, điều đều có tiêu đề riêng; số và ký hiệu văn bản được xác định thống nhất, phản ánh đầy đủ thông tin về thời gian ban hành, loại văn bản và cơ quan ban hành.

Thứ ba, văn phong sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố rõ ràng, đơn nghĩa, trong sáng, phổ thông; cách diễn đạt dễ hiểu; các nội dung được quy định cụ thể. Các quy định được diễn đạt ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ áp dụng, bảo đảm tính minh bạch và khả năng tiếp cận của các chủ thể có liên quan trong quá trình thực thi pháp luật. Đồng thời, nội dung các quy phạm pháp luật được quy định cụ thể, chi tiết, tránh tình trạng diễn đạt chung chung, đa nghĩa hoặc gây khó khăn cho việc áp dụng và thực thi trên thực tế. Qua đó, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố đã tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và đấu tranh phòng, chống khủng bố tại Việt Nam.

3.2.3. Nguyên nhân những kết quả đạt được của pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay

Qua việc phân tích, đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam có thể nhận định rằng, những kết quả đạt được trong thời gian qua bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nổi bật là một số nguyên nhân cơ bản sau đây:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm đặc biệt, xuyên suốt đối với công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nói chung và phòng, chống khủng bố nói riêng. Trong từng giai đoạn lịch sử phát triển của đất nước, đặc biệt tại các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, Đảng đều xác định rõ quan điểm, định hướng và nhiệm vụ đối với công tác bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, trong đó nhấn mạnh vai trò then chốt của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật. Những định hướng này đã tạo cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để Nhà nước xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố, góp phần thiết lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng chức năng trong phòng ngừa, đấu tranh và xử lý hành vi khủng bố.

Thứ hai, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật về phòng, chống khủng bố không ngừng được nâng cao cả về trình độ chuyên môn lẫn năng lực thực tiễn. Quá trình tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đã được các cơ quan có thẩm quyền chú trọng, nhất là trong việc tuyển dụng những cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng, phần lớn đạt trình độ cử nhân luật trở lên. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ này còn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, các hội thảo, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu, soạn thảo và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng tốt hơn yêu cầu lập pháp trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố.

Thứ ba, yếu tố kỹ thuật lập pháp ngày càng được chú trọng và hoàn thiện, đặc biệt kể từ khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành và đi vào thực thi. Luật này đã tạo lập hành lang pháp lý chặt chẽ về quy trình, thủ tục, kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nhờ đó, các văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố được xây dựng ngày càng bài bản, có kết cấu logic, nội dung rõ ràng, dễ tiếp cận và phù hợp với thông lệ quốc tế. Điều này đã góp phần bảo đảm tính minh bạch, hiệu lực và hiệu quả trong tổ chức thực thi pháp luật.

Thứ tư, công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá việc thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quan tâm và triển khai thường xuyên. Hoạt động này được thực hiện định kỳ thông qua các đợt sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện quá trình triển khai thực hiện pháp luật. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá, các cơ quan chức năng đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế trong thực

tiễn thi hành pháp luật, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố trong bối cảnh mới.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, những nguyên nhân trên đây đã tạo nên nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam, qua đó góp phần quan trọng vào việc bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3.2.4. Những hạn chế trong hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam

3.2.4.1. Một số nội dung quan trọng chưa được pháp luật về phòng chống khủng bố điều chỉnh

Thứ nhất, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 là đạo luật cơ bản nhất điều chỉnh một cách có hệ thống, tổng thể và bao quát các vấn đề liên quan đến hoạt động phòng, chống khủng bố. Tuy nhiên, các quy định của Luật còn nhiều thiếu sót, chưa toàn diện, điều đó được thể hiện ở những nội dung cụ thể sau:

Một là, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa có một chương riêng quy định về hoạt động "Phòng ngừa tài trợ khủng bố". Mặc dù Khoản 3 Điều 3 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định hoạt động phòng, chống khủng bố bao gồm các hoạt động như phòng ngừa khủng bố, chống khủng bố; phòng ngừa tài trợ khủng bố và chống tài trợ khủng bố nhưng Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 lại chỉ xây dựng 03 Chương riêng biệt quy định về các hoạt động "Phòng ngừa khủng bố" (Chương III), "Chống khủng bố" (Chương IV) và "Chống tài trợ khủng bố" (Chương V) mà "thiếu" đi một Chương riêng quy định về hoạt động "Phòng ngừa tài trợ khủng bố". Tuy một số nội dung về phòng ngừa tài trợ khủng bố đã được quy định, lồng ghép tại Chương III về "Chống khủng bố" và Chương V về "Chống tài trợ khủng bố" nhưng lại tản mát, thiếu đi sự tập trung, thống nhất; không thể hiện được tầm quan trọng của hoạt động phòng ngừa tài trợ khủng bố. Bên cạnh đó, việc không quy định một chương riêng quy định về hoạt động phòng ngừa tài trợ khủng bố sẽ làm cấu trúc của Luật Phòng, chống khủng bố trở nên thiếu tính hệ thống và toàn diện, không đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật lập pháp.

Hai là, các quy định về hoạt động "Chống tài trợ khủng bố" còn chung chung, chưa cụ thể. Đặc biệt, nội dung Chương V của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 mặc dù đề cập đến hoạt động chống tài trợ khủng bố nhưng chưa có quy định cụ thể về các biện pháp chống tài trợ khủng bố. Bên cạnh đó, các quy định tại Điều 34, Điều 35 của Luật

Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định về việc nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và kiểm soát vận chuyển, kim khí quý, tiền mặt, đá quý và các công cụ chuyển nhượng khác qua biên giới mang tính phòng ngừa tài trợ khủng bố hơn là chống tài trợ khủng bố. Vì vậy, nội dung một số quy định tại Chương V chưa tương thích với tên Chương dẫn đến thiếu tính logic, hợp lý.

Ba là, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa có quy định riêng nhằm phân loại khủng bố. Hiện nay, trên thực tế có rất nhiều loại khủng bố phổ biến như: khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ; khủng bố mạng; khủng bố hàng không dân dụng; khủng bố hàng hải… Phân loại khủng bố sẽ giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân dễ dàng nhận biết đặc điểm của các loại khủng bố; qua đó, đưa ra các biện pháp, phương án phù hợp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với mỗi loại khủng bố cụ thể. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 cũng chưa có những quy định cụ thể nhằm quản lý, kiểm soát các hoạt động như: sử dụng thiết bị bay không người lái để khủng bố, lợi dụng không gian mạng để tiến hành khủng bố, lợi dụng tài sản ảo và dịch vụ tài chính mới để tiến hành tài trợ khủng bố…

Bốn là, một số thuật ngữ quan trọng liên quan đến lĩnh vực phòng, chống khủng bố chưa được Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đề cập và giải thích rõ ràng, cụ thể như: "cá nhân khủng bố", "tổ chức khủng bố", "mục tiêu khủng bố", "khủng bố mạng". "Cá nhân" và "tổ chức khủng bố" là những chủ thể thực hiện hoạt động khủng bố, vì vậy cần phải có sự giải thích rõ ràng nhằm xác định chính xác chủ thể thực hiện hành vi. "Mục tiêu khủng bố" là những đối tượng mà khủng bố hướng tới để thực hiện hành vi phá hoại, gây thiệt hại. Do vậy, Luật cần quy định rõ ràng, cụ thể các mục tiêu này để lực lượng chức năng xác định đúng đối tượng cần bảo vệ khỏi các hoạt động khủng bố, giúp hoạt động phòng, chống khủng bố đạt hiệu cao. "Khủng bố mạng" là hiện tượng khủng bố mới xuất hiện trong kỷ nguyên số hiện nay, mặc dù khái niệm này đã được đề cập tại Luật An ninh mạng năm 2018 song vẫn chưa được cụ thể hoá tại Luật Phòng, chống khủng bố. Ngoài ra, khái niệm "tài trợ khủng bố" quy định tại Khoản 3, Điều 3 chưa bao quát được hết các hành vi theo yêu cầu quốc tế như: (1) hành vi tài trợ cho hoạt động đi lại của các cá nhân có mục đích thực hiện các hành vi khủng bố; (2) hành vi cung cấp hoặc tiếp nhận việc đào tạo khủng bố.

Năm là, một trong những hạn chế đáng chú ý của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 là chưa có quy định cụ thể về "Chính sách hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố". Trong bối cảnh tình hình khủng bố diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, hoạt động hợp tác quốc tế không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yêu cầu mang tính cấp thiết,

nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh với tội phạm khủng bố xuyên quốc gia. Việc thiếu vắng quy định rõ ràng về chính sách hợp tác quốc tế trong Luật hiện hành đã tạo ra khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng không nhỏ tới việc thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa Việt Nam với các quốc gia và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực này.

Trong khi đó, thực tiễn lập pháp về bảo vệ an ninh quốc gia của Việt Nam đã ghi nhận chính sách hợp tác quốc tế như một trong những nguyên tắc cơ bản. Cụ thể, Điều 11 của Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định rõ: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các nước, các tổ chức quốc tế trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập". Như vậy, việc bổ sung quy định về chính sách hợp tác quốc tế trong Luật Phòng, chống khủng bố không chỉ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia mà còn là nền tảng pháp lý quan trọng cho việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế cũng như thực hiện nghĩa vụ quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Đáng chú ý, Điều 37 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 có đề cập đến nội dung hợp tác quốc tế nhưng lại chưa quy định cụ thể về hoạt động ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong lĩnh vực này, gây ra sự thiếu hụt cần được khắc phục trong quá trình hoàn thiện pháp luật.

Sáu là, mặc dù Khoản 5 Điều 5 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã xác định chính sách khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống khủng bố, tuy nhiên, hệ thống quy định pháp luật hiện hành lại chưa đề cập đầy đủ, rõ ràng về các chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực này. Đặc biệt, Luật chưa quy định cụ thể về trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ phòng, chống khủng bố, như hành vi từ chối thực hiện, không phối hợp hoặc cố tình cản trở hoạt động của các cơ quan chức năng khi được yêu cầu. Ngoài ra, pháp luật cũng chưa có quy định xử lý đối với những trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống khủng bố để trục lợi cá nhân hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Thêm vào đó, cơ chế xử lý trách nhiệm đối với các chủ thể có hành vi thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, kiểm tra, giám sát dẫn đến việc để xảy ra hoạt động khủng bố cũng chưa được quy định rõ ràng. Việc hoàn thiện các chế tài xử lý vi phạm này là cần thiết nhằm tăng cường tính răn đe, phòng ngừa và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật trong phòng, chống khủng bố.

Bảy là, xét về cơ cấu tổ chức và phân công trách nhiệm, hiện nay có nhiều Bộ, ngành trong bộ máy Nhà nước có chức năng quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác phòng, chống khủng bố. Cụ thể, Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý vật liệu phóng xạ, hạt nhân; Bộ Y tế quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; Bộ Công Thương chịu trách nhiệm về hóa chất, vật liệu nổ và hoạt động phòng, chống tài trợ khủng bố đối với kinh doanh kim loại quý, đá quý; Bộ Nội vụ quản lý hoạt động của các quỹ... Tuy nhiên, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa có quy định cụ thể, đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành này trong việc thực hiện công tác phòng, chống khủng bố, dẫn đến sự thiếu rõ ràng trong phân công trách nhiệm và phối hợp thực thi.

Đặc biệt, sau khi Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 được ban hành, một số Bộ, ngành đã có sự hợp nhất, sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ. Điều này dẫn đến việc các quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 về chủ thể chịu trách nhiệm trong công tác phòng, chống khủng bố hiện nay chưa hoàn toàn tương thích, thống nhất với các quy định pháp lý mới. Theo Điều 32 của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực, các văn bản pháp luật hiện hành, trong đó có Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật mới về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Do đó, nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi pháp luật và phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ hiện hành thì việc hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức trong phòng, chống khủng bố là yêu cầu mang tính cấp thiết.

Thứ hai, các quy định về tội khủng bố và tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân trong BLHS năm 2015 chưa đầy đủ, chặt chẽ và thiếu tính toàn diện.

Một trong những hạn chế đáng chú ý của BLHS năm 2015 là chưa xác định đầy đủ và toàn diện các đối tượng bị xâm hại bởi hành vi phạm tội khủng bố, cụ thể là tội "Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" quy định tại Điều 113 BLHS. Về bản chất, hành vi khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân là hành vi có tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của con người mà còn trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường và sự ổn định của bộ máy nhà nước, đe dọa đến sự tồn vong của chính quyền nhân dân. Do đó, các chủ thể bị xâm hại trong tội phạm này phải được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm tất cả những người làm việc trong bộ máy của

hệ thống chính quyền nhân dân, đang thực thi công vụ hoặc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, quy định hiện hành của BLHS mới chỉ giới hạn đối tượng bị xâm hại bởi tội phạm này trong phạm vi hẹp, cụ thể là "cán bộ" và "công chức" theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Cách tiếp cận này chưa phản ánh đầy đủ thực tiễn tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bởi bên cạnh cán bộ, công chức, còn có nhiều lực lượng khác cũng làm việc trong hệ thống chính quyền nhân dân, tham gia thực hiện chức năng quản lý nhà nước, đảm bảo trật tự, an ninh, quốc phòng và hoạt động công vụ. Các đối tượng này bao gồm: quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, sĩ quan trong lực lượng Quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an trong lực lượng Công an nhân dân; viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; cùng với đó là những người hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập.

Như vậy, bên cạnh cán bộ và công chức, các nhóm đối tượng nêu trên cũng là những người làm việc trong bộ máy của chính quyền nhân dân, trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quan trọng trong quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích công cộng và duy trì trật tự xã hội. Do đó, việc BLHS chưa xác định đầy đủ các đối tượng này là những chủ thể cần được bảo vệ trong tội danh "Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" là một khoảng trống pháp lý đáng lưu ý, có thể làm hạn chế hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm khủng bố trên thực tiễn. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần nghiên cứu, bổ sung các quy định trong BLHS nhằm mở rộng phạm vi bảo vệ, đảm bảo tính toàn diện và phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

BLHS năm 2015 chưa xác định đầy đủ yếu tố mục đích trong cấu thành tội phạm của "Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" và "Tội khủng bố". Theo quy định của BLHS năm 2015, mục đích của tội phạm khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân đó là chống chính quyền nhân dân hoặc gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước CHXHCN Việt Nam và mục đích của tội khủng bố là gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng. Tuy nhiên, việc xác định mục đích của tội phạm thực hiện hành vi khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và khủng bố như vậy là chưa đầy đủ theo thông lệ quốc tế bởi theo Điều 3 Nghị quyết 1566 năm 2004 của Liên hợp quốc về Các mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh quốc tế do khủng bố gây ra thì mục đích của tội phạm khủng bố còn nhằm "ép buộc chính phủ hoặc tổ chức quốc tế phải làm hay không được làm một việc bất kể động cơ phạm tội liên quan đến vấn đề chính trị, triết học, dân tộc, sắc tộc, tôn

giáo hay các động cơ tương tự". Bên cạnh đó, thực tế cho thấy các đối tượng khủng bố thường vì những động cơ bên trong như bắt nguồn từ mâu thuẫn, xung đột dân tộc, tôn giáo hay sắc tộc mà thực hiện các hành vi khủng bố, phá hoại với mục đích ép buộc chính phủ hay tổ chức quốc tế phải làm theo yêu cầu của chúng.

Một trong những vấn đề đáng lưu ý khi nghiên cứu quy định của BLHS năm 2015 về tội phạm khủng bố là sự giao thoa, tương đồng về cấu thành tội phạm giữa một số tội phạm khủng bố với các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia khác. Sự giao thoa này không chỉ thể hiện ở yếu tố chủ thể và mục đích phạm tội mà còn thể hiện rõ nét trong hành vi khách quan của tội phạm.

Cụ thể, có thể nhận thấy sự tương đồng giữa "Tội bạo loạn" (Điều 112), "Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (Điều 114) và "Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" (Điều 113). Các tội phạm này đều có những đặc điểm chung nhất định như: chủ thể thực hiện hành vi phạm tội chủ yếu là cá nhân; mục đích trực tiếp của hành vi phạm tội đều hướng tới việc chống chính quyền nhân dân, làm suy yếu hoặc phá hoại bộ máy nhà nước.

Đặc biệt, về mặt hành vi khách quan, ranh giới giữa các hành vi phạm tội này nhiều khi khá mờ nhạt. Cụ thể, hành vi cướp phá tài sản của cơ quan nhà nước trong "Tội bạo loạn"; hành vi phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật quốc gia trong "Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; hay hành vi phá hủy tài sản của cơ quan trong "Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" đều có điểm chung là hướng tới mục tiêu gây thiệt hại về tài sản của các cơ quan nhà nước, tổ chức công quyền hoặc các công trình quan trọng của quốc gia. Trên thực tế, việc phân biệt rạch ròi giữa các hành vi này là tương đối khó khăn do tính chất và hậu quả của hành vi có sự đan xen, giao thoa lớn. Điều này có thể dẫn đến những vướng mắc nhất định trong hoạt động định tội, truy cứu trách nhiệm hình sự, làm tăng nguy cơ nhầm lẫn giữa các tội danh trong quá trình áp dụng pháp luật, đặc biệt là trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử.

Ngoài ra, một hạn chế khác trong quy định của BLHS năm 2015 liên quan đến tội "Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" tại Điều 113 là việc quy định tội danh này có thể tạo ra rào cản trong hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự, đặc biệt là trong đấu tranh phòng, chống tội phạm khủng bố xuyên quốc gia. Trên thực tế, hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, bao gồm các hoạt động như dẫn độ tội phạm, chuyển giao người bị kết án phạt tù hoặc tương trợ tư pháp về hình sự, đều phải tuân thủ nguyên tắc "Tội phạm kép" (double criminality). Theo nguyên tắc này, hành vi bị yêu cầu xử lý hình sự phải

đồng thời được quy định là tội phạm trong pháp luật của cả quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu thực hiện hợp tác.

Tuy nhiên, trong khi pháp luật hình sự Việt Nam quy định tội "Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân" như một tội danh độc lập, thì đa số hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới chỉ quy định về "Tội khủng bố" với tính chất chung, không phân biệt mục đích chống chính quyền nhân dân hay chống lại các đối tượng cụ thể nào khác. Sự khác biệt này dẫn đến khó khăn trong việc đáp ứng điều kiện của nguyên tắc "Tội phạm kép" khi Việt Nam yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người bị kết án hoặc tương trợ tư pháp đối với tội danh nêu trên. Đây là một rào cản pháp lý không nhỏ, có thể làm hạn chế hiệu quả hợp tác quốc tế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm khủng bố, đặc biệt là trong bối cảnh tính chất xuyên quốc gia và mức độ nguy hiểm của loại tội phạm này ngày càng gia tăng.

Vì vậy, từ thực tiễn áp dụng và yêu cầu của hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự, vấn đề đặt ra là cần thiết phải nghiên cứu, rà soát lại quy định của BLHS liên quan đến tội "Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân". Trên cơ sở đó, cần cân nhắc khả năng sửa đổi, bổ sung nhằm tiệm cận với thông lệ pháp luật quốc tế, đồng thời đảm bảo không làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm khủng bố trong nước.

Thứ ba, pháp luật về phòng, chống khủng bố chưa điều chỉnh bao quát được hết các mối quan hệ phát sinh trong vấn đề xử lý tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố. Hiện nay, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố chưa có quy định về việc sử dụng nguồn tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố để hỗ trợ nạn nhân bị khủng bố. Theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị định số 122/2013/NĐ-CP thì vấn đề xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố chỉ bao gồm các hoạt động sau: "Tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật; Trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trong trường hợp tiền, tài sản đó bị người khác chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép vào hoạt động khủng bố, tài trợ khủng bố; Chi phí, sử dụng cho các khoản chi thiết yếu phục vụ sinh hoạt của cá nhân có tiền, tài sản bị tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, tạm giữ, xử lý và chi phí cho các nghĩa vụ hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân có tiền, tài sản bị tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, tạm giữ, xử lý; Giải tỏa, trả lại nếu tổ chức, cá nhân được đưa ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố hoặc do bị xác định sai là tổ chức, cá nhân thuộc danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; Sung quỹ nhà nước trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp" [34]. Như vậy, quy định của pháp luật hiện nay chưa đề cập đến trường hợp bồi thường, hỗ trợ người bị thiệt hại do khủng bố, tài

trợ khủng bố từ nguồn tiền, tài sản liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố. Việc thiếu vắng đi các quy định sẽ làm công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại do khủng bố, tài trợ khủng bố gây ra gặp nhiều khó khăn trên thực tế.

Bên cạnh đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố chưa có quy định về bảo vệ tiền, tài sản của người thứ ba ngay tình trong quá trình đấu tranh phòng, chống khủng bố. Trong nhiều trường hợp, người thứ ba thực hiện các giao dịch về tiền, tài sản theo đúng quy định của pháp luật nhưng không biết hoặc không có khả năng để biết rằng đối tượng của giao dịch đó lại có liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, dẫn đến hệ quả là tiền, tài sản đó bị tạm ngừng lưu thông, phong toả, tạm giữ hoặc xử lý. Thực trạng này gây ra những thiệt hại đáng kể cho bên thứ ba ngay tình.

3.2.4.2. Một số quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố còn thiếu tính thống nhất; chồng chéo, mâu thuẫn

Thứ nhất, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa đồng bộ, tương thích với Hiến pháp hiện hành và một số luật có liên quan.

Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 được xây dựng căn cứ trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001); trong khi đó, Hiến pháp hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam là Hiến pháp năm 2013. So với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) thì Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều sự thay đổi, phát triển, đặc biệt là những nội dung, tinh thần về bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ an ninh quốc gia. Chính vì vậy, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa thực sự tương thích với Hiến pháp hiện hành. Sự khác biệt giữa Hiến pháp năm 2013 với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về bảo vệ Tổ quốc được thể hiện qua các nội dung cụ thể sau: (1) Mặc dù cả hai bản Hiến pháp đều ghi nhận bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân nhưng Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung, phát triển thêm vai trò của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc "góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới"; (2) Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh thêm vai trò, trách nhiệm của lực lượng vũ trang nhân dân phải tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và có nhiệm vụ bảo vệ Nhân dân, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ; (3) Khẳng định vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cũng như đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm [121]. Như vậy, có thể thấy rằng các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ Tổ quốc đã có một số thay đổi so với bản Hiến pháp trước đó; điều đó đã làm cho Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 phần nào thiếu tính tương thích so với Hiến pháp mới và có phần "lạc hậu" khi vẫn đưa ra căn cứ xây dựng dựa trên Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001).

Mặt khác, một số quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan. Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định lực lượng chống khủng bố hoặc cơ quan Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất là cơ quan tiếp nhận đầy đủ tin báo, tố giác về khủng bố (Điều 29). Trong khi đó, theo Điều 145 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm gồm: Cơ quan điều tra; Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Viện kiểm sát các cấp; các cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền như Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an, Trạm Công an; Tòa án các cấp; Cơ quan báo chí. Như vậy, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa quy định đồng bộ, thống nhất, đầy đủ về cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm so với BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), trong đó có Viện kiểm sát, Toà án các cấp và các cơ quan báo chí. Điều này có thể dẫn đến trong một số trường hợp khẩn cấp, nguy cơ khủng bố đã hiện hữu, nếu không tiếp nhận kịp thời tin báo, tố giác về tội phạm khủng bố sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường. Vì vậy, việc chỉ quy định một số cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận tin báo tố giác về khủng bố sẽ không đảm bảo tính kịp thời, linh hoạt trong những trường hợp cấp bách, ảnh hưởng trực tiếp tới an ninh – trật tự trong nước.

Thứ hai, quy định về tội khủng bố trong BLHS năm 2015 chưa đồng bộ, thống nhất với Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013.

Các tội khủng bố quy định tại Điều 113 và 299 BLHS năm 2015 chưa xác định đầy đủ các loại chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. BLHS năm 2015 hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc xác định chủ thể thực hiện hành vi khủng bố là cá nhân. Tuy nhiên, tại Điều 1 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã quy định khủng bố có thể là một trong những hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm ép buộc hoặc chống chính quyền nhân dân; ép buộc hoặc gây khó khăn cho các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc thậm chí làm cho quan hệ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gặp cản trở hoặc gây ra tình trạng hoảng sợ trong cộng đồng dân cư [122].

Thuật ngữ "tổ chức" trong trường hợp này có thể được hiểu một cách khái quát là tập hợp một nhóm người có cùng mục tiêu, lý tưởng. Tổ chức được phân loại bao gồm tổ chức có tư cách pháp nhân và tổ chức không có tư cách pháp nhân. Đối với tổ chức không có tư cách pháp nhân thì việc thực hiện hành vi phạm tội khủng bố có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tư cách của cá nhân thực hiện hành vi. Ngoài cá nhân và tổ chức không có tư cách pháp nhân thì tổ chức có tư cách pháp nhân cũng hoàn toàn có thể là chủ thể thực hiện hành vi khủng bố. Như vậy, giữa quy định của BLHS năm 2015 và Luật Phòng,

chống khủng bố năm 2013 vẫn còn sự thiếu thống nhất trong việc xác định chủ thể của tội phạm khủng bố. Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy các hoạt động như: tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện hay trợ giúp, chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố thường do tổ chức khủng bố đứng ra thực hiện. Nếu công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố không coi tổ chức khủng bố là một trong những chủ thể cần đấu tranh thì hiệu quả của công tác này sẽ không thể đạt hiệu quả cao. Hiện nay, Việt Nam cũng đang đấu tranh quyết liệt nhằm ngăn chặn nhiều tổ chức khủng bố, đặc biệt là các tổ chức khủng bố do các phần tử phản động trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài lập ra như: Việt Tân (Việt Nam canh tân cách mạng Đảng), MSGI (Nhóm hỗ trợ người Thượng), MSFJ (Người Thượng vì công lý), Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời. Đồng thời, các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc như: Nghị quyết 1267 năm 1999, Nghị quyết 1373 năm 2001, Nghị quyết 1390 năm 2002, Nghị quyết 1455 năm 2003 đều quy định rằng các quốc gia thành viên phải có trách nhiệm đấu tranh ngăn chặn, trấn áp các tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố và quy định trách nhiệm hình sự đối với các tổ chức khủng bố này. Chính vì vậy, việc chưa quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân phạm tội khủng bố sẽ tạo ra khoảng trống lớn trong việc xác định chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, rất dễ dẫn tới tình trạng bỏ lọt tội phạm trên thực tế.

BLHS năm 2015 chưa quy định đầy đủ các hành vi nguy hiểm của tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố. Theo quy định tại Điều 113 và 299 BLHS năm 2015 thì các hành vi nguy hiểm được xác định gồm: xâm phạm về sức khoẻ, thể xác, tính mạng hoặc tinh thần của người khác; phá huỷ tài sản, gây rối loạn trạng thái hoạt động của hệ thống mạng máy tính, viễn thông, các phương tiện điện tử… Bên cạnh đó, Luật còn mở rộng ra các hành vi khác như thành lập hoặc tham gia vào các tổ chức khủng bố; tài trợ khủng bố hoặc các hành vi hỗ trợ, lôi kéo, đào tạo, tuyển mộ, huấn luyện; chế tạo và cung cấp vũ khí, phương tiện để các phần tử khủng bố tiến hành các hành vi khủng bố [132].

Tuy nhiên, một số hành vi nguy hiểm khác do các phần tử khủng bố thực hiện như "tuyên truyền", "thuê mướn", "sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán" vũ khí, vật liệu nổ, chất phóng xạ, chất độc, chất cháy cùng các công cụ, phương tiện hỗ trợ khủng bố, dù đã được quy định trong Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, nhưng lại chưa được đề cập trong BLHS năm 2015 liên quan đến tội khủng bố chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố. Sự thiếu đồng bộ giữa hai bộ luật này là một điểm hạn chế cần sớm được khắc phục. Vì vậy, việc BLHS năm 2015 chưa quy định cụ thể các hành vi trên trong nhóm tội danh liên quan đến khủng bố được xem là một thiếu sót đáng kể.

Mục tiêu hướng tới của các hoạt động khủng bố chưa được xác định đồng nhất giữa BLHS và Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Cụ thể, căn cứ vào Điểm d, Khoản 2, Điều 113 và Điểm d, Khoản 2 Điều 299 BLHS năm 2015 có thể xác định một số mục tiêu mà các đối tượng phạm tội khủng bố hướng tới để tiến hành tấn công, gây rối loạn và cản trở chính là hoạt động của các hệ thống mạng như mạng viễn thông, mạng máy tính và thiết bị, phương tiện điện tử. Trong khi đó, theo Điểm b, Khoản 1, Điều 1 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 thì mục tiêu đó không những gồm hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông mà còn có hệ thống mạng Internet. Giữa mạng máy tính, mạng viễn thông và mạng Internet có sự độc lập tương đối, nội hàm giữa các khái niệm này cũng đã được quy định cụ thể tại các luật khác nhau như Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật Viễn thông năm 2009. Bên cạnh đó, BLHS sử dụng thuật ngữ "phương tiện điện tử" thay vì thuật ngữ "thiết bị số" như quy định tại Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Theo quy định tại Điều 4 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 thì "Thiết bị số là thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông, truyền dẫn, thu phát sóng vô tuyến điện và thiết bị tích hợp khác được sử dụng để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số". Mặt khác, Điều 3 Luật Kế toán năm 2015 quy định: "Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự". Như vậy, có thể thấy rằng nội hàm của "thiết bị số" sẽ rộng hơn so với "phương tiện điện tử". Điều này thể hiện sự thiếu nhất quán về quy định giữa hai Luật khi quy định về các mục tiêu mà các đối tượng khủng bố hướng tới để phá hoại.

Thứ ba, các quy định về phòng, chống khủng bố chưa được cụ thể hoá tại một số văn bản pháp luật có liên quan, dẫn đến tình trạng thiếu đồng bộ, thống nhất với Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013.

Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã có những quy định về việc phòng, chống khủng bố thông qua hoạt động quản lý, kiểm soát của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về: an ninh, trật tự; giao thông vận tải; giao dịch về tiền, tài sản; phương tiện, hàng hoá xuất, nhập khẩu; hoạt động thông tin, truyền thông như xuất bản, báo chí, bưu chính, viễn thông; hoạt động bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý thuốc y tế. Tuy nhiên, tại một số văn bản pháp lý liên quan đến các lĩnh vực này lại chưa có các quy định cụ thể đề cập đến hoạt động quản lý, kiểm soát nhằm phòng, chống khủng bố. Điển hình như các luật: Luật Hoá chất năm 2007, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 và Luật Năng lượng nguyên tử 2008 là các văn bản pháp lý điều chỉnh trực tiếp các hoạt động liên quan đến quản lý, kiểm soát các chất hoá học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân; đây chính là công cụ

pháp lý để phòng ngừa các hành vi lợi dụng hoạt động sản xuất, mua bán, sử dụng, vận chuyển các chất hoá học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân nhằm mục đích khủng bố. Tuy nhiên, hiện nay các Luật này lại chưa có quy định cụ thể về phòng ngừa, phát hiện và ứng phó nguy cơ khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân cũng như chưa xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật về các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong sản xuất, lưu giữ, vận chuyển, sử dụng và xử lý chất thải hóa chất, sinh học, phóng xạ và hạt nhân để phòng, chống khủng bố hiệu quả.

Thứ tư, Nghị định 07/2014/NĐ-CP còn điểm chưa phù hợp với Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và thực tiễn triển khai công tác phòng, chống khủng bố.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 07/2014/NĐ-CP, thẩm quyền "thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" được giao cho Bộ trưởng Bộ Công an. Tuy nhiên, quy định này bộc lộ một số điểm chưa thật sự hợp lý về mặt tổ chức và nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước.

Về lý luận tổ chức bộ máy hành chính, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là một bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố ở địa phương. Ban Chỉ đạo này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban theo quy định tại Điều 12 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Do đó, việc quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Thường trực cấp tỉnh cần phải thuộc thẩm quyền của người đứng đầu Ban Chỉ đạo tại địa phương, tức Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Điều này nhằm đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong tổ chức và quản lý hành chính nhà nước theo chiều dọc, đồng thời phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo trực tiếp của chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống khủng bố.

Trên thực tế, nhiều địa phương đã chủ động căn cứ theo quy định tại Điều 12 của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 để tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh – với tư cách là Trưởng ban Chỉ đạo – ban hành quyết định thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh. Việc này cho thấy một cách làm linh hoạt và phù hợp với đặc điểm quản lý tại địa phương. Tuy nhiên, do sự thiếu nhất quán giữa Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và Nghị định số 07/2014/NĐ-CP, hiện nay còn tồn tại những bất cập nhất định trong thực tiễn triển khai. Cụ thể, 13/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vẫn chưa thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo, và có đến 07/63 địa phương ban hành quyết định thành lập Cơ quan thường trực không phù hợp

với quy định tại Nghị định số 07/2014/NĐ-CP. Tình trạng này phản ánh sự lúng túng trong áp dụng pháp luật và đòi hỏi cần có sự điều chỉnh đồng bộ giữa văn bản luật và các văn bản dưới luật nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, rõ ràng, đảm bảo hiệu quả tổ chức và vận hành bộ máy phòng, chống khủng bố từ Trung ương đến địa phương.

Thứ năm, chưa có sự thống nhất về khái niệm "tài sản" giữa các văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến công tác phòng, chống rửa tiền nhằm mục đích tài trợ khủng bố gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay, khái niệm "tài sản" được quy định trong rất nhiều văn bản pháp lý khác nhau. Trong đó, phải kể đến 03 văn bản quy phạm pháp luật sau: Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án Nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 324 của BLHS về tội Rửa tiền và Nghị định số 122/2013/NĐ-CP.

Theo đó, tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "1.Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. 2.Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai". Trong khi đó, Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 122/2013/NĐ-CP cũng như Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP đều quy định như sau:

> "Tài sản bao gồm vật, giấy tờ có giá, các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó" [34].

Như vậy, có thể thấy rằng Nghị định số 122/2013/NĐ-CP và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP đều đã tách riêng "tiền" ra khỏi khái niệm "tài sản", mở rộng nội hàm khái niệm tài sản hơn so với Bộ luật Dân sự năm 2015. Những quy định nêu trên đã cho thấy sự thiếu thống nhất trong định nghĩa "tài sản", làm cho thực tiễn xác định tiền, tài sản trong quá trình đấu tranh phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố gặp những vướng mắc, khó khăn nhất định.

Thứ sáu, các quy định về phân công nhiệm vụ lực lượng phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia còn bất cập, chưa có sự thống nhất chung.

Theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng giao cho lực lượng Quân đội thực hiện việc xử lý vũ khí, chất độc hóa học, sinh học, bom, mìn và chất phóng xạ. Trong khi đó, Thông

tư số 38/2021/TT-BCA ngày 09/4/2021 của Bộ Công an quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố lại quy định Viện Khoa học và công nghệ có nhiệm vụ tiến hành phân tích, xác định các tác nhân hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân phục vụ công tác chống khủng bố; Tổ chức lực lượng, biện pháp xử lý kỹ thuật hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân phục vụ tác chiến chống khủng bố; phối hợp xử lý, khắc phục sự cố, thảm họa môi trường do khủng bố gây ra (Điều 10) và Quyết định số 158/2003/QĐ-TTg ngày 31/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tạm thời xử lý các vụ thư, bưu phẩm, bưu kiện có chứa chất lạ, vật lạ nghi liên quan đến vũ khí sinh học, hóa học cũng ghi nhận cơ quan Công an có trách nhiệm tiếp nhận tin báo và xử lý về các vật gửi có chứa chất lạ, vật lạ nghi liên quan đến vũ khí sinh học, hoá học. Các cơ quan Y tế, Khoa học và Công nghệ, Quân đội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an trong việc giám định nhằm xác định và có kết luận nổ về các chất lạ, vật lạ nghi liên quan đến vũ khí sinh học, hoá học (Điều 3). Như vậy, các quy định pháp luật hiện nay chưa có sự thống nhất về việc phân công, bố trí lực lượng phụ trách chính trong xử lý các vấn đề liên quan đến phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ; gây ra những bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả xây dựng, triển khai các phương án phòng, chống khủng bố hóa học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

3.2.4.3. Một số quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố khi áp dụng trong thực tiễn còn gặp nhiều bất cập, không đạt được hiệu quả mong đợi do chưa phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và chưa hoàn toàn được chuẩn hoá để đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Thứ nhất, các quy định về Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Một là, việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp chưa hợp lý, còn nhiều bất cập. Mặc dù Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã có quy định về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp nhưng nội dung quy định này lại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đề ra. Hiện nay, Điều 12 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố của bộ, ngành theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định 07/2014/NĐ-CP hướng dẫn Điều 12 của Luật cũng chỉ quy định về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại các Bộ, Cơ quan ngang bộ. Việc quy định như vậy đã "bỏ sót" hệ thống Cơ quan thuộc Chính phủ gồm các cơ quan quan trọng như Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo hiểm xã hội Việt

Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trong khi đó, hệ thống các cơ quan này hoàn toàn có thể trở thành mục tiêu mà các đối tượng hướng tới để thực hiện các hoạt động tấn công, phá hoại, khủng bố.

Mặt khác, thực tiễn triển khai các Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại 63 tỉnh thành trong cả nước và tất cả các Bộ, ngành đã cho thấy sự cồng kềnh, tốn kém và lãng phí nguồn lực trong công tác phòng, chống khủng bố. Theo đó, phòng, chống khủng bố nên bám sát, tập trung nguồn lực cho những địa bàn trọng điểm về an ninh quốc gia, những nơi mà các đối tượng thường thực hiện các hành vi xâm nhập, phá hoại, khủng bố như: khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc; các tỉnh giáp biên; các thành phố lớn là trung tâm kinh tế, chính trị; các khu công nghiệp, khu chế xuất; các tỉnh có cảng biển, sân bay. Bênh cạnh đó, việc thành lập các Ban chỉ đạo tại 18 Bộ, 04 Cơ quan ngang bộ (chưa kể 08 Cơ quan thuộc Chính phủ) là không cần thiết, chỉ nên tập trung vào các Bộ, ngành, cơ quan có vai trò, nhiệm vụ liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố như: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam…

Hai là, quy định về thành phần Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia và Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) chưa đảm bảo sự hợp lý trong phân cấp, phân quyền. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2014/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ được xác định là Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia. Tuy nhiên, tại Điều 6 của Nghị định, Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia lại được giao nhiệm vụ đó là: "Trình Thủ tướng Chính phủ để ban hành phương án xử lý các tình huống khủng bố và tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết các vụ khủng bố trong các trường hợp đặc biệt liên quan đến an ninh quốc gia hoặc trật tự, an toàn xã hội" [37].

Điểm bất cập ở đây là vai trò kép của Thủ tướng Chính phủ, vừa là người đứng đầu cơ quan tham mưu (Ban Chỉ đạo), vừa là người tiếp nhận tham mưu và ra quyết định xử lý các tình huống khủng bố. Quy định này dẫn đến tình trạng thiếu tách biệt giữa chức năng tham mưu và chức năng quyết định hành chính, từ đó có thể làm giảm tính khách quan, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành khi đối phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến khủng bố.

Tương tự, tại cấp địa phương, Nghị định cũng quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời giữ vai trò Trưởng ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh. Trong

khi đó, Điều 5 Nghị định lại giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo này là "tham mưu cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức, chỉ đạo công tác phòng, chống khủng bố tại địa phương". Sự trùng lặp vai trò giữa người chỉ đạo và người được tham mưu tiếp tục tái hiện ở cấp địa phương, qua đó phản ánh một điểm nghẽn trong cơ chế tổ chức và phân công chức năng, nhiệm vụ trong hệ thống quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố.

Xét về nguyên tắc tổ chức bộ máy hành chính hiện đại, sự phân tách rõ ràng giữa cơ quan hoạch định chính sách (tham mưu) và cơ quan ra quyết định (hành pháp) là cần thiết để đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và kiểm soát quyền lực. Việc quy định người đứng đầu Ban Chỉ đạo đồng thời là người ra quyết định tối cao trong hệ thống phòng, chống khủng bố ở cả hai cấp Trung ương và địa phương không những tạo ra mâu thuẫn trong chức năng mà còn có thể làm giảm khả năng điều phối và ứng phó linh hoạt trong những tình huống khẩn cấp. Do đó, cần thiết phải rà soát lại quy định hiện hành để khắc phục tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi" này, hướng tới mô hình tổ chức hợp lý hơn, phù hợp với thông lệ quản trị công hiện đại.

Ba là, một số nhiệm vụ đã được Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các tỉnh, thành phố đã và đang thực hiện trên thực tế nhưng chưa được cụ thể hoá trong các quy định của pháp luật. Hiện nay, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh được quy định trong Nghị định số 07/2014/NĐ-CP. Trên thực tiễn triển khai, Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh thường thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng như: phòng, chống hành vi sử dụng, phổ biến và tài trợ vũ khí hủy diệt hàng loạt; ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động của hàng không dân dụng; xử lý các tình huống tụ tập đông người gây rối an ninh, trật tự hoặc dẫn đến bạo loạn.

Tuy nhiên, do quy định pháp lý còn mang tính khái quát, chưa cụ thể hóa các nhiệm vụ nêu trên, nên việc triển khai tại các địa phương còn thiếu sự thống nhất. Một số địa phương áp dụng linh hoạt theo tình hình thực tế, trong khi những địa phương khác lại lúng túng trong tổ chức thực hiện, dẫn đến sự chênh lệch về hiệu quả công tác phòng, chống khủng bố giữa các khu vực. Đồng thời, cơ chế chỉ đạo, điều hành cũng như chế độ thông tin, báo cáo của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa đảm bảo được tính đầy đủ, kịp thời và chính xác trong việc cung cấp dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều phối ở cấp trung ương. Thực trạng này cho thấy cần có sự rà soát, bổ sung các quy định hướng dẫn cụ thể hơn nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại địa phương.

Thứ hai, các quy định pháp luật về quản lý an ninh trật tự và một số lĩnh vực cụ thể liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố còn nhiều điểm bất cập, dẫn đến hiệu quả thực thi pháp luật chưa cao; nguy cơ xảy ra khủng bố còn hiện hữu.

Một là, hạn chế, bất cập trong quản lý chất hoá học, sinh học, phóng xạ. Các quy định trong quản lý các chất hoá học, sinh học, phóng xạ còn nhiều bất cập dẫn đến xảy ra các vụ việc mất, thất lạc nguồn phóng xạ hoặc mua bán, sử dụng trái phép các chất hoá học, sinh học; gây nguy cơ cao về khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ. Hiện nay, Việt Nam có 4.405 nguồn phóng xạ kín (trong đó có 2.040 nguồn đã qua sử dụng, 2.365 nguồn đang sử dụng) phục vụ việc nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, y tế, kinh doanh, dịch vụ an toàn bức xạ nhưng công tác quản lý còn nhiều sơ hở, đã để xảy ra các vụ mất, thất lạc nguồn phóng xạ, hạt nhân mà chưa thu hồi được. Cụ thể: sự cố mất nguồn phóng xạ tại Công ty cổ phần xi măng Việt Trung; Nhà máy xi măng Sông Đà; tại Viện Công nghệ Xạ hiếm thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam [102].

Hai là, các quy định về phòng, chống khủng bố mạng còn nhiều hạn chế dẫn đến nhiều vụ việc khủng bố mạng vẫn diễn ra trên thực tế. Mặc dù Nhà nước đã có những nỗ lực trong xây dựng và định hình khung pháp lý cho các hoạt động quản lý, bảo đảm an ninh môi trường mạng nhưng thực tế cho thấy các quy định trong lĩnh vực này vẫn còn nhiều thiếu sót; dẫn đến hoạt động phòng, chống khủng bố mạng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Trên thực tế, các đối tượng khủng bố thường lợi dụng không gian mạng để liên lạc, phát tán các thông tin xấu độc nhằm khủng bố tình thần, gây hoang mang dư luận và gây ra tình trạng hoảng loạn trong công chúng, mất an ninh trật tự. Bên cạnh đó, còn có những trường hợp các đối tượng khủng bố nhắm đến mục tiêu bôi nhọ, hạ uy tín của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, gây mất niềm tin của Nhân dân vào chính quyền. Điển hình như, trong thời gian chuẩn bị lấy phiếu tín nhiệm tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XIII, các đối tượng đã sử dụng 493 trang mạng, blog để đăng tải 150.000 lượt bài viết có nội dung xấu, trong đó có 127 trang, gồm 75 blog và 52 website do một số hội, nhóm, cá nhân ở trong nước tạo lập, điều hành. Các đối tượng khủng bố còn lợi dụng mạng thông tin để chèn các thông điệp xuyên tạc, kích động về các vấn đề nhạy cảm, phức tạp như tranh chấp biển Đông để đăng trên các website của Vietnam Airlines và hệ thống màn hình tại sân bay; phát đi các luận điệu xuyên tạc, kích động tạo hệ thống loa thông báo tại sân bay Nội Bài. Vụ việc đã gây ra thiệt hại cho hơn 60 máy chủ của Vietnam Airlines, bao gồm thông tin của nhiều lãnh đạo Đảng và Nhà nước bị lan truyền trên Internet, hệ thống máy tính bị tê liệt, làm trễ gần 100 chuyến bay, ảnh hưởng đến hơn 20.000 hành khách [89]. Ngoài ra, các tổ chức khủng bố đã sử dụng không gian mạng để kích động, tuyên truyền kêu gọi

khủng bố, hướng dẫn thực hiện hành vi khủng bố trên không gian mạng. Chúng lợi dụng những vụ việc phức tạp, nhiều ý kiến trái chiều trong dư luận để kích động biểu tình với quy mô lớn ở nhiều địa phương, gia tăng các hoạt động bạo lực, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, các chất hoá học như gậy guộc, súng, bom xăng, axit…để tấn công người dân và lực lượng chức năng. Đặc biệt, trong vụ khủng bố tại 02 xã Ea Tiêu và Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào tháng 6/2023, tổ chức khủng bố "Nhóm hỗ trợ người Thượng – MSGI" đã thông qua các trang mạng xã hội để tiến hành liên hệ, lôi kéo, móc nối, dụ dỗ đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh ở khu vực Tây Nguyên để thực hiện các hoạt động tuyên truyền, chống phá Nhà nước; kêu gọi người dân biểu tình, gây ra các vụ bạo loạn vũ trang, khủng bố. Ngoài ra, các đối tượng cầm đầu đã thông qua các nền tảng mạng xã hội như Facebook, WhatsApp… để đăng tải, tuyên truyền, đưa ra những thông tin, luận điệu sai sự thật, chia rẽ chính sách đại đoàn kết dân tộc, chống lại đường lối, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh trật tự của đất nước. Các đối tượng cũng thường xuyên sử dụng mạng xã hội để liên lạc, tuyển mộ, tập hợp lực lượng và chỉ đạo từ địa bàn ở nước ngoài đối với tổ chức trong nước để tiến hành hoạt động khủng bố. Như vậy, có thể thấy rằng việc quản lý, nắm bắt tình hình hoạt động của các đối tượng khủng bố trên không gian mạng gặp phải những thách thức, khó khăn không hề nhỏ trên thực tiễn; dẫn tới việc nắm tình hình chưa thực sự kịp thời, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố, gây mất an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Thứ ba, các quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự nhằm phòng, chống khủng bố còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn, làm cho hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố thiếu hiệu quả.

Thực tiễn cho thấy, kể từ khi Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 được ban hành, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự của Việt Nam đã đạt được những chuyển biến tích cực. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tiếp nhận và xử lý hiệu quả nhiều yêu cầu liên quan đến dẫn độ tội phạm, chuyển giao người bị kết án phạt tù cũng như tương trợ tư pháp về hình sự. Những kết quả này đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là các loại tội phạm xuyên quốc gia và khủng bố quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình triển khai các hoạt động dẫn độ, chuyển giao người bị kết án và tương trợ tư pháp vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Một số vướng mắc phát sinh từ quy định pháp luật chưa thực sự rõ ràng, thống nhất; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền còn thiếu linh hoạt và đồng bộ; đồng thời,

năng lực thực thi trong một số trường hợp cụ thể chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Những hạn chế này đã ảnh hưởng đến hiệu quả chung của hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, gây khó khăn cho quá trình tố tụng đối với các loại tội phạm có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, đặc biệt là tội phạm khủng bố và tội phạm xuyên biên giới. Do đó, cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực thực tiễn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong hợp tác quốc tế về tư pháp hình sự.

Về dẫn độ tội phạm, một số quy định của pháp luật trong nước, đặc biệt là Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 chưa tương thích với thông lệ và các điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam tham gia hoặc chưa có quy định cụ thể dẫn đến khó khăn trong việc triển khai tổ chức thực hiện trên thực tiễn. Điển hình như các vấn đề về khác biệt trong quan điểm chính trị đối với hành vi phạm tội; quy định về hình phạt tử hình; quy định về bắt khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ chính thức. Vụ việc Nguyễn Hữu Chánh là một ví dụ điển hình thể hiện sự bất cập, hạn chế trong hoạt động hợp tác quốc tế về dẫn độ tội phạm khủng bố. Nguyễn Hữu Chánh là tên cầm đầu của tổ chức phản động "Chính phủ Việt Nam tự do", đã âm mưu thực hiện hành vi đánh bom khủng bố vào đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nhưng đã bị cảnh sát Hàn Quốc phát hiện bắt giữ. Mặc dù Viện kiểm sát nhân dân tối cao Việt Nam đã gửi tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi khủng bố của Nguyễn Hữu Chánh và yêu cầu dẫn độ nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc vẫn từ chối dẫn độ. Mộ trong những lý do Toà án Hàn Quốc đưa ra đó là tội danh "khủng bố" mà Việt Nam yêu cầu dẫn độ Nguyễn Hữu Chánh được coi là "tội phạm mang tính chất chính trị" tại Hàn Quốc nên thuộc trường hợp bị từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật quốc tế và Hiệp định dẫn độ giữa nước CHXHCN Việt Nam và Hàn Quốc.

Về chuyển giao người bị kết án phạt tù, vấn đề chuyển đổi hình phạt được coi là vấn đề lớn, gây ra nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động này. Vấn đề này mới chỉ được quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 58 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 mà chưa có quy định cụ thể, chi tiết hướng dẫn nên rất khó áp dụng trên thực tiễn. Nhiều trường hợp cấu thành tội phạm của hành vi mà phạm nhân thực hiện và bị xử phạt tù ở nước ngoài không tương đương với cấu thành tội phạm cụ thể quy định trong BLHS của Việt Nam nên khi ra quyết định tiếp nhận, Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền đã không thể ra quyết định chuyển đổi hình phạt mà vẫn giữ nguyên hình phạt của nước ngoài trong quyết định tiếp nhận.

Về tương trợ tư pháp hình sự, hàng năm có rất nhiều yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự được nước ngoài gửi về Việt Nam cũng như từ Việt Nam gửi cho các nước. Tuy nhiên quá trình tương trợ tư pháp thường mất rất nhiều thời gian; trong khi đó việc giải quyết các

vụ án hình sự phải tuân thủ theo thời hạn luật định. Các quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự hiện nay chưa có quy định cụ thể về thời gian thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp dẫn đến nhiều vụ việc chậm gửi kết quả tương trợ tư pháp làm cho quá trình giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài gặp khó khăn.

Thứ tư, một số nội dung quy định của pháp luật trong nước chưa được chuẩn hoá đầy đủ so với các cam kết, chuẩn mực quốc tế về phòng, chống khủng bố mà Việt Nam đã tham gia.

Hiện nay, mặc dù pháp luật trong nước cơ bản đã quy định bao quát các vấn đề chung liên quan đến lĩnh vực phòng, chống khủng bố nhưng các quy định này lại chưa thực sự đầy đủ, chi tiết; chưa kịp thời cập nhật các chuẩn mực mới từ quốc tế, đặc biệt là đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể về chống khủng bố như: khủng bố mạng; khủng bố sinh học, hóa học, phóng xạ; khủng bố hàng không, hàng hải; sử dụng tiền ảo nhằm mục đích tài trợ khủng bố…

Bên cạnh đó, một số thuật ngữ quốc tế chưa được luật hóa rõ ràng như: tổ chức khủng bố; phần tử, cá nhân khủng bố; các hành vi tuyển mộ, tuyên truyền, dụ dỗ, lôi kéo cũng chưa được cụ thể hoá. Ngoài ra, hệ thống pháp luật hiện nay còn thiếu vắng các quy định chi tiết về hợp tác điều tra xuyên quốc gia, dẫn độ, chuyển giao tư pháp trong các vụ khủng bố; các quy định về ngăn chặn hành vi cung cấp dịch vụ công nghệ, tài chính, logistics, sử dụng thiết bị bay không người lái phục vụ mục đích khủng bố còn lúng túng, chậm cập nhật.

3.2.4.4. Quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong việc áp dụng các kỹ thuật lập pháp hiệu quả

Hiện nay, một số văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố được ban hành trước khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) có hiệu lực nên chưa đảm bảo kỹ thuật lập pháp theo quy định hiện hành. Điển hình như Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 đã bộc lộ những bất cập về kỹ thuật lập pháp so với quy định hiện hành. Theo quy định, nội dung quy định của các bộ phận cấu thành văn bản (phần, chương, mục, điều, khoản, điểm) phải phù hợp với tên gọi của từng bộ phận tương ứng đó, được sắp xếp theo các tiêu chí thống nhất, đảm bảo trật tự hợp lí trong tổng thể cũng như trong từng bộ phận hợp thành, giúp người đọc cũng như người áp dụng dễ hiểu, dễ áp dụng. Tuy nhiên, tên tiêu đề Chương III của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 là "Phòng ngừa khủng bố" nhưng nội dung các quy định lại bao gồm cả h phòng ngừa khủng bố và phòng ngừa tài trợ khủng bố. Bên cạnh đó, Điều 48 của Luật quy định đồng thời về trách nhiệm của Cơ quan Kiểm sát, Tòa án là chưa hợp lý bởi

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống hai cơ quan này là hoàn toàn khác nhau, không thể quy định chung trong một điều luật; điều này dẫn đến quy định mang tính chung chung, thiếu rõ ràng, minh bạch. Ngoài ra, một số từ ngữ chuyên môn như "hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố", "tổ chức khủng bố", "cá nhân khủng bố"… mặc dù đã được đề cập trong văn bản nhưng lại chưa được giải thích, đây là một trong những điểm hạn chế về kỹ thuật lập pháp mà Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 còn tồn tại.

3.2.5. Nguyên nhân những hạn chế của pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay

Hoạt động hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó bao gồm một số nguyên nhân cụ thể sau:

Thứ nhất, quá trình hội nhập quốc tế, ký kết các văn bản pháp lý quốc tế về phòng, chống khủng bố diễn ra nhanh chóng dẫn đến việc nội luật hoá các quy định pháp luật quốc tế chưa triệt để.

Trong thời gian qua, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra nhanh chóng và ngày càng sâu sắc. Quan điểm về hội nhập quốc tế một cách chủ động, tích cực đã được Đảng và Nhà nước đề ra kể từ Đại hội VI đến nay và tại Đại hội XIII, Đảng một lần nữa khẳng định lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết và mục tiêu tối thượng đó chính là bảo đảm lợi ích quốc gia ở mức cao nhất có thể trên cơ sở luật pháp quốc tế và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với các quốc gia: "Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất" [74].

Trên tinh thần đó, Việt Nam đã không ngừng nỗ lực hợp tác, cùng phát triển với các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi và đặc biệt là dựa trên nền tảng Hiến chương của Liên hợp quốc và pháp luật quốc tế nói chung. Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố, đến năm 2025, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thiết lập và mở rộng khuôn khổ pháp lý quốc tế. Cụ thể, Việt Nam đã gia nhập 14 điều ước quốc tế đa phương liên quan đến phòng, chống khủng bố, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc tham gia vào nỗ lực toàn cầu nhằm ngăn chặn và xử lý các mối đe dọa khủng bố. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã ký kết hơn 50 hiệp định song phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù, góp phần củng cố cơ sở pháp lý cho việc xử lý các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài. Ngoài ra, Việt Nam còn thiết lập 18 hiệp định song phương hợp tác về phòng,

chống tội phạm nói chung và 5 hiệp định song phương khác trong các lĩnh vực có liên quan như quản lý biên giới, tư pháp hình sự và đảm bảo an ninh thông tin quốc tế. Hệ thống điều ước và thỏa thuận quốc tế đa dạng này đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đồng thời tăng cường năng lực phòng, chống khủng bố của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa *(Xem thêm Phụ lục 3)* [17]. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy Luật Phòng, chống khủng bố được ban hành năm 2013 cho đến nay đã được hơn 11 năm, trong khi đó khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính FATF đã có 11 lần sửa đổi, nhiều quy định mới hiện chưa được bổ sung vào Luật Phòng, chống khủng bố dẫn đến các quy định của Luật cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành còn nhiều thiếu sót, không còn phù hợp với các khuyến nghị hiện hành của FATF.

Có thể thấy rằng, hệ thống các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố và các lĩnh vực khác có liên quan mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập đã tạo ra một khung pháp lý quốc tế đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả giúp cho hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố giữa Việt Nam và các nước trở nên thuận lợi. Tuy nhiên, để thực hiện đầy đủ các cam kết, thoả thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải nghiên cứu xây dựng, ban hành hệ thống pháp luật trong nước nhằm nội luật hoá các quy định pháp luật quốc tế. Thực tế, quá trình nội luật hoá và hoàn thiện các quy định pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố đã và đang được thúc đẩy triển khai thực hiện nhưng với tốc độ hội nhập quốc tế, hợp tác, ký kết các điều ước quốc tế diễn ra nhanh như hiện nay thì không thể tránh khỏi sự thiếu tương thích giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Vì vậy, Việt Nam cần tích cực rà soát, nội luật hoá và hoàn thiện pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố để đảm bảo tính tương thích, phù hợp với các chuẩn mực, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ hai, toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ đã làm thay đổi, phát sinh các phương thức, thủ đoạn mới trong hoạt động khủng bố; đồng thời tạo nên nhiều chuẩn mực quốc tế mới về phòng, chống khủng bố.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, cùng với sự phát triển đột phá của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm xuất hiện nhiều loại hình, sản phẩm công nghệ mới tiến tiến, làm thay đổi căn bản đời sống xã hội. Đặc biệt, các tổ chức, phần tử khủng bố triệt để lợi dụng những thành tựu khoa học công nghệ hiện nay như thiết bị bay không người lái, ví điện tử, tiền ảo, bitcoin, mạng xã hội, chuỗi khối blockchain… để tạo ra những phương thức, thủ đoạn tinh vi mới tiến hành hoạt động khủng bố. Điều này dẫn đến việc các quốc gia trên thế giới phải thay đổi cách tiếp cận, xây dựng những chuẩn mực mới nhằm ứng phó với các nguy cơ đến từ khủng bố trong thời kỳ hiện đại. Những chuẩn mực

này sẽ làm cho hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trở nên lỗi thời, lạc hậu, cần có sự điều chỉnh phù hợp với xu thế của thời đại.

Thứ ba, các điều kiện phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố chưa được bảo đảm.

Các điều kiện tác động tới chất lượng công tác hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố bao gồm các điều kiện về con người (nguồn nhân lực) và điều kiện về vật chất (nguồn vật lực). Về mặt con người, để soạn thảo ra những văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố vừa hợp pháp, vừa hợp lý thì yêu cầu cần đó là đội ngũ cán bộ phải đồng thời am hiểu kiến thức pháp luật, chuyên sâu về nghiệp vụ và có kiến thức thực tiễn trong quản lý, chiến đấu trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố. Tuy nhiên, hiện nay nguồn nhân lực trực tiếp thực hiện công tác phòng, chống khủng bố nói chung và xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố nói riêng còn thiếu về số lượng và hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực tiễn công tác chiến đấu. Các cán bộ làm công tác tham mưu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố có những người có kiến thức nghiệp vụ tốt nhưng kiến thức pháp luật và kiến thức thực tiễn lại chưa sâu. Mặt khác, có những cán bộ làm công tác pháp chế, trực tiếp dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố có trình độ pháp lý cao nhưng lại chưa có nghiệp vụ cũng như thực tiễn chiến đấu. Bên cạnh đó, số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách hiện nay còn tương đối khiêm tốn, các đại biểu kiêm nhiệm chiếm số đông nên thời gian dành cho hoạt động xây dựng luật bị hạn chế, ảnh hưởng tới chất lượng công tác xây dựng pháp luật nói chung và trong lĩnh vực pháp luật về phòng, chống khủng bố nói riêng. Về các điều kiện vật chất, nguồn vật lực phục vụ cho hoạt động sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng chưa được quan tâm, tập trung đầu tư đúng mức. Các điều kiện cần thiết như tài chính, hậu cần, các phương tiện khoa học kỹ thuật… chưa được sử dụng và phát huy hiệu quả; chưa huy động được các nguồn lực xã hội vào hoạt động phòng, chống khủng bố nói chung và công tác hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố nói riêng. Nguồn tài chính sử dụng cho hoạt động này chủ yếu được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước nên kinh phí còn hạn hẹp. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền chưa đẩy mạnh được ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ các hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố…

Thứ tư, công tác rà soát, hệ thống hóa hệ thống quy phạm pháp luật và theo dõi, tổng kết thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố chưa được quan tâm đúng mức.

Hệ thống hoá pháp luật là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền nhằm tập hợp tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực rồi sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy phạm pháp luật làm cho hệ thống pháp luật được hoàn thiện và điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội. Hệ thống hoá gồm hai hình thức là tập hợp hoá và pháp điển hoá [87]. Như vậy, hoạt động hệ thống hoá pháp luật về phòng, chống khủng bố sẽ giúp củng cố, hoàn thiện các quy định pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố thông qua việc phát hiện và loại bỏ những quy phạm pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, đồng thời có những bổ sung phù hợp. Hiện nay, hoạt động rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định "Chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật" và Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP". Tuy nhiên, hiện nay hoạt động hệ thống hoá hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố vẫn chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quan tâm, triển khai thực hiện một cách thường xuyên; việc theo dõi, đôn đốc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố của các bộ, ngành và các đơn vị có liên quan còn chưa kịp thời, sát sao. Trong một số trường hợp, mặc dù cơ quan có thẩm quyền đã rà soát và tìm ra được các văn bản không phù hợp nhưng lại chưa chủ động trong việc xử lý kết quả dẫn tới quá trình áp dụng, thi hành pháp luật, nhiều văn bản hết hiệu lực, có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo gây nhầm lẫn, khó khăn khi thực hiện.

Mặt khác, hoạt động theo dõi, sơ kết, tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố chưa được thực hiện tốt. Hoạt động theo dõi, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố giúp các cơ quan chức năng nắm bắt, thu thập được những thông tin quan trọng để đánh giá, phản biện một cách khách quan đối với các chính sách, quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố. Thông qua các thông tin, số liệu từ hoạt động theo dõi tình hình thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố tại các địa phương cùng với những hạn chế, bài học kinh nghiệm từ hoạt động sơ kết, tổng kết, các cơ quan chức năng có thể rút ra những tồn tại, bất cập trong hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố; qua đó, kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật. Nói cách khác, hoạt động theo dõi, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố sẽ là cơ sở thực tiễn để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cho hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động thực hiện pháp luật trên thực tế. Thực tế cho thấy các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chưa thực sự quan tâm đến

công tác theo dõi thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố; chưa có sự nắm bắt kịp thời, sát sao hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố trên thực tế tại các bộ, ngành, địa phương. Mặc dù các cơ quan đã tổ chức tổng hợp, báo cáo, định kỳ sơ kết, tổng kết hoạt động thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố nhưng một số nơi còn mang nặng tính hình thức, nội dung tổng kết chưa cụ thể và chưa rút ra được những mặt tồn tại, hạn chế trong hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng như hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật.

Tiểu kết Chương 3

1. Thông qua quá trình phân tích và đánh giá tiến trình hình thành, phát triển hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, có thể khẳng định rằng Nhà nước đã sớm chú trọng đến việc ban hành các quy định chung về bảo vệ an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử với bối cảnh chính trị - xã hội khác nhau, hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này từng bước được hoàn thiện, không ngừng phát triển về nội dung lẫn hình thức, qua đó đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong bối cảnh mới.

2. Đặc biệt, trong những năm gần đây – kể từ khi Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 được ban hành – pháp luật về phòng, chống khủng bố đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng. Hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực này về cơ bản đã bảo đảm được tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn thi hành. Bên cạnh đó, kỹ thuật lập pháp ngày càng được nâng cao, góp phần tạo nên cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng, chống khủng bố. Những kết quả này là hệ quả tất yếu từ một số yếu tố nền tảng, bao gồm: sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; sự nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật; việc chú trọng đến các yêu cầu kỹ thuật lập pháp trong quá trình soạn thảo văn bản; và cuối cùng là sự cải thiện trong công tác kiểm tra, theo dõi, tổng kết, đánh giá quá trình thực thi pháp luật.

3. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Đáng chú ý là sự thiếu nhất quán, đồng bộ và khả năng thích ứng chưa cao của một số quy định trong các văn bản pháp luật quan trọng như Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, BLHS năm 2015 cùng với các nghị định và thông tư hướng dẫn thi hành. Một số quy định vẫn còn tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và bối cảnh hội nhập quốc tế. Những bất cập này bắt nguồn từ một số nguyên nhân chủ yếu như: tốc độ hội nhập nhanh dẫn đến việc nội luật

hóa các điều ước quốc tế chưa theo kịp tiến trình ký kết; quá trình tái cấu trúc tổ chức bộ máy nhà nước gây ra sự không tương thích giữa quy định pháp luật và mô hình tổ chức thực tiễn; điều kiện phục vụ công tác xây dựng pháp luật còn hạn chế; và công tác rà soát, hệ thống hóa, theo dõi, tổng kết thi hành pháp luật còn mang tính hình thức, chưa đi vào thực chất.

Từ việc phân tích quá trình hình thành và phát triển, đồng thời đánh giá thực trạng pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay, có thể khẳng định rằng việc xác định rõ nguyên nhân của những kết quả tích cực cũng như các hạn chế, bất cập là cơ sở khoa học quan trọng. Đây sẽ là tiền đề để đề xuất các quan điểm định hướng và giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế trong thời gian tới.

Chương 4
DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHỦNG BỐ VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHỦNG BỐ

4.1.1. Căn cứ dự báo tình hình khủng bố

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường: các nước lớn không ngừng cạnh tranh quyền lực, tranh giành sự ảnh hưởng của mình đến các khu vực trên thế giới; xung đột về dân tộc, tôn giáo tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới; an ninh phi truyền thống ở một số quốc gia, khu vực bị đe doạ (dịch bệnh, đói nghèo, ô nhiễm môi trường…); chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa dân tộc cực hữu ngày càng nguy hiểm; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Trong bối cảnh ấy, để dự báo tình hình khủng bố trong thời gian tới có thể dựa trên một số căn cứ sau đây:

Thứ nhất, đánh giá hoạt động của các tổ chức khủng bố.

Để dự báo xu hướng khủng bố, việc theo dõi và phân tích hoạt động của các tổ chức khủng bố trên khắp thế giới là một yêu cầu quan trọng. Điều này bao gồm việc theo dõi sự thay đổi trong chiến lược, mục tiêu và khả năng hoạt động của các tổ chứcnày. Đồng thời, phân tích chiến lược và mục tiêu của các nhóm khủng bố, bao gồm cả mục tiêu cụ thể ngắn hạn và dài hạn. Các tổ chức khủng bố có thể chuyển đổi hoặc mở rộng mục tiêu của mình dựa trên các yếu tố như sự thất bại hoặc thành công trong các hành động trước đó, hoặc sự thay đổi trong hoàn cảnh chính trị hoặc xã hội. Các nhóm có thể tìm cách mở rộng phạm vi hoạt động của họ hoặc thay đổi các khu vực mục tiêu dựa trên mục đích chiến lược và sự biến động trong bối cảnh vùng lãnh thổ. Bên cạnh đó, việc đánh giá năng lực và nguồn lực của các nhóm khủng bố, bao gồm cả tài chính, vũ trang, nhân sự và hỗ trợ từ bên ngoài cũng hết sức cần thiết. Sự thay đổi trong các nguồn lực này có thể ảnh hưởng đến khả năng của nhóm trong việc thực hiện các hành động khủng bố và duy trì sự tồn tại của chúng.

Thứ hai, tình hình chính trị và xã hội của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những quốc gia thuộc khu vực điểm nóng về khủng bố

Các yếu tố chính trị và xã hội như xung đột nội bộ, bất ổn chính trị, sự phân biệt đối xử, và sự bất mãn xã hội có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của khủng bố. Ở một khía cạnh khác, sự căng thẳng và xung đột chính trị trong một khu vực có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của khủng bố. Điển hình như xung đột vũ trang ở một số

khu vực như Nga – Ucraina, Israel – Hamas, Lybia… sẽ là cơ hội cho sự phát triển của chủ nghĩa khủng bố, nguy cơ khủng bố tăng lên tại các khu vực này. Sự mất ổn định chính trị thường là một yếu tố thúc đẩy các cá nhân hoặc tổ chức tìm đến các biện pháp cực đoan để đạt được mục tiêu chính trị của họ. Trong bối cảnh xã hội mà phân biệt đối xử và bất bình đẳng xã hội tăng cao thì có thể tạo ra sự bất mãn trong cộng đồng, tạo điều kiện cho sự tuyển mộ lực lượng của các tổ chức khủng bố.

Sự xung đột giữa các tôn giáo, dân tộc hoặc các nhóm dân tộc cũng có thể là nguồn gốc cho các vụ tấn công khủng bố. Các tổ chức khủng bố thường tìm cách tận dụng và làm gia tăng những sự chia rẽ này để tăng cường ảnh hưởng và tuyển mộ nhân sự cho tổ chức của chúng.

Thứ ba, phản ứng của các quốc gia và cộng đồng quốc tế đối với khủng bố

Phản ứng của chính phủ và cộng đồng quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu nguy cơ và ảnh hưởng của khủng bố trên thế giới. Sự hợp tác và phối hợp giữa các quốc gia có thể tạo ra một môi trường an toàn hơn và giảm thiểu sự đe dọa từ các tổ chức khủng bố. Sự tăng cường an ninh của các quốc gia, tổ chức quốc tế có thể gây khó khăn cho các tổ chức khủng bố tiến hành hoạt động, trong khi các biện pháp mờ nhạt và không đủ sức răn đe có thể tạo ra cơ hội cho khủng bố phát triển. Hợp tác giữa các quốc gia trong việc chia sẻ thông tin, tình báo và hành động chung chống lại khủng bố có thể làm giảm sự lan rộng của các tổ chức khủng bố. Các biện pháp hợp tác này có thể bao gồm cả việc thiết lập các quan hệ đối tác an ninh và chiến lược phòng ngừa chung. Đồng thời, các chính sách đối ngoại của một quốc gia cũng có thể ảnh hưởng đến mức độ đe dọa từ khủng bố. Các biện pháp ngoại giao có thể giúp cô lập các tổ chức khủng bố, cắt nguồn tài trợ và hỗ trợ từ các quốc gia hoặc tổ chức khác.

Thứ tư, tình hình kinh tế của các quốc gia trên thế giới

Tình hình kinh tế bất ổn của các quốc gia, khu vực trên thế giới có thể tạo ra một môi trường có nguy cơ khủng bố cao. Đồng thời, nó cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng các quốc gia và cộng đồng quốc tế trong việc đối phó và ngăn chặn các hoạt động khủng bố. Khi tình hình kinh tế xấu đi và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao sẽ tạo ra tâm lý bất ổn trong cộng đồng, sự bất mãn của một số cá nhân sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm khủng bố tuyển mộ thành viên. Các đối tượng khủng bố có thể hứa hẹn các lợi ích kinh tế cho những người tham gia vào hoạt động của chúng, từ đó tăng cường tiềm lực của tổ chức khủng bố. Các cá nhân có thể cảm thấy bị lạc hậu và không hòa nhập được vào xã hội, dẫn đến sự hấp dẫn của các ý tưởng cực đoan. Các vụ tấn công khủng bố có thể nhắm vào các mục tiêu kinh tế như cơ sở hạ tầng (như cảng biển, đường sắt, nhà máy điện), nguồn

cung ứng năng lượng hoặc các khu vực thương mại quan trọng. Sự tàn phá của các vụ tấn công này có thể gây ra nguy cơ cho sự ổn định kinh tế và tạo ra sự lo lắng trong cộng đồng xã hội của một quốc gia hay thậm chí là cả khu vực.

Thứ năm, sự phát triển của khoa học công nghệ

Sự phát triển của khoa học, công nghệ vừa là thời cơ vừa là thách thức trong công cuộc đấu tranh phòng, chống khủng bố của mỗi quốc gia và cả cộng đồng quốc tế. Những thành tựu, sáng kiến mới về khoa học, công nghệ sẽ được các quốc gia trên thế giới ứng dụng, phát triển trong việc hỗ trợ phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn nguy cơ khủng bố, gây nguy hại đến an ninh quốc gia và sự ổn định khu vực. Tuy nhiên, công nghệ và khoa học kỹ thuật cũng sẽ là công cụ để các tổ chức, phần tử khủng bố sử dụng để tiến hành các hoạt động nguy hiểm như tuyên truyền, kích động khủng bố; tuyển chọn lực lượng; tài trợ khủng bố; liên lạc qua các phương thức hiện đại; thực hiện các hành động khủng bố… Chính vì vậy, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ cũng sẽ là yếu tố quan trọng tác động đến xu hướng hoạt động, cách thức thực hiện hành vi khủng bố trong thời gian tới.

4.1.2. Dự báo tình hình khủng bố trên thế giới trong thời gian tới

Tất cả các yếu tố nêu trên đều ít nhiều có ảnh hưởng đến tình hình khủng bố trong thời gian tới và định hình xu hướng hoạt động của các tổ chức khủng bố, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các tổ chức, mạng lưới khủng bố Hồi giáo cực đoan dần thích ứng với tình hình mới và thay đổi cách thức hoạt động. Kể từ khi chiến dịch chống khủng bố toàn cầu được Mỹ phát động sau ngày 11/9/2001, các tổ chức khủng bố Hồi giáo cực đoan trên thế giới như al-Qaeda, IS và các chi nhánh của chúng đã dần bị tiêu diệt, suy yếu và không còn chiếm đóng tại lãnh thổ của những địa bàn truyền thống như Afghanistan, Syria, Iraq nữa. Đặc biệt, năm 2022 chứng kiến sự suy giảm đáng kể số vụ tấn công khủng bố tại khu vực Trung Đông – Bắc Phi (MENA). Theo đó, khu vực này chỉ ghi nhận 791 trường hợp tử vong vào năm 2022, giảm 32% và là con số thấp nhất trong khu vực kể từ năm 2013. Các vụ tấn công đã giảm gần một nửa so với năm 2021, từ 1331 vụ xuống còn 695 vụ vào năm 2022. Số ca tử vong do khủng bố gây ra của khu vực này đã giảm từ 57% vào năm 2016 xuống chỉ còn 12% vào năm 2022. Các vụ đánh bom liều chết ở MENA cũng đã giảm đáng kể, so với năm năm 2016, các vụ đánh bom liều chết khiến 1947 người thiệt mạng thì năm 2022, khu vực MENA chỉ ghi nhận 06 vụ đánh bom liều chết khiến 08 người thiệt mạng [194]. Mặc dù số liệu thống kê cho thấy các vụ khủng bố đã giảm đáng kể nhưng không vì thế mà nguy cơ khủng bố mất đi tại khu vực Trung Đông – Bắc Phi, địa bàn truyền thống của các tổ chức khủng bố IS, al-Qaeda. Các mạng lưới, chi nhánh

của chúng vẫn tồn tại và hình thành các nhóm nhỏ để thực hiện các hoạt động khủng bố. Để thích ứng với điều kiện bị thu hẹp về địa bàn, các tổ chức khủng bố sẽ có sự điều chỉnh về chiến lược, chiến thuật, cách thức thực hiện khủng bố. Điển hình như các phần tử khủng bố của Al-Qaeda và IS đã chuyển sang hoạt động ngầm và liên kết với các nhóm như Boko Haram ở Tây Phi và Jamas Nusrat ul-Islam wa al-Muslimin (JNIM) ở Sahel – hiện là khu vực hoạt động mạnh nhất và địa bàn rộng lớn nhất của các phần tử khủng bố mượn danh thánh chiến. Bên cạnh đó, thay vì phải bỏ ra một số tiền lớn để thực hiện các vụ khủng bố thì thời gian tới, các tổ chức khủng bố sẽ tăng cường sử dụng chiến thuật "những con sói đơn độc" để tiến hành các vụ khủng bố ngay tại quốc gia nơi các phần tử sinh sống.

Thứ hai, khủng bố do các tổ chức Hồi giáo cực đoan có xu hướng gia tăng mạnh ở các khu vực khác nhau ở châu Á, khu vực Sahel ở châu Phi, những điểm nóng của xung đột tôn giáo, dân tộc và có nền chính trị bất ổn. Theo Báo cáo "Chỉ số khủng bố toàn cầu năm 2023" của Viện Kinh tế và hoà bình (Institute for Economics and Peace – IEP) thì khu vực Sahel ở châu Phi cận Sahara hiện là tâm điểm của chủ nghĩa khủng bố, trong đó Sahel chiếm số người chết vì khủng bố vào năm 2022 nhiều hơn cả Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi (MENA) cộng lại. Số ca tử vong ở Sahel chiếm 43% tổng số ca tử vong toàn cầu vào năm 2022, so với chỉ 1% vào năm 2007. Đặc biệt, hai quốc gia Burkina Faso và Mali chiếm tới 73% số ca tử vong do khủng bố ở Sahel vào năm 2022 và 52% tổng số ca tử vong do khủng bố ở châu Phi cận Sahara. Cả hai quốc gia đều ghi nhận số vụ khủng bố gia tăng đáng kể, với số người chết ở Burkina Faso tăng 50% lên 1135 người và ở Mali tăng 56% với 944 người chết. Các cuộc tấn công ở những quốc gia này cũng trở nên nguy hiểm hơn, với số người thiệt mạng trong mỗi vụ tấn công tăng lên 48% từ năm 2021. Hầu hết các cuộc tấn công ở những quốc gia này đều do các chiến binh thánh chiến không rõ danh tính thực hiện mặc dù cả IS và JNIM đều hoạt động ở những quốc gia này. Sở dĩ khu vực Sahel trở thành tâm điểm của chủ nghĩa toàn cầu trong những năm vừa qua bởi các nước đồng minh trong khối NATO (bao gồm Pháp và Mỹ) đã rút quan khỏi Mali, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang cực đoan hoạt động; cùng với đó, khu vực Sahel gồm các quốc gia kém phát triển, có nền chính trị bất ổn, chính quyền yếu kém, xã hội thường xuyên đối mặt với đói nghèo, dịch bệnh.

Thứ ba, chủ nghĩa khủng bố cực hữu tiếp tục gia tăng và trở thành mối đe doạ an ninh đối với nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước phương Tây. Kể từ năm 2011, sau khi vụ khủng bố do Anders Behring Breivik tiến hành làm 77 người chết ở Nauy, các cuộc tấn công của các nhóm khủng bố cực hữu tại khu vực Bắc Mỹ, Tây Âu và châu Đại Dương

đã gia tăng đáng kể. Riêng trong năm 2019, những kẻ khủng bố cực hữu đã tấn công làm chết 89 người, trong đó có 51 người thiệt mạng trong các cuộc tấn công vào các nhà thờ Hồi giáo ở thành phố Christchurch, Niu Dilân [193]. Các phần tử khủng bố cực hữu thường thực hiện các vụ tấn công theo cá nhân đơn lẻ mà không có sự liên kết nào với các nhóm, tổ chức khủng bố cụ thể. Đa phần các phần tử này có tư tưởng bài trừ Hồi giáo, có xu hướng chống lại người thiểu số, người nhập cư hoặc người da màu. Yếu tố "bài trừ Hồi giáo" vô hình chung sẽ làm gia tăng căng thẳng giữa chủ nghĩa cực hữu phương Tây và phong trào Hồi giáo cực đoan.

Thứ tư, các tổ chức, phần tử khủng bố không ngừng ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ để hỗ trợ các vụ tấn công khủng bố. Các thành tựu khoa học công nghệ của nhân loại hiện nay như Internet, công nghệ in 3D, trí tuệ nhân tạo AI, các loại vũ khí hoá học, sinh học, phóng xạ… đã và đang được các tổ chức khủng bố triệt để khai thác phục vụ cho mục đích khủng bố. Internet và mạng xã hội hoàn toàn có thể trở thành công cụ để các phần tử khủng bố lợi dụng nhằm tuyển mộ lực lượng, truyền bá tư tưởng cực đoan hay phát đi thông điệp "thánh chiến" để các phần tử khủng bố thực hiện hành vi phá hoại của mình. Bên cạnh đó, các công nghệ mới như in 3D, trí tuệ nhân tạo AI, các chất độc, phóng xạ kiểu mới cũng được các đối tượng khủng bố sử dụng. Điển hình như IS đã dùng công nghệ máy bay không người lái để tiến hành các cuộc tấn công và chúng cũng đã thành lập ra đơn vị "Máy bay không người lái Mujahideen" nhằm phục vụ các cuộc tấn công khủng bố. Ngoài ra, các phần tử khủng bố cũng sử dụng các phương tiện tự động hoá với công nghệ AI để mang chất nổ đến các mục tiêu tấn công mà không cần trực tiếp có mặt để thực hiện khủng bố. Trí tuệ nhân tạo vừa giúp kẻ khủng bố tiết kiệm chi phí, an toàn tính mạng mà vẫn có thể tiến hành cuộc tấn công khủng bố hiệu quả, độc lập.

Thứ năm, các tổ chức khủng bố và tài trợ khủng bố gia tăng các hoạt động rửa tiền, kiếm tiền bất hợp pháp với nhiều hình thức mới, tinh vi hơn. Chúng lợi dụng hệ thống tiền ảo, bitcoin… tại những quốc gia chưa có cơ chế kiểm soát hiệu quả để tiến hành rửa tiền bất hợp pháp; thông qua các tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ để giả danh cứu trợ nhân đạo yêu cầu quyên góp tiền, tài sản; từ đó sử dụng làm nguồn kinh phí tài trợ cho các hoạt động khủng bố.

4.1.3. Dự báo tình hình khủng bố ở Việt Nam trong thời gian tới

Trước tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các tổ chức khủng bố trên thế giới có sự thay đổi về quy mô, địa bàn và cách thức hoạt động, có thể đánh giá và dự báo nguy cơ xảy ra khủng bố ở Việt Nam dưới những khía cạnh sau:

Thứ nhất, Việt Nam có thể trở thành địa bàn ẩn náu, điểm trung chuyển của các phần tử khủng bố quốc tế trong thời gian tới. Với chiến dịch càn quét khủng bố của Mỹ phát động trong nhiều năm vừa qua đã khiến cho các tổ chức khủng bố bị tiêu diệt và buộc phải dịch chuyển địa bàn. Các phần tử khủng bố có thể lưu vong và di chuyển sang các vùng "an toàn" để ẩn náu, phát triển lực lượng và đợi thời cơ tiến hành khủng bố. Việt Nam với chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, du lịch… sẽ là điều kiện thuận lợi để các đối tượng khủng bố lợi dụng xâm nhập và hoạt động. Với khoảng 1.600 "chiến binh thánh chiến nước ngoài" ở một số nước Đông Nam Á (Inđônêxia, Malaixia, Philíppin...) từng gia nhập IS hoặc tham gia vùng chiến sự ở Irắc, Xyri, các nhóm khủng bố khu vực (Abu Sayyaf, Maute, JAD), các nhóm người Duy Ngô Nhĩ theo đạo Hồi có tư tưởng cực đoan ở Tân Cương, Trung Quốc có thể lợi dụng xâm nhập địa bàn Việt Nam ẩn náu, hoạt động hoặc quá cảnh Việt Nam đi nước thứ ba [173].

Thứ hai, các tổ chức phản động trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài sẽ tìm cách chống phá, tiến hành khủng bố bằng nhiều hình thức khác nhau. Các tổ chức phản động như "Việt Tân", "Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời", "Triều đại Việt"…sẽ bằng mọi cách đưa người về Việt Nam để thực hiện các hoạt động khủng bố, gây hoảng loạn trong công chúng, ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước hay thậm chí nhằm lật đổ, chống chính quyền nhân dân. Đặc biệt, chúng sẽ lợi dụng các địa bàn kề cận như Campuchia, Thái Lan… để tập hợp lực lượng, vận chuyển vũ khí, phương tiện và lên kế hoạch tấn công khủng bố tại các khu vực trọng yếu như các tỉnh ở khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, các tỉnh biên giới, các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thứ ba, nguy cơ khủng bố của Việt Nam có thể đến từ những người lao động Việt Nam đi làm việc, làm ăn, sinh sống tại nước ngoài. Hiện nay, số người Việt ra nước ngoài làm ăn, sinh sống, đặc biệt tại những khu vực có nhiều tổ chức khủng bố lớn như Trung Đông, Bắc Phi, Nam Á, Đông Nam Á lên đến hàng chục nghìn người. Những người này hoàn toàn có thể trở thành đối tượng để các tổ chức khủng bố lôi kéo, tuyển mộ, móc nối và không loại trừ khả năng các đối tượng này được giao nhiệm vụ trở về Việt Nam thực hiện các vụ khủng bố trong nước.

Thứ tư, các tổ chức khủng bố sẽ lợi dụng triệt để sự phát triển của khoa học công nghệ để tiến hành khủng bố và tài trợ khủng bố. Chúng sẽ sử dụng Internet và các trang mạng xã hội để liên lạc, tập hợp lực lượng, lên kế hoạch tấn công khủng bố. Các phương tiện hiện đại như robot, máy bay không người lái và các loại vũ khí hoá học, sinh học, phóng xạ sẽ được sử dụng để tiến hành khủng bố thay vì các phương thức truyền thống như dùng dao, súng, boom xăng… Bên cạnh đó, phương thức, thủ đoạn tài trợ khủng bố

sẽ ngày càng tinh vi và phức tạp, dưới nhiều hình thức khác nhau. Các tổ chức tài trợ khủng bố hoàn toàn có thể lợi dụng "kẽ hở" của pháp luật hình sự Việt Nam để núp bóng các tổ chức từ thiện là pháp nhân phi thương mại để hoạt động tài trợ khủng bố. Bên cạnh đó, chúng có thể sử dụng các thủ đoạn tinh vi như rửa tiền thông qua các công cụ tài chính mới, chưa có hành lang pháp lý điều chỉnh (tiền ảo, công cụ tài chính Bank Draft…) hoặc sử dụng các hợp đồng mua bán quốc tế bất hợp pháp để chuyển tiền về Việt Nam tài trợ cho mục đích khủng bố.

4.2. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố phải thể chế hoá quan điểm, chủ trương của Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới

Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố là một bộ phận cấu thành quan trọng trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội – một trong những lĩnh vực then chốt trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, yêu cầu đặt ra là quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đấu tranh phòng, chống khủng bố cần được tiến hành trên cơ sở quán triệt, cụ thể hóa đầy đủ và kịp thời các quan điểm, định hướng của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong giai đoạn hiện nay.

Nhìn lại quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trước thời điểm Đại hội XIII, Đảng đã ghi nhận một số thành tựu đáng kể, trong đó có việc hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện, vai trò của pháp luật ngày càng được đề cao trong hoạt động quản lý nhà nước và đời sống xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng cũng chỉ rõ rằng việc xây dựng Nhà nước pháp quyền vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đất nước trong tình hình mới. Một trong những tồn tại đáng lưu ý là "hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn" [77].

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Đại hội XIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong 12 định hướng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021–2030. Đảng nhấn mạnh yêu cầu "xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước" [77].

Cụ thể hóa chủ trương này, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết đề ra mục tiêu tổng quát đó là: "Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trên cơ sở hệ thống pháp luật được tổ chức và thực thi nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, đồng thời tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân tiến tới hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân" [3].

Để đạt được mục tiêu đó, Nghị quyết yêu cầu hệ thống pháp luật phải được xây dựng theo các nguyên tắc: dân chủ, công bằng, nhân đạo; đảm bảo tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định và dễ tiếp cận; đồng thời mở đường cho đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững [3]. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng chuyên nghiệp, khoa học và hiệu quả; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp lý; hiện đại hóa phương thức, phương tiện xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật. Một trong những nội dung trọng tâm được xác định là hoàn thiện pháp luật trong các lĩnh vực then chốt như an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện khung pháp luật bảo đảm hiệu quả công tác phòng, chống khủng bố cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Hiến pháp và nguyên tắc thượng tôn pháp luật;

- Đáp ứng các tiêu chí về nội dung: dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, kịp thời, minh bạch, ổn định và dễ tiếp cận;

- Quy trình xây dựng pháp luật phải mang tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời và hiệu quả;

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác xây dựng và thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố; hiện đại hóa các phương thức và công cụ hỗ trợ cho quá trình này;

- Chủ động hội nhập quốc tế, tích cực tham gia các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố; đồng thời xử lý hiệu quả các xung đột giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tương thích của hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Bên cạnh đó, việc xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật cũng cần quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày

30/4/2025. Văn kiện đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong hoàn thiện thể chế pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật để phù hợp với yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, nội dung Nghị quyết đề cập tới 05 quan điểm, 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cụ thể như sau:

Về quan điểm chỉ đạo:

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật. Tăng cường kiểm soát quyền lực; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; phòng ngừa, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, hướng lái chính sách. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự tham gia rộng rãi, thực chất của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng và thi hành pháp luật.

- Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là "đột phá của đột phá" trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, "đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam", tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "hai con số", nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước.

- Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

- Đầu tư cho công tác xây dựng chính sách, pháp luật là đầu tư cho phát triển. Nhà nước bảo đảm và ưu tiên nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, đẩy mạnh chuyển đổi số và có chế độ, chính sách đặc thù, vượt trội cho công tác nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật và đội ngũ cán bộ thực hiện các nhiệm vụ này.

Về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật;

- Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển;

- Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật;

- Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế;

- Xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật;

- Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác làm luật và thực hiện pháp luật;

- Thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố phải thể chế hoá quan điểm, chủ trương của Đảng về đảm bảo an ninh quốc gia và phòng, chống khủng bố trong tình hình mới

Hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định an ninh quốc gia trong cách tiếp cận toàn diện, kết hợp hài hòa giữa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống – hai yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ, đan xen, bổ trợ lẫn nhau trong cấu trúc tổng thể của nền an ninh quốc gia. Trong đó, khủng bố được nhìn nhận là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng thuộc nhóm nguy cơ an ninh phi truyền thống, có ảnh hưởng trực tiếp, sâu rộng đến sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và toàn vẹn chủ quyền quốc gia. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố cần phải gắn liền với việc quán triệt và cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh mới.

Trước hết, bảo vệ an ninh quốc gia luôn được xem là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước. Quan điểm này được xuyên suốt khẳng định trong các văn kiện Đại hội Đảng qua nhiều thời kỳ và đặc biệt nhấn mạnh tại Đại hội XIII đó là: "Xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên; tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm" [77].

Trong tổng thể nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh phi truyền thống trong đó có phòng, chống khủng bố đã và đang được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Đảng đã nhận định rõ các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao còn tiếp tục gia tăng; đặc biệt là những căng thẳng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, ly khai, chiến tranh cục bộ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ chính phủ và khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt [74, tr.182–183]. Những nguy cơ này ngày càng đa dạng và phức tạp hơn, đặt ra những thách thức lớn chưa từng có đối với sự phát triển bền vững của đất nước – điều đã

được nhấn mạnh trong các văn kiện từ sau Đại hội XI, nổi bật là Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới [95, tr.54]. Tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục chỉ rõ: "Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ… đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững" [77].

Quan điểm và tư duy chiến lược về bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới đã được thể chế hóa, cụ thể hóa trong nhiều văn bản quan trọng của Đảng, tiêu biểu như: Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; và Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA ngày 29/3/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương về tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự đến năm 2026, định hướng đến năm 2030.

Những định hướng và chủ trương này là cơ sở nền tảng để định hình mục tiêu, yêu cầu và phương pháp tiếp cận trong quá trình củng cố, hoàn thiện các quy định pháp luật về công tác phòng, chống khủng bố, bảo đảm phù hợp với bối cảnh phát triển của đất nước cũng như yêu cầu ngày càng cao trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

Thứ hai, nhận thức, tư duy và quan điểm về phạm vi bảo vệ an ninh quốc gia của Đảng đã có sự thay đổi và phát triển qua từng thời kỳ. Trước đây, bảo vệ an ninh quốc gia chỉ tập trung chủ yếu trong phạm vi lãnh thổ quốc gia; tuy nhiên, hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và Internet trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mở ra một không gian chiến lược mới, đó chính là "không gian mạng". Bên cạnh đó, với nhận thức mới về an ninh quốc gia bao hàm yếu tố "an ninh con người" đã mở rộng phạm vi bảo vệ an ninh quốc gia không những trong lãnh thổ hành chính quốc gia mà còn cả ở những nơi có người Việt Nam, cộng đồng Việt Nam sinh sống. Do đó, cùng với sự phát triển về tư duy, nhận thức về phạm vi bảo vệ an ninh quốc gia, quá trình bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố cần quán triệt, thể chế hoá các quy định pháp luật để phù hợp với những nhận thức mới, không chỉ giới hạn trong phạm vi biên giới hành chính quốc gia, mà đã được mở rộng ra ngoài lãnh thổ đất nước và đặc biệt là cả trong "không gian mạng".

Thứ ba, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó, Đảng có vai trò lãnh đạo đối với sự nghiệp này. Nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng

đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia ngày càng được củng cố một cách sâu sắc và toàn diện. Qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, nguyên tắc này luôn được quán triệt và thể hiện một cách nhất quán, xuyên suốt. Ngay tại Đại hội V của Đảng đã nêu rõ: "Đảng lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất các lực lượng vũ trang cả về chính trị, tư tưởng và về tổ chức" [73, tr.36]. Quan điểm này đã được phát triển toàn diện hơn tại Đại hội IX của Đảng: "Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh" [73] và tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng định rằng: "Cần phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân" [77, tr.160-161]. Như vậy, có thể khẳng định rằng Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh là vấn đề mang tính nguyên tắc, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Bên cạnh Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia thì các thành tố khác của hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đều phải có trách nhiệm đồng lòng, đồng sức trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Trong suốt chiều dài lịch sử cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn nhận thức rõ và đề cao vai trò quyết định của Nhân dân, coi đây là nhân tố cốt lõi cần được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc gia [95, tr.68]. Phương châm "lấy dân làm gốc" đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Nhiệm vụ của Công an là: Bảo vệ nhân dân, giữ gìn trật tự trị an, tẩy trừ kẻ gian tế. Muốn làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang ấy, Công an cần phải đoàn kết nhân dân, tổ chức và giáo dục nhân dân, dựa vào lực lượng rộng lớn của nhân dân. Như vậy, nhân dân sẽ ra sức giúp Công an làm tròn nhiệm vụ" [97, tr.83-84]. Với ý nghĩa lớn lao đó, bài học đầu tiên trong bốn bài học được Đại hội VI của Đảng rút ra đó chính là phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc". Đến Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng ta đã đưa ra khái niệm "thế trận an ninh nhân dân" và Đại hội VIII là "nền an ninh nhân dân". Theo đó: "Nền an ninh nhân dân được hiểu là sức mạnh tổng hợp về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt. Thế trận an

ninh nhân dân là việc tổ chức, bố trí lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và các nguồn lực cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia" [95, tr.70-71].

Quan điểm "lấy dân làm gốc" tiếp tục được Đại hội XII của Đảng khẳng định với khái niệm "thế trận lòng dân", trong đó nêu rõ: "Xây dựng "thế trận lòng dân", tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân" [75, tr.149]. Đến nay, Đại hội XIII của Đảng nhiều lần nhấn mạnh "thế trận lòng dân" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng khẳng định: "nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu" [77, tr.28].

Thứ năm, xây dựng lực lượng Công an nhân dân – lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ngày càng phát triển về mọi mặt. Theo đó, Đảng chủ trương xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Tổ chức bộ máy của Bộ Công an đã từng bước được cơ cấu, sắp xếp lại theo tinh thần của Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an. Trên cơ sở đó, tổ chức bộ máy của Bộ Công an đã bỏ cấp Tổng cục và đơn vị tương đương; đồng thời triển khai mạnh mẽ việc đưa công an chính quy về cấp xã, tăng cường cấp cơ sở; qua đó, nâng cao sức chiến đấu và bảo vệ an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội tại địa phương một cách hiệu quả. Đến nay, Đảng uỷ Công an trung ương tiếp tục thực hiện chủ trương trên và đã được Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đồng ý tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy Công an địa phương, kết thúc hoạt động Công an cấp huyện và tiếp nhận một số nhiệm vụ từ các bộ, ngành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Công an với tổ chức bộ máy Công an nhân dân được sắp xếp từ 4 cấp thành 3 cấp; không tổ chức Công an cấp huyện; hướng tới mục tiêu "tỉnh toàn diện; xã vững mạnh, bám cơ sở".

Thứ sáu, huy động và kết hợp hiệu quả các nguồn lực trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Ngay từ Đại hội VI (năm 1986), Đảng đã nhấn mạnh bài học quan trọng: "Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới" [73]. Tư tưởng này không ngừng được kế thừa và phát triển toàn diện trong công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay. Tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng

định: "Sự nghiệm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cần phải phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế" [77, tr.155–156]. Theo đó, các nguồn lực phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm nội lực và ngoại lực, cần được khai thác và phối hợp chặt chẽ, tạo nên sức mạnh tổng hợp vững chắc.

Nguồn nội lực chủ yếu là các nguồn lực trong nước, trong đó nhấn mạnh sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng – an ninh. Đại hội XIII chỉ rõ: "Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; tại từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể" [77, tr.157].

Nguồn ngoại lực bao gồm việc tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Tại Đại hội XII, Đảng xác định: "Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh" [77, tr.149], và tư tưởng này tiếp tục được kế thừa tại Đại hội XIII với chủ trương: "Chủ động, tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh" [77, tr.160]. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về an ninh trong bối cảnh mới, bao gồm ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế song phương và đa phương về phòng, chống khủng bố.

Bên cạnh đó, Đại hội XIII cũng nhấn mạnh việc đa dạng hóa nguồn lực, đặc biệt là huy động từ địa phương và xã hội để xây dựng tiềm lực quốc phòng – an ninh vững mạnh. Mục tiêu là hình thành các khu vực phòng thủ có sức mạnh tổng hợp, đủ năng lực xử lý độc lập các tình huống phức tạp về an ninh. Quá trình này đòi hỏi sự phân bổ và sử dụng nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc điểm, lợi thế từng vùng, từng địa phương, bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ và hiệu quả thực tiễn cao.

Tóm lại, từ những quan điểm nêu trên, có thể khái quát những điểm cần chú ý trong quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố như sau:

Một là, các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được xây dựng và hoàn thiện với mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia trên phạm vi toàn diện, không chỉ trong không gian lãnh thổ truyền thống mà còn mở rộng ra "không gian mạng" và những khu vực có người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh này

là yêu cầu cấp thiết nhằm thích ứng với bối cảnh an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp.

Hai là, hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố phải quán triệt đầy đủ nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Các chủ trương, quan điểm của Đảng cần được cụ thể hóa và thể chế hóa trong các văn bản pháp luật, tạo cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng, chống khủng bố. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế huy động sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị – từ Đảng, Nhà nước đến các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hội, đoàn thể – trong công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi khủng bố.

Ba là, cần phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân trong quá trình hoàn thiện và thực thi pháp luật về phòng, chống khủng bố. Nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được thể hiện rõ qua việc lấy ý kiến rộng rãi nhân dân đối với các dự thảo văn bản pháp luật, đồng thời xây dựng các quy định pháp lý nhằm khơi dậy, phát huy sức mạnh của quần chúng trong giám sát, đấu tranh và tố giác các hành vi liên quan đến khủng bố.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống tổ chức, bố trí lực lượng chuyên trách phòng, chống khủng bố theo đúng tinh thần, định hướng của Đảng, đảm bảo thống nhất và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành. Đặc biệt, cần làm rõ vai trò chủ công, nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân trong tổ chức và triển khai các biện pháp phòng, chống khủng bố.

Năm là, quá trình xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống khủng bố cần phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Các quy định pháp luật phải gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế hiệu quả để huy động nguồn lực bên ngoài, đồng thời phát triển các quy định nhằm huy động tối ưu nguồn lực tại chỗ từ địa phương, phát huy thế mạnh riêng của từng vùng, miền trong hoạt động phòng, chống khủng bố.

4.2.3. Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố cần bảo đảm tính hợp hiến, đồng bộ, thống nhất, toàn diện và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn

Tính hợp hiến là yêu cầu tiên quyết trong quá trình hoàn thiện khung pháp luật về phòng, chống khủng bố. Theo đó, cần rà soát, loại bỏ các văn bản, quy định mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với Hiến pháp, đặc biệt là những văn bản được ban hành trước thời điểm Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực. Những nội dung chưa tương thích cần được sửa đổi,

bổ sung nhằm bảo đảm sự thống nhất với tinh thần và quy định mới của Hiến pháp, nhất là trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia.

Đồng thời, việc xây dựng và ban hành pháp luật về phòng, chống khủng bố phải bảo đảm tính toàn diện, đầy đủ, không để xảy ra tình trạng "khoảng trống pháp lý" hoặc thiếu quy định điều chỉnh những quan hệ pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ cấp luật đến dưới luật cần được rà soát, hệ thống hóa thường xuyên để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, mâu thuẫn, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực thi có hiệu quả trên thực tế.

Ngoài ra, pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được thiết kế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện hành, bảo đảm khả năng thực thi và tính khả thi cao. Các quy định trước khi ban hành cần được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về tác động xã hội, tính thực tiễn và năng lực thực hiện; tránh ban hành các quy định "trên giấy" mà không thể triển khai do thiếu nguồn lực hoặc không phù hợp với bối cảnh cụ thể. Hệ thống pháp luật khi ban hành cần bảo đảm dễ tiếp cận, dễ hiểu, dễ áp dụng cho người dân, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Quá trình hoàn thiện pháp luật cũng cần dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật và công tác phòng, chống khủng bố trong những năm qua. Việc sơ kết, tổng kết phải đi đôi với công tác dự báo tình hình, nhận diện nguy cơ khủng bố trong và ngoài nước nhằm rút ra những vấn đề cần quan tâm, từ đó làm cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, nhất là tội phạm khủng bố. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố cần đồng thời đáp ứng yêu cầu của cả đối nội và đối ngoại. Việt Nam cần chủ động tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp tiên tiến của quốc tế, phù hợp với điều kiện, đặc điểm và nhu cầu thực tiễn của đất nước.

4.2.4. Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố cần phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn đa phương nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, đồng thời củng cố và khẳng định hơn nữa vị thế của quốc gia. Một trong những lĩnh vực hợp tác quốc tế nổi bật là việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, bao gồm cả các điều ước liên quan đến phòng, chống khủng bố. Những chuẩn mực và cam kết quốc

tế mà Việt Nam là thành viên không chỉ góp phần thúc đẩy hợp tác mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố.

Đặc biệt, Luật Điều ước quốc tế năm 2016 quy định rõ rằng: "Ngoại trừ Hiến pháp thì khi có sự khác nhau giữa văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó". Vì vậy, quá trình hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này cần bảo đảm sự tương thích và tuân thủ đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Trên cơ sở đó, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tổ chức rà soát toàn diện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống khủng bố; so sánh, đối chiếu với các điều ước quốc tế, đặc biệt là các điều ước của Liên hợp quốc, để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp. Đồng thời, xây dựng lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập.

Thứ hai, cần nghiên cứu, nội luật hoá các quy định quốc tế về phòng, chống khủng bố mà Việt Nam là thành viên nhằm triển khai có hiệu quả trong thực tiễn. Tuy nhiên, quá trình nội luật hoá không nên sao chép một cách cứng nhắc, mà cần chọn lọc phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam. Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế nên được thực hiện thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài, tham vấn chuyên gia, tập huấn nghiệp vụ, và trao đổi thông tin chuyên sâu.

Thứ ba, các cơ quan chức năng cần tích cực nghiên cứu khả năng ký kết hoặc gia nhập thêm các điều ước quốc tế cần thiết về phòng, chống khủng bố mà Việt Nam chưa phải là thành viên. Đồng thời, đẩy mạnh tham gia các diễn đàn hợp tác khu vực và toàn cầu, hội thảo quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi mô hình tốt trong công tác phòng, chống khủng bố. Cùng với đó, tăng cường ký kết các điều ước và thoả thuận quốc tế song phương, đa phương về dẫn độ, tương trợ tư pháp, chuyển giao người bị kết án… góp phần hoàn thiện khung pháp lý quốc tế, bổ sung quy định pháp luật trong nước và nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống khủng bố.

4.2.5. Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố cần đảm bảo các quyền con người, quyền công dân

Quyền con người là những giá trị chung của văn minh nhân loại, được toàn thế giới công nhận và bảo vệ. Các hành vi khủng bố luôn có nguy cơ cao xâm hại đến quyền con người và quyền công dân. Các quyền cơ bản của con người, công dân của một quốc gia như

quyền được sống, quyền sở hữu, quyền cư trú… sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các hành vi phá hoại, tấn công khủng bố. Do đó, các quy định về phòng, chống khủng bố không những hướng tới mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia mà còn phải bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của mọi người dân. Khi xem xét vấn đề này cần bám sát quy định của Hiến pháp về vấn đề bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nguyên tắc giới hạn quyền. Theo đó, các biện pháp phòng, chống khủng bố thường bao gồm các hành động có thể xâm phạm đến một số quyền cơ bản của con người, chẳng hạn như quyền tự do đi lại, quyền riêng tư, quyền bảo vệ bí mật thư tín, quyền được xét xử công bằng hoặc quyền không bị giam giữ trái phép. Tuy nhiên, khi xây dựng các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố cần lưu ý phải đảm bảo việc giới hạn quyền con người hợp lý và phù hợp với nguyên tắc pháp chế. Điều này có nghĩa là các biện pháp giới hạn quyền con người phải phù hợp với pháp luật, các biện pháp này phải được quy định trong các văn bản pháp luật, đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch và có sự giám sát. Việc áp dụng nguyên tắc giới hạn không vượt quá mức cần thiết, chỉ nên áp dụng trong phạm vi cần thiết để đạt được mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Các biện pháp này phải có giới hạn về thời gian, không được sử dụng một cách tùy tiện và cần hướng tới bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân ngay cả trong tình huống khẩn cấp, các quyền cơ bản của con người vẫn cần được bảo vệ, đặc biệt là quyền được xét xử công bằng, quyền không bị giam giữ trái phép, quyền được thông báo về lý do bị bắt giữ, quyền không bị tra tấn, quyền được sống...

Nội dung này hoàn toàn phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng đã nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 như sau: “Tiếp tục thể chế hoá, cụ thể hoá kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hoá các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia – dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” [3].

Định hướng trên của Đảng hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thế giới về “phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người” (human rights-based approach – HRBA), đây là quan điểm có tính nguyên tắc được các cơ quan của Liên hợp quốc sử dụng trong xây dựng và thực hiện các chương trình phát triển. Tuy nhiên, hiện tại nó đang được mở rộng sang việc hoạch định và thực hiện chính sách công nói chung ở các quốc gia [83]. HRBA không những quan tâm tới các mục tiêu nhằm bảo vệ quyền con người

mà còn hướng tới quá trình thực hiện chính sách có liên quan đến quyền con người, làm cho chủ thể có quyền vừa được tham gia xây dựng chính sách cũng như được hưởng lợi từ chính sách; qua đó thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình đó. Trên tinh thần đó, trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố cần nghiên cứu bổ sung các quy định hướng tới mục tiêu nhằm tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ tối đa quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Các quy định cần đặc biệt chú trọng hướng tới mục tiêu bảo đảm các quyền căn bản, giá trị và thiêng liêng nhất của con người như quyền được sống, quyền được hưởng tự do và an toàn cá nhân, quyền sở hữu… Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò tham gia của người dân vào các khâu xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố, đặc biệt là việc lấy ý kiến người dân; công khai, minh bạch các quy định nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, giúp người dân và các cơ quan, tổ chức dễ dàng tổ chức, thực hiện pháp luật một cách hiệu quả.

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ Ở VIỆT NAM

4.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam

4.3.1.1. Sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống khủng bố

Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 hiện là văn bản pháp lý chuyên ngành và toàn diện nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố. Do đó, để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực này, việc nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 là yêu cầu cấp thiết, với một số nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, cần sửa đổi phần căn cứ ban hành của Luật, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp hiện hành thay vì vẫn căn cứ vào Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) như trong văn bản hiện tại. Về mặt kỹ thuật lập pháp, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), phần căn cứ pháp lý có thể được quy định một cách khái quát theo hướng: "Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" mà không cần nêu rõ năm ban hành, nhằm bảo đảm tính ổn định và lâu dài của văn bản luật.

Bên cạnh đó, nội dung của Luật Phòng, chống khủng bố cần được điều chỉnh, bổ sung để phản ánh đầy đủ tinh thần và nội dung mới của Hiến pháp hiện hành, đặc biệt là các quy định liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia. Đồng thời, luật cần thể chế hoá một cách đầy đủ và sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về bảo vệ an ninh

quốc gia trong bối cảnh tình hình mới, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng, chống khủng bố trên thực tiễn.

Thứ hai, về cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận tin báo về khủng bố, cần bổ sung Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Cơ quan báo chí. Theo đó, mọi cá nhân, tổ chức khi phát hiện nguy cơ khủng bố có thể báo tin cho cơ quan Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Cơ quan báo chí nơi gần nhất, các cơ quan này khi nhận được tin báo, tố giác phải có trách nhiệm thông báo cho như lực lượng chống khủng bố.

Thứ ba, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về phòng, chống tài trợ khủng bố theo hướng sau:

- Xây dựng, bổ sung Chương mới về "Phòng ngừa tài trợ khủng bố" nhằm đảm bảo tính toàn diện, bao quát của Luật Phòng, chống khủng bố. Đồng thời, việc quy định cụ thể hoạt động phòng ngừa tài trợ khủng bố trong một phần riêng biệt của Luật Phòng, chống khủng bố thể hiện tầm quan trọng của hoạt động này cũng như quán triệt được quan điểm quan trọng của Đảng, Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm đó chính là "tích cực phòng ngừa". Trong đó, nội dung chính của Chương này đề cập đến các vấn đề liên quan hoạt động phòng ngừa tài trợ khủng bố như: các biện pháp phòng ngừa tài trợ khủng bố (kiểm soát giao dịch tiền, tài sản; kiểm soát vận chuyển tiền mặt, kim khí quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới; xây dựng quy định nội bộ, lưu trữ thông tin và báo cáo về phòng, chống tài trợ khủng bố; đánh giá rủi ro về tài trợ khủng bố và quản lý hoạt động kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan…); xây dựng và tổ chức phương án phòng ngừa tài trợ khủng bố…

- Chuyển các nội dung về phòng ngừa tài trợ khủng bố hiện nay đang được quy định tại Chương III về "Phòng ngừa khủng bố" sang Chương mới về "Phòng ngừa tài trợ khủng bố". Theo đó, tại chương III hiện nay chỉ quy định những nội dung liên quan đến phòng ngừa khủng bố nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa phạm vi quy định tại tiêu đề và nội dung của Chương.

- Bổ sung quy định cụ thể về các biện pháp chống tài trợ khủng bố tại Chương V về "Chống tài trợ khủng bố". Căn cứ vào Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 có thể quy định các biện pháp chống tài trợ khủng bố bao gồm: "trì hoãn giao dịch; phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản; xử lý vi phạm". Bên cạnh đó, cần chuyển nội dung quy định tại Điều 34 về vấn đề nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và áp dụng biện pháp tạm thời và Điều 35 về việc kiểm soát vận chuyển tiền mặt,

kim khí quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng khác qua biên giới thuộc Chương V hiện nay sang Chương mới về "Phòng ngừa tài trợ khủng bố".

Thứ tư, Luật Phòng, chống khủng bố cần bổ sung quy định về phân loại khủng bố dựa trên những đặc điểm của các loại khủng bố khác nhau. Có thể phân loại khủng bố thành các loại sau: khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ; khủng bố vật liệu nổ; khủng bố mạng; khủng bố hàng không dân dụng; khủng bố hàng hải. Căn cứ vào từng loại khủng bố, các cơ quan chức năng sẽ quy định các biện pháp, phương án, cách thức tổ chức, bố trí lực lượng chuyên trách trong công tác đấu tranh phù hợp với từng loại khủng bố cụ thể. Ví dụ như đối với khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ, đây là loại khủng bố sử dụng công cụ là các chất hoá học, sinh học, phóng xạ để tiến hành tấn công, phá hoại; do đó, cần quản lý, kiểm soát tốt các chất hoá học, sinh học, phóng xạ. Để thực hiện tốt công tác này, cần có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan hữu quan, trong đó có Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế trong quản lý các chất hoá học, sinh học; giữa Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Khoa học và Công nghệ trong quản lý các chất phóng xạ, hạt nhân. Trong khi đó, đối với loại khủng bố mạng, cần có những biện pháp quản lý, phòng, chống hiệu quả hoạt động của các cá nhân, tổ chức khủng bố lợi dụng không gian mạng để tiến hành khủng bố. Vì vậy, cần tổ chức phương án, bố trí lực lượng và phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong kiểm soát không gian mạng, cụ thể là giữa Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thứ năm, cần tiến hành nghiên cứu, bổ sung và làm rõ khái niệm của một số thuật ngữ quan trọng được sử dụng trong Luật Phòng, chống khủng bố, bao gồm: "cá nhân khủng bố", "tổ chức khủng bố", "mục tiêu khủng bố", "phòng, chống khủng bố", "hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố", "khủng bố mạng" và chỉnh sửa, hoàn thiện khái niệm "tài trợ khủng bố". Việc bổ sung các thuật ngữ này nên được thể hiện cụ thể tại điều khoản về giải thích từ ngữ của Luật nhằm bảo đảm sự thống nhất, minh bạch và thuận lợi trong quá trình áp dụng pháp luật. Cụ thể:

- "Cá nhân khủng bố" là người thực hiện một trong các hành vi khủng bố được quy định trong Luật này hoặc trong các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- "Tổ chức khủng bố" là tổ chức mà trong đó có thành viên thực hiện hành vi khủng bố, hoặc tổ chức có mục tiêu, hành động liên quan đến khủng bố theo quy định của pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- "Mục tiêu khủng bố" là những đối tượng bị cá nhân hoặc tổ chức khủng bố nhắm đến nhằm thực hiện các hành vi tấn công, phá hoại hoặc gây thiệt hại. Các mục tiêu này

có thể bao gồm con người, công trình trọng điểm, cơ sở hạ tầng, hoặc hệ thống trong không gian mạng.

- "Phòng, chống khủng bố" là tổng thể các hoạt động nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh và giảm thiểu thiệt hại do khủng bố gây ra. Bao gồm các nội dung như phòng ngừa khủng bố, phòng ngừa tài trợ khủng bố, chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố.

- "Hợp tác quốc tế về phòng, chống khủng bố" là quá trình phối hợp, trao đổi thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, và thực hiện các biện pháp hợp tác khác giữa Việt Nam và các quốc gia, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố.

- "Khủng bố mạng" nên được tiếp thu theo định nghĩa tại Luật An ninh mạng năm 2018 để bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật. Theo đó, "Khủng bố mạng là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để tiến hành các hành vi khủng bố hoặc tài trợ khủng bố" (Khoản 9 Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2018).

- "Tài trợ khủng bố" cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng nội hàm, bao gồm cả hành vi tài trợ cho hoạt động di chuyển, tổ chức huấn luyện khủng bố, hoặc cung cấp tài chính, vật chất, phương tiện phục vụ các hành vi khủng bố, phù hợp với quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc xác định, định nghĩa rõ ràng các thuật ngữ này không chỉ giúp nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật mà còn tạo cơ sở vững chắc cho việc đấu tranh phòng, chống khủng bố trong bối cảnh tình hình an ninh thế giới và khu vực ngày càng diễn biến phức tạp.

Thứ sáu, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp tác quốc tế trong Chương VI của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Cụ thể, cần bổ sung điều khoản về chính sách hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này nhằm thể hiện rõ quan điểm, định hướng và chủ trương nhất quán của Nhà nước trong việc tăng cường hợp tác với cộng đồng quốc tế về phòng, chống khủng bố. Quy định này cần bảo đảm tính thống nhất với chính sách đối ngoại, an ninh và quốc phòng hiện hành. Theo đó, có thể bổ sung một điều khoản mới với nội dung về chính sách hợp tác quốc tế song phương và đa phương của nước CHXHCN Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố; trong đó nêu bật nguyên tắc hợp tác trên cơ sở phù hợp với pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Đồng thời, cần bổ sung nội dung liên quan đến hoạt động ký kết và gia nhập các điều ước quốc tế trong quy định về trách nhiệm hợp tác quốc tế. Đây là hoạt động nền tảng, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho các hoạt động hợp tác quốc tế khác trong lĩnh

vực phòng, chống khủng bố. Việc cụ thể hóa nội dung này sẽ giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chủ động trong đàm phán, ký kết hoặc đề xuất gia nhập các điều ước quốc tế liên quan.

Thứ bảy, cần tách bạch và quy định rõ trách nhiệm của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động phòng, chống khủng bố. Theo đó, Điều 48 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 nên được chia thành hai điều riêng biệt, trong đó:

- Trách nhiệm của Tòa án nhân dân bao gồm: xét xử các tội phạm khủng bố theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác phòng, chống khủng bố.

- Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân bao gồm: tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm khủng bố; truy tố tội phạm khủng bố; thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp hình sự và phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác trong công tác phòng, chống khủng bố.

Thứ tám, cần bổ sung các quy định liên quan đến tài sản trong hoạt động phòng, chống khủng bố. Cụ thể, cần quy định rõ việc sử dụng tài sản, tiền tệ bị tịch thu từ các đối tượng khủng bố hoặc tài trợ khủng bố để hỗ trợ, bồi thường cho các nạn nhân bị ảnh hưởng bởi khủng bố. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba ngay tình, trong trường hợp tài sản hoặc giao dịch của họ vô tình liên quan đến các hoạt động khủng bố hoặc tài trợ khủng bố.

Thứ chín, cần sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Luật về chính sách phòng, chống khủng bố để bổ sung quy định xử lý vi phạm trong lĩnh vực này. Theo đó, cần quy định rõ: cá nhân, tổ chức, hoặc người đứng đầu cơ quan không thực hiện đúng trách nhiệm; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi khủng bố, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý hành chính, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Thứ mười, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương… trong công tác quản lý, giám sát và thực hiện các biện pháp phòng, chống khủng bố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Các quy định này cần được xây dựng phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Chính phủ được quy định tại Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 về cơ cấu tổ chức Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, trong đó xác định rõ trách nhiệm quản

lý nhà nước về phòng, chống khủng bố theo hướng phân công cụ thể giữa 14 Bộ và 03 Cơ quan ngang Bộ hiện nay.

4.3.1.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về phòng, chống khủng bố

Pháp luật hình sự là công cụ pháp lý quan trọng nhằm phòng, chống tội phạm khủng bố. Chính vì vậy, cần nghiên cứu hoàn thiện pháp luật hình sự, đặc biệt là BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định có liên quan đến tội phạm khủng bố theo hướng cụ thể sau:

Một là, nghiên cứu mở rộng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố. Theo đó, BLHS nên quy định chủ thể thực hiện hành vi phạm tội bao gồm cả cá nhân và pháp nhân để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa BLHS với Luật Phòng, chống khủng bố và quy định pháp luật quốc tế, tránh bỏ lọt tội phạm. Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội có thể bao gồm tịch thu tài sản và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Hai là, cần mở rộng phạm vi các chủ thể bị xâm hại bởi hành vi khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Bên cạnh cán bộ, công chức – là những đối tượng đã được quy định – cần bổ sung thêm các nhóm như sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an và viên chức. Đây đều là những người đang phục vụ, làm việc trong hệ thống chính quyền nhân dân và vì vậy cũng là mục tiêu có thể bị các hành vi khủng bố hướng đến. Để bảo đảm tính khái quát, toàn diện và tránh liệt kê quá chi tiết, BLHS nên được sửa đổi, bổ sung theo hướng sử dụng cụm từ chung là "cá nhân làm việc trong hệ thống chính quyền nhân dân" để chỉ tất cả các đối tượng nêu trên.

Ba là, kiến nghị bổ sung thêm mục đích "ép buộc chính quyền nhân dân hoặc các tổ chức quốc tế thực hiện hoặc không thực hiện một hành vi nhất định theo yêu cầu của đối tượng khủng bố" vào cấu thành của tội khủng bố. Việc này nhằm bảo đảm sự phù hợp với thông lệ và quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Theo đó, ngoài những mục đích hiện hành như chống lại chính quyền, gây hoảng loạn trong công chúng hoặc cản trở quan hệ quốc tế giữa các quốc gia, hành vi khủng bố hoặc khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân còn có thể hướng tới việc gây sức ép buộc chính phủ hoặc tổ chức quốc tế hành động theo ý chí của kẻ khủng bố.

Bốn là, cần bổ sung một số hành vi nguy hiểm thuộc mặt khách quan của tội phạm như: "tuyên truyền", "thuê mướn", "sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán" các loại công cụ, phương tiện sử dụng vào mục đích khủng bố; từ đó đảm bảo tính bao quát, đầy

đủ trong cấu thành tội phạm khủng bố cũng như tính đồng bộ giữa BLHS với Luật Phòng, chống khủng bố hiện hành.

Năm là, sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ xác định mục tiêu hướng tới của các đối tượng phạm tội khủng bố nhằm đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất giữa BLHS năm 2015 và Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Theo đó, bổ sung "mạng Internet" vào danh sách các mục tiêu tội phạm khủng bố hướng tới nhằm tấn công, xâm hại, cản trở và gây rối loạn. Bên cạnh đó, thay vì sử dụng thuật ngữ "phương tiện điện tử" như quy định của BLHS hiện nay mà thay vào đó dùng thuật ngữ "thiết bị số" theo quy định tại Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật.

Mặt khác, cần xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS nhằm phân biệt các tội khủng bố, tài trợ khủng bố và các loại tội phạm khác có tính chất tương tự như: tội bạo loạn, tội phá hoại cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước CHXHCN Việt Nam.

4.3.1.3. Hoàn thiện các quy định hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống khủng bố

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 122/2013/NĐ-CP theo hướng thống nhất khái niệm tài sản giữa các quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS về tội rửa tiền và Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 122/2013/NĐ-CP. Từ đó, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật, tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng pháp luật trên thực tiễn.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Nghị định 07/2014/NĐ-CP với những nội dung chính sau:

Một là, việc thành lập các Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố nên quy định theo hướng tập trung nguồn lực vào một số địa bàn trọng điểm, phức tạp, có nguy cơ khủng bố cao như: Tại địa phương là địa bàn giáp biên; các thành phố là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước; những nơi có khu công nghiệp, khu chế xuất, cảng biển, sân bay và đặc biệt là địa bàn có tình hình an ninh, trật tự phức tạp, các đối tượng thường thực hiện các hành vi xâm nhập, phá hoại, khủng bố như: Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc. Bên cạnh đó, rà soát xoá bỏ các Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại một số địa phương, Bộ, Cơ quan ngang bộ mang tính hình thức, gây lãng phí nguồn lực; chỉ tập trung lựa chọn thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tại một số Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan đến công tác phòng, chống khủng bố.

Hai là, nghiên cứu sửa đổi quy định về thành phần Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia và Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia, thay vì Thủ tướng Chính phủ là Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia như hiện nay thì nên quy

định 01 Phó Thủ tướng Chính phủ là Trưởng Ban Chỉ đạo. Tương tự như vậy, đối với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng nên quy định 01 Phó Chủ tịch Uỷ Ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm Trưởng Ban. Việc thay đổi người đứng đầu sẽ giúp cho quá trình tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố thuận lợi, đảm bảo tính khách quan, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố.

Ba là, cần sửa đổi quy định tại Khoản 2 Điều 11 theo hướng giao Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia, Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng cùng cấp để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý, điều hành Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp.

Thứ ba, cần quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có sự phân công, phân cấp và mối quan hệ phối hợp cụ thể giữa các Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố, tránh chung chung dẫn đến khó áp dụng trên thực tiễn cũng như trùng dẫm về mặt chức năng, nhiệm vụ. Đặc biệt, cần có quy định bổ sung nhiệm vụ phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt; phòng, chống hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; xử lý giải quyết tập trung đông người gây rối an ninh trật tự và bạo loạn đối với Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với yêu cầu thực tiễn thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, trên cơ sở đề xuất về việc bổ sung các quy định cụ thể các loại khủng bố tại Luật Phòng, chống khủng bố; cần nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành quy định chi tiết về công tác phòng, chống khủng bố đối với từng loại hình khủng bố như: khủng bố mạng; khủng bố sinh học, hoá học, phóng xạ; khủng bố hàng không dân dụng… Với mỗi loại khủng bố sẽ có những đặc điểm, phương thức hoạt động riêng; chính vì vậy cần có các quy định đặc thù để điều chỉnh phù hợp, giúp công tác quản lý, bố trí lực lượng, phương tiện, biện pháp, tài chính, hậu cần kỹ thuật, phối hợp tổ chức nhằm phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn từng loại hình khủng bố đạt hiệu quả cao trong thực tiễn.

4.3.1.4. Hoàn thiện các quy định pháp luật khác có liên quan đến phòng, chống khủng bố

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung Luật Hoá chất năm 2007, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 và Luật Năng lượng nguyên tử 2008. Đây là các văn bản pháp lý điều chỉnh trực tiếp các hoạt động liên quan đến quản lý, kiểm soát các chất hoá học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân. Theo đó, cần bổ sung các quy định liên quan trực tiếp đến hoạt động phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ tại các luật này. Việc bổ sung

các quy định cụ thể về quản lý các chất hoá học, sinh học, phóng xạ nhằm mục đích phòng, chống khủng bố vừa đảm bảo tính toàn diện, thống nhất giữa các luật chuyên ngành và Luật Phòng, chống khủng bố, vừa là bước nội luật hoá các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố trong lĩnh vực hoá học, sinh học, phóng xạ mà Việt Nam đã tham gia.

Thứ hai, nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm kiểm soát các hoạt động rửa tiền vì mục đích khủng bố, đặc biệt là sử dụng tiền ảo, tiền số để tài trợ khủng bố. Theo đó, cần nhanh chóng xây dựng một Luật riêng quy định về tiền ảo, tiền số nhằm tạo khung pháp lý để quản lý, kiểm soát các hoạt động liên quan đến giao dịch tiền ảo, tiền số; hạn chế nguy cơ sử dụng tiền ảo, tiền số để phục vụ mục đích tài trợ khủng bố. Các quy định pháp luật cần hướng tới một số nội dung cụ thể sau:

- Cần đưa ra định nghĩa và phân loại tiền số, tiền ảo cụ thể trong luật Việt Nam, xác định rõ đâu là loại tiền hợp pháp để có cơ chế quản lý phù hợp, loại tiền số nào bị cấm giao dịch nhằm tránh rủi ro bị lợi dụng để tài trợ khủng bố.

- Cấp phép và kiểm soát các sàn giao dịch tiền số: theo đó, các sàn giao dịch tiền số phải đăng ký và tuân thủ quy định về phòng chống tài trợ khủng; Quy định về việc định danh người dùng để đảm bảo danh tính các bên giao dịch; có cơ chế yêu cầu các sàn giao dịch báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố.

- Ban hành quy định xử phạt nghiêm khắc đối với hành vi tài trợ khủng bố bằng tiền số: xây dựng chế tài xử lý hình sự đối với tài trợ khủng bố bằng tiền số, quy định rõ ràng việc sử dụng tiền số tài trợ khủng bố là hành vi phạm tội, áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ khủng bố qua tiền số; Xây dựng cơ chế đóng băng tài sản số khi phát hiện có liên quan đến khủng bố…

- Hợp tác quốc tế: Nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng các tiêu chuẩn của FATF để quản lý rủi ro tài trợ khủng bố bằng tiền số; hợp tác với tổ chức tài chính quốc tế để truy vết giao dịch tiền số như tham gia các sáng kiến của FATF về ngăn chặn tài trợ khủng bố bằng tiền số, ký kết hiệp định hợp tác trao đổi thông tin tài chính với các nước có hệ thống kiểm soát tài trợ khủng bố hiệu quả.

Thứ ba, bổ sung các quy định liên quan đến quản lý, kiểm soát, xử lý các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là các hoạt động kích động tư tưởng cực đoan tiến hành khủng bố. Theo đó, cần hoàn thiện các quy định liên quan đến vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng theo hướng sau:

- Xây dựng quy định cụ thể về nhận diện hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo để khủng bố: theo đó, như đã đề xuất, hệ thống pháp luật cần có định nghĩa rõ ràng về "khủng bố tôn giáo", "khủng bố sắc tộc", và phân biệt cụ thể với hoạt động tín ngưỡng hợp pháp.

- Bổ sung các quy định về xử lý hành chính, xử lý hình sự đối với cá nhân, tổ chức lợi dụng tôn giáo, dân tộc để tuyên truyền tư tưởng cực đoan, kích động bạo lực; Quy định chặt chẽ về nguồn tài trợ nước ngoài cho các tổ chức tôn giáo, dân tộc để ngăn chặn dòng tiền hỗ trợ hoạt động cực đoan và kiểm soát chặt các giao dịch tài chính liên quan đến cá nhân, tổ chức bị nghi ngờ có liên quan đến khủng bố.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức tôn giáo, dân tộc trong phòng, chống khủng bố, theo đó các tổ chức tôn giáo phải có trách nhiệm trong việc phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn sự xâm nhập của tư tưởng cực đoan có nguy cơ khủng bố.

- Tăng cường công tác quản lý, đặc biệt là quản lý thông tin trên không gian mạng để kiểm soát các hoạt động tuyên truyền tư tưởng cực đoan, ban hành các quy định chặt chẽ hơn về xử lý thông tin sai lệch, xuyên tạc về dân tộc, tôn giáo trên không gian mạng

- Siết chặt quản lý đối với các tổ chức nước ngoài có hoạt động liên quan đến tôn giáo, dân tộc tại Việt Nam: quy định rõ ràng về điều kiện hoạt động, nguồn tài chính, mối liên hệ với tổ chức nước ngoài; tăng cường kiểm soát các hoạt động truyền đạo bất hợp pháp, lợi dụng tự do tôn giáo để gây mất ổn định xã hội.

-Thiết lập cơ chế kiểm soát di cư, xuất nhập cảnh nhằm ngăn chặn sự lan truyền của tư tưởng cực đoan: Đẩy mạnh phối hợp quốc tế để giám sát các đối tượng có nguy cơ tham gia tổ chức khủng bố xuyên quốc gia; kiểm soát chặt chẽ hoạt động của người nước ngoài đến Việt Nam với danh nghĩa hoạt động tôn giáo.

- Bổ sung chế tài nghiêm khắc đối với tội phạm khủng bố có động cơ tôn giáo, dân tộc: Luật Hình sự cần có chế tài đặc biệt với các hành vi kích động bạo lực sắc tộc, tôn giáo; bổ sung hình phạt nghiêm khắc hơn với hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chiêu mộ thành viên, tổ chức huấn luyện khủng bố.

- Xây dựng cơ chế bảo vệ người tố giác các tổ chức cực đoan tôn giáo, dân tộc: quy định về vấn đề bảo vệ danh tính và đảm bảo an toàn cho người cung cấp thông tin về các hoạt động cực đoan tôn giáo, sắc tộc; Khuyến khích các chức sắc tôn giáo hợp tác với chính quyền để phát hiện và ngăn chặn sớm các nguy cơ khủng bố.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố liên quan đến tôn giáo, dân tộc, tăng cường hợp tác với đa phương, song phương trong việc sẻ thông tin về các tổ chức, cá nhân có nguy cơ khủng bố liên quan đến dân tộc, tôn giáo.

Thứ tư, nghiên cứu hoàn thiện BLTTHS phần hợp tác quốc tế nhằm giúp cho hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự được thuận lợi, hiệu quả hơn. Theo đó, cần xây dựng các đạo luật chuyên biệt điều chỉnh từng lĩnh vực cụ thể như: Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người bị kết án phạt tù, Luật Tương trợ tư pháp hình sự. Về dẫn độ, cần nghiên

cứu bổ sung các quy định về bắt khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ chính thức; quy định chi tiết về trình tự, thủ tục yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người bị dẫn độ, vấn đề hoãn dẫn độ, dẫn độ tạm thời, giới hạn truy cứu trách nhiệm hình sự, khiếu nại quyết định dẫn độ theo hướng phù hợp với hiệp định mẫu về dẫn độ tội phạm của Liên hợp quốc và BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Về chuyển giao người bị kết án phạt tù, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền của người bị chuyển giao, cụ thể hoá các quy định về chuyển đổi hình phạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển giao tù nhân. Đối với lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, cần quy định rõ vấn đề thời hạn giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp, đảm bảo hoạt động tống đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia. Bên cạnh đó, cần tăng cường ký kết các hiệp định song phương giữa Việt Nam và các quốc gia trong lĩnh vực dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp hình sự, chuyển giao người bị kết án phạt tù. Theo đó, cần thống nhất nhận thức giữa Việt Nam và các nước tham gia ký kết hiệp định về việc xác định tội phạm khủng bố; đưa ra các giải pháp chung để giải quyết các vấn đề như dẫn độ tội phạm khủng bố có liên quan đến hình phạt tử hình khi một số quốc gia không áp dụng hình phạt tử hình.

Thứ năm, nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố mạng. Theo đó, cần bổ sung khái niệm và nội hàm của "khủng bố mạng" vào Luật Phòng, chống khủng bố nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong việc nhận diện, phân loại và xử lý các hành vi khủng bố sử dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông, không gian mạng để đe dọa an ninh quốc gia, phá hoại hạ tầng trọng yếu hoặc gây hoảng loạn trong xã hội. Khái niệm này cần được định nghĩa một cách cụ thể, phân biệt với các hành vi tấn công mạng thông thường hay các hành vi xâm phạm an ninh mạng không mang mục tiêu chính trị hoặc khủng bố.

Bên cạnh đó, cần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2015 để quy định rõ hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, thiết bị số để thực hiện hành vi khủng bố hoặc hỗ trợ khủng bố là hành vi phạm tội độc lập, có khung hình phạt phù hợp, đủ sức răn đe. Đồng thời, cần làm rõ trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân trong trường hợp các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ bị lợi dụng hoặc cố ý tiếp tay cho hoạt động khủng bố mạng.

Ngoài ra, cần hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó xây dựng các nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi khủng bố mạng; quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng như lực lượng an ninh mạng, cơ quan điều tra, viện kiểm sát và cơ quan quản lý nhà nước về thông tin truyền thông. Lồng ghép các quy định về phòng, chống khủng bố mạng trong

các đạo luật có liên quan như Luật An ninh mạng 2018, Luật Viễn thông (sửa đổi), Luật Công nghệ thông tin và các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân, nhằm tạo thành một hành lang pháp lý liên thông, đồng bộ và thống nhất trong phòng, chống khủng bố mạng.

Cuối cùng, Việt Nam cần đẩy mạnh nội luật hóa các cam kết quốc tế về phòng, chống khủng bố mạng, bao gồm các nghị quyết của Liên Hợp Quốc, các công ước quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên; đồng thời tích cực tham gia vào các khuôn khổ hợp tác khu vực và toàn cầu để học hỏi kinh nghiệm lập pháp và nâng cao năng lực pháp lý, kỹ thuật trong phòng, chống khủng bố mạng.

4.3.1.5. Tiếp tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố; tham gia sâu rộng vào các cơ chế hợp tác về phòng, chống khủng bố và tăng cường nội luật hoá các quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia khá đầy đủ vào hệ thống các điều ước quốc tế đa phương liên quan đến phòng, chống khủng bố. Tuy nhiên, vẫn còn một số văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng trong lĩnh vực này mà Việt Nam chưa ký kết hoặc gia nhập. Do đó, các cơ quan chức năng cần chủ động nghiên cứu, rà soát hệ thống pháp luật quốc tế về phòng, chống khủng bố để kịp thời tham mưu, đề xuất việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế phù hợp. Việc này cần được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Một số điều ước quốc tế quan trọng mà Việt Nam có thể xem xét, đánh giá và cân nhắc tham gia trong thời gian tới gồm: Công ước về đánh dấu chất nổ dẻo để nhận biết (1991); Công ước quốc tế về trừng trị những hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng không dân dụng quốc tế (2010); Nghị định thư bổ sung Công ước về trừng trị việc chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay (2010); Nghị định thư bổ sung Công ước về các tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên tàu bay (2014).

Việc tham gia đầy đủ các điều ước quốc tế nêu trên sẽ góp phần tăng cường khung pháp lý cho hoạt động phòng, chống khủng bố của Việt Nam, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế hiệu quả hơn trong đấu tranh phòng, chống khủng bố trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh các hoạt động khủng bố ngày càng tinh vi, đặc biệt là khủng bố mạng và tài trợ khủng bố, Việt Nam có thể nghiên cứu tham gia hoặc tăng cường hợp tác trong các cơ chế quốc tế sau:

- Cơ chế hợp tác quốc tế toàn cầu: Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước và nghị quyết của Liên Hợp Quốc về chống khủng bố, nhưng có thể đẩy mạnh hợp tác, tham gia

sâu rộng hơn đối với các hoạt động trong khuôn khổ của Ủy ban Chống Khủng Bố của Hội đồng Bảo an (UN Counter-Terrorism Committee - CTC), Văn phòng Liên Hợp Quốc về Chống Ma túy và Tội phạm (UNODC), Nhóm Công tác về Khủng bố của LHQ (UN Global Counter-Terrorism Strategy - GCTS), Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (Financial Action Task Force - FATF), INTERPOL (Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế). Ngoài ra, Việt Nam có thể nghiên cứu tham gia Hội nghị Toàn cầu về Chống Khủng bố (Global Counterterrorism Forum - GCTF); đây là diễn đàn hợp tác đa phương tập trung vào đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm chống khủng bố và Việt Nam có thể học hỏi mô hình chống khủng bố từ các nước phát triển.

- Cơ chế hợp tác khu vực: Đẩy mạnh cơ chế hợp tác ASEAN về chống khủng bố như tăng cường chia sẻ thông tin tình báo, đào tạo chuyên gia trong khuôn khổ Trung tâm Chống Khủng bố ASEAN (ASEAN Counter-Terrorism Center - ACTC); chủ động hơn trong thực thi và cập nhật nội luật hoá theo Hiệp định ASEAN về Chống Khủng Bố (ASEAN Convention on Counter Terrorism - ACCT); tăng cường năng lực an ninh mạng, chống tài trợ khủng bố thông qua Nhóm Công tác về Chống Khủng Bố (APEC Counter-Terrorism Working Group - CTWG) thuộc Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC); Nghiên cứu học hỏi kinh nghiệm phòng, chống khủng bố thông qua Cơ chế hợp tác giữa Việt Nam và EU về chống khủng bố như dự án STRIVE-ASIA về phòng ngừa cực đoan hóa, chương trình chống khủng bố xuyên biên giới của Europol; nghiên cứu tham gia Cơ chế hợp tác trong khối BRICS với tư cách đối tác để mở rộng hợp tác với các nước có kinh nghiệm (Nga, Trung Quốc, Ấn Độ) trong trao đổi thông tin, huấn luyện lực lượng đặc nhiệm chống khủng bố.

- Cơ chế hợp tác song phương: Việt Nam có thể hợp tác sâu hơn với các đối tác có kinh nghiệm trong phòng, chống khủng bố như Mỹ, Nga, Nhật Bản. Một số nội dung có thể học tập kinh nghiệm, hợp tác như: chia sẻ thông tin tình báo, bảo vệ an ninh mạng, chống khủng bố tài chính, xử lý khủng bố cực đoan, đào tạo lực lượng đặc nhiệm, chống khủng bố mạng…

Ngoài ra, đối với các điều ước quốc tế về phòng, chống khủng bố mà Việt Nam là thành viên chính thức, các cơ quan chức năng cần tăng cường tiến hành nội luật hoá các quy định, cam kết quốc tế đó. Đồng thời, rà soát hệ thống pháp luật trong nước về phòng, chống khủng bố để bổ sung những quy định còn thiếu, sửa đổi những nội dung chưa phù hợp với những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Qua đó, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế.

4.3.2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố

Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố là nhóm giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố. Để có thể ban hành được những văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố có chất lượng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: (1) Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố của các chủ thể có thẩm quyền; (2) Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, đánh giá thực trạng thi hành, xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố; phát triển khoa học, lý luận trong lĩnh vực pháp luật về phòng, chống khủng bố; (3) Xây dựng chiến lược hoàn thiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự - an toàn xã hội, trong đó có pháp luật về phòng, chống khủng bố; (4) Tăng cường học tập kinh nghiệm quốc tế; chú trọng công tác hệ thống hoá các văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố và đẩy mạnh hoạt động theo dõi, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

4.3.2.1. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố của các chủ thể có thẩm quyền

Thứ nhất, tăng cường vai trò của các cơ quan, tổ chức hữu quan như: Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

- Quốc hội với vai trò là cơ quan lập pháp của đất nước cần chú trọng tăng cường hiệu quả hoạt động xây dựng pháp luật. Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu hoạt động lập pháp của Quốc hội đó chính là tăng cường số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực tiễn đã chỉ ra rằng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách tăng lên, cùng với sự chuyên nghiệp đã làm cho hoạt động của Quốc hội trở nên hiệu quả hơn rất nhiều, đặc biệt là hoạt động xây dựng luật. Vì vậy, trong những năm tới, cần tăng cường hơn nữa số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lên ít nhất 50% bởi đây là những cán bộ có thể dành toàn bộ thời gian, tâm huyết của mình để thực hiện nhiệm vụ của một đại biểu Quốc hội. Bên cạnh đó, các đại biểu Quốc hội không những cần trình độ, chuyên môn sâu trong các lĩnh vực chuyên ngành mà còn phải không ngừng nâng cao kiến thức, sự am hiểu về pháp luật để có thể góp phần nâng cao chất lượng ban hành các văn bản pháp luật. Bên cạnh đó, Uỷ ban Quốc phòng và An ninh là một trong những uỷ ban của Quốc hội phụ trách lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Do vậy, để hoạt động ban hành văn bản pháp luật trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng nói chung và trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố nói riêng được chất lượng, hiệu quả thì vai trò của Uỷ ban Quốc phòng và An

ninh cần được phát huy hơn nữa. Theo đó, cần quan tâm, chú trọng các hoạt động như: thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các dự án khác do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; giám sát việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị quyết thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trình dự án luật trước Quốc hội, dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội về lĩnh vực quốc phòng, an ninh…

- Chính phủ là cơ quan quản lý hành chính nhà nước cao nhất trên các lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Vì vậy, Chính phủ cần tích cực nghiên cứu, xây dựng và trình Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết có liên quan đến phòng, chống khủng bố; xây dựng và ban hành các nghị định hướng dẫn chi tiết các luật có liên quan đến phòng, chống khủng bố trên cơ sở đề xuất, kiến nghị của các Bộ, Cơ quan ngang bộ, đặc biệt là Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Trước khi trình các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết hoặc ban hành các nghị định hướng dẫn thi hành, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ cần tiến hành nghiên cứu, đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật dự kiến ban hành. Đồng thời, cần tổ chức lấy ý kiến từ các đối tượng chịu sự tác động, cũng như các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm rằng các văn bản khi được thông qua sẽ có chất lượng cao, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đối với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng – với vai trò là cơ quan chuyên trách trong quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng – cần thường xuyên tổ chức việc sơ kết, tổng kết thi hành pháp luật; đánh giá hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến phòng, chống khủng bố nhằm đề xuất xây dựng hoặc sửa đổi các nghị định phù hợp. Đồng thời, hai Bộ này cần chủ động khảo sát thực tiễn, đánh giá tác động của các chính sách và xây dựng nội dung chính sách trong các đề xuất xây dựng nghị định.

Ngoài ra, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cần phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan liên quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp trong việc nghiên cứu thông tin, tài liệu, cũng như điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố; dự kiến nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành các nghị định sau khi được ban hành. Bên cạnh đó, cần kịp thời ban hành các thông tư và văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm cơ chế pháp lý minh bạch, khả thi, hỗ trợ hiệu quả công tác thực thi pháp luật về phòng, chống khủng bố.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cần phát huy đầy đủ vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật về

phòng, chống khủng bố. Việc nghiên cứu và tham gia góp ý vào các dự thảo văn bản pháp luật cần được thực hiện nghiêm túc và đúng quy trình. Các ý kiến đóng góp cần được các cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện nội dung dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về cơ chế phối hợp liên ngành, cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao cùng các cơ quan liên quan khác trong quá trình xây dựng văn bản. Các Bộ, ngành có thể cử chuyên gia tham gia tổ công tác liên ngành để bảo đảm rằng nội dung văn bản vừa đáp ứng yêu cầu an ninh, vừa phù hợp với hệ thống pháp luật nói chung.

Về phân định trách nhiệm trong quy trình xây dựng pháp luật, cần quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan. Cơ quan có thẩm quyền trình, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố phải chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ và chất lượng văn bản. Cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền trình hoặc ban hành văn bản về nội dung được giao.

Các cơ quan thẩm định, thẩm tra hoặc tham gia góp ý cũng cần chịu trách nhiệm tương ứng. Cụ thể, cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; cơ quan thẩm tra chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra; cơ quan góp ý chịu trách nhiệm về nội dung và thời gian phản hồi. Trong quá trình thẩm định, có thể nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí thẩm định chuyên biệt đối với văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố, trong đó chú trọng tính khả thi, sự chặt chẽ và tính tương thích với pháp luật quốc tế.

Cuối cùng, cơ quan ban hành văn bản pháp luật phải chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng văn bản do mình ban hành. Việc quy định rõ ràng trách nhiệm của từng chủ thể sẽ góp phần nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm và chất lượng trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo chế độ chính sách cho các cá nhân trực tiếp xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Con người luôn là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Các cá nhân trực tiếp làm công tác xây dựng pháp luật về phòng, chống khủng bố cần có sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy khả năng bản thân trong quá trình tổ chức thực hiện và ban hành các quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố. Theo đó, trước hết cần tập trung kiện toàn bộ máy, tăng cường biên chế, xây dựng lực lượng làm công tác xây dựng, ban hành văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Theo đó, đối với tổ chức bộ máy cần kiện toàn các bộ phận pháp chế, tham mưu xây dựng pháp luật tại các cơ

quan, đơn vị có liên quan như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải, Toà án Nhân dân, Viện kiểm sát Nhân dân, cơ quan Hải quan…; củng cố, bổ sung biên chế làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật.

Bên cạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy và bảo đảm đủ số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách trong công tác xây dựng pháp luật về phòng, chống khủng bố, các cơ quan, tổ chức liên quan cần đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng. Việc này nhằm nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ pháp lý, nhất là trong các lĩnh vực như pháp chế, xây dựng pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi và kiểm tra thi hành pháp luật. Cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật lập pháp, kỹ năng xây dựng chính sách, đồng thời tập trung trang bị kiến thức chuyên ngành về phòng, chống khủng bố, bao gồm hiểu biết về xu hướng khủng bố hiện đại, luật pháp quốc tế và các công ước có liên quan. Các chương trình đào tạo có thể được tổ chức theo hình thức ngắn hạn, dài hạn và cần kịp thời khen thưởng những cá nhân có thành tích xuất sắc.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần bảo đảm đầy đủ các điều kiện về chế độ, chính sách, cơ sở vật chất, tài chính và hậu cần phục vụ cho hoạt động xây dựng, ban hành pháp luật về phòng, chống khủng bố. Cần nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đối với cán bộ làm công tác pháp chế trong lĩnh vực này. Đồng thời, phát huy tối đa nguồn lực xã hội và ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại nhằm nâng cao chất lượng, tính chiến lược và hiệu quả bền vững trong hoạt động xây dựng pháp luật.

Những yếu tố trên là nền tảng quan trọng giúp đội ngũ cán bộ, chiến sĩ nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách phù hợp thực tiễn và góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố một cách hiệu quả và khả thi.

4.3.2.2. Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, đánh giá thực trạng thi hành, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố; phát triển khoa học, lý luận trong lĩnh vực pháp luật về phòng, chống khủng bố

Tổng kết thực tiễn có vai trò thiết yếu trong việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố. Thông qua quá trình này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có thể kiểm nghiệm tính đúng đắn, khả thi của các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời nhận diện những bất cập, mâu thuẫn để từ đó có cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các chính sách, quy định phù hợp với tình hình thực tế. Nếu thiếu công tác tổng kết, việc hình thành tư duy và nhận thức toàn diện, chính xác về hệ thống pháp luật sẽ không thể thực hiện đầy đủ; dẫn đến nguy cơ xây dựng pháp luật thiếu cơ sở thực tiễn, khó triển khai hiệu quả trong thực tế.

Do đó, Nhà nước cần chú trọng đầu tư đúng mức cho công tác sơ kết, tổng kết, đặc biệt là việc đánh giá toàn diện quá trình xây dựng, ban hành và thực thi pháp luật về phòng, chống khủng bố. Đây cần là một hoạt động thường xuyên, liên tục, có hệ thống, được thực hiện một cách bài bản. Quá trình tổng kết phải có trọng tâm, trọng điểm và bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng – cả theo ngành dọc (Bộ, Ngành) và theo địa phương – thông qua các Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố. Các vướng mắc phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật cần được tập hợp, phân tích một cách có hệ thống để làm cơ sở đánh giá chính xác trong quá trình tổng kết.

Đặc biệt, khi tổng kết việc thi hành pháp luật, cần thực hiện ở nhiều cấp độ (từ Bộ luật, Luật đến Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn) và nhiều khía cạnh (từ nội dung đến hình thức). Các mốc thời gian tổng kết nên được xác định cụ thể, như định kỳ 5 năm, 10 năm, trong đó có việc tổng kết 10 năm thực thi Luật Phòng, chống khủng bố.

Song song với công tác tổng kết thực tiễn, việc phát triển lý luận pháp luật về phòng, chống khủng bố cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học phục vụ cho hoạt động hoàn thiện pháp luật. Các nghiên cứu chuyên sâu, hội thảo, tọa đàm cần được đẩy mạnh để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật về phòng, chống khủng bố, góp phần củng cố nền tảng học thuật và nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, pháp luật trong lĩnh vực này.

4.3.2.3. Xây dựng chiến lược hoàn thiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự - an toàn xã hội, trong đó có pháp luật về phòng, chống khủng bố

Trong bối cảnh tình hình an ninh, trật tự có nhiều diễn biến phức tạp, việc xây dựng cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và toàn diện là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo hiệu quả công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan hữu quan cần phối hợp chặt chẽ để nghiên cứu, xây dựng Chiến lược hoàn thiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự – an toàn xã hội, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng, đặc biệt là quan điểm tại Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Chiến lược cần xác định rõ các mục tiêu, định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng thống nhất, đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trong đó, pháp luật về phòng, chống khủng bố phải được xác định là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự – an toàn xã hội. Chiến lược cần hướng tới việc tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho các hoạt động phòng, chống khủng bố, đảm

bảo hiệu lực, hiệu quả trong phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi khủng bố; đồng thời tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Quá trình xây dựng Chiến lược cần tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp và thực tiễn của các quốc gia, bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam. Bên cạnh đó, cần đặc biệt quan tâm đến các vấn đề an ninh phi truyền thống, trong đó có khủng bố, như một nội dung trọng tâm trong chiến lược pháp luật về an ninh quốc gia và trật tự – an toàn xã hội.

Để triển khai hiệu quả Chiến lược, cần xác định đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, từ Trung ương đến địa phương. Việc thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng và thực hiện Chiến lược hoàn thiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự – an toàn xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là cần thiết, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt. Đồng thời, cần tổ chức thường xuyên công tác kiểm tra, theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chiến lược, qua đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

4.3.2.4. Tăng cường học tập kinh nghiệm quốc tế; chú trọng công tác hệ thống hoá các văn bản pháp luật về phòng, chống khủng bố và đẩy mạnh hoạt động theo dõi, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tính chất xuyên quốc gia của các hoạt động khủng bố ngày càng gia tăng, việc nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế là hết sức cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng, hoàn thiện và thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Các cơ quan có thẩm quyền cần chủ động tiếp cận các chuẩn mực pháp lý quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cũng như pháp luật và thực tiễn tốt của một số quốc gia trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, việc tiếp thu cần phải được thực hiện trên cơ sở chọn lọc, phù hợp với đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội và yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia của Việt Nam.

Song song với việc tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, công tác hệ thống hóa pháp luật về phòng, chống khủng bố cần được chú trọng. Việc rà soát, sắp xếp, phân loại các văn bản quy phạm pháp luật một cách khoa học sẽ giúp nhận diện một cách toàn diện, đầy đủ về thực trạng pháp luật hiện hành trong lĩnh vực này. Qua đó, các cơ quan có thẩm quyền có thể phát hiện những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp hoặc đã hết hiệu lực để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, hoạt động theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật về phòng, chống khủng bố đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của

các quy định pháp luật trên thực tế. Thông qua việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, các cơ quan chức năng không chỉ kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật mà còn làm rõ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh hành vi khủng bố, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp. Đồng thời, kết quả kiểm tra cũng là căn cứ thực tiễn quan trọng để kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế.

Ngoài ra, việc hệ thống hóa văn bản và giám sát thi hành pháp luật cũng giúp nâng cao khả năng tra cứu, tiếp cận và áp dụng pháp luật một cách chính xác, thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống khủng bố. Đây là yếu tố then chốt góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, củng cố lòng tin của nhân dân vào hệ thống pháp luật và cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Tiểu kết Chương 4

Thông qua những nội dung phân tích tại Chương 4, luận án rút ra những nhận định cụ thể sau:

1. Trên cơ sở những căn cứ khoa học và thực tiễn, tác giả đã phân tích và đưa ra nhận định rằng tình hình khủng bố trên thế giới cũng như ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ ngày càng phức tạp, các tổ chức khủng bố có xu hướng gia tăng, chúng sẽ triệt để lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ để tiến hành các hình thức khủng bố mới. Xung đột tại nhiều khu vực trên thế giới cũng sẽ là điều kiện để khủng bố tồn tại, phát triển và tiến hành trong tương lai. Những dự báo về tình hình khủng bố sẽ là cơ sở để góp phần xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý về phòng, chống khủng bố mang tính dự báo, có thể dự liệu trước những vấn đề sẽ phát sinh trong thời gian tới.

2. Trong Chương 4, tác giả đã đưa ra những quan điểm định hướng cho việc củng cố, hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Các quan điểm này bao gồm: thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh tình hình mới; bảo đảm tính hợp hiến, thống nhất, đồng bộ và toàn diện của hệ thống pháp luật; bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn, khả thi trong tổ chức thực hiện; phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phòng, chống khủng bố với việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp.

3. Trên cơ sở các quan điểm nêu trên, tác giả đề xuất hai nhóm giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện, bổ sung cho pháp luật về phòng, chống khủng bố tại Việt Nam. Cụ thể:

Nhóm giải pháp thứ nhất tập trung vào việc hoàn thiện nội dung các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống khủng bố, bao gồm: hoàn thiện Luật Phòng, chống khủng bố; bổ sung, sửa đổi các quy định của pháp luật hình sự về hành vi khủng bố và tài trợ khủng bố; hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống khủng bố; đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy định pháp luật khác có liên quan để bảo đảm tính thống nhất và khả thi trong quá trình thực hiện.

Nhóm giải pháp thứ hai nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống khủng bố. Để thực hiện nhóm giải pháp này, cần triển khai các biện pháp cụ thể như: tăng cường hiệu quả công tác lập pháp của các cơ quan có thẩm quyền; đẩy mạnh hoạt động tổng kết thực tiễn, đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển lý luận pháp lý trong lĩnh vực này; xây dựng chiến lược và kế hoạch tổng thể về hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng, chống khủng bố; tăng cường học hỏi, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế; chú trọng công tác hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật nhằm kịp thời phát hiện bất cập, xử lý vi phạm và đề xuất sửa đổi phù hợp với thực tiễn.

KẾT LUẬN

1. Trước bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang đối mặt với những nguy cơ khủng bố ngày càng hiện hữu, việc xác định các giải pháp hiệu quả nhằm đấu tranh, ngăn chặn khủng bố luôn là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Một trong những công cụ hữu hiệu để các quốc gia ngăn ngừa và xử lý tội phạm khủng bố chính là pháp luật. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay được xem là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong giai đoạn mới.

2. Vấn đề phòng, chống khủng bố và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này hiện đang được nhiều học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chủ yếu tiếp cận riêng lẻ từng khía cạnh cụ thể mà chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, tổng thể về việc hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố ở Việt Nam. Từ thực tế đó, luận án đã lựa chọn cách tiếp cận toàn diện, nghiên cứu sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố. Cụ thể, luận án làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung pháp luật về phòng, chống khủng bố; xác lập các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật; và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này. Đồng thời, luận án cũng tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành, chỉ ra những bất cập, hạn chế; từ đó đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật phòng, chống khủng bố trong thời gian tới.

3. Kết quả nghiên cứu cho thấy pháp luật về phòng, chống khủng bố là hệ thống các nguyên tắc, quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động phòng, chống khủng bố, được bảo đảm thực thi bằng nhiều biện pháp khác nhau. Hệ thống pháp luật này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và duy trì trật tự, an toàn xã hội. Nội dung pháp luật phòng, chống khủng bố ở Việt Nam bao gồm: (i) các quy định chung; (ii) quy phạm về phòng ngừa khủng bố; (iii) quy phạm về chống khủng bố; và (iv) quy phạm về tổ chức thực hiện hoạt động phòng, chống khủng bố. Việc hoàn thiện pháp luật cần dựa trên các tiêu chí như tính toàn diện, tính đồng bộ, thống nhất, tính khả thi, công khai, minh bạch, phù hợp và đảm bảo về kỹ thuật pháp lý.

4. Dựa trên những tiêu chí trên, luận án đã phân tích thực trạng pháp luật phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay, chỉ rõ một số ưu điểm và hạn chế:

- Về ưu điểm: (1) Hệ thống pháp luật đã điều chỉnh tương đối đầy đủ và bao quát các nội dung cơ bản của hoạt động phòng, chống khủng bố; (2) Cơ bản đảm bảo sự thống nhất,

đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan đến an ninh, trật tự; (3) Ngày càng phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực tiễn, tương thích với các điều ước quốc tế Việt Nam là thành viên; (4) Từng bước được hoàn thiện về mặt kỹ thuật lập pháp.

- Về hạn chế: (1) Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và các văn bản hướng dẫn còn thiếu tính toàn diện, chưa bao quát đầy đủ các nội dung cốt lõi; (2) Một số quy định chưa đảm bảo sự thống nhất với Hiến pháp và các luật liên quan như BLHS, BLTTHS; (3) Một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn dẫn đến khó khăn trong thi hành; (4) Luật hiện hành còn tồn tại những hạn chế về kỹ thuật lập pháp. Những hạn chế này chủ yếu xuất phát từ quá trình nội luật hoá chưa đầy đủ, sự bất cập trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan liên quan, điều kiện hỗ trợ xây dựng pháp luật chưa đảm bảo và công tác rà soát, hệ thống hóa pháp luật còn hạn chế.

5. Trong thời gian tới, tình hình khủng bố trên thế giới và khu vực được dự báo sẽ ngày càng phức tạp, với việc các tổ chức khủng bố sử dụng nhiều hình thức, công cụ mới. Điều này có thể tạo ra những nguy cơ đe dọa đến lợi ích, an ninh quốc gia và trật tự xã hội của Việt Nam. Trước thực tiễn đó, Việt Nam cần chủ động ban hành các chính sách, giải pháp nhằm ứng phó hiệu quả với khủng bố, trong đó việc hoàn thiện pháp luật là trọng tâm. Các nhóm giải pháp trọng yếu bao gồm: (1) Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành như Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, BLHS năm 2015, các văn bản hướng dẫn thi hành và các luật có liên quan; đồng thời gia nhập các điều ước quốc tế Việt Nam chưa là thành viên; (2) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thực thi pháp luật, thông qua việc tăng cường tổng kết thực tiễn, đánh giá thi hành pháp luật, phát triển khoa học pháp lý trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, xây dựng chiến lược tổng thể về pháp luật phòng, chống khủng bố, học tập kinh nghiệm quốc tế, hệ thống hóa pháp luật và tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Hoàng Tuấn Tú (2023), *Những điểm mới của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 về phòng, chống khủng bố*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 330 (7/2023), Hà Nội.

2. Hoàng Tuấn Tú (2024), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 04 (76), Hà Nội.

3. Hoàng Tuấn Tú, Trương Hồ Hải (2024), *Đánh giá một số quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và đề xuất, kiến nghị*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03 (75), Hà Nội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

*** Tài liệu tham khảo trong nước:**

1. Nguyễn Ngọc Anh (2011), *Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2014), *Bình luận khoa học công ước quốc tế về trừng trị việc khủng bố bằng bom năm 1997*, Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
4. Lê Văn Bính (2011), *Khái niệm khủng bố dưới góc nhìn của các nhà nghiên cứu,* Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học số 27, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết 51/NQ-TW ngày 05/09/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia*, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2015), *Thông tư 04/2015/TT-BCA của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
7. Bộ Công an (2015), *Thông tư 31/2015/TT-BCA của Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
8. Bộ Công an (2015), *Thông tư số 46/2015/TT-BCA ngày 22/9/2015 của Bộ Công an quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố*, Hà Nội.
9. Bộ Công an (2016), *Thông tư 53/2016/TT-BCA của Bộ Công an quy định cách thức thực hiện khai báo, tiếp nhận thông tin tạm trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
10. Bộ Công an (2018), *Thông tư 16/2018/TT-BCA của Bộ Công an hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*, Hà Nội.
11. Bộ Công an (2019), *Báo cáo số 144/BC-BCA-A02 ngày 07/3/2019 của Bộ Công an về Tổng kết 5 năm triển khai, thi hành Luật Phòng, chống khủng bố*, Hà Nội.
12. Bộ Công an (2019), *Thông tư 21/2019/TT-BCA của Bộ Công an sửa đổi Thông tư 16/2018/TT-BCA hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*, Hà Nội.

13. Bộ Công an (2020), *Thông tư 57/2020/TT-BCA sửa đổi Thông tư 04/2015/TT-BCA quy định về mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
14. Bộ Công an (2020), *Thông tư 79/2020/TT-BCA của Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh*, Hà Nội.
15. Bộ Công an (2021), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
16. Bộ Công an (2021), *Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 9/4/2021 của Bộ Công an quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố*, Hà Nội.
17. Bộ Công an (2022), *Báo cáo tổng kết về công tác điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế*, Hà Nội.
18. Bộ Công an (2022), *Phương án phòng chống khủng bố hóa học, sinh học và phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
19. Bộ Công an, Viện chiến lược và khoa học Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Bộ Ngoại giao (2016), *Thông tư 04/2016/TT-BNG của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thủ tục cấp thị thực, gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Ngoại giao*, Hà Nội.
21. Bộ Quốc phòng (2018), *Thông tư 85/2018/TT-BQP của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2005), *Nghị định 32/2005/NĐ-CP ngày 14/3/2005 của Chính phủ quy định về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2006), *Nghị định 62/2006/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2007), *Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện*, Hà Nội.
25. Chính phủ (2007), *Nghị định số 74/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An ninh quốc gia*, Hà Nội.
26. Chính phủ (2007), *Nghị định số 75/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ về điều tra sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng*, Hà Nội.

27. Chính phủ (2009), *Nghị định 78/2009/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam*, Hà Nội.
28. Chính phủ (2010), *Nghị định số 81/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về an ninh hàng không dân dụng*, Hà Nội.
29. Chính phủ (2011), *Nghị định 48/2011/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải*, Hà Nội.
30. Chính phủ (2011), *Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09/4/2011 về cung cấp, khai thác, xử lý sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không*, Hà Nội.
31. Chính phủ (2012), *Nghị định số 51/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2010/NĐ-CP*, Hà Nội.
32. Chính phủ (2013), *Nghị định 93/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa*, Hà Nội.
33. Chính phủ (2013), *Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền*, Hà Nội.
34. Chính phủ (2013), *Nghị định số 122/2013/NĐ-CP quy định về tạm ngừng lưu thông, phong toả, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố*, Hà Nội.
35. Chính phủ (2013), *Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng*, Hà Nội.
36. Chính phủ (2014), *Nghị định 97/2014/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 78/2009/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam*, Hà Nội.
37. Chính phủ (2014), *Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp*, Hà Nội.
38. Chính phủ (2014), *Nghị định số 22/2014/NĐ-CP ngày 02/4/2014 quy định thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố và việc phân công người chỉ huy chống khủng bố*, Hà Nội.
39. Chính phủ (2015), *Nghị định 92/2015/NĐ-CP về an ninh hàng không*, Hà Nội.
40. Chính phủ (2015), *Nghị định số 64/2015/NĐ-CP quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Hà Nội.

41. Chính phủ (2015), *Nghị định số 82/2015/NĐ-CP về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam*, Hà Nội.
42. Chính phủ (2015), *Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không*, Hà Nội.
43. Chính phủ (2015), *Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 5/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia*, Hà Nội.
44. Chính phủ (2016), *Nghị định 142/2016/NĐ-CP về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng*, Hà Nội.
45. Chính phủ (2016), *Nghị định số 101/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về trách nhiệm thực hiện và các biện pháp ngăn chặn hoạt động sử dụng không gian mạng để khủng* bố, Hà Nội.
46. Chính phủ (2017), *Nghị định 142/2017/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải,* Hà Nội.
47. Chính phủ (2017), *Nghị định 143/2017/NĐ-CP về quy định bảo vệ công trình hàng hải*, Hà Nội.
48. Chính phủ (2017), *Nghị định 162/2017/NĐ-CP về hướng dẫn Luật tín ngưỡng, tôn giáo,* Hà Nội.
49. Chính phủ (2017), *Nghị định 58/2017/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải*, Hà Nội.
50. Chính phủ (2017), *Nghị định 77/2017/NĐ-CP quy định quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng*, Hà Nội.
51. Chính phủ (2018), *Nghị định 71/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ*, Hà Nội.
52. Chính phủ (2018), *Nghị định 79/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*, Hà Nội.
53. Chính phủ (2019), *Nghị định 71/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp*, Hà Nội.
54. Chính phủ (2019), *Nghị định 93/2019/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện*, Hà Nội.

55. Chính phủ (2019), *Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 về phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt*, Hà Nội.
56. Chính phủ (2020), *Nghị định 16/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam,* Hà Nội.
57. Chính phủ (2020), *Nghị định số 75/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi*, Hà Nội.
58. Chính phủ (2021), *Nghị định 123/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng*, Hà Nội.
59. Chính phủ (2021), *Nghị định 62/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Cư trú*, Hà Nội.
60. Chính phủ (2022), *Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật An ninh mạng*, Hà Nội.
61. Chính phủ (2022), *Nghị định 93/2022/NĐ-CP về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không*, Hà Nội.
62. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hoà (1945), *Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945*, Hà Nội.
63. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hoà (1946), *Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/02/1946*, Hà Nội.
64. Vũ Đình Chư (2020), *Hợp tác quốc tế trong giải quyết vụ án hình sự về tội khủng bố*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
65. Công ước Geneva năm 1937 về ngăn ngừa và trừng trị khủng bố quốc tế.
66. Công ước New York năm 1999 về trừng trị việc tài trợ khủng bố .
67. Cục An ninh điều tra (2010 – 2021), *Báo cáo công tác an ninh điều tra từ năm 2010 đến năm 2021*, Hà Nội.
68. Cục An ninh nội địa (2020), *Báo cáo số 1050/BC-P8 ngày 16/11/2020 của Cục An ninh nội địa về tình hình, kết quả công tác phòng, chống khủng bố năm 2020*, Hà Nội.
69. Cục An ninh nội địa (2022), *Bản tin Phòng, chống khủng bố*, số tháng 3/2022, Hà Nội.
70. La Cương (2010), *Xu thế phát triển mới của tội phạm khủng bố quốc tế và việc hoàn thiện pháp luật chống khủng bố của Trung Quốc,* Tạp chí Luật học, Hà Nội.
71. Nguyễn Văn Cương (2013), *Bảo đảm tính minh bạch của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 16 (248), tháng 8/2013).
72. Dipak K. Gupta (2021), *Hiểu thấu khủng bố và bạo lực chính trị - Ra đời, phát triển, biến chất và sụp đổ*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

73. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005 - 2019), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội.
75. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
76. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia*, Hà Nội.
77. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.
79. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.
80. Trần Quốc Dương (2020), *Phát huy thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong phòng ngừa hoạt động khủng bố ở Việt Nam*, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội – Lý luận và thực tiễn, số 2, Hà Nội.
81. Vũ Ngọc Dương (2011), *Các quan niệm về "Khủng bố" hiện nay trên thế giới*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3, Hà Nội.
82. Nguyễn Linh Giang (2011), *Cuộc chiến chống khủng bố và các vấn đề về quyền con người,* Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9, Hà Nội.
83. Vũ Công Giao (2019), *Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và khả năng áp dụng vào hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 18, Hà Nội.
84. Hoàng Văn Hiếu (2008), *Hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng, chống khủng bố quốc tế ở Việt Nam*, tạp chí Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
85. Nguyễn Duy Hoan (2017), *Phòng, chống khủng bố trong hoạt động du lịch ở Việt Nam*, luận án Tiến sĩ Luật học, Tổng cục An ninh, Hà Nội.
86. Học viện An ninh nhân dân (2008), *Giáo trình nghiệp vụ công tác phòng, chống khủng bố*, Nxb Công an nhân dân , Hà Nội.
87. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

88. Hoàng Vĩnh Hội (2016), *Phòng, chống khủng bố trên lĩnh vực hàng không dân dụng Việt Nam trong tình hình hiện nay*, luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
89. Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Bích Nhâm (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về khủng bố mạng, Tạp chí Công an nhân dân*, Số 7 kỳ 2, Hà Nội.
90. Đỗ Khắc Hưởng (2015), *Các tội phạm về khủng bố trong luật Hình sự Việt Nam*, luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
91. Trần Thị Diệu Hương, Trần Ngọc Thuý (2018), *Những điểm tích cực, hạn chế của công ước ASEAN về chống khủng bố và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
92. Phạm Đức Huyên, Ninh Khánh Duy (2021), *Luật về phòng, chống tài trợ tài chính cho khủng bố của Thái Lan và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Hà Nội.
93. Jean – Jacques Rousseau (1992), *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
94. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
95. Tô Lâm (2021), *Những điểm mới về an ninh quốc gia trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
96. Phạm Văn Lợi (2005), Pháp luật về chống khủng bố của một số nước trên thế giới, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
97. Hồ Chí Minh*, Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
98. Montesquieu (1996), *Tinh thần pháp luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
99. Trình Mưu (2003), *Vấn đề chống khủng bố quốc tế hiện nay và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện CTQGHCM, Hà Nội.
100. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2002), *Quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Ban hành kèm theo Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 26/3/2002 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*, Hà Nội.
101. Nguyễn Lan Nguyên (2018), *Thực thi một số công ước quốc tế về chống khủng bố tại Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát, Hà Nội.
102. Nguyễn Hồng Phong (2021), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

103. Phạm Tiên Phong (2021), *Yêu cầu và thách thức trong công tác phòng, chống rửa tiền chống tài trợ khủng bố của Việt Nam*, Tạp chí Ngân hàng, số 3+4, tháng 12/2021, Hà Nội.
104. Thành Hồng Phương, Trịnh Lê Nam, Hồ Thắm (2006), *Khủng bố và chống khủng bố qua lăng kính báo chí*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
105. Quốc hội (1946), *Hiến pháp năm 1946*, Hà Nội.
106. Quốc hội (1959), *Hiến pháp năm 1959*, Hà Nội.
107. Quốc hội (1980), *Hiến pháp năm 1980*, Hà Nội.
108. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự năm 1985*, Hà Nội.
109. Quốc hội (1992), *Hiến pháp năm 1992*, Hà Nội.
110. Quốc hội (1995), *Bộ luật Hình sự năm 1995,* Hà Nội.
111. Quốc hội (1997), *Bộ luật Hình sự năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1997)*, Hà Nội.
112. Quốc hội (2001), *Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)*, Hà Nội.
113. Quốc hội (2001), *Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)*, Hà Nội.
114. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
115. Quốc hội (2003), *Luật Biên giới quốc gia năm 2003*, Hà Nội.
116. Quốc hội (2004), *Luật An ninh quốc gia năm 2004*, Hà Nội.
117. Quốc hội (2006), *Luật Hàng không dân dụng năm 2006,* Hà Nội.
118. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1995 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.
119. Quốc hội (2010), *Luật Các tổ chức tín dụng 2010,* Hà Nội.
120. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*, Hà Nội.
121. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
122. Quốc hội (2013), *Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013*, Hà Nội.
123. Quốc hội (2014), *Luật Hải quan năm 2014*, Hà Nội.
124. Quốc hội (2014), *Luật Hàng không dân dụng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, Hà Nội.
125. Quốc hội (2014), *Luật Hàng không dân dụng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, Hà Nội.
126. Quốc hội (2014), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014,* Hà Nội.
127. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014*, Hà Nội.
128. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015,* Hà Nội.
129. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
130. Quốc hội (2015), *Luật An toàn thông tin mạng năm 2015*, Hà Nội.

131. Quốc hội (2015), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015*, Hà Nội.
132. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Hà Nội.
133. Quốc hội (2017), *Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Hà Nội.
134. Quốc hội (2018), *Luật An ninh mạng năm 2018*, Hà Nội.
135. Quốc hội (2018), *Luật Cảnh sát biển năm 2018*, Hà Nội.
136. Quốc hội (2019), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019),* Hà Nội.
137. Quốc hội (2019), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019),* Hà Nội.
138. Quốc hội (2020), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020*, Hà Nội.
139. Quốc hội (2020), *Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020*, Hà Nội.
140. Quốc hội (2020), *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)*, Hà Nội.
141. Quốc hội (2021), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*, Hà Nội.
142. Quốc hội (2022), *Luật Cảnh sát cơ động năm 2022*, Hà Nội.
143. Quốc hội (2022), *Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022*, Hà Nội.
144. Tạ Văn Roan (2009), *Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống khủng bố của lực lượng An ninh trong tình hình hiện nay*, luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
145. Lê Thái Sơn (2013), *Hoàn thiện pháp luật về chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố theo những chuẩn mực quốc tế chung*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Hà Nội.
146. Lê Thị Sơn (2017), *Kinh nghiệm pháp luật hình sự chống khủng bố của Cộng hoà Liên bang Đức và giá trị tham khảo đối với Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 5/2017, Hà Nội.
147. Lê Minh Tâm (2003), *Xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
148. Nguyễn Hồng Thái (2022), *Tình hình khủng bố hiện nay và một số vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*, Tạp chí Công an nhân dân, só 7 kỳ 2, Hà Nội.
149. Lê Văn Thắng, Lương Ngọc Thanh (2022), *Những vấn đề cơ bản về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố: Bàn từ tiếp cận chính trị, pháp lý và thực tiễn của Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố, Hội đồng lý luận Bộ Công an Việt Nam, Hà Nội.

150. Nguyễn Quyết Thắng (2016), *Quyền tài phán trong các điều ước đa phương về chống khủng bố và vấn đề nội luật hoá trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
151. Nguyễn Quyết Thắng (2017), *Tội phạm khủng bố trong pháp luật quốc tế*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Hà Nội.
152. Nguyễn Quyết Thắng, Bùi Trương Ngọc Quỳnh (2016), *Các tội phạm về khủng bố trong Bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
153. Phạm Huy Thành, Nguyễn Văn Huân (2022), *Phòng ngừa hoạt động khủng bố trên lĩnh vực hàng hải ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Công an nhân dân, số 7 Kỳ 2, Hà Nội.
154. Lê Hữu Thể, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thuỷ (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
155. Nguyễn Trường Thọ (2022), *Phương án phòng chống khủng bố hoá học, sinh học, phóng xạ tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực hàng không dân dụng*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện ANND, Hà Nội.
156. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1530/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống khủng bố,* Hà Nội.
157. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 1908/QĐ-TTg ngày 5/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo Phòng, chống khủng bố quốc gia*, Hà Nội.
158. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1564/QĐ-TTg ngày 9/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia*, Hà Nội.
159. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định 05/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc g*ia, Hà Nội.
160. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025*, Hà Nội.
161. Vũ Văn Thực (2017), *Kinh nghiệm phòng, chống rửa tiền của một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học – ĐH Đồng Nai, Số 7/2017, Đồng Nai.
162. Nguyễn Đồng Thuỵ (2015), *Một số vấn đề về nhận diện và phòng, chống khủng bố hiện nay*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Hà Nội.

163. Toà án nhân dân tối cao (2019), *Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án Nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 của Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
164. Bùi Đình Trọng (2021), *Hoàn thiện quy định pháp lý về tội khủng bố trong Bộ luật Hình sự năm 2015*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Hà Nội.
165. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
166. Hoàng Tuấn Tú (2021), *Sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế ký kết với ASEAN trong tương trợ tư pháp về hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, số 18, Hà Nội.
167. Hoàng Tuấn Tú (2023), *Những điểm mới của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 về phòng, chống khủng bố*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 330 (7/2023), Hà Nội.
168. Hoàng Tuấn Tú (2024), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội khủng bố*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 04 (76), Hà Nội.
169. Hoàng Tuấn Tú, Trương Hồ Hải (2024), *Đánh giá một số quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 và đề xuất, kiến nghị*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03 (75), Hà Nội.
170. Đào Trí Úc, Trương Thị Hồng Hà (2018), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
171. Phạm Văn Uông (2013), *Các điều ước quốc tế, ASEAN và pháp luật Việt Nam về phòng, chống khủng bố*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
172. Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (2000), *Pháp lệnh về xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2000*, Hà Nội.
173. Phạm Ngọc Việt (2022*), Nguy cơ khủng bố quốc tế và những vấn đề đặt ra trong công tác phòng, chống khủng bố tại Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế "Hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố", Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
174. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo nước ngoài:**

175. Alex Schmid (1983), *Political Terrorism*, Transaction Publisher, United States.
176. Ana Maria Salinas De Frias (2012), *Counter-Terrorism: International Law and Practice*, Oxford University Press, New York.
177. Aniceto Masferrer, Clive Walker (2013), *Counter-Terrorism*, Human Rights and the Rule of Law, Edward Elgar Publishing, UK

178. Babichev, A. G., & Khakimova, E. R. (2021), *Legal Nature of Terrorist Crimes in Russian Legal System*, Ius Humani, Revista de Derecho, 10, 149.
179. Brigitte L. Nacos (2016), *Terrorism and Counterterrorism*, Fourth Edition, Longman, Boston.
180. Bruce Hoffman (2006), *Inside Terrorism*, Revised and Expanded Edition, Columbia University Press, New York.
181. Bryan A.Gardner (2009), *Black's Law Dictionary*, Ninth Edition, Nxb Thomson Reuters.
182. Cian C. Murphy (2012), *EU Counter-Terrorism Law: Pre-Emption and the Rule of Law*, Oxford and Portland, Oregon.
183. Clive Walker (2006), *Cyber-Terrorism: Legal Principle and Law in the United Kingdom*, 110 DICK. L. REV. 625.
184. Clive Walker (2011), *Terrorism and the Law*, Oxford University Press, New York.
185. Clive Walker, Mariona Llobet Anglí, and Manuel C. Meliá (2022), *Precursor Crimes of Terrorism*, Edward Elgar Publishing, Inc.
186. Dycus, Banks, Raven-Hansen, Vladeck (2020), *Counterterrorism Law – Case and Materials*, AspenPublising, California.
187. E.P Kozhushko (2001), *Chủ nghĩa khủng bố hiện đại*, Phân tích các xu hướng cơ bản, Minsk.
188. Frey, Bruno S (2004), *Dealing with Terrorism – Stick or Carrot?,* Edward Elgar, Cheltenham.
189. Friedman L (1977), *Law and Society*, Prentice-Hall.
190. Gus Martin (2011), *Essentials of Terrorism: Concepts and Controversies*, Second Edition, SAGE, Los Angeles.
191. Hans Kelsen (1946), *General Theory of law and state* (translated by Anders Wedberg), Havard University, USA.
192. Hitosi Nasu và See Seng Tan (2016), *ASEAN and the Development of Counter-Terrorism Law and Policy in Southeast Asia*, The University of New South Wales law journal, Australia.
193. Institute for Economics and Peace (2020), *Global terrorism index 2020*.
194. Institute for Economics and Peace (2023), *Global terrorism index 2023*.
195. Kent Roach (2015), *Comparative Counter-Terrorism Law,* Cambridge University Press, New York.
196. Luật Chống khủng bố của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa năm 2015.

197. Luật Nhập cư Singapore.
198. Luật Tố tụng Hình sự Trung Quốc.
199. Maria O'Neill (2012), *The Evolving EU Counter-Terrorism Legal Framework*, Routledge, New York.
200. Martin, Gus (2003), *Understanding Terrorism: Challenges, Perspectives, and Issues*, SAGE Publications, London.
201. Michael Clarke (2018), *Terrorism and Counter-Terrorism in China: Domestic and Foreign Policy Dimensions*, Oxford University Press.
202. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights (2008), *Human Rights, Terrorism and Counter-Terrorism*, Fact Sheet No32, United Nations Office at Geneva.
203. Pedahzur, M. Ranstorp (2001), *A Tertiary Model for Countering Terrorism in Liberal Democracies: The Case of Israel*, Terrorism and Political Violence 13 (2).
204. Perliger, Arie (2012), *How Democracies Respond to Terrorism: Regime Characteristics, Symbolic Power and Counterterrorism*, Security Studies 21 (3).
205. Walker (2023), *Interdiction and Indoctrination: The Counter-Terrorism and Security Act 2015*, The Modern Law Review.
206. Xuan, Song - he (2016), *Criminal Justice Policy against Terrorism in China*, Journal of the Korea Society of Computer and Information, 21(12), 213–218.

*** Website:**

207. "*Counter-terrorism and human rights*" (https://justice.org.uk/counter-terrorism-human-rights/ truy cập ngày 03/06/2024)
208. Bộ luật hình sự của Cộng hoà Pháp (https://codes.droit.org/PDF/Code%20p%C3%A9nal.pdf truy cập ngày 14/8/2023).
209. https://bocongan.gov.vn/khung-bo/bai-viet-to-chuc-khung-bo/thong-bao-ve-to-chuc-khung-bo-viet-tan-2.html *(truy cập ngày 03/6/2024).*
210. https://bocongan.gov.vn/khung-bo/bai-viet-to-chuc-khung-bo/thong-bao-ve-to-chuc-khung-bo-chinh-phu-quoc-gia-viet-nam-lam-thoi-14.html *(truy cập ngày 03/6/2024).*
211. https://bocongan.gov.vn/khung-bo/bai-viet-to-chuc-khung-bo/thong-bao-ve-to-chuc-khung-bo-nhom-ho-tro-nguoi-thuong---msgi-23.html *(truy cập ngày 03/6/2024).*
212. https://bocongan.gov.vn/khungbo/Pages/bai-viet-to-chuc-khung-bo.aspx?ItemID=16 *(truy cập ngày 03/6/2024).*

213. Luật Chống khủng bố của Australia (https://www.legislation.gov.au/Details/C2006C00754 truy cập ngày 14/8/2023).
214. Luật Chống khủng bố năm 2000 của Vương quốc Anh (https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2000/11/contents truy cập ngày 14/8/2023)
215. Luật về chống khủng bố năm của Liên bang Nga năm 2006 (http://en.nac.gov.ru/federal-law-no-35-fz-6-march-2006-counteraction-against-terrorism.html truy cập ngày 14/8/2023).
216. Luật Hình sự Trung Quốc. (https://www.lawinfochina.com/display.aspx?id=34470&lib=law truy cập ngày 14/8/2023)

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ VIỆT NAM ĐÃ THAM GIA

STT	Tên Điều ước quốc tế	Ngày hiệu lực
1.	Công ước Tokyo về các tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên máy bay năm 1963 *(1963 Convention on Offences and Certain Other Acts Committed On Board Aircraft)*	08/01/1980
2.	Công ước về trừng trị việc chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay năm 1970 *(1970 Convention for the Suppression of Unlawful Seizure of Aircraft)*	17/09/1979
3.	Công ước về trừng trị những hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng không dân dụng năm 1971 *(1971 Convention for the Suppression of Unlawful Acts against the Safety of Civil Aviation)*	17/09/1979
4.	Công ước về phòng ngừa và trừng trị các tội phạm chống lại những người được bảo hộ quốc tế, kể cả viên chức ngoại giao năm 1973 *(1973 Convention on the Prevention and Punishment of Crimes against Internationally Protected Persons, including Diplomatic Agents)*	02/05/2002
5.	Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin năm 1979 *(1979 International Convention against the Taking of Hostages)*	08/02/2014
6.	Công ước về bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân năm 1980 *(1980 Convention on the Physical Protection of Nuclear Material)*	03/11/2012
7.	Nghị định thư về trừng trị các hành vi bạo lực bất hợp pháp tại các cảng hàng không phục vụ hàng không dân dụng quốc tế năm 1988 *(1988 Protocol for the Suppression of Unlawful Acts of Violence at Airports Serving International Civil Aviation)*	24/9/1999
8.	Công ước về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hành trình hàng hải năm 1988	10/10/2002

	(1988 Convention for the Suppression of Unlawful Acts against the Safety of Maritime Navigation)	
9.	Nghị định thư về trừng trị các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn của những công trình cố định trên thềm lục địa năm 1988 *(1988 Protocol for the Suppression of Unlawful Acts against the Safety of Fixed Platforms Located on the Continental Shelf)*	10/10/2002
10.	Công ước quốc tế về trừng trị khủng bố bằng bom năm 1997 *(1997 International Convention for the Suppression of Terrorist Bombings)*	08/02/2014
11.	Công ước về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố năm 1999 *(1999 International Convention for the Suppression of the Financing of Terrorism)*	25/09/2002
12.	Công ước quốc tế về ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân năm 2005 *(2005 International Convention for the Suppression of Acts of Nuclear Terrorism)*	23/10/2016
13.	Bản sửa đổi, bổ sung Công ước về bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân năm 2005 *(2005 Amendment to the Convention on the Physical Protection of Nuclear Material)*	03/11/2012
14.	Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007 *(2007 ASEAN Convention on Counter Terrorism)*	28/5/2011

(Nguồn: Cục pháp chế và cải cách hành chính tư pháp, Bộ Công an)

Phụ lục 2

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG KHỦNG BỐ

STT	Tên văn bản
I. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh chung về hoạt động phòng, chống khủng bố	
1.	Hiến pháp 2013
2.	Luật An ninh quốc gia 2004
3.	Nghị định số 74/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An ninh quốc gia
4.	Luật Phòng, chống khủng bố 2013
5.	Quyết định số 1530/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống khủng bố
II. Quy định pháp luật trong lĩnh vực hình sự, tố tụng hình sự điều chỉnh hoạt động phòng, chống khủng bố	
6.	Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
7.	Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)
8.	Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Đ299, Đ300
9.	Thông tư liên tịch 02/2023/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/3/2023 về trao đổi thông tin xét xử tội rửa tiền và tài trợ khủng bố
III. Quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động cơ quan phòng, chống khủng bố	
10.	Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 9/4/2021 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2015/TT-BCA quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố.
11.	Thông tư số 46/2015/TT-BCA ngày 22/9/2015 của Bộ Công an quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố.
12.	Nghị định số 22/2014/NĐ-CP ngày 02/4/2014 quy định thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố và việc phân công người chỉ huy chống khủng bố

13.	Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp
14.	Quyết định số 1564/QĐ-TTg ngày 9/8/2016 về kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia
15.	Quyết định 1908/QĐ-TTg ngày 5/11/2015 về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố quốc gia
16.	Luật Cảnh sát biển Việt Nam 2018
17.	Luật Biên phòng Việt Nam 2020
18.	Luật Cảnh sát cơ động năm 2022
IV. Quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống khủng bố	
19.	Luật Tương trợ tư pháp 2007
V. Quy định pháp luật về quản lý cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	
20.	Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2014 sửa đổi 2019
21.	Nghị định 75/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi
22.	Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019
23.	Luật cư trú 2020
24.	Nghị định 62/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Cư trú
25.	Luật quốc tịch 2008 sửa đổi, bổ sung 2014
26.	Nghị định 16/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam
27.	Nghị định 78/2009/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam
28.	Nghị định 97/2014/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 78/2009/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quốc tịch Việt Nam
29.	Thông tư 79/2020/TT-BCAngày 14/7/2020 của Bộ công an về hướng dẫn thực hiện tạm hoãn xuất cảnh, chưa cho nhập cảnh
30.	Nghị định 75/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi
31.	Thông tư 57/2020/TT-BCA ngày 10/6/2020 của Bộ Công an sửa đổi Thông tư 04/2015/TT-BCA quy định về mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành

32.	Thông tư 53/2016/TT-BCA ngày 28/12/2016 của Bộ Công an quy định cách thức thực hiện khai báo, tiếp nhận thông tin tạm trú của người nước ngoài tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành
33.	Thông tư 04/2016/TT-BNG ngày 30/6/2016 của Bộ Ngoại giao về hướng dẫn thủ tục cấp thị thực, gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Ngoại giao
34.	Nghị định 82/2015/NĐ-CP ngày 24/9/2015 của Chính phủ về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam
35.	Nghị định 64/2015/NĐ-CP ngày 06/8/2015 của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam
36.	Thông tư 31/2015/TT-BCA ngày 06/7/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam
37.	Thông tư 04/2015/TT-BCA của Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam
VI. Quy định pháp luật về quản lý tài chính, phòng chống rửa tiền	
38.	Luật Các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung 2017
39.	Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam 2010
40.	Luật Kiểm toán nhà nước 2015 sửa đổi, bổ sung 2019
41.	Luật Kiểm toán độc lập 2011
42.	Luật Phòng, chống rửa tiền 2022
43.	Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền
44.	Pháp lệnh ngoại hối 2005 sửa đổi, bổ sung 2013
45.	Nghị định 122/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong toả, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố
46.	Nghị định 93/2019/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện

47.	Quyết định 2112/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 về Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và khủng bố giai đoạn 2015-2020
VII. Quy định pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh hàng không	
48.	Luật Hàng không dân dụng năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2014
49.	Nghị định 93/2022/NĐ-CP về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không
50.	Nghị định 92/2015/NĐ-CP về an ninh hàng không
51.	Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
52.	Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng
53.	Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09/4/2011 về cung cấp, khai thác, xử lý sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không
54.	Nghị định số 75/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ về điều tra sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng
55.	Nghị định số 81/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về an ninh hàng không dân dụng
56.	Nghị định số 51/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2010/NĐ-CP
57.	Nghị định 123/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng
58.	Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 về Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam
VIII. Quy định pháp luật về kiểm soát việc sở hữu, chuyển giao, xuất khẩu, chuyển giao vũ khí vật liệu nổ	
59.	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ 2017 sửa đổi, bổ sung năm 2019
60.	Nghị định 71/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ

61.	Nghị định 79/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ
62.	Nghị định 71/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp
63.	ND 81/2019/ND-CP ngày 11/11/2019 về phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt
64.	Thông tư 16/2018/TT-BCA hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành
65.	Thông tư 21/2019/TT-BCA sửa đổi Thông tư 16/2018/TT-BCA hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành
66.	Thông tư 85/2018/TT-BQP quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng
IX. Quy định pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh mạng, thông tin	
67.	Luật An toàn thông tin mạng 2015
68.	Luật An ninh mạng 2018
69.	Nghị định 53/2022/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật An ninh mạng
70.	Nghị định 101/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về trách nhiệm thực hiện và các biện pháp ngăn chặn hoạt động sử dụng không gian mạng để khủng bố
71.	Nghị định 142/2016/NĐ-CP của Chính phủ về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng
72.	Quyết định 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Chính phủ quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành
X. Quy định pháp luật về quản lý các chất hoá học, sinh học, phóng xạ	
73.	Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025
74.	Luật Năng lượng nguyên tử 2008
75.	Luật Hoá chất 2007
76.	Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm 2007

XI. Quy định pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh cảng biển, tàu thuyền, hàng hải	
77.	Bộ luật hàng hải Việt Nam 2015
78.	Nghị định 58/2017/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải
79.	Nghị định 143/2017/NĐ-CP về quy định bảo vệ công trình hàng hải
80.	Nghị định 77/2017/NĐ-CP quy định quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng
81.	Nghị định 123/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng
82.	Nghị định 142/2017/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải
XII. Quy định pháp luật về quản lý, đảm bảo an ninh tôn giáo, tín ngưỡng	
83.	Luật tín ngưỡng, tôn giáo 2016
84.	Nghị định 162/2017/NĐ-CP về hướng dẫn Luật tín ngưỡng, tôn giáo

Phụ lục 3

CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA VỀ DẪN ĐỘ TỘI PHẠM, CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

TT	Tên điều ước quốc tế	Thời gian có hiệu lực
Các hiệp định tương trợ tư pháp song phương có quy định về dẫn độ		
1.	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN Tiệp Khắc (hiện nay Séc và Slôvakia kế thừa)	16/4/1984
2.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Bun-ga-ri	05/7/1987
3.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Cuba	19/9/1987
4.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam là nước Cộng hoà Ba Lan	18/01/1995
5.	Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào	19/02/2000
6.	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Bê-la-rút	18/10/2001
7.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa giữa nước CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	13/6/2002
8.	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và U-crai-na	19/8/2002
9.	Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và CHDCND Triều Tiên	24/02/2004
10.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	27/8/2012

Các hiệp định song phương về dẫn độ		
11.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ	12/8/2013
12.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND An-giê-ri	28/3/2014
13.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Ô-xtrây-li-a	07/4/2014
14.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà In-đô-nê-xi-a	26/4/2015
15.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Căm-pu-chia	09/10/2014
16.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Hung-ga-ri	30/6/2017
17.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN dân chủ Xri Lan-ca	01/12/2017
18.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha	01/5/2017
19.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa	12/12/2019
20.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Pháp	01/5/2020
21.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Ca-dắc-xtan	15/11/2019
22.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Mô-dăm-bích	12/5/2021
23.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	28/5/2021
24.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà Ác-hen-ti-na	25/10/2023
25.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà I-ran	Đang làm thủ tục phê chuẩn
26.	Hiệp định về dẫn độ giữa CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà I-ta-li-a	Đang làm thủ tục phê chuẩn
Các hiệp định song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù		

27.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Anh	2008
28.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Ô-xtrây-li-a	2008
29.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Hàn Quốc	2009
30.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Thái Lan	2010
31.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Hung-ga-ri	2013
32.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Ấn Độ	2013
33.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	2013
34.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Séc	2017
35.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Tây Ban Nha	2014
36.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Xri Lan-ca	2014
37.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Căm-pu-chia	2016
38.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	2018
39.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Nhật Bản	2019
40.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Mô-dăm-bích	2019
41.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Lào	2020
42.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và I-ran	2023
43.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Ác-hen-ti-na	2023

44.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và I-ta-li-a	2023
45.	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa CHXHCN Việt Nam và Ca-dắc-xtan	2023

(Nguồn: Cục Pháp chế và cải cách hành chính tư pháp, Bộ Công an)